VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tranh luận về nguyễn đình chiểu

nguyễn minh tường ● đỗ ngọc yên

một chút nguyên sa

thế uyên

chay và mặn

võ đình

chim trong lồng

nam dao

truyện

lê minh hà ● lê thị huệ ● lâm chương ● trúc chi ● vy hồ như ● phạm hải anh ● hoàng bích đào ● g. lajos

thơ

khoa hữu ● tường vũ anh thy ● thiên yên cao xuân tú ● đỗ quang nghĩa ● sử mặc phạm việt cường ● khánh hà ● trần thái vân phan xuân sinh ● đức phổ

tạp ghi

nguyễn quốc trụ

SỐ 146 ● THÁNG 6 NĂM 1998

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 146 ● tháng 6, 1998

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
VÕ ĐÌNH	3	"mặn" và "chay"
KHOA HỮU	14	*biển yêu*
ĐỖ NGỌC YẾN	15	ng. đ. chiểu, nghệ sĩ hay hủ nho?
TƯỜNG VŨ ANH THY	23	*trên sông khói*
NGUYỄN MINH TƯỜNG	24	diện mạo văn hóa của đồ chiểu
THIÊN YÊN	32	*con mắt rách*
THẾ UYÊN	33	một chút nguyên sa
ĐỨC PHỔ	37	*trăng mười sáu*
LÊ MINH HÀ	38	gió biếc
CAO XUÂN TỨ	43	*đêm hà nội*
LÊ THỊ HUỆ	44	sông không bến
ĐỖ QUANG NGHĨA	52	*thơ đỗ quang nghĩa*
LÂM CHƯƠNG	54	thượng du, miền thương nhớ
TRÚC CHI	62	mấy mảnh vụn
PHẠM VIỆT CƯỜNG	77	*trên đường dây viễn liên*
HỒ NHƯ	78	chị em
VY	85	không còn trong trí tưởng
SỬ MẶC	90	*bên kia xương cụt*
PHẠM HẢI ANH	91	ngựa ô
HOÀNG BÍCH ĐÀO	97	đôi ngả
KHÁNH HÀ	104	*biệt, hồi âm*
NAM DAO	105	chim trong lồng
TRẦN THÁI VÂN	130	*về quê hương*
GRENDEL LAJOS	131	điều bị loại khỏi thời sự
PHAN XUÂN SINH	138	*hầu chuyện cùng ngũ tử tư*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	139	tạp ghi
VĂN HỌC	151	ý kiến văn hữu
VĂN HỌC	159	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1998
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1998

Thư Tòa soạn

Trong ý kiến ngắn nhà văn Thế Uyên gửi cho Văn Học (đăng trên số này), anh có nhắc tới một phong tục đẹp ở Nhật: "trong thời trung cổ nội chiến triền miên với các samourai tuốt kiếm giết người ào ào, đã có lệ là một khi tham dự trà đạo, tất cả cung kiếm phải để bên ngoài, và cửa vào trà thất làm thấp nên ai bước vào cũng phải cúi thấp đầu, như một cái chào khiêm cung với tất cả bất kỳ ai đang hiện diện bên trong".

Từ đó, Thế Uyên ví những cuộc thảo luận gần đây trên Văn Học như những cuộc chuyện trò ở "một góc nhỏ yên tĩnh, nơi đó mọi người ăn nói tử tế với nhau, thảo luận như thân hữu về tất cả mọi sự ở đời".

Ngẫu nhiên những ý tưởng Thế Uyên đưa ra cũng là mong ước của Văn Học khi thử mở một diễn đàn rộng rãi thảo luận về những đề tài văn chương để mọi người, dù khác biệt nhau nhiều điểm, vẫn có thể tham dự một cách thoải mái. Có lẽ không khí thảo luận trên Văn Học có đạt được một số điểm tích cực nào đó, nên kỳ này, hai nhà nghiên cứu văn học trong nước là các anh Đỗ Ngọc Yên và Nguyễn Minh Tường đã gửi bài ra để thảo luận với Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên về Ca dao và vai trò của Nguyễn Đình Chiểu. Sự khác biệt về nhận định là điều dĩ nhiên phải có, nhưng điều đáng ghi nhận ở đây là cách trình bày ý kiến chân thành và cố gắng không để cho các thiên kiến lôi kéo đi xa chủ đề. Hai bài viết của Võ Đình và Thế Uyên cũng có những ưu điểm tương tự. Văn Học sẽ cố gắng duy trì không khí thảo luận tương kính và thẳng thắng ấy.

Phần sáng tác trên số báo này cũng phản ảnh tính đa diện của người viết, nhìn đời sống từ nhiều kinh nghiệm khác nhau, từ tùy bút của Lâm Chương, Trúc Chi cho đến trích đoạn một cuốn tiểu thuyết lịch sử giá trị của Nam Dao. Đặc biệt trên số này có truyện ngắn của một cây bút nữ đầu tiên cộng tác với Văn Học là Phạm Hải Anh, hiện sống ở Hoà Lan.

Mời bạn đọc bước vào "góc nhỏ yên tĩnh" này để nghe những lời chân tình từ nhiều cảnh ngộ, và yêu đời yêu người hơn.❐

"Mặn" và "Chay"

Võ Đình

Tôi có một cái thú mới, xin được chia sẻ với bạn đọc. Một trò vui ai cũng chơi được, không tốn công tốn của, không mất sức, không gây hại. Độc giả của *Văn Học* đương nhiên coi như có đủ điều kiện để tham dự.

Mới đây, một ông bạn, quê Thừa Thiên, không phải một người "cầm bút", điện thoại cho biết đã đọc cuốn *Lầu Xép* của tôi: "Tui mô có ngờ cụ viết *sex* rứa (Bạn bè người Huế, dù mới mươi, mười lăm tuổi đã gọi nhau là "cụ", nhưng đây có nghĩa là cậu, đằng ấy, mày...)" Rồi nói thêm: "Đọc cụ xong, tui phải đi tắm nước lạnh đó!" Tôi gắt: "Khỉ, ai viết *sex* mô nà!?"

Mấy hôm sau, một bạn khác, "bạn văn", quê Thanh Hóa, đọc xong cuốn *Lầu Xép*, có thư thăm: "ối, người còn mặn lắm! Mà nếu cứ duy trì và phát huy cái mặn này thì hẳn còn lâu lắm mới có cụ V.Đ. Tôi vẫn có thói quen xem văn... định tuổi." Mấy giòng nghịch ngợm của ông này không làm tôi bực nhưng tôi nghĩ: "Mặn cái gì?! Cậu này láo!" Rồi sau đó, tôi phân vân. Cái viết của tôi nó mặn à? Thế rồi, bỗng nhiên tôi tìm ra được một cái thú mới, một trò vui mới...

Đã nói "mặn" thì cũng nên nói "chay" cho công bằng. Chuyện ăn, tôi thích chay hơn mặn. Nhưng chuyện đọc, "chay" "mặn" gì tôi cũng thích. Miễn là hay. Câu chuyện có thể "mặn" hay "chay", chứ cái viết, nó chỉ hay hoặc dở.

Tùy theo cá tính, sở thích, kiến thức, kinh nghiệm, tuổi tác, chúng ta có những ý niệm riêng tư về cái "mặn" cái "chay" trong văn chương. Vậy mà chị cho là "mặn" à? Với tôi, còn "chay" lắm. Anh A. nói nhằm nhò gì, "chay" không à, nhưng em B. đã ngán cái "mặn" ấy lắm rồi. Nhà văn C. "mằn mặn" thôi. Nhà văn D. "mặn" quá sá. Ông Đ. "mặn" mà chát. Bà E. "mặn" mà ngọt. Ông G. "chay" quá trời. Bà H. thủ thỉ thù thì vậy chứ

"mặn" ra phết. Cô I. viết có vẻ bạo nhưng thật ra là "chay", vân vân. Trò vui này, ai thích thì nên chơi thử cho biết. Chơi hai ba người cũng thú mà chơi một mình cũng vui. Chỉ xin hãy cẩn thận; Chơi cho kỹ, "chấm" cho chính xác, đừng quyết định vội, ẩu. Chúng ta thử lấy ba nhà văn lão thành, tên tuổi quen thuộc, làm ví dụ.

Ai cũng biết, lúc sinh thời, ông Mai Thảo nổi tiếng là "vua vũ trường", có nhiều cuộc tình, uống rượu vào bậc "12 túi", có những tác phẩm mang tên *Mười Đêm Ngà Ngọc, Hạnh Phúc Đến Về Đêm*, v.v... Cái viết của ông Mai Thảo "mặn" hay "chay"? Cũng dễ hiểu nếu có nhiều người cho là "mặn". Tôi (V.Đ.) chấm "chay". Hay "mằn mặn" mà thật ra là "chay".

Ông Doãn Quốc Sỹ thì sao? "mặn" hay "chay"?

Trong *Dòng Sông Định Mệnh*, anh chàng Thiệu yêu cô Yến, rồi lại yêu và lấy cô Suzanne làm vợ. Thiệu yêu cô nào cũng lả lướt say đắm cực kỳ. Cuốn *Sầu Mây* thì có cô Crys cũng hấp dẫn bội phần. Ấy vậy mà cái viết của Doãn Quốc Sỹ chỉ "mặn" 1%, chín chín phần trăm còn lại là "chay". Đó là mới xét hai tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ có tiếng là mùi mẫn...

Thế còn ông Võ Phiến, người đọc điếu văn ở đám tang ông Mai Thảo, tác giả của những truyện mang tên *Lỡ Làng, Băn Khoăn, Phù Thế*, v.v... Cái viết của ông Võ Phiến "mặn" hay "chay"? Tôi chấm: "chay chay" mà thật ra "mặn". Đại khái thế. Bạn đọc nào thấy trò vui này coi mòi chẳng hứng thú gì, xin ngừng ngang đây, đừng đọc tiếp. Những vị chịu khó đọc tiếp, tôi xin kể hầu hai giai thoại "mặn" thật thú vị người ta hay kể về đại danh họa Ấn tượng Renoir.

Về già, Renoir đau tê thấp nặng. Các ngón tay co quắp, cầm cọ không được nữa. Người nhà phải lấy giẻ buộc cán cọ vào tay ông. Những họa phẩm cuối đời Renoir mang chứng tích của bàn tay què quặt: nét cọ cứng cỏi, xơ xác, bề bộn. Ấy thế mà tác phẩm thời kỳ này của Renoir lại được coi trọng hơn ở thời kỳ trước, khi ông chưa bệnh. Trước kia, mặt sơn dầu Renoir nổi tiếng óng chuốt, mượt mà. Như da thịt những người đàn bà con gái trong tranh ông. Những người nữ đầy đà, đỏ da thắm thịt, lõa lồ ngồn ngộn. Không biết cụ Nguyễn Du khi viết "Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên" cụ nghĩ cái thân thể Kiều đang tắm như thế nào. Chỉ ngờ rằng phải hai ba "tòa thiên nhiên" như thế gộp lại trông mới lồ lộ cho bằng một "tòa" dưới cây cọ của Renoir!

Giai thoại hai: Chuyện này tôi nghĩ rằng xảy ra trong thời kỳ Renoir bị tê thấp nặng lắm rồi. Tranh ở thời kỳ này trông có vẻ dở dang, nét cọ không tươm tất, mịn màng như trước. Có người hỏi: "Tranh này có vẻ như chưa xong, sao đã ký tên?". Renoir nói: "Xong rồi mới ký đấy". Người ấy

lại hỏi: "Sao biết là xong?" Renoir đáp: "Dễ ợt. Cứ vẽ cho đến khi nào nhìn mông mấy nàng mà muốn đét một phát, lúc ấy coi như xong".

Ai cũng biết tranh Renoir có nhiều đàn bà con gái lõa thể. Những cái mông trong tranh Renoir, anh đàn ông máu nóng nào mà chẳng ngứa tay muốn "đét một phát", huống hồ chính tác giả. Nhưng đây, thật ra, đâu phải là chuyện mông, chuyện miếc. Đét, là anh đàn ông muốn đét. Còn chiêm ngưỡng nét cọ xơ xác: bàn tay co quắp bởi chứng nan y mà "phù" được vào hình thể một sự sống như vậy, đó là chuyện của *người biết thưởng thức hội họa*. Ai dám bảo Renoir là một ông già mất nết?! Ở Renoir, nghệ thuật và tính dục đạt đến một trình độ giao thoa tuyệt vời.

Mấy cô gái Tây phương đẫy đà được Renoir đem vào tranh là người của cuối thế kỷ 19. Hơn một ngàn năm trước họ, bên trời Đông, một người đẹp... khá nặng ký đã được một cây cọ (hậu bối) đem vào tranh. Nhưng vì những lý do dễ hiểu, cái hấp dẫn của người mẫu được phô bày một cách vòng vo hơn.

Dương quí-phi là một trong "tứ đại giai nhân" của Trung quốc thời xa xưa. Trong The Freer Gallery ở Washington, D.C. có bức họa do Tiền Tuyển (đời Nguyên) vẽ bà đang được thị tỳ nâng lên ngựa, chuẩn bị cho buổi du ngoạn với Đường Minh-Hoàng. Trong tranh, con ngựa hoa đứng ở tiền cảnh, che mất quí-phi từ thắt lưng trở xuống. Nhìn theo bố cục của hình thể thì đầu, vai, ngực, và một phần lưng của người đẹp được nối liền với đôi mông đồ sộ, căng tròn, và cặp giò vừa suông đuột vừa gân guốc của con tuấn mã!

Văn Học là một tập san nặng về văn thơ mà tôi lại cứ sa đà với chuyện Renoir và Tiền Tuyển. Mea culpa! Chẳng qua tôi muốn nói lên một điều: Tính dục và nghệ thuật – trong trường hợp này, mỹ thuật – đi với nhau thật đẹp. Tính dục mà không có mỹ thuật chỉ hoặc là nhảm nhí, hoặc là khiêu dâm. Mỹ thuật mà không có tính dục là mỹ thuật suông, mỹ thuật... "chay".

Trong văn chương cũng thế.

Đông Tây, cổ kim, ở đâu, thời nào, cũng có như một bản năng của con người, tính dục hiện diện trong sự sống, trong nghệ thuật, trong văn thơ. Riêng ở Việt Nam, vào một thời kỳ còn gần gũi chúng ta lắm, anh chàng Vọi (trong *Trống Mái* của Khái Hưng) và cái áo lót của cô Thu (trong *Bướm Trắng* của Nhất Linh) là những thí dụ ai cũng biết và còn nhớ.

Hiện nay, hình như chúng ta có một phong trào trong văn chương Việt Nam hải ngoại tả cảnh "trai gái" thật... dứt khoát. Người có thiện cảm coi đó như một tiến bộ. Kẻ có ác cảm lại coi đó là tục tĩu. Phần tôi, tôi lưu

tâm đến cái khác. Cứ xem bữa cơm ta ăn hằng ngày. Có cơm mặn. Có cơm chay. Có cơm mặn dở, có cơm mặn ngon. Cũng như có cơm chay ngon, cơm chay dở. Với tôi, viết "chay" cũng được, mà viết "mặn" cũng được. Bất kể "chay" hay "mặn", miễn hay. Thành thử lúc ta nói "chay" hay "mặn" là nói về một sự kiện khách quan. Còn hay, dở, thuộc về phần phê phán nghệ thuật.

Để có một ý niệm rõ ràng hơn về chuyện viết "mặn" viết "chay" (trong giới hạn trò vui mới này), chúng ta hãy mời ba vị chính thức có tên trong ban biên tập của *Văn Học* ra đây chơi.

Trong *Tha Hương* (*Mùa Biển Động*, tập 5) của Nguyễn Mộng Giác, Quỳnh Trang đi thăm nuôi Ngữ học tập cải tạo. Ngữ nôn nóng ôm vợ. "Quỳnh Trang cầm hai bàn tay chồng ngăn lại không cho sờ soạng lên ngực mình, thấp giọng trách:

– "Anh xấu lắm, từ từ để em (...) Người em hôi hám lắm phải không?"

"Ngữ được dịp áp mũi lên đầu tóc, lên cổ, lên vai vợ, cười đáp:

– "Không đâu. Toàn mùi mồ hôi trầm."

"Quỳnh Trang cười quay lại. Hai hạt nút áo trên sơ-mi nâu bị Ngữ cởi ra từ lúc nào, để lộ một bên vú trắng màu sữa. Ngữ định cúi xuống hôn lên ngực vợ nhưng bị Quỳnh Trang đẩy ra".

"Đẩy ra" thì "đẩy ra", tuy sau đó, trong căn lều tranh nứa ở khu "hợp cẩn", tác giả cho phép Quỳnh Trang và Ngữ cùng nhau ân ái. Ấy, xin bạn đọc đừng vội. Có đủ "mắm muối" như vậy đó, nhưng văn Nguyễn Mộng Giác, nói chung, vẫn không "mặn" đối với tôi. Tôi nghĩ rằng văn chương ông là văn chương "chay". Văn chương "chay" của ông, đọc sướng hơn là văn chương "mặn" của nhiều người.

Trong văn chương của Nguyễn Xuân Hoàng có nhiều chất lãng mạn, thơ mộng, những nét thơ mộng, lãng mạn đời mới, trăn trở với triết lý và đắm đuối với "chữ nghĩa". Có hình ảnh người lãng tử "đi trên mây", người "vô tích sự" ngang tàng, người cô đơn trong "sa mạc". Có tuyết ở Virginia. Mưa ở Cali. Có vị đắng của cà phê thuốc lá. Nhưng ít vị "mặn".

Ở Mai Kim Ngọc lại khác. Tôi siêng đọc Mai Kim Ngọc từ ngày một truyện ngắn của ông xuất hiện lần đầu tiên trên *Văn Học* mười hai năm trước đây. Ông viết về quan hệ nam nữ thường là rất hay. Đôi lúc ông suýt "mặn". Nhưng ông kìm lại được. Như Thăng trong *Nước Đục Bụi Trong* (*Một Chút Riêng Tư*, Văn Nghệ, 1987): "Sau cùng, tự trấn tĩnh, Thăng đã dừng lại kịp thời. (...) và (...) Chàng cài lại mấy chiếc khuy áo cho Loan." Tôi phục cái cậu Thăng này quá sá!

Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Mai Kim Ngọc, cả ba đều đã bước quá tuổi "tri thiên mệnh" cả rồi. Đến cái tuổi này, mà văn chương

của quí ông vẫn còn "chay", thì nó sẽ không bao giờ "mặn" cả. Nói thế là mừng cho quí ông. Đã "chay" bao lâu, nay bỗng "mặn", kỳ lắm. Trường hợp quí ông rõ ràng, không có gì phiền phức.

Trường hợp một người đã nhiều lần xuất hiện trên *Văn Học*, một người nổi tiếng viết nhiều, viết "bạo", viết rất "mặn", nhà văn Thế Uyên, mới là rắc rối. Rắc rối vì ông cố tình đem cái mà ông gọi là *sex* vào văn chương của ông. Không phải để khêu gợi bừa bãi mà vì những mục tiêu văn hóa và xã hội lớn lao cao cả. Thế Uyên ở vào lứa tuổi "nhi nhĩ thuận", trên sáu mươi. Tôi ước mong rằng những gì tiếp sau đây "thuận" với "nhĩ" của ông.

Đọc Thế Uyên, tôi thấy đây là một người sống nhiều, đi nhiều, viết nhiều, đọc nhiều, biết nhiều. Tôi chưa từng gặp ông một lần nhưng vẫn đọc ông đều, thấy ông là người thẳng thắn, gan dạ, biết xoay trở, biết sống. Tôi chỉ lấn cấn với ông về chuyện văn chương và cái mà ông gọi là *sex*. Trước khi nói về đôi điều cần chia sẻ với nhau, chúng ta hãy xét lại những từ ngữ ta thường dùng khi đề cập đến vấn đề này. A nói *bàn* mà B lại hiểu là *ghế*, e rằng câu chuyện chẳng đi đến đâu.

Trong sách vở báo chí, từ *tình dục* thường được dùng để chỉ quan hệ xác thịt. Tôi không chấp nhận ý nghĩa đó. "Tình trong như đã, mặt ngoài còn e". *Tình* có thể là thế này hay thế kia, không nhất thiết là tình yêu xác thịt. Có khi tôi lại thấy *tính dục* (tính với dấu sắc) được dùng thay vì *tình dục* (tình với dấu huyền). Tôi chịu từ này hơn. *Tính* là phái tính, phân ra nam nữ, đực cái, trống mái, âm dương... *Dục* là ham muốn. *Tính dục* là sự ham muốn người khác phái. Cố nhiên, có người ham muốn người cùng phái, cho nên mới có từ ngữ *đồng tính luyến ái*. Và có người ham muốn cả hai phái cho nên mới có *lưỡng tính luyến ái*.

Lại có khi tôi thấy từ *dâm tình* được dùng một cách khá... bừa bãi. Có người cho rằng *dâm tình* là tương đương tiếng Việt của *erotic*. Tôi không đồng ý. Gốc của *erotic* là một từ Hy lạp mang nghĩa tình yêu có liên hệ đến cái giống. Đó là nghĩa cốt, hiểu một cách đơn giản, thẳng thừng. Hiểu rộng ra, hiểu một cách "tân thời" hơn, *erotic* có tính dục trong đó, nhưng không phải chỉ có *tính dục*. Còn có ý, có gợi cảm, có liên tưởng, có mơ ước, có tưởng tượng... Và vì thế, văn chương mới có *erotic poems*, hội họa mới có *erotic paintings*. Trong khi đó *dâm* gốc tiếng Hán có nghĩa là "quá chừng" (dâm vũ là mưa dầm), tửu sắc quá độ cũng gọi là *dâm*. *Dâm* lại có nghĩa là "không chính đáng": *dâm dục, dâm ô, dâm đãng, dâm bôn...*

Ngày xưa, các cụ ta có những quan niệm khá sơ sài về đạo đức trong vấn đề xác thịt. Ngày nay, có còn ai cấm đoán đàn bà con gái đọc *Kiều*

không? Nếu câu trả lời là không, tức là chúng ta không coi *Kiều* là dâm thư. Có nghĩa rằng những gì các cụ cho là xấu ngày trước được đánh giá và chấp nhận khác đi. Và cho một cái tên khác, không phải là dâm. Nên để dành dâm cho dâm thư, dâm ảnh, khiêu dâm...

Vậy thì *dâm thư, khiêu dâm* là cái gì mà mang tiếng xấu xa vậy? Nói giản dị, đó là cái khều cháy lên ngọn lửa nhục dục trong ta, khi nó làm cho ta thèm muốn xác thịt (xác thịt mà thôi). Nói nôm na, *khiêu dâm* là cái làm cho con "lợn lòng" thức dậy, ủn ỉn ụt ịt rối cả lên. *Kiều* có đánh thức con lợn ấy không? Một số câu trong *Cung Oán* có đánh thức con lợn ấy không?

Chúng ta hãy cùng nhau xin phép được vấn an cụ Tiên Điền một chốc: "Sóng tình dường đã xiêu xiêu/ Xem trong âu yếm có chiều lả lơi". Cái tình này coi mòi đã có hơi hướm xác thịt rồi đó, không còn mơ hồ như khi còn "Tình trong như đã, mặt ngoài còn e" nữa. Đã đến lúc Kim thèm Kiều lắm rồi. Tuy vậy, Kim còn tự chủ. Đến Mã giám sinh thì Nguyễn Du không còn nương tay nữa: "Tiếc thay một đóa trà mi/ Con ong đã tỏ đường đi lối về/ Một cơn mưa gió nặng nề/ Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương". Thương thay nàng Kiều. Giận thay cái gã họ Mã. Ta mến Kim, ta ghét Mã, và ta quên rằng tất cả những hình ảnh như *sóng tình, đóa trà mi, con ong, v.v...* đều là những ẩn dụ có khả năng khêu gợi.

Khêu gợi cái gì? Cái tính ư? Không nhất thiết. Cái dâm ư? Không hẳn đâu. Cái tình à? Có thể lắm. Như ai cũng biết, có nhiều thứ tình. Tình có thể đến nhưng chưa đến giai đoạn trao đổi xác thịt như cậu Thăng yêu cô Loan trong *Nước Đục Bụi Trong* của Mai Kim Ngọc. Tình vừa âu yếm vợ chồng vừa nồng cháy nam nữ như anh chàng Ngữ yêu vợ trong *Mùa Biển Động 5* của Nguyễn Mộng Giác. Kim yêu Kiều là tình. Mà họ Mã dày vò Kiều cũng là tình. Khi rụt rè, khi sôi nổi, khi kín đáo, khi sỗ sàng, khi dịu dàng, khi tàn bạo... Tất cả những thứ tình gặp nhau ở một điểm chung: xác thịt. Xác thịt thường khêu gợi. Khả năng khêu gợi đó, tiếng Anh người ta gọi là *erotic*. Chúng ta, người đọc, có thể coi là "gợi" hay là không "gợi". Tùy mạng mỡ. Tôi đề nghị tạm dùng gợi tình như một tương đương của *erotic* cho đến khi có vị thông thái nào đó tìm được cho ta một từ có ý nghĩa đầy đủ và đúng đắn hơn.

Bây giờ chúng ta có thể quay về với nhà văn Thế Uyên mà không sợ hiểu lầm nhau trên bình diện ngôn ngữ. Trước, tôi có nói rằng tôi lấn cấn với ông về chuyện văn chương và cái mà ông gọi là *sex*. Xin nói rõ ngay: tôi không chống đối việc ông đem *sex* vào chuyện viết lách của ông. Tôi chỉ tiếc. Tôi tiếc rằng với kinh nghiệm sống và vốn liếng viết của ông, ông đã không đưa cái mà ông gọi là *sex* trong văn chương lên cao hơn. Tôi

muốn nói hữu hiệu, đích đáng, có "tính thuyết phục" hơn.

Thế Uyên dùng chữ *sex* khá nhiều. Tôi e rằng có người hiểu lầm. *Sex* là cái gì? *Sex* là bộ phận sinh dục nam nữ; *to have sex* là "phe la mua", là làm tình; *sex manuals* là sách dạy nghệ thuật làm tình, v.v... Tôi tin rằng tôi không hiểu lầm Thế Uyên khi tôi cho rằng cái mà ông gọi là *sex* thật ra không phải *sex*... suông, mà là một thứ *erotism* hay *erotic*, một thứ gợi tình trong nghĩa chúng ta mới bàn đến trên. Nghĩa là có *sex* trong đó nhưng không phải chỉ có **sex.** Và nhất quyết không phải chỉ có bướm hoa thơ mộng, mơ hồ lãng đãng. Tuy nhiên, đây chỉ là ý kiến của một người đọc. Tôi xin tiếp tục dùng từ *sex* đến lúc nào câu chuyện hết còn dính dáng đến ông Thế Uyên. Dùng nó như ông đã dùng. Nghĩa là *sex* với những nghĩa ông cho nó: khi thì "tình dục", khi thì "tính dục", khi thì "dục tình", khi thì "dâm tình", vân vân... Ai muốn hiểu sao thì hiểu. Vì vậy thôi sẽ viết *sex* với hai dấu kép, *"sex"*. Thử xem qua cái viết có *"sex"* của Thế Uyên.

Coi bộ ông đắc ý với truyện ngắn *Nhà Văn Già và Cô Bé Gù* lắm. Ông lấy tên truyện làm nhãn chung cho cả một tập truyện (Xuân Thu, 1995). Ai khác không biết, riêng tôi, tôi đọc những đoạn có "sex" trong đó, tôi khựng lại. Như đoạn mẹ cô bé gù nói cho con biết rằng đang đêm mẹ cô "kêu lên", không phải vì "bố làm cho mẹ đau" mà vì "bố làm mẹ sướng". Như đoạn nhà văn già "từ tốn dạy cho cô bé cách hôn". Như đoạn nhà văn già làm cho "vú cô bé bỗng cong lên trong miệng ông trong một rung động cực điểm"... Tôi đọc và tôi khựng. Không phải vì tôi... mắc cỡ, hay vì quan niệm đạo đức của tôi bị xúc phạm. Tôi khựng vì cái "sex" ông Thế Uyên mô tả, sao mà nó chẳng... gợi tình gì cả. "Sex" thì có nhiều, tính *erotic* lại quá ít. Thêm lần nữa, tôi lại thấy một sự thật của cả văn chương lẫn các ngành nghệ thuật khác: Cái khả năng gợi cảm, nó không nằm trong cái mà ta mô tả. Nó nằm nơi khác. Nó nằm trong cái phương tiện ta dùng để mô tả, và cái cách ta mô tả. Trong hội họa chẳng hạn, đó là nét bút, lối bố cục... Trong văn chương, đó là câu kéo, chữ nghĩa, và cái cách chúng được sử dụng.

Nếu cái viết có "sex" của Thế Uyên không gợi tình thì nó là khiêu dâm chăng? Tôi không nghĩ thế. Truyện dài *Khu Vườn Mùa Mưa*, coi bộ ông cũng đắc ý lắm. Trong đó có nhiều đoạn tưng bừng những "sex" và "sex", chứ không gợi tình gợi tiếc gì cả. Nhưng công bình mà nói, đó không phải là "văn" khiêu dâm. Không gợi tình mà cũng không khiêu dâm, vậy thì ông Thế Uyên đem "sex" vào văn chương để làm gì? Chính ông đã trả lời cho câu hỏi này: "Mọi công cuộc vận động tư tưởng mới, giải phóng con người (...) đều bắt đầu từ cơ bản là địa hạt tình yêu nam nữ

và tính dục. Chúng ta, tôi muốn nói người Việt hải ngoại cũng như nội địa, đang cần một công cuộc giải phóng tư tưởng cho mọi cá nhân (...) Sự phản kháng của tôi qua văn chương từ bao nhiêu năm nay có một khía cạnh là tìm cách giải phóng cho cá nhân con người Việt Nam, đặc biệt là về phương diện tư duy". (Mary Thiên Yên Lê, *Phỏng vấn Thế Uyên*, Hợp Lưu số 36, tháng 8&9, 1997).

Tôi tôn trọng tự do của Thế Uyên, đặc biệt trong việc viết lách của ông. Với tôi, viết không có "sex" cũng được mà viết có "sex" cũng tốt. Tôi chỉ e rằng say sưa với chuyện "giải phóng cá nhân con người Việt Nam", ông đã mâu thuẫn với chính mình.

Thế Uyên hay chê trách cái mà ông gọi là "trường phái Nguyễn Đình Chiểu", "Khoan khoan ngồi đó chớ ra/ Nàng là phận gái ta là phận trai" vân vân... Ông chống bảo thủ, ông muốn giải phóng con người, hay lắm. Để làm công việc đó, một trong những "dụng cụ" ông đem vào văn chương là "sex". Nghĩa là ông dùng "sex" để... "tải đạo". "Đạo" của Thế Uyên đương nhiên khác với "đạo" của Nguyễn Đình Chiểu. Xưa kia, cụ Đồ Chiểu tránh né cái gợi tình để dạy cái đạo của thánh hiền. Ngày nay, ông Thế Uyên tả cảnh "sex" tưng bừng để "giải phóng" con người về mặt tính dục. Kẻ không ("sex") người có ("sex"), cả hai cùng... tải đạo cả. Vậy mà tôi cứ tưởng cái tính dục của con người đáng được coi trọng hơn kia. Như chính ông Thế Uyên đã từng để bà mẹ cô bé gù giải thích (cho con nghe): "Từ xưa đến nay mọi sự vẫn là như thế, từ thời có ông Adam lẫn bà Eve kia". Thay vì bị chê trách như một cái gì tục tĩu dơ bẩn. Thay vì bị đưa xuống hàng một phương tiện chuyên chở. Tội nghiệp cho "sex" quá.

Ở trên, tôi có nói rằng trường hợp nhà văn Thế Uyên mới là rắc rối. Rắc rối bởi vì ông viết có nhiều "sex". Có lẽ nhiều hơn ai cả. Nếu có một cuộc trưng cầu ý kiến, chắc thế nào ông cũng lãnh nhiều phiếu "mặn". Tôi, một người đọc, cho rằng tuy thế cái viết của ông không "mặn". "Chay" thì chẳng phải là "chay". Nhưng không "mặn".

Ngoài Thế Uyên ra, có nhiều vị khác, từng cộng tác với *Văn Học*, viết với nhiều cảnh gợi tình. Như Kiệt Tấn, như Hồ Trường An, như Khánh Trường, như Trần Vũ. Để bài viết này khỏi trở thành một thứ "Chay" và "Mặn" trong văn chương Việt Nam đương đại trước và sau 1975" tôi chỉ xin nhắc đến bốn vị này thôi vì sực nhớ đến họ.

Khi đọc, tôi có thói quen mang một cái bảng tưởng tượng trong đầu. Đọc một đoạn, một bài văn, tôi ghi lên bảng. Ở một mức nào đó là gợi tình. Ở một mức khác là có tính dục. Ở một mức khác nữa là khiêu dâm. Xin báo cáo cùng bạn đọc: Tôi chưa thấy ai viết khiêu dâm cả. Hồ Trường

An có nét vừa xuề xòa vừa đỏm dáng. Kiệt Tấn say đắm, sôi nổi. Khánh Trường dữ dội, cương cường. Trần Vũ tàn khốc, ác liệt. Mỗi người một nét, người nào cũng có tả những cảnh ái ân, tả kỹ, tả tới nơi (người có ác cảm gọi là những "màn cụp lạc"). Không để khơi động lòng dâm ở người đọc mà là để phô ra cái trần truồng, cái nồng cháy, cái bỏng rát, cái gay gắt, cái tràn trề, có khi cả cái "phi lý" của đời người, của sự sống. Tác phẩm của các vị này, có khi tình nhiều, tính ít, có khi tình ít, tính nhiều, có khi hay, có khi kém hay, nhưng thường là "mặn". Cái "mặn" này có khi thật ngon, có khi không ngon lắm, có khi chát, có khi chua, lại có khi đắng nữa. Sao thì sao, vẫn là "mặn".

Sau đây, xin ghi thêm đôi ba ý nghĩ về hai trường hợp đặc biệt, rất đặc biệt, của "chay" và "mặn".

Một, là trường hợp nhà văn Bùi Bích Hà.

Truyện của bà không có, hoặc có rất ít, những cái mà chúng ta thường gọi là "mùi mẫn". Cái mà "cõi viết" của Bùi Bích Hà có nhiều, Bùi Vĩnh Phúc (trong cuốn *Lý Luận và Phê Bình*, Văn Nghệ, 1996) đã nói đến rồi, và nói rất hay: "(...) Chỉ với tập truyện ngắn và một vài bài tùy bút (...) bà đã để lại những ấn tượng rõ nét trong lòng người đọc về một văn phong trầm lắng nhưng lại ẩn chứa đầy những sôi sục bên dưới, và một trái tim thiết tha nhưng luôn quằn quại với những câu hỏi của đời sống".

Là một người đọc truyện (chứ không phải một nhà phê bình văn học) tôi thấy Bùi Bích Hà viết... "mặn" đáo để. Điều đáng ghi nhận là cái "mặn" đó không phải do những mô tả trao đổi xác thịt nam nữ gây ra. Cái "mặn" đó có gốc nguồn từ một cách nhìn, một nghệ thuật. Một người đàn bà đứng tuổi, dù "đang yêu hoặc sẽ phải yêu" mà lại có cái thân hình "như một thứ trái cây chín căng, chín ngạt ngào, như một vết thương tấy đỏ" (truyện *Cơn Bão* trong *Buổi Sáng Một Mình*, Người Việt, 1989). Cô Quyên trong *Cuộc Hẹn* (cùng trong một sách) được hôn: môi cô "bỏng rát vì những cái chân râu cứng (...) miết lên một nụ hôn tìm kiếm". Chữ nghĩa như vậy là "mặn".

Cái "mặn" của *Thuyền* trong truyện có cùng tên (trong *Tuyển Tập Truyện Ngắn Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại*, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại & Trung Tâm Tây Nam Hoa Kỳ, 1995) được phô bày một cách rất sinh động: "Thuyền cao, da nâu hồng (...) Ngực nàng nhỏ so với bộ mông nở, chắc. Lúc nàng bước đi bằng những bước chân hơi nhún nhẩy, trông nàng có cái khêu gợi của nhục cảm lồ lộ. Giọng Thuyền trầm mà không đục, những âm chậm có khi nghe thanh và cao, như tiếng một cái chuông đồng có một đường rạn nhỏ. Giọng nói kéo dài ra, quấn vào người nghe, ngân nga ở phần cuối, như thể lúc nàng nói nàng ý thức về sự

hấp dẫn của chính mình hơn là nội dung câu chuyện nàng kể". Chưa hết. "Mắt Thuyền ướt, mi mắt kẻ chì đen thẫm làm cho tia nhìn trong bóng tối, bên dưới hàng lông mi đánh cong, có một chút bồn chồn, rạo rực. Thuyền cười với người đối diện, đuôi mắt hơi xếch lờ mờ dấu chân chim, khiến nụ cười nàng trở nên mơn trớn kỳ lạ". Phác họa một người đàn bà chín muồi, với vài nét đơn sơ như vậy, dù không đụng chạm gì đến chuyện chăn gối của ai, "mặn" lắm. Thuyền dan díu với Lâm, một người đã có vợ. Vợ Lâm đến "dàn mặt" Thuyền. "Bằng một cử chỉ thật nhanh và bất ngờ, vợ Lâm rút trong túi xách của nàng một con dao nhỏ, mũi nhọn, rạch ngang dọc lên đệm lưng cái ghế bành nàng vừa ngồi. Tiếng mũi dao cứa lên mặt da căng nghe xoèn xoẹt, cao su ở trong nứt bung ra, như một vết thương bày mỡ trắng hếu". *Như một vết thương bày mỡ trắng hếu!* Tả một cuộc "đánh ghen" có tính cách tượng trưng mà gọn ghẽ, ít lời như vậy là hay, và "mặn".

Đặc biệt hơn nữa, theo thiển ý, là cái viết "mặn" của nhà văn này, trong chuỗi dài những khuôn mặt nữ cầm bút, trước 1975, sau 1975, nổi bật riêng rẽ một mình. "Chữ nghĩa" của bà vừa gọn ghẽ, kín đáo, lại vừa chính xác, tài tình. Chẳng những Bùi Bích Hà có một ngòi bút hiếm hoi, bà có một ngòi bút "mặn" hiếm hoi.

Ý nghĩ đặc biệt thứ hai tôi muốn ghi lại là tất cả chúng ta, nam hay nữ, trước hay sau 75, đều nên học hỏi thêm, dù chỉ trong chuyện "chay" và "mặn" này mà thôi, ở văn xuôi Võ Phiến.

Đã đôi lần, tôi viết về văn Võ Phiến. Có khi tôi nói về sự mất mát. Có khi tôi nói về sự bất thường. Đến khi Nguyễn Hưng Quốc cho ra cuốn *Võ Phiến* (Văn Nghệ, 1996) tôi mừng quá cỡ. Mừng có người nói giùm mình nhiều điều mình muốn nói mà chưa chắc mình có khả năng nói đủ và hay cho bằng. Tôi mừng. Nhưng sau đó, tôi lại tiếc. Trong cả cuốn sách trên hai trăm trang, ông Nguyễn không một lần nói đến nét gợi tình trong văn Võ Phiến. Nói cách khác, không nói đến cái "mặn" của Võ Phiến. Tôi tiếc, vì với tôi, một trong những nét thú vị nhất trong văn chương Võ Phiến lại là... cái "mặn" này.

Ở Võ Phiến, không có những màn "gay cấn" kiểu Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Khánh Trường, hay Trần Vũ. Dĩ nhiên. Đi xa lắm như cặp trai gái trong *Một Ngày Để Tùy Nghi* (trong tập *Phù Thế*, Thời Mới, 1969, in lại trong *Tùy Bút II*, Văn Nghệ, 1987) thì cũng chỉ "Một ngày trời lạnh buổi trưa cùng nằm dưới một tấm ra" (...) "Anh Tư thấy lòng bình thản; anh không chút vồ vập, anh thong thả, thong thả". Vừa yêu đương vừa quan sát người bạn gái, anh Tư "tiếp tục", tiếp tục cho đến khi xong việc. "Trong nghỉ ngơi, thỉnh thoảng anh Tư bắt gặp một ý nghĩ của mình lẻ loi,

biếng nhác, như một con ruồi bay lơ thơ vẽ một đường vòng yếu ớt trong căn phòng vắng vẻ buổi trưa. Anh nghĩ đến sự nhớp nháp của mình trên người cô bạn gái, đột nhiên anh thương mến mênh mông, thương man mác, bao la." Một đoạn văn tuyệt hay. Và "mặn". Hiu hắt mà "mặn".

Đàn ông đàn bà trong truyện Võ Phiến, không phải ai cũng uể oải như hai anh chị này. Tôi khẩn khoản xin bạn đọc tìm *Lại Thư Nhà* của Võ Phiến (in lại trong *Tùy Bút II*), đọc chơi vài trang. Đọc cái đoạn chị vợ thứ sáu của anh Bốn Thôi lạng quạng với anh bắt ếch đó. "Mặn" quá cỡ. Hai anh chị chưa "gì nhau" mà cả bầu không khí quanh họ hừng hực cả lên. Hôi hổi. Cái chị ham ăn thịt ếch này, anh Bốn Thôi không thương cho bằng chị Lộc, người vợ thứ hai, người có bàn tay trời cho làm mắm cua chua đó. "Mười sáu tuổi, chị đã cao lớn, ngực nở rộng rãi; bước đi không mau mắn gấp gáp nữa mà trở nên uyển chuyển. Cử động đẹp đẽ ấy giống như sự chuyển động dịu dàng của mặt nước biển những buổi mai không gió: mặt nước không có một tí nhăn nào, lì như mặt dầu, không đủ sức nổi lên những con sóng cao vã ra bọt, mà chỉ gợi nổi những đường vòng rất mềm, tiếp nhau, nối nhau, tiến vào bờ." Đông Tây, tôi chưa thấy ai tả dáng đi của một người con gái "mặn" đến như thế. "Mặn" mà ngọt. Ngọt mà nồng. Nồng mà thanh.

Ông Võ Phiến thuộc về thế hệ con cháu của ông D.H. Lawrence, nhà văn lớn Anh-cát-lợi, người viết *Lady Chatterley's Lover*, cuốn sách gây sóng gió một thời. Cả tác giả lẫn nhà xuất bản từng bị đưa ra tòa và cuốn sách bị cấm lưu hành trong mấy chục năm. Trong truyện có đoạn anh làm vườn vuốt ve bà chủ tên là Constance. Vừa rờ rẫm, anh vừa thủ thỉ rù rì: "Nè, nè, em tiểu tiện chỗ này nè... Em đại tiện chỗ này nè..." Tuy Lawrence thuộc hàng tiền bối của Võ Phiến, tôi vẫn thích tưởng tượng ra cái cảnh phải chi ông đọc được câu nhà văn Việt Nam tả chị Lộc, phớt tỉnh Ăng-lê thì cứ phớt, nhưng ông sẽ nói với tác giả *Lại Thư Nhà*: "Này, anh bạn trẻ, câu văn ấy xếch-xi lắm đấy!"

Những *Một Ngày Để Tùy Nghi*, những *Lại Thư Nhà*, Võ Phiến viết mấy chục năm về trước, khi ông ở tuổi ba mươi, bốn mươi. Bây giờ, đầu thập niên này (năm 1990, Võ Phiến sáu lăm tuổi) ông còn (vẫn) tả được một người con gái: "(...) Tóc đen, mắt đen, (...) Da cô trắng như sáp, như ngà. Cặp mắt thì... kinh khủng. Cặp mắt... cặp mắt thư thả thong dong mà nhanh nhẹn, nhìn vào đâu là muốn chết người ta luôn." Cô gái ấy, "hàm răng cô ta, trắng và xinh quá chừng. Và cặp mắt đen đậm ấy, trời, thấy muốn chết luôn." (*Cô Áo Đen, Truyện Thật Ngắn*, Văn Nghệ, 1991). Nói theo giọng Võ Phiến: "Người ta" nào mà cứ muốn chết hoài vậy cà?

Cái "mặn" của Võ Phiến có khi ở chỗ thật lạ. "Tôi" trong truyện *Buổi*

Biển yêu
KHOA HỮU

Ta tặng em, biển yêu cặp mắt
sẽ thức cùng ta con mắt tinh
ta tặng em trái tim khao khát
còn ban mai nghe biển động tình

Ta tặng em đôi môi vô vọng
bãi bờ hôn mòn mỏi tháng ngày
ghì chặt vòng tay cơn biển giận
hồn cuồng lưu xé sóng tan thây.

Ta tặng em cõi chung trời đất
đất bên vai, trời để tựa đầu
ngàn năm ấy xin em đừng khóc
dễ nguôi lòng ta chuyện bể dâu.

Đêm bất tận xanh lời ma hát
em từ đâu, ta đến từ đâu
ngày đỏ lửa đốt đời hư thực
biển còn ngân mãi tiếng thơ sầu.

Sáng Giữa Đồng (cũng trong tập *Truyện Thật Ngắn*) "vừa làm việc nước vừa mê Thục mất ngủ". Dĩ nhiên "tôi" có để ý đến mặt mày thân hình cô Thục. Nhưng Võ Phiến lại cho "tôi" thưởng thức một trong những cái đáng mê của cô Thục như thế này: "Lại thí dụ giọng nàng nói. (...) "Một tiếng nào đó phát ra từ cổ họng nàng, dù ngắn tới đâu, tôi cũng nhận ra". (...) "Tôi tưởng tượng, tôi nghĩ ngay đến cái lượng hơi được phát đi một cách sung sướng qua khí quản của nàng, lượng hơi may mắn lướt đi bên trong chiếc cổ ấm áp, tuôn qua chiếc mồm thơm tho của nàng, tôi tưởng tượng, v.v..."

Ở trên, tôi có viết: Văn Võ Phiến "chay chay" mà thật ra là "mặn". Nghiền ngẫm văn ông từ ba mươi năm hơn, tôi vẫn nghĩ vậy. Bạn đọc nghĩ sao?❐

Nguyễn Đình Chiểu - nghệ sỹ hay hủ nho ?

(Trao đổi với Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên)

Đỗ Ngọc Yên

Sau khi đọc bài: ''Đọc... chơi vài bài ca dao'' của Nguyễn Hưng Quốc và bài ''Bàn thêm về Lục Vân Tiên và ca dao với Nguyễn Hưng Quốc'' của Thế Uyên trên tạp chí *Văn học* - Xuân Mậu Dần 1998 - Cali - USA, tôi thấy một số điểm cần được bàn thêm với hai tác giả, đặc biệt là việc đánh giá về Nguyễn Đình Chiểu.

1. Hai tác giả khá nhất trí với nhau cách đánh giá về Nguyễn Đình Chiểu, thể hiện là: Thế Uyên trích lại đoạn đánh giá về Nguyễn Đình Chiểu của Nguyễn Hưng Quốc in ở trang 79: *''Ông một mực đề cao những chuẩn mực đạo đức cổ điển và cổ kính như trung, hiếu, tiết, nghĩa với hy vọng là chúng sẽ giúp duy trì sự ổn định trong xã hội, tuy nhiên, một là, xã hội Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX trong sự cọ sát dữ dội với văn minh Tây phương và thế lực thực dân, cứ ngày một rạn nứt, vô phương hàn gắn; hai là, bản thân những chuẩn mực đạo đức tưởng đâu là chân lý vĩnh cửu ấy thật ra rất đáng ngờ và với sự lung lay của Nho học, càng ngày càng ngờ thêm. Con thuyền ''chở đạo'' của Nguyễn Đình Chiểu, do đó, chỉ loay hoay mãi trong một vùng nước tù, không có lối thoát, hết ''đụng'' cái này thì ''đụng'' cái kia, cứ quanh quẩn mãi trong sự tuyệt vọng và bế tắc. Nói cách khác đó là những lý tưởng ở đường cùng''*. Ở đây cả hai tác giả đều tự mâu thuẫn với chính mình khi đem lý tưởng (đạo đức, chính trị và xã hội) để đánh giá tác phẩm nghệ thuật và tác giả - Nguyễn Đình Chiểu với tư cách là một nhà thơ - nhà nghệ sỹ chứ không phải với tư cách một ông Đồ. Thế Uyên viết: ''*... Các chính sách lấy yếu tố chính trị (trung quân,*

ái quốc, tính đảng, tính công nông, tính dân tộc, tính chống Cộng...) ra thay thế các giá trị văn chương, nghệ thuật, khoa học, tư tưởng ấy đã làm dân tộc Việt bị thui chột các khả năng sáng tạo về bất cứ địa hạt nào, và hậu quả khi tỉnh giấc ra khỏi mây mù ngàn năm "tải đạo" ấy Việt Nam đã tụt hậu vài ba chục năm...". Vậy mà cả Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên lại đều cho rằng Lục Vân Tiên và Nguyễn Đình Chiểu, *"đó là những lý tưởng ở đường cùng"*. Vì từ trước tới nay chưa ai coi Nguyễn Đình Chiểu là một nhà hoạt động xã hội và càng không phải là một chính khách. Vả, giả định rằng Lục Vân Tiên là người phát ngôn cho những tư tưởng nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu, thì tư tưởng nghệ thuật không phải là tư tưởng chính trị xã hội, mặc dù có lúc hai loại tư tưởng đó có những nét tương đồng. Vậy thì vì lý do gì mà Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên lại đem thước đo của lý tưởng đạo đức và xã hội áp đặt vào tác giả và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu.

2. Nguyễn Đình Chiểu được người đời biết đến với hai tư cách: nhà giáo (ông Đồ Chiểu) và nhà thơ. Hai tư cách này ở ông đã chất chứa những khối mâu thuẫn lớn không thể nào dung hoà, xét từ phía chủ quan ông. Ông Đồ Chiểu dạy chữ nho là điển hình của các khuôn phép đạo đức nho giáo. Suốt đời chỉ lo sống làm gương cho kẻ khác đã là mệt lắm rồi. Ông luôn phải sống bằng những điều ông cần phải có hơn là những điều ông thích.

Với tư cách nhà giáo ông luôn phải sống theo các khuôn phép của tam cương, ngũ thường (quân-thần, phụ-tử, phu-phụ và nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). Nếu đặt mình vào cương vị của ông trong giai đoạn lịch sử hậu bán phần của thế kỷ trước, khi vùng đất Mỹ Tho quê ông còn hoang sơ đến mức con người nếu sa sẩy chỉ còn nước làm mồi cho dã thú (cũng may ông Đồ của chúng ta chưa đến mức như vậy để hôm nay có cái mà bàn), thì chúng ta mới thấy rằng nhốt mình vào cái vòng luẩn quẩn đó cũng khó bề mà cưỡng lại được.

Là nhà thơ - nghệ sỹ, Nguyễn Đình Chiểu luôn có nhu cầu bứt mình ra khỏi những ràng buộc và định kiến Nho giáo để sáng tạo. Bởi lẽ, sáng tạo nghệ thuật luôn đòi hỏi sự tự do cá nhân hơn bất cứ một lĩnh vực nào khác. Nó không chấp nhận những khuôn mẫu đã có sẵn, những lối mòn mà tiền nhân đã đi qua, nếu như nhà nghệ sỹ muốn tạo ra những tác phẩm có giá trị nghệ thuật đích thực.

Nhân vật Lục Vân Tiên trong tác phẩm cùng tên là cái bóng, là bản photocopy của ông Đồ -nghệ sĩ bằng xương bằng thịt, chất chứa đầy mình những mâu thuẫn cá nhân và thời đại. Đấy chính là số phận của những tài

năng lớn. Không một nghệ sỹ lớn nào trên thế gian này, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây lại không mang trong mình một khối mâu thuẫn lớn đến mức chỉ có thần chết mới hoá giải được cho họ.

3. Không vì cái thứ Nho giáo thở hắt ra hi hóp ở vùng đất mới Nam bộ cuối thế kỷ trước bị đo ván trước sự chói loà của hào quang văn minh phương Tây, mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, kẻ phát ngôn trung thành cho hiện thực ấy, trở thành không vĩ đại. Cũng vậy, về bản chất hai cuộc chiến tranh thế giới là vô nhân đạo, nó đã cướp đi mạng sống của hàng triệu người, nhưng không phải vì thế mà Hemingway, người lính - nhà báo, nhà văn đã từng tham gia cả hai cuộc chiến đó trở thành nhỏ bé. Ngược lại ông đã đoạt giải Nobel văn học năm 1954.

Cái vĩ đại, lớn lao của Nguyễn Đình Chiểu chính là ở chỗ ông đã di chuyển được số phận lịch sử của cả một dân tộc thời bấy giờ vào trong các tác phẩm nghệ thuật của mình. Thành hay tbại là vấn đề của chính trị và xã hội. Tôi không bàn đến ở đây. Vấn đề là nhà nghệ sỹ có phản ánh sự thành bại đó một cách chân thực và đầy xúc cảm thẩm mỹ bằng hình tượng nghệ thuật hay không và tác phẩm của anh ta có được công chúng đương thời đón nhận và sẻ chia hay không? Câu trả lời là "Có". Các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã được công chúng Nam bộ thời ấy đón nhận và chuyển hoá một phần thành sức mạnh vật chất mà đỉnh cao là phong trào kháng Pháp của nhân dân lục tỉnh vào những năm cuối thế kỷ trước. Sự thất bại của các phong trào ấy nằm ngoài ý muốn chủ quan của Nguyễn Đình Chiểu và ngoài sự quan tâm của tôi trong bài viết này.

4. Thực ra, nếu phỏng chiếu từ một góc nhìn khác, tôi thấy rằng trong con người Nguyễn Đình Chiểu chỉ có sự kết hợp chân chính giữa một trang hiệp sỹ thích vùng vẫy tận nơi góc biển chân trời của vùng đất mới Nam bộ và nàng thơ kiêu sa luôn muốn thoát tục để bay tới miền cực lạc, vương quốc riêng của nàng. Còn con người nhà nho trong ông chỉ như một cái mụn ghẻ bám trên người luôn ngứa ngáy, khó chịu nhưng lại không dễ tẩy đi được ngay trong một sớm một chiều, vì đấy là bệnh nhiễm khuẩn ngoài da. Mặc dù có những lúc cái mụn ghẻ kia cũng phức tạp và lợi hại đáo để !

Những tư tưởng, quan niệm và tri thức nho giáo nói chung ở ông chỉ là cái vỏ bề ngoài, cái hình thức do lịch sử và thời đại cố tình áp đặt vào ông. Thực chất con người nghệ sỹ và con người hiệp sỹ trong Nguyễn Đình Chiểu lớn hơn con người nho giáo gấp bội lần. Lớn đến mức, những hoạt động sống hàng ngày như những người bình thường khác không bao

giờ có thể chuyển tải nổi những nhu cầu tâm lý bên trong, những thúc bách của tự do và sáng tạo vốn là hai đặc trưng cơ bản của con người hiệp sỹ và nghệ sỹ. Những sợi dây tư tưởng và đạo đức Nho giáo sẽ trở nên quá manh mong khi nó phải đối mặt với con người hiệp sỹ và nghệ sỹ, nếu như họ phải sống bằng những phẩm chất vốn có của nó. Tức là khi người hiệp sỹ và người nghệ sỹ thoả chí anh hùng, vùng vẫy núi sông thì không một sức mạnh nào có thể ngăn cản được họ, chứ chưa nói gì đến những ràng buộc của Nho giáo. Nhưng nếu như anh ta bỏ gươm, hạ giáo thì dường như trở thành kẻ yếu mềm hơn bất cứ ai. ấy chính là lúc con người Nho giáo trong anh ta có thể trỗi dậy. Người hiệp sỹ có thể quỳ dưới chân người đẹp nhưng lại không bao giờ đầu hàng trước đối phương. Một chàng Lục Vân Tiên: ''Giữa đường nào thấy bất bằng mà tha'' để rồi lại: ''Khoan khoan ngồi đó chớ ra, Nàng là phận gái ta là phận trai'', thực chất cũng chỉ là một anh hiệp sỹ Lục Vân Tiên mà thôi.

Nhiều người đã vin vào chữ ''phận'' (cả Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên cũng vậy) mà cho rằng đây là những hạn chế Nho giáo trong con người Lục Vân Tiên và cũng là Nguyễn Đình Chiểu. Thực ra, đi cùng với chữ ''phận'' có các nghĩa: danh phận, chức phận, định phận, số phận, cam phận... Căn cứ vào hai câu thơ trên mà cho rằng Nguyễn Đình Chiểu là người hẹp hòi, bảo thủ và có phần hèn nhát do những định kiến Nho giáo trói buộc là hiểu sai về Nguyễn Đình Chiểu và oan cho ông, vì Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên chỉ căn cứ vào một nghĩa của chữ ''phận'' là ''chức phận'' mà đánh giá và kết luận. Nhưng nếu xét một cách tổng thể thì chúng ta thấy Lục Vân Tiên vẫn là một trang hiệp sỹ của lục tỉnh. Khuyên răn và ngăn cấm người con gái vừa được mình cứu sống không được đến gần chính là biểu hiện tinh thần nghĩa hiệp của những kẻ chuộng công lý và lẽ phải. Do vậy, chính Lục Vân Tiên đã từng nói: ''Làm ơn thế ấy cũng phi anh hùng'' hoặc ''Làm ơn há dễ trông người trả ơn''. Đấu tranh cho công lý và lẽ phải là định mệnh của người anh hùng, chứ đâu phải mục tiêu chiếm hữu. Lục Vân Tiên khuyên Kiều Nguyệt Nga "chớ ra" là cách nói theo nghĩa "định phận" của người con trai - đồng nghĩa với anh hùng và người con gái đồng nghĩa với kẻ bị chà đạp về nhân phẩm.

Thực tế này thật dễ hiểu trong bối cảnh lịch sử nửa cuối thế kỷ XIX. Lịch sử đã định ra ''Chí làm trai ở trong trời đất'' thì việc tôi cứu nàng đâu phải vì tôi yêu, tôi muốn chiếm đoạt nàng mà chỉ đơn thuần tôi là con trai, là đàn ông, là hiệp sỹ, tôi không thừa nhận sự áp bức, bất công trên đời này với bất cứ ai chứ đâu phải riêng nàng. Thế thì việc gì nàng phải băn khoăn, lo lắng. Thực chất nếu Lục Vân Tiên để cho Kiều Nguyệt Nga đến với mình cũng có nghĩa hoặc là làm nàng hiểu sai chàng, hoặc là chàng tự

tước bỏ phẩm chất anh hùng của mình để đổi lấy một mối lợi cỏn con là sự chiếm đoạt nàng. Diễn biến tâm lý ở đây, nếu suy diễn thì cũng chỉ có thể hiểu là Nguyễn Đình Chiểu muốn để cho Lục Vân Tiên chỉ đến để ngưỡng mộ dung nhan nàng Kiều Nguyệt Nga như là một đặc ân mà tạo hoá đã phú cho con người mà thôi,nếu chàng ta có nhắc đến tư tưởng " nam nữ thụ thụ bất thân" của Nho giáo thật thì đó cũng là thái độ lúng túng của con người hiệp sĩ núp sau nhà nho để chống đỡ với những cám dỗ trần thế mà chàng không muốn buông thả theo nó.

Con người nhà nho đích thực của Nguyễn Đình Chiểu không biểu hiện rõ ở ''Lục Vân Tiên'', mà là trong ''Ngư tiều vấn đáp y thuật'' là tác phẩm truyền dạy cho người khác thuật bốc thuốc và cách làm người theo kiểu các nhà nho xứ Tàu .''Lục Vân Tiên'' chỉ là bản tình ca dang dở và nhạt phèo của mấy gã trai làng rỗi hơi, hết việc nghêu ngao ngâm vịnh dưới trăng suông để trêu ghẹo mấy cô thôn nữ, mặc dù cả hai đều muốn... ấy, nhưng vẫn ỡm ờ, làm bộ nói lảng. Đấy là sự phản ánh tâm lý của kẻ chưa đủ sinh lực ,"chưởng lực " để đến với người khác. Lối ''vòng vo tam quốc'', dùng dằng của anh hùng Lục Vân Tiên trong quan hệ với Kiều Nguyệt Nga là hiện thân của căn bệnh nhiễu tâm thể, thường thấy ở những kẻ suy nhược sinh lực, bất lực với phụ nữ. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu vĩ đại hơn chúng ta là ở chỗ ông đã phản ánh thành công được chàng hiệp sỹ họ Lục đã trót một thời ăn nằm với Nho giáo, nên khi đến với cô gái họ Kiều mới giở dói ra như vậy. Đấy không chỉ là bản chất của người nông dân Nam bộ mà còn là số phận lịch sử của dân tộc và của thời đại.

5. Cái làm nên sự lớn lao của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu là ở tác phẩm ''Văn tế nghĩa sỹ Cần Giuộc''. Con người hiệp sỹ trong ''Lục Vân Tiên'' được phỏng chiếu đầy đủ và rõ nét hơn ở hiện tượng các nghĩa sỹ Cần Giuộc. ''Văn tế nghĩa sỹ Cần Giuộc'' chính là một cảnh quan cần đặc tả rõ tính cách của những người nông dân Nam bộ và cũng là đặc tả tư cách nghệ sỹ của Nguyễn Đình Chiểu. Những người lính Cần Giuộc cầm vũ khi đánh giặc thật tự nhiên như là đuổi kẻ trộm. Tất cả sức mạnh sinh thể, tâm thể và tâm linh được huy động đến mức tối đa ở họ:

''Bữa thấy bòng bong che trắng lốp muốn tới ăn gan
Ngày xem ống khói chạy đen sì muốn ra cắn cổ
.....
Cầm gươm xốc tới coi giặc cũng như không
Phá cửa xông vào liều mình như chẳng có''

Cái ham muốn ''ăn sống'', ''nuốt tươi'' những kẻ thích gây sự là nét đặc trưng tính cách của những người dân Nam bộ.

Nhìn một cách thiển cận theo kiểu người trần mắt thịt thì thật là khó hiểu những nghĩa sỹ của Nguyễn Đình Chiểu đã đánh giặc theo kiểu gì. Đánh giặc mà "coi giặc cũng như không",''liều mình như chẳng có'' với một kẻ thù từ xứ sở của nền văn minh phương Tây kéo đến thì chỉ một phát ''đòm'' là xong phim, hết hợp đồng ngay tức khắc. Thấy người khác ''trắng lốp'' hay ''đen sì'' mà đã muốn tới ''ăn gan'' và ''cắn cổ'' thì thật là cách xử sự không quân tử chút nào, chẳng hợp với tư cách của nhà nho.

Nhưng ngẫm nghĩ một cách cẩn trọng lại thấy rằng những nghĩa sỹ của Nguyễn Đình Chiểu là chủ nhà, còn giặc Pháp lúc bấy giờ chỉ như là những tên trộm. Một khi ông chủ phát hiện tên trộm vào nhà, bất luận để làm gì thì ông ta cũng ''thượng cẳng tay hạ cẳng chân'' cũng phang cho hả dạ để bảo vệ tài sản của mình vốn là sự kết tinh mồ hôi, nước mắt và xương máu của cả gia đình, dòng họ gây dựng nên từ bao đời nay, và lịch sử của quê hương, dân tộc đã dạy cho ông bài học cảnh giác chẳng bao giờ là thừa. Ông xông vào người nó trước hết không bằng sự tính toán thắng hay thua, được hay mất mà bằng sức mạnh cơ bắp tự nhiên.

Mặt khác, kẻ thù xâm lược là đối tượng, đánh lại chúng là cơ hội hiếm hoi để chính ông giải những *Stress* cá nhân và thời đại đã dồn nén, trầm tích trong con người hiệp sỹ và nghệ sỹ quá lâu. Bao giờ sự ngưng tụ những ức chế tâm lý cũng là một quá trình dài lâu. Đến một lúc nào đó, các ức chế tâm lý đơn lẻ bị dồn nén thành một khối chắc nịch trong tâm thể, người ta gọi đó là *Stress*. Và đến lúc đó chủ thể luôn có nhu cầu giải phóng các *Stress* như là cứu cánh của sự tồn tại sinh tâm thể. Vì vậy sức mạnh giải *Stress* là vô cùng to lớn đến mức không một lực cản khách quan nào có thể chống lại nó. Cơ chế tâm lý này thường thấy ở các nghệ sỹ tài ba như Petophy (Hungari), Puskin (Nga), Gogol (Nga), GuyDe Maupassant (Pháp). Có thể kết cục của quá trình giải *Stress* là khác nhau. Ba người trước đã chọn cách đấu súng với người khác để giải *Stress*. Còn GuyDe Maupassant lại chọn cách thắt cổ. Nguyễn Đình Chiểu lại chọn cách đánh giặc ngoại xâm, v.v... Chỉ vì muốn bảo vệ danh dự nghệ sỹ và hiệp sỹ trong ông nên dù có thua, chứ chưa nói là thắng, ông cũng phải đánh để chứng tỏ mình không phải là một kẻ hèn và khối u tâm lý cá nhân và thời đại trong ông được giải toả. Dồn hết sức ra để làm một việc gì đó cũng là một cơ hội để giải toả các ẩn ức sinh tâm thể. Sức lực, cả tinh thần và cơ bắp, cả sinh lý và tâm lý càng được huy động đến ức tối đa thì càng tạo điều kiện để giải phóng *Stress* tối đa.

Do vậy, đánh giặc không cốt thắng mà cốt là để giải toả các xung năng tâm lý. Đánh cho mày biết tay, kiềng mặt để biết trọng người cần trọng là cách đánh của các trang hiệp sỹ và các nhà nghệ sỹ chứ không

phải là cách đánh của các võ sư, các nhà quân sự. "Đánh" ở đây, trước hết là một thông điệp, và đã là thông điệp thì nó không thể đi với đàm phán như " đánh "của các nhà chính trị hay quân sự. Thế Uyên chê Nguyễn Đình Chiểu tả khuynh, chỉ biết đánh là đã đánh đồng nghệ sĩ hiệp sĩ với chính khách và tướng lĩnh, đánh đồng thái độ tình cảm đặc biệt mang tính hiệp sĩ của cá nhân nghệ sĩ Nguyễn Đình Chiểu với chiến lược và chiến thuật của các lãnh tụ chính trị và quân sự thời xưa.

Xét ở khía cạnh tâm lý cá nhân nhà nghệ sỹ và người hiệp sỹ thì những người lính trong ''Văn tế'' của Nguyễn Đình Chiểu là hiện thân của các nhu cầu tâm lý được chuyển hoá thành những con người bằng xương bằng thịt và được ''chưng cất'' lên thành những hiện tượng nghệ thuật. Mặt khác, thành công của Nguyễn Đình Chiểu là ở chỗ tạo nên trong các hình tượng nghệ thật của mình sự giao thoa giữa các nhu cầu tâm lý cá nhân và các nhu cầu tâm lý cộng đồng và thời đại. Thời đại và vùng đất lục tỉnh, nơi ông sinh ra và lớn lên là của các trang hiệp sỹ và của các nghệ sỹ. ở đấy chính là miền đất hứa của những người yêu tự do, công lý và lẽ phải, ghét sự áp bức, đè nén bất cứ từ đâu. Với bản chất và mẫn cảm nghệ sỹ, Nguyễn Đình Chiểu thực sự đã tìm thấy sự tương đồng về tâm lý và tính cách ở những người nghĩa sỹ Cần Giuộc. Và với tư cách là những hình tượng nghệ thuật , nghệ sỹ Nguyễn Đình Chiểu đã đem đến cho các hiệp sỹ, những con người bằng xương bằng thịt một sức mạnh tâm linh mê đắm không cùng và một sự cứu rỗi cho bổn phận con người ở họ.

Rõ ràng, những nghĩa sỹ Cần Giuộc khác hẳn chàng công tử Vân Tiên, còn nhiều khi mang sẵn trong mình căn bệnh ''tây tấy'' của mấy ông đồ nho nửa mùa. Nếu ông Đồ lục tỉnh của chúng ta sống lại chắc chỉ cười mỉm với những trang nghĩa hiệp. Còn chàng thi sỹ Nguyễn Đình Chiểu sống lại không chỉ thích mà còn sướng ra mặt khi đọc lại những trang ''văn tế'' của mình. Và biết đâu chàng thi sỹ họ Nguyễn lại chẳng sẽ trở thành một Archimedes, tay cầm cuốn ''văn tế'' trần truồng chạy ra giữa phố mà hét vàng ''Eureka''...

Theo tôi, nếu chúng ta dám dũng cảm loại bỏ các định kiến xem xét và đánh giá các tác giả và các tác phẩm nghệ thuật văn chương bằng cái nhìn bị ám ảnh bởi những vấn đề chính trị và xã hội, coi đó là những tiêu chí khoa học, thì chắc chắn chúng ta còn có thể khám phá ra nhiều mới lạ và lớn lao hơn ở con người nghệ sỹ Nguyễn Đình Chiểu. Âu đấy cũng là một khả năng tự vượt lên mình mà chắc chắn những người yểu tâm, thiểu trí không dễ gì làm được. Trước hết mỗi chúng ta hãy trả các giá trị văn chương nghệ thuật về cho văn chương nghệ thuật. Còn những vấn đề

chính trị xã hội trả về cho các chính trị gia và những nhà hoạt động xã hội.

6. Có lẽ đây là điều cuối cùng dành cho những băn khoăn của Thế Uyên. Thế Uyên cho rằng những sưu tập về ca dao, tục ngữ hoàn toàn vắng bóng những bài nói về thân xác phụ nữ là hoàn toàn đúng sự thật. Bởi lẽ theo thói quen tâm lý và đạo đức, người Việt Nam nói riêng và người phương Đông nói chung không thích nói về những điều ấy. Mà một khi đã là không thích thì chẳng có sức mạnh nào bắt người ta phải làm việc đó. Cũng giống như một người không thích ăn thịt thì chẳng ai có thể phân tích cái bổ cái ngon của thịt để bắt họ ăn. Mặt khác, nếu đấy là những giới hạn của lịch sử thì đích thị đấy cũng là một nhiệm vụ chân chính của khoa học và của hậu thế: Khám phá phát hiện những thiếu sót, những sai lầm và những hạn chế của lịch sử, rồi bổ sung, sửa chữa... và cứ thế khoa học ngày càng phát triển.

Vả, mỗi thời đại, dân tộc và cá nhân đều xem xét, đánh giá lịch sử theo cách chủ quan của mình trên cơ sở của những sự thật khách quan hiện tồn trong lịch sử và những qui ước chung nhất. Nếu như mọi sự diễn ra trên thế gian này là hoàn toàn sáng rõ và ngay một lúc nó được nhìn nhận, đánh giá đúng như nó đã từng tồn tại thì không những khoa học không còn đất sống mà cả nhân loại cũng diệt vong. Bản chất của vũ trụ là một tập mờ, là sự đan xen, kết nối, loại trừ cũng như tựa vào nhau để tồn tại. Vì thế một cái gì đó trước đây chưa làm hay không làm bất luận vì lý do gì cũng trở thành sứ mệnh của chúng ta hôm nay và của các thế hệ tiếp theo. Những người như chúng tôi cũng mong sự đóng góp của các đồng nghiệp ở hải ngoại về lĩnh vực này. Âu đấy cũng là một sự chấn hưng văn hoá cần thiết chứ sao. Có một câu ngạn ngữ rất hay mà tôi nghiệm chẳng sai: Một nghìn lời trách không bằng một việc làm. Nếu Thế uUyên thích thì cứ việc làm hoặc đầu tư cho người khác làm một bộ sưu tập ca dao tục ngữ theo quan điểm của mình, không biết chừng đó lại là một đóng góp thú vị.

Hiện nay, giới trí thức, học giả trong nước không phải chỉ thiếu điều kiện về chính sách hay quan điểm như ta vẫn hay nhấn mạnh. Tất nhiên, có rất nhiều việc phải đổi thay và xây dựng để cải thiện đời sống tư tưởng văn hoá (vừa vọng ngoại, thả nổi lại vừa hẹp hòi, bảo thủ và tù đọng) hiện nay. Nhưng bên cạnh những điều kiện liên quan đến cơ chế, thể chế, còn cần có nhiều điều kiện quan trọng khác như: tâm thế, nhiệt huyết, trình độ, sự giải phóng khỏi những tập quán, nếp nghĩ định kiến, thực dụng chính trị và sự đầy đủ các phương tiện vật chất, xã hội khác mà không chỉ những người trong nước thiếu. Bản thân tôi cũng muốn làm việc này và

Trên sông khói

TUỜNG VŨ ANH THY

lạ giữa đêm
móng trăng đầu
xuân em nay đâu
tóc xưa không còn nữa
mưa hôm kia chở khói qua sông
lạ trong ngày
vườn cỏ đầy. U uất
lá khua gió quấn. Riết trên đa
có phải bước em về
bật hết lò sưởi hong tê tái
hái trộm của Mozart nốt nhạc
gắn lên đôi cánh bạc em bay
tay tôi rung-rúc-đỏ
bỏ rơi bao nhiêu con chữ
mỗi ngày
lạ với đời
ba-nốt-ruồi-môi thôi chờ đợi
dã rời bến nước trong
không từ tạ
nửa mối tình trôi theo đấy
nửa còn
muối mặn
mà
đang
xanh

nhiều việc khác nữa, nhưng lực bất tòng tâm, một lẽ vì chiến tranh đã cướp đi sinh lực nguyên khởi của tôi tới bảy, tám phần; lẽ khác, phần còn lại ít ỏi sinh lực lại phải đem nó ra mà bươn chải, vật lộn với cuộc sống thường nhật, những mong kiếm đủ hai bữa ăn một ngày cũng là điều không mấy dễ dàng. Và còn biết bao chuyện khác trên đời câu thúc, đe doạ đến chính sự tồn tại của mình, hỏi còn đâu thời gian và sức lực để làm văn chương như các bạn ở hải ngoại.

Đấy chính là một bi kịch lịch sử của thế hệ chúng tôi, nhưng người đang tại nội hôm nay.❐

Về diện mạo văn hoá của nhà thơ Đồ Chiểu

(Trao đổi với Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên)

Nguyễn Minh Tường

Tạp chí *Văn học* - Cali - USA số Xuân Mậu Dần 1998 có bài "Đọc ... chơi vài bài ca dao" của Nguyễn Hưng Quốc, số 3 - 1998 có bài của Thế Uyên hưởng ứng và bổ sung phát triển quan điểm của Nguyễn Hưng Quốc cho rằng Nguyễn Đình Chiểu đại diện cho đạo đức Nho giáo lỗi thời và thái độ đóng cửa tả khuynh, không phù hợp với tính cách con người Nam Bộ và không có lợi cho sự phát triển của dân tộc, do đó, bị nhân dân cười giễu để chia tay qua những câu ca dao về *Lục Vân Tiên*, từ đó ở các mức độ khác nhau, các tác giả trực tiếp hay gián tiếp cho rằng việc trong nước đề cao Nguyễn Đình Chiểu như hiện nay là chưa thoả đáng.

Là người nghiên cứu sử học và tham gia giảng dạy văn hoá phương Đông, đã được đọc công trình *"Thơ v.v và v.v"* của Nguyễn Hưng Quốc, gần đây lại có dịp theo dõi cuộc trao đổi sôi nổi, sâu sắc, thú vị và bổ ích về thơ con cóc giữa Nguyễn Hưng Quốc và nhà thơ-đạo diễn Đỗ Minh Tuấn với sự góp mặt của cả một số cây bút có tiếng ở hải ngoại, tôi thấy những vấn đề mà Nguyễn Hưng Quốc đưa ra trên *Văn Học* rất độc đáo và mới mẻ, gợi mở nhiều suy nghĩ. Những cuộc trao đổi học thuật giữa những người làm khoa học, văn học ở trong và ngoài nước như vậy là một dấu hiệu mới đóng góp cho sự nghiệp phát triển văn hoá dân tộc, vượt lên trên những định kiến, ngộ nhận còn rơi rớt, ám ảnh trước đây. Trên tinh thần hưởng ứng chủ trương đối thoại cởi mở của Văn học, tôi hào hứng viết bài này trao đổi với các tác giả Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên một vài điểm liên quan đến việc nhận diện bản chất tư tưởng văn hoá của thơ Nguyễn Đình Chiểu nói riêng và nhân cách tác giả nói chung.

I. Về việc dùng lăng kính ca dao để "bình" Đồ Chiểu

Ai cũng biết ca dao là những bài thơ do người dân lao động sáng tạo nên. Văn học sử Trung Quốc ghi nhận những bài ca dao được tập hợp trong phần PHONG bộ Kinh Thi đã xuất hiện từ khoảng thời Tây Chu (1134-770 tr CN). Tác giả của nó là người Hán vùng Hoa Bắc, Trung Quốc. Khổng Tử (551-479 tr CN), nhà tư tưởng, nhà văn hoá, nhà giáo dục vĩ đại của Trung Quốc và của nhân loại đánh giá rất cao nghệ thuật cũng như nội dung tư tưởng của Kinh Thi.

Ca dao của Việt Nam ra đời sớm nhất từ bao giờ vẫn còn là một câu hỏi chưa có lời giải đáp. Song, có thể nghĩ rằng ca dao Việt Nam ra đời cùng với sự phát triển của tiếng Việt.

Nhưng dù cho xuất hiện từ rất sớm và còn tiếp tục được sáng tạo nữa, ca dao, trong nhiều đặc tính, có một tính chất chung nhất là chế giễu sự nghiêm trang cứng nhắc và trống rỗng. Thực ra, sự nghiêm trang, nghiêm nghị, nghiêm cẩn...tự chúng không có gì xấu. Vấn đề chính là "đặt đúng chỗ": Người ta không thể đóng *complet, cravate* trên bãi tắm nhưng lại cần phải đóng *complet* trong các dịp lễ tân.

Khi sáng tác nên những bài ca dao để chế giễu sự nghiêm trang, các tác giả dân gian đã "chụp bắt những hành vi nghiêm trang không đúng chỗ, không phải lối, giả vờ, cố tình "lập nghiêm"". Vì thế, trong ca dao Việt Nam, bất cứ một lối nghiêm trang nào từ nghiêm trang-Nho; nghiêm trang-Phật; nghiêm trang-Lão... đều bị bỏ chung vào một...rọ để ...cười !

Có thể kể ra không thiếu những câu ca dao chỉ để gây... cười ấy:

- Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ốm tương tư
ốm lăn ốm lóc cho sư trọc đầu

- Nam mô Bồ tát, bồ hòn
Ông sư, bà vãi cuốn tròn lấy nhau.

- Em là cô gái đồng trinh
Em đi bán rượu qua dinh ông nghè.
Ông nghè cho lính ra ve
Trăm lạy ông nghè, tôi đã có con...

Và ngay cả câu:
Ban ngày quan lớn như thần
Ban đêm quan lớn tần mần như ma

mà Nguyễn Hưng Quốc dẫn cho là ca dao thực ra là câu thơ của cụ Thượng Trứ (Nguyễn Công Trứ) "tự bạch, tự trào ", cũng chỉ để gây cười mà thôi. Không phải vì "bị" chế giễu mà các quan... "ngượng quá" rồi sẽ chừa thói "tần mần" đó!

Do vậy, theo tôi, việc Nguyễn Hưng Quốc quy bản chất của cái cười ấy là do nội dung hệ tư tưởng Nho hay Phật hoặc Lão gây ra là chưa chính xác. Cái cười trong ca dao hay cái cười dân gian là do nhu cầu giải toả bức bách tâm lý, một cách để tự cải thiện thân phận. Vì thế, giả định như cụ Đồ Chiểu có thái độ tư tưởng hoàn toàn ngược lại, mà Nguyễn Hưng Quốc cho là tiến bộ, thì dân gian vẫn cứ... cười.

Nguyễn Hưng Quốc dẫn ra câu ca dao:

Vân Tiên ngồi dưới gốc môn
Chờ cho trăng lặn bóp l... Nguyệt Nga

để đi tới nhận định rằng: *"Chúng ta dễ dàng thấy được câu ca dao trên là một cách phản ứng chống lại thái độ đạo đức khắt khe, có phần giả tạo của Lục Vân Tiên; và phần nào cũng là của Nguyễn Đình Chiểu..."*. Sau đó, trong một tâm trạng phấn khích Nguyễn Hưng Quốc đã đẩy tới một nhận định có phần quá đà: *"Tôi nghĩ, chúng ta hoàn toàn có lý để xem câu "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn...", như một cách đọc truyện Lục Vân Tiên. Đó là một lời phê bình cuốn Lục Vân Tiên... Trong vô số những lời phê bình truyện Lục Vân Tiên, không chừng cách phê bình này của dân gian là một cách phê bình hay..."*

Tôi nghĩ rằng "khi bình tâm lại" thì chắc rằng Nguyễn Hưng Quốc cũng phải thừa nhận chỉ với câu ca dao nói trên, chưa thể gọi là "một cách đọc truyện Lục Vân Tiên", chứ chưa nói là đạt tới một "cách phê bình hay"được, bởi những lý do dưới đây:

1. Ca dao không có chức năng phê bình văn học hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Mục đích của câu ca dao *"Vân Tiên ngồi dưới gốc môn..."* theo tôi nhằm tới hệ quả giản dị thôi:... gây cười. Chúng ta đã từng buồn lòng phải đọc nhiều bài nghiên cứu cố tình chứng minh những bài ca dao kiểu "Thằng bờm có cái quạt mo" là "nhằm chống phong kiến địa chủ", hoặc những bài Ca dao "nói ngược" kiểu "bao giờ cho tới tháng ba, ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng..." là đi "chống lại cuộc sống trì trệ, bảo thủ...". Người xưa thường có câu:"Vẽ rắn thêm chân" "Chuyện bé xé thành to"... là để nói về

cái kiểu "bình" trên đây đó chăng?!...

Nguyễn Hưng Quốc đọc tới đây có thể nghĩ rằng: Tôi tư duy đơn giản quá! Một câu ca dao "hay và sắc sảo" như thế phải nhìn nhận "như một sự phê phán quan điểm đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu" thì mới ... sâu sắc chứ!

Thưa rằng: ở đời con người ta kể cả "bậc thánh nhân", không phải cứ nói cái gì thì đều là "hàng hàng châu ngọc, lời lời gấm thêu" cả đâu ! "Chí thánh" như Đức Khổng tử mà đôi khi vẫn nói... đùa đấy! Một lần, Khổng Tử đến ấp Vũ Thành, nơi một học trò của ông là Tử Du làm quan Tể (chức quan đứng đầu ấp) nghe thấy tiếng đàn hát, Khổng Tử mỉm cười nói rằng: "Giết gà sao phải dùng tới dao mổ trâu?" (1) Tử Du nghe thấy thế thưa lại rằng: "Ngày trước Yển(2) tôi được nghe lời thày dạy: Người quân tử học đạo thì yêu người, kẻ tiểu nhân học đạo thì dễ khiến". Khổng Tử nói: "Này các trò! Lời anh Yển nói là phải đấy! Lời ta nói trước chỉ là đùa mà thôi" (3) .

Nguyễn Hưng Quốc chắc chưa quên những bài thơ được dân gian sáng tạo vài thập kỷ gần đây được mệnh danh là thơ Bút Tre với một mục đích duy nhất là để gây cười.Trong những giờ phút căng thẳng, tạo nên được tiếng cười cho mọi người thưởng thức có gì qúy bằng ? Thí dụ như những câu:

- Thu Vân ôm lấy Thu Bồn
Thu Bồn cảm động sờ... "tay" Thu Vân

- Anh đi công tác Pờ Lây
Cu dài dằng dặc biết ngày nào ra

đâu phải nhằm phê phán đạo đức của Thu Bồn hoặc chế giiễu cái danh xưng thiếu nhã nhặn, thiếu mỹ quan của một tỉnh ở Tây Nguyên ?

2- Đọc câu ca dao *"Vân Tiên ngồi dưới gốc môn"*... tôi không hề thấy đó là một cách phản ứng chống lại thái độ đạo đức khắt khe, có phần giả tạo của Lục Vân Tiên và phần nào cũng là của Nguyễn Đình Chiểu" như Nguyễn Hưng Quốc tưởng tượng. Thứ nhất, trên đất Việt, có vùng đất nào người dân yêu thích truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu bằng người Nam bộ? Họ yêu thích *Lục Vân Tiên*, ai cũng hiểu rằng, chính vì trong tính cách Vân Tiên, Tử Trực, Hớn Minh có hình bóng, nhân cách của họ, những con người khí phách, đã từng "mang gươm đi mở nước" thuở nào..Hai nữa, tại sao lại không thể nghĩ rằng chính vì người dân Nam

bộ yêu quý truyện *Lục Vân Tiên* và cũng là yêu cụ Đồ Chiểu, nên họ mới đặt ... ca dao về "nhân vật - con đẻ rứt ruột" của cụ!

Về mặt tâm lý học, thì "hiện tượng" câu ca dao "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn"... đó chính là sự giải toả ẩn ức... mê *Lục Vân Tiên* trên của người dân Nam bộ. Người ta yêu ai quá, nhớ ai quá thì thường đeo nặng hình ảnh người ấy trong lòng và việc nhắc tên người ấy dưới một hình thức là một cầu "xả ẩn ức"!

Về mặt tình cảm, có một hiện tượng, một cách biểu lộ tình cảm, nhìn bề ngoài, dường như ngược đời, đó là quá yêu ai, thì lại thích... "chửi" người ấy ! Chúng ta quá yêu con nên thường "mắng" chúng bằng các câu: Thằng "chó" kia ! con "đĩ" này! Hoặc người bà muốn thể hiện tình yêu với những đứa cháu nhỏ của mình, cũng từng chửi yêu chúng: "Cha bố chị"... hay "cha cái con đẻ mẹ cô" đó sao!...

Vì vậy, đừng thấy người dân Nam bộ đặt "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn" mà vội nghĩ họ ghét hay phê phán đạo đức giả tạo của *Lục Vân Tiên*, hay cụ Đồ Chiểu mà ngược lại, chính vì họ yêu Lục Vân Tiên, thương cụ Đồ Chiểu nên muốn cho cụvà đứa con tinh thần của cụ được sống, hành động tự nhiên như họ thấy.

Tôi hơi lấy làm lạ khi thấy Nguyễn Hưng Quốc nhìn sự việc ấy "dưới góc độ đạo đức"!

Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga "Khoan khoan ngồi đó chớ ra"... khi vừa cứu nàng khỏi tay tên tướng cướp Phong Lai định ăn sống nuốt tươi nàng - theo tôi là hợp với lô-gích và tế nhị! Chính vì thế mà, phải chăng, người dân Nam bộ thương chàng và muốn dùng văn học folklore để "đền bù" cho chàng "cái điều" mà cụ đồ Chiểu mãi mãi không thể và không tiện nói ra!

II - Hình tượng Lục Vân Tiên phải được xem như một cái phanh trong điều kiện xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

Trong văn học sử nói, lịch sử nói, chung và riêng thường có những nhân vật được sáng tạo nên hoặc những nhân vật lịch sử bằng xương, bằng thịt hẳn hoi, xuất hiện để gánh vác sứ mệnh làm một chiếc "phanh" hãm, nhằm giúp cho xã hội bớt trượt dài trên đoạn đường đèo dốc suy thoái đạo đức. Và, chính vì muốn nhân vật ấy có thể đảm đương trọng trách trước lịch sử, người ta cố ý cấp cho họ những phẩm chất vượt lên trên thói thường.

Cuối thời Chiến Quốc (480 - 221 trước CN) ở Trung Quốc, khi mà nước Tần với thế thượng phong lấn lướt các nước chư hầu khác của Thiên

tử nhà Chu, thì trong giới kẻ sĩ bấy giờ đều lấy thói xu phụ, tâng bốc Tần làm *à la mode*. Năm 258 trước CN, binh Tần như lang sói vây kinh đô Triệu là Hàm Đan. Chủ tâm của Tần là đe doạ một nước tương đối mạnh và bắt phải tôn vua Tần là Chiêu vương làm "đế", qua đó, muốn đe doạ các nước khác. Bình Nguyên Quân người cầm quyền nước Triệu do dự chưa biết xử trí thế nào. Bấy giờ, có một bậc cao sĩ người nước Tề là Lỗ Trọng Liên tới chơi nước Triệu. Ông cương quyết khuyên Bình Nguyên Quân chớ làm việc xu phụ đó và xin gặp được kẻ chủ trương "tôn Tần lên đế" đó là Tân Viên Diễn, sử gia nước Ngụy. Trước những lý lẽ xác đáng và khí phách cao kích của Lỗ Trọng Liên, Tân Viên Diễn hoàn toàn tâm phục không dám nói đến chuyện "đế" Tần nữa..

Sau sự kiện đó, Bình Nguyên Quân muốn phong quan tước cho Lỗ Trọng Liên. Trọng Liên phải ba lần từ chối, cuối cùng vẫn không nhận. Bình Nguyên Quân bèn bày tiệc rượu, rượu ngà ngà say, Bình Nguyên Quân đứng lên, bước tới trước, đem ngàn vàng tặng Lỗ Trọng Liên. Trọng Liên cười và nói:

"- Cái quý của kẻ sĩ trong thiên hạ ở chỗ họ đã vì dân bài trừ hoạn nạn mà không đòi hỏi một điều gì cả, bởi vì làm mà đòi hỏi, báo đáp thì cũng chỉ là con buôn mà thôi. Trọng Liên này không chịu làm như vậy!"

Theo tôi, nhân vật Lục Vân Tiên do cụ Đồ Chiểu sáng tạo nên phải được xem như một "Lỗ Trọng Liên của Việt Nam" vào nửa cuối thế kỷ XIX, cái thời thực dân Pháp nhanh như hổ lang, triều đình bất lực "vô kế khả thi", có một lũ người kiểu Tôn Thọ Tường rắp tâm bán nước cầu vinh ấy.

Vì vậy, sau khi bài trừ hoạn nạn, cởi mở khó khăn cho Kiều Nguyệt Nga, Lục vân Tiên bèn nói: "Khoan khoan, ngồi đó chớ ra.".. ấy là có ý thể hiện bản lĩnh phò nguy, cứu nạn của mình, và muốn nói với Nguyệt Nga rằng: "Tôi làm đâu phải đòi hỏi sự báo đáp". ở Trung Quốc và cả ở những nước chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Trung Hoa, kể từ khi Lỗ Trọng Liên "xuất hiện" không một ai lại dám " bình " cái hành động vừa nói trên của ông là "khí khái rởm"!. Đơn giản chỉ vì, mọi người đều biết cách đọc truyện "Lỗ Trọng Liên, nghĩa bất để Tần"(3) trong bộ Chiến Quốc sách. Thiết tưởng đọc truyện Lục vân Tiên cũng phải đọc bằng "con mắt xanh" ấy!

Lỗ Trọng Liên, Lục Vân Tiên và bao con người nghĩa hiệp khác kiểu Kinh Kha, Nhiếp Chính, Dự Nhượng, khiến cho chúng ta khi đọc những trang miêu tả hành trạng của họ không thể nén nổi niềm xúc cảm tới gai người. Bản chất của những con người nghĩa hiệp như họ là hành động nhằm thoả mãn nhu cầu văn hoá "Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh" (4)

chứ không nhằm đạt mục tiêu chính trị.

Sáng tạo nhân vật Lục Vân Tiên ai cũng rõ cụ Đồ Chiểu muốn ký thác tâm sự của mình. Lô-gích tâm lý ở tác giả Đồ Chiểu là muốn bộc lộ tính cách mạnh mẽ của người phương Đông. Con người cụ rất cao ngạo, cực mạnh mẽ, hơi cực đoan,cũng có phần để chống lại, để giấu đi cái mặc cảm về sự khiếm khuyết nào đó của mình :

"Dù đui mà giữ đạo nhà"

III - Bản thân cụ Đồ Chiểu đã trở thành biểu tượng của khí phách dân tộc Việt

Khi đọc Nguyễn Đình Chiểu, điều đầu tiên cần chú ý là trong toàn bộ sự nghiệp văn học của cụ, không có một tác phẩm nào được viết ra bằng chữ Hán. Mặc dù vào cái thời để trở thành kẻ sĩ, ai cũng phải "Thập niên đăng hoả" ra vào nơi "cửa Khổng - sân Trình", thì viết và tư duy bằng chữ Hán có phần dễ và thuận hơn bằng chữ Nôm.

Có thể nghĩ suy về "hiện tượng" trên đây là do: cách sống, cách viết và toàn bộ nội dung, nghệ thuật văn chương của cụ Đồ Chiểu là có tính chất "tạo biểu tượng". Biểu tượng Đồ Chiểu hiện diện thời bấy giờ là cần thiết, là hợp thời, nó có giá trị như "một cái tát" vào mặt những người cũng thuộc lòng kinh điển Nho giáo, mượn nghĩa "minh triết bảo thân"(5) sẵn sàng quay lưng lại dân tộc " ông cha không thờ" ,những loại người như thế nhan nhản trong xã hội lúc bấy giờ.

Tôi đọc đời và thơ cụ Đồ Chiểu thường bị một tâm trạng xót xa, thương cảm tràn ngập cõi lòng. Đôi khi nghĩ tới cụ như một ông già mù loà với cấu trúc nhân cách hết sức độc đáo có thể sánh với bất cứ một nhân cách lớn nào của cổ, kim, Đông ,Tây. Trong cụ Đồ Chiểu có một Khuất Nguyên trong trắng, thánh thiện mang nỗi đau cuộc đời khôn nguôi, có một Văn Thiên Tường hùng tâm, tráng chí, chính khí chói ngời giữa trời đất, nhân quần...

Khuất Nguyên, Văn Thiên Tường, Đồ Chiểu những con người được tạo nên bằng tính khí của trời đất, bằng linh khí của núi sông ấy... khi họ sống không phải sống cho riêng mình. Thân xác họ, tâm hồn họ đã thuộc về dân tộc, tổ quốc và nhân dân của họ.

Khuất Nguyên chỉ cần bớt tỉnh đi mà cùng "say" với đời thì chắc chắn giữ mãi được quan cao, bổng hậu như ai, đâu đến nỗi phải trẫm mình trên sông Mịch La! Chính vì Khuất Nguyên đã sống như vậy nên ông đã trở thành biểu tượng cho sự thanh khiết chống lại cường quyền của người dân

nước Sở cuối đời Chiến Quốc

Văn Thiên Tường, thân từng làm tới tể tướng thời Nam Tống, khi quân Nguyên bắt được ông dùng mọi cách dụ dỗ, ông chẳng một chút lay chuyển lòng ái quốc, thương dân, chí phục hưng Tống triều của mình,vì thế nên ông đã trở thành biểu tượng cho tinh thần yêu nước của dân tộc Hán vào những thập niên cuối thế kỷ XIII trước nạn xâm lược của quân Nguyên hùng mạnh và tàn bạo.

Đồ Chiểu, trong những ngày cuối đời mình, khi toàn quốc đã rơi vào tay giặc, công sứ Ponchon ngỏ ý muốn trả cho ông ruộng đất, nhà cửa. Ông lạnh lùng trả lời "Đất vua còn phải bỏ, đất tôi có sá gì ? Đồ Chiểu cũng đã trở thành biểu tượng của khí phách dân tộc Việt vào nửa cuối thế kỷ XIX lúc mà hoạ xâm lăng của thực dân Pháp đè nặng lên đời sống mỗi người dân Việt Nam, khiến không ít nhà nho nản chí, bạc nhược...

Trong đời sống văn học và đời sống tư tưởng phương Đông có sự hoà nhập giữa nhân cách tác giả với nội dung tác phẩm, Đạo và Đời không chia hai.

Đã có hàng triệu, hàng triệu người đọc *Ly Tao* của Khuất Nguyên, đọc *Chính Khí Ca* của Văn Thiên Tường, đọc *Lục Vân Tiên* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Đồ Chiểu đã rơi nước mắt. Cắc chắn sẽ còn có hàng triệu, hàng triệu người đọc những tác phẩm ấy, và sẽ còn rơi nước mắt bởi vì một lẽ đơn giản: Tác phẩm mà các tác giả trên sáng tạo nên là một phần máu thịt họ, hơn thế nữa là chính họ.

Và, chính vì thế, tôi nghĩ rằng, một ngày nào đó nếu Nguyễn Hưng Quốc đủ hứng thú và can đảm làm một tuyển tập phê bình về Nguyễn Đình Chiểu và cho in những câu ca dao trên - tất nhiên theo lối hiểu của Nguyễn Hưng Quốc -ngay ở trang đầu, thì chắc là cụ Đồ Chiểu và, có lẽ cả cụ Tố Như, Cụ Ức Trai nữa - sẽ...rơn rớm nước mắt.

Tôi vẫn nghĩ rằng, có thể Nguyễn Hưng Quốc và Thế Uyên chỉ muốn xới lên một số vấn đề nhằm khiêu khích suy nghĩ của mọi người để làm cho đời sống văn học sôi nổi lên, những điều quen thuộc được suy ngẫm một cách thấu đáo hơn. Nếu những ý kiến trao đổi trên đây có điều gì sai lệch hay bất cập, xin được nghe ý kiến của các đồng nghiệp hải ngoại trao đổi lại.❐

Chú thích:

(1) " Cát kê yên dụng ngưu đao " - Xem *Luận ngữ*-Thiên Dương hoá

(2) Tử Du tên thật là Ngôn Yển

(3) Lỗ Trọng Liên vì nghĩa không tôn vua Tần làm đế.

(4) Nguyên văn câu thơ của Văn ThiênTường trong bài Quá Linh

Con mắt rách
THIÊN YÊN

khởi đầu
từ con mắt rách
trôi lăn qua sa mạc
dưới dải lụa crepe của vành trăng

nó lục lọi tìm kiếm
qua những dòng cổ ngữ đo đỏ rất xa xưa
đã được viết
trên những mảnh tim vỡ
dành cho đớn đau và phản bội
thấm trừng trừng
vào hố mắt sâu đen vô cảm

cuộc đời
vẫn lùa nhau tới bờ ảo hóa
như chuyến bay vô ảnh vô hình
mang theo từng cá biệt
từng hiện hữu
chỉ thấy được
tình yêu còn lại
giữa dòng suối
bất định
chảy
băng
băng

Đinh Dương là :

Nhân sinh tự cổ thuỳ vô tử
Lưu thử đan tâm chiếu hãn thanh
(Người xưa nay ai mà chẳng chết
Chỉ cốt sao lưu được tấm lòng son vào sử xanh)

(5) Sáng suốt để bảo vệ th ân mình. Rút từ một câu nói của Khổng Tử: "Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cử' (Nước nguy không vào, nước loạn không làm quan) - *Luận ngữ.*

Một chút Nguyên Sa

Thế Uyên

Vào cuối thập niên 50 cuả thế kỷ này, tôi đi kiếm gặp Nguyên Sa. Trên nguyên tắc để viết một tiểu luận nào đó, trên thực tế phần lớn là vì bị quyến rũ vì những bài thơ tình lãng mạn của anh. Mà không phải chỉ có riêng tôi và thế hệ tôi mà cả thế hệ sau tôi nữa đều bị lôi cuốn bởi những lời tình ca lãng mạn một cách mộc mạc nhưng tân kỳ của anh, đưa lên cao và phổ biến khắp miền Nam bằng nhạc của Phạm Duy. Với Nguyên Sa, những thơ tình Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Hữu Loan, Quang Dũng...đương nhiên bị đẩy lui vào ...thế giới yêu đương tiền chiến, cuả các đấng sinh thành ra mình. Bây giờ chúng tôi yêu nhau khác chứ, phải có ngôn ngữ tình ca mới.

Anh tiếp tôi trong một phòng khách bình thường trong một căn nhà nằm trong khu thương mại phồn thịnh trung tâm thành phố. Với ngoại hình không mang vẻ dáng thi sĩ cổ điển quen thuộc tôi đã gặp từ các thi sĩ lớp trước như Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương...hay các thi sĩ cùng thế hệ với tôi như Viên Linh, Khoa Hữu, Nguyễn Đông Ngạc... với nét tối thiểu là mái tóc bồng bềnh không có gió cũng như có vẻ đang bay. Nguyên Sa da ngăm ngăm, chiều cao trung bình, dáng vóc chắc chắn khỏe mạnh. Người chưa quen gặp anh ngoài đường phố có thể phỏng đoán anh làm nhiều nghề khác nhau, ngoại trừ làm thi sĩ cuả tình ca lãng mạn. Anh thuộc loại như Tạ Tỵ, Tô Thùy Yên..đủ mạnh và khoẻ mạnh để đương đầu với đời lính sau này trong cuộc nội chiến 1960-1975.

Dĩ nhiên anh nói về cuộc đời sinh viên ở Paris và đám cưới của anh tại thành phố này. Anh đưa tôi coi một bài thơ in thay thiệp báo hỉ, nhan đề tôi nhớ mang máng như là ba chữ N-G-A, với những lời thơ và văn ảnh

mới lạ, tôi chỉ nhớ manh mún như:

Hôm nay Nga buồn như một con chó ốm
Như con mèo ngái ngủ trên tay anh
Đôi mắt cá ươn như sắp sửa se mình
Để anh giận sao chả là nước biển...

Ví nàng của mình, vợ chưa cưới là chó ốm là cá ươn mà vẫn thấy thấy yêu thương và lãng mạn trong khi vợ anh, theo tin ngoài hành lang của trường nữ học Trưng vương Hà nội, khi mới lớn đã nổi tiếng như một trong những hoa khôi của thành phố.

Tôi đã không nhớ nổi tại sao đã không viết bài tiểu luận đã dự trù, nhưng nhớ đã giúp cô em gái chép vào tập thơ của nàng những bài thơ lãng mạn khác cuả Nguyên Sa, đủ cả

Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc
Áo nàng xanh anh mến lá sân trường
Sợ thơ tình không đủ nghiã yêu đương
Anh pha mực cho vừa màu áo tím...

với những tà aó lụa Hà đông phất phới trong đủ gió bốn muà và vân vân. Phần riêng tôi thích những bài "lớn tuổi" hơn (vì lúc đó đã trưởng thành) như những bài thơ văn xuôi, hình thức như văn xuôi, nhưng như có lần anh nói với tôi: vẫn có nhịp điệu ẩn dấu, vần bằng văn ảnh. Tôi đồng ý và rất thích một bài loại này của anh , tận cùng bằng ước mơ hoà bình trở lại để các chiến binh được *"đời trải chiếu hoa, ngồi đánh cờ chiếu tướng"*. Cũng vì đã qua cái tuổi đi theo nàng mà ngắm tà áo lụa bay và đã đến tuổi nhìn nàng sau khi nàng đã cởi bỏ mọi lụa là trên tấm thân đầy muà xuân trên các đỉnh non cao cùng lũng thấp tràn đầy nhựa sống, tôi thích những bài than thở về bàn tay năm ngón của nàng:

Có ngón chỉ đường đi
Có ngón tay đeo nhẫn
Ngón tay tô môi
Ngón tay đánh phấn
Ngón tay chải đầu
Ngón tay đếm tiền
Ngón tay lái xe
Ngón tay thử coóc-xê

Ngón tay cài khuy áo
Em còn ngón tay nào
Để giữ lấy tay anh

Phải là nam nhi có vợ đẹp và đỏm dáng, phải từng dài người ra ngồi đợi nàng trang điểm, thay quần đổi aó...mới có thể làm ra bài thơ/than thở như vậy.

Có thể nói trong những năm cuối thập niên 50, đầu 60 thơ Nguyên Sa là tình ca bá chủ cho lớp trẻ đương thời và ngay cả tôi trong thời kỳ còn là "tình thư" với Thi, tôi đã có lần sử dụng thơ cuả anh trong một thư viết cho nàng. Sau này đã thành vợ chồng , Thi mới kể cho tôi nghe nàng đã xúc động khi đọc những lời thơ Nguyên Sa ấy:

Không có anh nếu một mai em chết
Thượng đế hỏi anh sao tóc em buồn
Sao tay gầy, sao đôi mắt héo hon
Anh sẽ phải cúi đầu đi vào địa ngục...

Bởi thế anh đã là một trong những nhà thơ hiếm hoi bán chạy những tập thơ của mình, nhất là kể từ khi được Phạm Duy rồi Ngô Thụy Miên mang ra phổ nhạc một số bài. Mỗi thế hệ đều cần có một nhà thơ tình hợp với mình, một nhạc sĩ troubadour vác đàn đi hát rong cho các phụ nữ trẻ, từ các công nương trong các lâu đài đến các buổi chợ tình dân dã ngoài trời, chán những tường thành xám xịt cao vút. Thơ Nguyên Sa cộng với nhạc Phạm Duy, Ngô Thụy Miên đã là như thế, không phải chỉ cho thế hệ người viết bài này khi còn trẻ, mà còn tồn tại đến tận giờ phút này. Khi ở Mỹ cũng như khi ở Việt nam, tôi thỉnh thoảng vẫn cứ nghe thấy *"áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc, áo nàng xanh..."*, hay là: *"Paris có gì lạ không em? Mai anh về em có còn ngoan...Anh về giữa một một giòng sông trắng, Là áo sương mù hay áo em..."* cất lên từ một máy nghe nhạc nào đó đâu đây, và tôi chẳng ngạc nhiên vì lại đến một thế hệ khác đến tuổi yêu đương hoa lá cành, như thế hệ tôi mấy chục năm về trước.

Tôi chỉ gặp lại con người Nguyên Sa nhiều năm về sau khi hai đứa đã bị chiến tranh chụp lấy lôi vào cuộc. Lúc đó cả hai người cùng là cấp úy và sáng hôm ấy tôi đang giã từ các bạn giáo sư đồng nghiệp ở trường Quốc gia Nghĩa Tử thì Nguyên Sa, trong quân phục trận như tôi, tiến vào trình diện, nhận chân giảng dạy Việt văn thay cho tôi thuyên chuyển về trường Võ Trường Toản, hàng xóm cuả trường Trưng Vương đối diện Thảo Cầm Viên. Hai đứa gặp nhau thật vui vẻ, hỏi thăm nhau về những

cung kiếm điêu linh đã trải qua, không bàn một lời về văn chương chữ nghiã. Rồi tôi đi ra cổng về nhiệm sở mới, Nguyên Sa vào trình diện hiệu trưởng. Buổi sáng hôm đó tràn đầy nắng nóng nhiệt đới.

Sau đó tôi có đọc truyện "Mười ngày tại chung sự vụ" của Nguyên Sa. Truyện hay một cách khốc liệt với những chi tiết thật làm tôi không thể tự hỏi chiến tranh này cũng có óc khôi hài đến độ thầy một thầy dạy triết tốt nghiệp Paris kiêm thi sĩ tình ca vào một nơi chốn thê lương như thế...

Nhiều năm, rất nhiều năm về sau tôi mới cùng Thi dùng chiếc xe hơi cũ xì đến được thành phố Nguyên Sa định cư từ đã lâu rồi ở miền nam Cali. Khi tôi ngỏ ý muốn gặp lại Nguyên Sa thì các bạn thân nơi này can là đừng, đến thăm, dám bị lạc đạn vì Nguyên Sa không như ngày xưa nữa, thường cay đắng và quặu quọ như một con gấu già bị thương. Từ khi định cư ở Mỹ, Thi và tôi trở lại làm sinh viên đại học , sống rất vui và nhâm nhi thưởng ngoạn cuộc đời, do đó vẫn theo nguyên tắc: Trời đất mênh mang, bạn bè năm châu bốn biển, những người mình ưa và họ cũng ưa mình còn chưa gặp đủ, tại sao lại phải đi gặp những người không ưa mình. Cũng vì theo nguyên tắc này, ngay cả với những người như Mai Thảo, bọn tôi cũng chỉ gặp khi anh tỉnh rượu bởi lúc anh say, anh như con nhím nổi giận, phóng lông độc tứ tung, ai không may có mặt thì lãnh đủ. Một buổi tối bọn tôi cùng vài bạn thân ăn ở quán Nguyễn Huệ, nơi có món lòng heo tiết canh và canh cá ngon nhất Hoa kỳ, khi đi ra thì thấy tiếng gọi vui vẻ: Du Tử Lê và Mai Thảo đang ngồi bàn ngoài cùng với một chai cognac ở chính giữa. Nhìn chai rượu mới vơi có một phần, tôi cười, dăm ba câu xã giao, rồi viện cớ Thi không khoẻ mà cáo từ, mặc dù mấy khi có dịp gặp cả một lúc hai người bạn cố tri này. Anh Mai Thảo là người tế nhị, hiểu tại sao lắm nên trong một lần gặp sau, anh nhỏ nhẹ: Uống rượu say lắm lúc tôi nói năng cũng bừa phứa lắm, sáng ra hối hận muốn xin lỗi người mình đã làm buồn. Nhưng đành thôi vì cứ rượu say lại xin lỗi thì bao giờ cho xong... Tôi hết sức tán đồng, dù không nói ra chính vì không muốn phải xin lỗi ai sau khi tỉnh rượu, xuốt đời tôi đã ráng kìm giữ không bao giờ uống say khi ở nơi công cộng hay còn có người lạ trong nhà. Muốn đi một đường như người xưa bên Tàu nào đó đã nói "rượu có ngà ngà say mới thú", tôi làm hết công việc phải làm trong ngày rồi mới khi thì tà tà để nhạc, khi thì đọc thơ đọc truyện của bạn bè từ hải ngoại đến nội địa, điểm những ngụm bia mát lạnh cho đến hơn nửa đêm về sáng .

Vậy là tôi đã không gặp lại Nguyên Sa lần nào nữa, đó là lý do tại sao tôi đặt tên bài văn này là "Một chút Nguyên Sa". Tôi biết gì về anh, cuộc

Trăng mười sáu

ĐỨC PHỔ

Tặng Thy Linh

Mây đi
mời mọc
trăng về
Ngắm
đêm mười sáu
bốn bề vô ưu.

Rừng xanh
xé toạc oan cừu
Biển xanh
thầm
gọi sóng chiều
đu ca.

Mai sau
bước
giữa thềm hoa
Nhớ trăng mười sáu
ngọc ngà môi em.

đời của anh để mà nói nhiều. Không gặp nhưng tôi vẫn đọc thơ anh, lâu lâu mới có trên các tạp chí văn học của bạn bè. Bây giờ đã già, anh làm thơ trầm hơn, chín hơn, có một chiều sâu mới nhưng vẫn nhẹ nhàng, đọc, tôi thấy thích thú. Nếu tình cờ mà được gặp anh gần đây, chắc tôi sẽ nói ra những nhận xét đó cùng với vài lời nhắc nhở, như một thứ cám ơn, là ngày xưa ở Việt nam, anh đã làm đẹp hơn mộng mơ cho tình yêu của thế hệ chúng tôi. Khi anh Nguyễn Mộng Giác gọi lên báo tin anh vừa mất lúc 2 giờ sáng, tôi nhìn ra ngoài vườn đang nắng đẹp đầy hoa tươi lá non của mùa xuân tây bắc Hoa kỳ, thở dài nhẹ nhàng vì thấy mình một lần nữa lại mắc lỗi không nói ra lời ân cần tử tế hay một lời cám ơn giản đơn với những người mình muốn nói, khi người ấy còn ở trên cõi nhân gian này.❐

Gió biếc

Lê Minh Hà

Ngọn gió nào đi qua cuộc đời chúng mình...
...Cũng thành gió biếc..." (1)

Nghĩa rền rĩ trong khi dí kính vào cái thời khóa biểu mới ông hiệu phó chuyên môn vừa dán ở phòng hội đồng. Thụy từ nãy giờ chúi đầu vào cuốn "Tử Vi Tướng Pháp" ngước lên nhỏ nhẹ "thật à?". Cái nhếch mép thì đểu. Nhưng mắt nhìn thì buồn bã. Cả đám giáo viên đang quây quanh cái ấm giỏ cười phá. Chân cũng cười bâng quơ. "Sao ở đâu cũng như ở đâu?"

Chân đổi về trường này đã hai năm. Trước Chân dạy ở Trung Hà. Trước nữa, ưu tiên tốt nghiệp thủ khoa, Chân được vào phân công vào Lâm Đồng, khu Kinh tế mới Hà Nội. Đi hai năm là được ra. Mẹ bảo "thôi cứ từ từ". Mẹ hãi cảnh con gái bà bạn đi Lâm Đồng hai năm sốt rét rụng tóc. Hàng ngày Chân mang gạo ra đầu Hàng Da xay bột về làm bánh trôi bánh chay bán quanh cho đàn bà trẻ con trong ngõ, bạn bè tới thì khao luôn. Cũng có đồng ra đồng vào không phải lựa lúc xin mẹ. Nhưng càng ngày càng chán. Mãi bố mẹ mới xoay được cho về Mê Linh. Rồi về Trung Hà. Không phải qua sông, tiện đường ô tô hơn. Đùng cái, nhà nước lại tách nhập tách, Mê Linh Trung Hà từ giã địa vị Hà nội can - nơi dừng chân của những đứa bị phân công công tác xa Hà Nội mà không thể đi như Chân. Vậy là lại thêm một lần các cụ nhà Chân phải đấu tranh chính trị với phòng tổ chức sở Giáo Dục. Bao nhiêu là lý do được đưa ra với vẻ vừa kèo nèo vừa khẩn nài vừa cùn: Bố mẹ lâu năm trong ngành, nhiều năm đi xa tít mù tắp tận Tây Bắc, và cuối cùng mẹ Chân chấp nhận về hưu, tiếp quản cái bàn bán bánh trôi của con gái để con gái được theo nghề. Nhích thêm chẳng được mấy cây số đường chim bay về đất nội

thành. Nhưng cái chính là lần này về Hà Nội thật.

Trường nằm giữa cánh đồng, mùa đông gió bấc lồng lộng, thầy trò run như giẽ. Đầu hè thì ong ong một màu nắng trắng, đi được từ bến xe vào trường mắt đổ hoa cà hoa cải. Học sinh nói đủ thứ giọng. Giọng Kẻ. Giọng Mỗ. Giọng Nhổn. Lại còn mấy đứa thi chuyển cấp thiếu điểm vào trường gần nhà phải xin học trái tuyến nói giọng Trích Sài. Buổi đầu Chân nghe cứ như nghe tiếng nước ngoài. Gọi học sinh lên bảng, học sinh ríu rít liến thoắng một hồi, Chân làm mặt tỉnh cho sáu điểm. Đứa nào cũng hớn hở khi nhận lại vở từ tay cô. "Cô mới hiền ghê. Hỏi độc một câu là cho về chỗ". Ra bến xe, Hải dạy thể dục nham nhở ghé mặt choắt mắt ốc nhồi vào sát mặt Chân, đôi vai nần nẫn như vai đàn bà no đủ còn cố tình nghiêng xuống: "Hiền với mình thôi bạn ạ. Chớ có hiền với học trò. Học trò là quỷ dữ". Chân bước lùi, chẳng quen ngồi hàng quà vặt mà cũng tụt dép sà xuống trước chị bụng chửa bán mía: "Chọn cho em một cây ngọt ngọt vào chị." Xong lại hốt hoảng nhìn quanh xem có đứa học trò nào láng cháng gần: "Dạ không. Em mua về nhà. Chị đẫn ra cho em đừng róc."

Về trường mới, Chân đổi lại được nghề cũ. Dạy văn. Và dạy phổ thông trung học như được đào tạo. Đúng phúc trùng lai. Trước, xin về Trung Hà, mẹ giục giã và Chân gật đại trước đôi mắt mệt mỏi của ông cán bộ phòng tổ chức nguyên đồng nghiệp với mẹ từ thời ở Tây Bắc Lai Châu: "Vâng dạy chính trị cũng được chú ạ. Thì cứ theo nghị quyết chứ gì chú!" Về trường, thêm một lần thay đổi. Hai giáo viên sử nghỉ đẻ. "Cô Chân thay nhé. Tám tiết chính trị khối bảy. Mười tiết sử khối chín. Dạy văn mới cần cảm hứng chứ sử thì cứ sách giáo khoa mà nện!" Ông hiệu phó nói cười ha hả trước khi nhổm người gọi với bà lao công "này đun ngay cho tôi siêu nước có khách" và Chân hiểu rằng cuộc gặp mặt với ban giám hiệu đã hết.

Về trường mới, Chân nôn nao như lên bục giảng thực tập thời sinh viên khi nghĩ tới Ngày mai. Ngày mai, Chân sẽ viết lên bảng hai chữ giảng văn. Ngày mai, theo chương trình Chân sẽ dạy "Tiếng hát con tàu". "Ngày mai cả tổ sẽ dự giờ của giáo viên mới đấy nhé!" Tổ trưởng Hợi cao to đẹp mã vợ đẻ toàn con gái réo giữa văn phòng. "Vâng ạ". Chân rụt rè cười. Cái cười hơi ngơ ngác của người cận thị.

Từ hồi đi dạy xa Chân tập thôi đeo kính. Trước, ngỡ chỉ bỏ kính khi hôn nhau như bạn bè đùa. Nay, Chân bỏ kính thật. Dạy vùng xa, nơi học

trò sáng đi học chiều dậm dụi ngoài đồng, bố mẹ học trò đến trường theo lời mời của giáo viên ống quần còn quăn quăn nếp xắn từ đầu gối trở xuống, tiếng cười vừa xởi lởi vừa khiêm nhường "thôi thì chúng tôi trăm sự nhờ các thầy cô giáo", đeo kính thấy kỳ kỳ. Rồi cũng quen với cảm giác mờ ảo của cảnh và người. Chỉ những lúc một mình trong căn phòng tập thể của trường Chân mới đeo kính lại. Rất xa đằng kia là Bất Bạt nghĩa trang Yên Kỳ Hà Nội. Mùa xuân, đám bạn đi thăm mộ người nhà hay tạt qua trường Chân. "Eo ơi! mày cả tháng ở trên này thì đời lên mốc mất." "Mốc chỗ nào. Có càng ở thì càng teo như cái mộc nhĩ được nắng ấy." Linh cũng cười, đóng hoàn hảo vai bạn lên thăm bạn, tuyệt nhiên không biểu lộ một thái độ sở hữu nào trong khi Chân loay hoay với cái bếp dầu gia công nấu mì đãi bạn. Linh đã đồng ý với Chân rằng bỏ nghề ở nhà thì phí và buồn chết đi được. Linh đã mừng rỡ khi bố mẹ xoay được cho Chân về trường này: "Rồi vài năm thì "Tiến về Hà Nội"." Hai đứa tưởng tượng như thật một cảnh gia đình trẻ. Vợ giáo viên ở trường huyện cùng con nhỏ. Chồng giảng viên đại học, cuối tuần tha lương thực thực phẩm qùa cáp của ông bà nội ngoại lên với vợ con. "Vài năm thôi. Đến khi Chân về lại được nội thành thì cứ gọi là..." Chân đã bao nhiêu lần mơ màng "Chứ gì nữa! Cứ gọi là..." Nhưng bây giờ, Linh nói cười vui vẻ và mắt nhìn trống rỗng. Lòng Chân rỗng không. Ngoài kia, gió xuân vờn trên cánh đồng thuốc lá. Lá cây thuốc lá lật mình trong gió xám bạc dưới bầu trời mùa xuân mưa phùn xám bạc. Có hai đứa trẻ lang thang ở đầu kia cánh đồng. Thằng lớn dừng chân đứng chống cuốc. Thằng bé mặc cái áo ngắn cũn cỡn và quần cộc. Chân có cảm giác như nhìn rõ được gương mặt tím tái, ngắn ngơ và háo hức của nó hóng về những mặt người hớn hở bên những khung cửa xe bus đang lao vèo vèo qua về hướng Yên Kỳ. "Đi tảo mộ mà chẳng mấy khi thấy ai buồn khổ ." Ý nghĩ ấy bao nhiêu lần đến trong đầu Chân, thường day dứt hơn khi đám bạn ào vào sân trường. Áo budông. Kính trắng kính đen. Giày thể thao. Xe máy long lanh giọt lệ. Những ngày ấy và những ngày cán bộ phòng với sở lên kiểm tra trường chuẩn bị cho mùa thi có lẽ là những ngày xôn xao nhất ở đây.

Và Chân đã trụ ở đấy sáu năm. Sáu năm. Bạn bè vẫn dần dù hàng năm vẫn đứa nọ đứa kia đi thăm mộ trên Bất Bạt. Chân nhận được bao nhiêu thiếp mời mà không thể về. Những mùa, những chiều, Chân nhìn dãy Ba Vì mờ xa, nhìn sương buông trên cánh đồng thuốc lá, vác bát sang nhà chị giáo viên cùng trường xin gắp dưa, nói mấy câu trước khi về khép cửa phòng châm ngọn đèn dầu. Lòng có nỗi niềm nào chăng là lúc mấy đứa học sinh gái rụt rè gọi cửa, chào râm ran và xăng xái bày mấy củ khoai

nướng sém mời cô, hay bê tới cho cô rổ rau khúc để cô mang về Hà Nội, làm như cô chỉ cần có rau khúc là có bánh khúc mà ăn tấp lự. Hay là khi mấy cô bé đã ra trường đùn đẩy nhau trước cửa phòng và cuối cùng một đứa mặt đỏ dừ vừa thẹn thò vừa hớn hở lắp bắp "bố mẹ em cho em đến mời cô hôm này..." Chân đã đi một đám cưới học trò như thế và không bao giờ đi nữa.

Nhưng Chân đã đi đám cưới Linh. Cuối học kỳ bận rộn, làm xong sổ điểm Chân mới về nhà. Thấy hai cái thiếp mời. Bố ngồi ở đầu giường, liếc nhìn Chân, vờ vĩnh chép miệng: "Mẹ nó mua lạng chè này ở đâu được nước thật". Thảo Chi thản nhiên "Ông Linh nhà bà đi cùng vợ tới đây. Hơi bị giàu. Vàng đỏ tay. Phải tội hơi quá bụ bẫm. Mà trông có vẻ cứng tuổi hơn. Thấy bảo làm thư viện ở trường ông ấy. Chắc đua đòi cho vui vậy thôi chứ nhà Hàng Gà có cửa hàng bán buôn khuy chỉ gì ấy." Mẹ mặt hầm hầm nhưng giọng ngọt ngào "Thảo Chi đun nước cho chị tắm chưa con. Rồi dọn mâm ra. Xong mà học bài cho sớm. Bọn sinh viên chúng mày giờ mẹ không hiểu nổi. Học hành gì mà chỉ dồn vào mấy kỳ thi". Thảo Chi cười: "Con không định đi làm như chị Chân đâu. Khi nào con ra trường, mẹ cứ bàn giao cái bàn bán bánh cho con. Con nhìn rồi, ngõ mình giờ phát triển thành nơi bán hàng quà vặt đông nhất phố. Con mà bán hàng ý à. Đảm bảo các cụ bà về hưu mất khách". Bố nhăn mặt, giọng gằn gằn "Mẹ bảo thì động chân động tay ngay đi chứ đứng đó mà động mồm" và Thảo Chi hốt hoảng lè lưỡi. Hai chị em đèo nhau tới phòng cưới, cười như phá cùng cả đám bạn học cũ của Chân, chọc ghẹo cô dâu chú rể loạn xạ. Và Chân không gọi Linh là anh, xưng Thái Chân như hồi còn đi học. "Cô ta biết gì về mình? Linh kể gì về mình?". Câu hỏi thật vớ vẩn cứ cuộn trong đầu Chân khi ngồi lên xe cho Thảo Chi đèo về. "Mà sao mình không muốn khóc?" Thảo Chi nhấn ga, ngoái đầu, tiếng được tiếng mất trong gió..."Bà này thế mà lạnh...". Cái gì như có chữ chán và đểu...

... Đoạn đường từ trường ngoại thành về nội thành của Chân kéo tới bây giờ là đúng tám năm. Sáu năm Trung Hà. Hai năm Diễn. Lại đã là học kỳ hai. Lại đã là mùa xuân. Trường nằm giữa cánh đồng nhưng cũng không xa làng, từng lúc hương hoa bưởi lại dịu dàng thoảng tới. Vườn xoan các cụ mướt mát sau những ngày mưa. Lá xoan non tơ, nhưng màu xanh dường như đã đằm xuống bởi những chùm hoa tím bạc. "Trông chẳng còn giống con gái mới lớn. Giống con gái lỡ thì". Chân bất giác mỉm cười và học sinh không hiểu vì sao môi cô giáo cười lại run run. Hay tại những dòng thơ... "Con nhớ anh con người anh du kích - Chiếc áo nâu

anh mặc đêm công đồn - Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách - Đêm cuối cùng anh để lại cho con..."

...

Có một tiếng thở dài lan trong lớp học. Bọn học trò ngỡ ngàng và say mê nhìn cô giáo. Thơ da diết và trôi chảy. Như con sông Nhuệ, như một dải khăn xuân quấn quanh trường. Như Chân đọc cho mình. Các giáo viên dự giờ thì thào điều gì. Lại mùi hương bưởi. Dịu dàng quá. Sao dịu dàng thế này. Đến không thể nào chịu nổi..."...Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương - Khi ta ở chỉ là nơi đất ở..."

Giọng Chân cao lên rồi trở lại nhỏ nhẹ. Trong một thoáng, đất trời trải trước mắt Chân màu xám bạc của những cánh đồng thuốc lá. Bến nước Trung Hà. Ba Vì mưa bụi. Bất Bạt lô nhô những ngọn bạch đàn trên vô vàn mộ chí... Và rồi tất cả bừng lên trong ánh mặt trời mùa xuân ban trưa. Vườn xoan. Vòm cây bưởi trắng hoa nhà ai. Những đứa học trò nhà quê đang ngây ngất nhìn cô hôm nay và ngày mai sẽ đi lấy chồng lấy vợ, sẽ già đi có khi còn nhanh hơn cả cô. Nhưng đây không phải Trung Hà. Đây là Diễn. Diễn chỉ còn cách Bờ Hồ mười lăm cây. "Khi ta ở chỉ là nơi đất ở - Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn." Còn có tâm hồn nào nữa? Còn có khi nào mình rời khỏi nơi đây như đã rời đất Trung Hà? Mình sẽ nhớ buổi trưa này thế nào. Có đau đớn như lúc này? Chân xoay người, xiết viên phấn lên tấm bảng đen vênh váo học trò đã cẩn thận sơn lại bằng lá khoai mỗi kỳ tựu trường. Từng dòng chữ... "...Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét - Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng - Như xuân đến chim rừng lông trở biếc..." "Cái lạ lùng của những so sánh trùng điệp, bất ngờ, không dễ hiểu..." Giọng Chân đam mê, nhỏ nhẹ, chẳng giống một lời hướng dẫn giảng dạy nào. Những giáo viên dự giờ lại thì thào điều gì, lại ghi chép điều gì, và học sinh lặng lẽ. Có một làn hơi rất nóng cuộn lên trong lồng ngực con gái ba mốt tuổi của Chân, làm Chân nghẹn thắt. Mình sẽ nhớ. Sẽ nhớ. Thơ không phải là đời. Có những mùa xuân không bao giờ qua.❐

17. 2 - 19.2/ 1998

Chú thích:

1: Thơ Ý Nhi.

2: Những câu còn lại trích từ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên.

Đêm Hà nội

CAO XUÂN TÚ

bánh xe chùi nhẵn mặt đường
nửa đêm cõi gió mùa đông bắc về
ngã nghiêng giun dế vỉa hè
giữa lòng Hà Nội bốn bề mưa giăng

phải em là hạt nước lăn
dài thêm tôi một nếp nhăn bất ngờ
phải em bọt sóng Tây Hồ
ngủ trong tăm rượu tình cờ dậy chơi

phải em chín mọng xuân rồi
cây bàng hoa sữa góc trời bỏ quên
tôi đi ngược phố Tràng Tiền
ngói lầu rêu phủ hàng hiên bóng dài

phải em hình hạc mắt nai
xe Dream nhả khói xém hai bìa đường
phải tôi ruột thót ôm quàng
con tim cô quả nổ ran tiếng cười

phải em môi ướp còn tươi
lẩu dê quán cóc hẹn tôi phố nào
Hàng Ngang bước loạn Hàng Đào
liễu hồ Tháp Bút vẫy chào trong sương

phải tôi lồng bóng Hồ Gươm
chút tang thương giữa thời gian nhiệm mầu
đường bay xé nửa địa cầu
còn đây một tiếng gọi tầu cuối đêm

Sông không bến

Lê thị Huệ

Trong lúc lăng xăng theo làm việc ở các phòng triển lãm của Ed Nuestra ở vùng Bay thì tôi gặp nàng Huệ Lâm của tôi

Chiến tranh Việt Nam vừa chấm dứt. Lúc ấy phong trào cứu trợ người tị nạn Đông Dương nổi mốt thời trang từ Nhật sang Âu đến Mỹ. Cuộc chiến Việt Nam là cuộc chiến đầu tiên được trình chiếu tanh banh trên màn ảnh truyền hình trong mọi gia đình khắp hoàn cầu. Sự phổ thông của chiến tranh trên màn ảnh nhỏ này đã mang lại một hậu quả là khi người Mỹ rời Việt Nam để cho cọng sản nhuộm chất độc đỏ toàn cõi Việt Nam, thì thế giới biết có một làn sóng người Việt Lào Cam Bốt đã tha nhau chạy tán loạn khắp các vùng Đông Nam Á để lánh nạn cọng sản

Một kẻ rành rẽ về thời cuộc Việt Nam thời bấy giờ, Ed đã xông xáo đi săn hình đẹp ở các trại tỵ nạn Á Châu. Ed là một phóng viên báo chí người El Salvador làm phóng viên cho một hãng thông tấn quốc tế. Anh đã từng có mặt ở Sài Gòn và xứ Nàng Pênh để thực tập nghề nghiệp trong thời gian chiến tranh Việt Nam đang cao độ thảm sầu. Thời gian gần đây anh vác máy quay trở lại Đông Nam Á vào các trại tỵ nạn kiếm thêm những bức hình khổ nạn của cái đuôi chiến tranh Việt Nam cho trọn bộ sưu tầm ống kính đẹp.

Sở trường của Ed là tranh chân dung. Bức tranh hai anh em mình trần lòi ách xương sườn, thằng anh tám tuổi cõng thằng em ngoài một tuổi đang ngậm một cái muỗng đã trúng một giải thưởng lớn nổi tiếng quốc tế ở Amtesdam. Sau khi những tranh của Ed trúng nhiều giải thưởng tại Mỹ, Âu Châu và Nhật, anh được một cơ quan Caritas bảo trợ cuộc triển lãm "The Victims" một vòng khắp các thành phố lớn ở Hoa Kỳ.

Tôi giúp Ed trong những cuộc triển lãm ở những vùng có đông người Việt cư ngụ. Tôi được thuê vào làm thông dịch viên. Những người Việt

người đến xem tranh vì tò mò. Có lớp đến để nhận diện ra một vài cái lều quen cũ, hoặc để nhìn lại những hình ảnh tỵ nạn. Nơi mà họ đã sống những ngày tạm trú trước khi được Hoa Kỳ thu nhận định cư

Hôm ấy có một buổi triển lãm tại một hội Tết trong vùng. Những người Việt đi du xuân chưng diện áo quần mới mẻ màu mè và rộn rã tiếng cười nói. Tiếng pháo và tiếng nhạc từ những loa phát thanh trong các gian hàng chen nhau một trời phèng la. Chúng tôi bận rộn trả lời các câu hỏi trong phòng tranh chật cứng người xem

Bỗng có một tiếng ồ reo:

- Í a. Hình em. Nhìn hình của em nè

Một giọng nữ phát ra từ khoảng giữa của phòng tranh. Nơi đóng đế tôn vinh ba chân dung to nhất nổi bật nhất của cuộc triển lãm. Một trong ba chân dung ấy là tấm hình một cô gái tóc rẽ lệch đang nhìn vào một tấm thẻ căn cước của trại tỵ nạn Mã. Khuôn mặt thiếu nữ trong bức hình nhỏ nhắn, rắn rỏi. Cái nhìn của cô có vẻ chậm và nghiêm. Một nhan sắc đơn sơ trung bình, lặng lẽ có vẻ hiền lành

Kẻ phát ra tiếng reo đang đứng cạnh bức tranh với nụ cười e lệ trên môi trên mắt. Cô choàng kín một áo dạ màu cổ vịt hàng mua lại ngoài chợ trời. Mặc cái quần bò Jordache mới. Chân mang đôi săng đan bẹt không vớ khoe mấy ngón chân sơn màu đỏ choẹ. Khuôn mặt không còn vẻ ốm o như trong tranh. Làn da nâu. Má hồng môi son đậy úp một mặt. Đứng cạnh giữa mấy cô gái Tàu khác cô có vẻ nhỏ bé và chòn chòn

Ed mừng rỡ trao đổi chuyện ngay và lấy máy ra bấm thêm những bức hình làm kỷ niệm. Cô gái giới thiệu tên là Huệ Tâm. Huệ Tâm bối rối vì bất ngờ thấy hình mình được chưng bày lớn ở đây. Và vì đám đông chung quanh bâu lại nhìn nhìn nên cô trả lời nhát ngừng. Huệ Tâm nói thật sự là cô không biết hồi đó mình "bị" chụp hình và tấm hình này được chụp bao giờ. Còn tấm căn cước tỵ nạn thì cô đã để đâu rồi bây giờ không còn nhớ nó ở đâu nữa

Buổi chiều khi nhờ được người trông dùm phòng tranh, Ed rủ tôi đi ra ngoài Dennys ăn New York Steak. Trong khi người hầu bàn pha nước Ed nhắc lại câu chuyện:

- Cám ơn cô về buổi phỏng vấn với Huệ Lâm sáng nay. Thật là một trong những câu chuyện khó quên đối với tôi. Thật vậy

Nhìn bản mặt đầy hứng thú của Ed tôi nói:

- Không có chi. Cô ta rất là dễ thương nhưng cũng rất là không chịu nói

Ed giương đôi mắt ốc len dưới chiếc kiếng cận thị

- Ồ tôi hiểu. Tôi hiểu. Tôi không trách cô ta.

- Cô ta là ai vậy. Tôi nói

Ed túm lấy cơ hội kể cho tôi nghe những điều anh biết ở phía sau tấm chân dung đó. Anh đúng là một nhiếp ảnh gia nâng niu từng tác phẩm và hết lòng với công việc của mình.

Theo lời tường thuật Ed nghe lại từ trong trại Mã Lai, Huệ Lâm là một trong hai người sống sót trên một chuyến vượt biên gồm bốn mươi hai người ra đi từ Vũng Tàu. Chuyến tàu lênh đênh trên biển Đông được hai hôm thì chết máy. Đêm sau trời giáng cha một cú bão lớn. Thế là ghe lật thuyền chìm và không còn ai biết ai ra sao. Huệ Lâm nhờ bám lấy được một cái phao nên nổi trôi trên biển đến rạng hôm sau thì được một tàu buôn Ấn vớt mang vào Mã Lai. Ở Mã Lai, Huệ Lâm được giữ lại ở một làng đánh cá một thời gian để chờ tin con và chồng có còn sống sót. Ở đó Huệ Lâm bị một tên lính Mã lén hãm hiếp và người ta đã phải mang cô đi phá thai trước khi cho cô vào một trại tỵ nạn có đông người Việt Nam ở Mã Lai

Trước đấy tôi đã nghe Ed hỏi những câu như rồi có tin gì của chồng và con không. Không. Sau đó có gặp lại ai trong chuyến đi ấy không. Không. Bây giờ có tin gì của ai không. Không. Những chữ Không Không Không phát ra từ một nụ cười nhỏ và một khoé mắt gượng đã báo cho tôi biết có chuyện không lành. Thời buổi vượt biên, chúng tôi nghe không biết bao nhiêu là tai họa thảm khốc xảy đến. Riết rồi chúng tôi, những kẻ tỵ nạn Việt Nam trên một xứ sở phì nhiêu Hoa Kỳ, phải tập cho cái tai của mình phát triển một vòng đai để giữ lại nơi đó những câu chuyện nào hết sức thương tâm. Mà không dám mở đường cho nó len qua tim đục vào trí. Để cho mình có thể đủ sức mà phấn đấu với đời sống trên mảnh đất lạ này

Nhưng càng nghe Ed nói tôi càng thấy khuôn mặt của Huệ Lâm hiện rõ lên trong trí tôi như người mơ người mộng không dứt bỏ đi đâu được.

Có lẽ vì Huệ Lâm trạc bằng tuổi tôi? Hay vì nét lặng lẽ của tấm hình to tổ chảng của Ed chụp đã đi vô trong đầu tôi? Có phải tại tôi biết rõ những tình tiết éo le của câu chuyện Huệ Lâm? Hoặc vì tôi đang tập tễnh viết văn nên thấy một cốt chuyện hay và muốn vớ lấy?

Tôi bần thần ngồi nghe Ed say sưa kể lại lâm li éo le về câu chuyện của Huệ Lâm mà Ed biết. Tôi tiếc là mình đã không xin được của Huệ Lâm số điện thoại

Tôi thâu thanh vội từ đôi môi đang hăm hở kể chuyện của Ed thêm những chi tiết như: Huệ Lâm là người Hoa ở Đà Lạt. Lấy chồng năm mười chín tuổi có một con gái hai mười bốn tháng lúc vượt biên. Gia đình chồng có tiệm vàng ở một quận xa Đà Lạt hai mươi cây số. Huệ Lâm chỉ mới học đến lớp sáu thì Việt Cọng vào nên nàng nghỉ học từ đó. Chắc là

có vài chi tiết Ed thì nhớ không rõ mà cọng thêm cái miệng võ đoán của tôi bàn vô tán ra.

Sau đợt triển lãm ấy, Ed đi Florida nhận việc làm mới. Tôi tiếp tục trở lại trường lấy cho xong mảnh bằng cao học và vẫn tiếp tục say mê giấc mộng viết văn của mình

Tôi định viết một câu chuyện về Huệ Lâm nên mắt và tai cũng hơi dòm chừng những khi đi đến mấy tiệm thuốc Bắc hoặc mấy cái chợ Tàu. Còn như trong câu chuyện nào mà tai vừa nghe ai nói gì về người Hoa là tôi cũng nhảy bổ vô hỏi thăm này nọ để dò la tung tích Huệ Lâm

Trong cái trí nhớ lung tung xà bèng của tôi hiện ra một cái gì có vẻ như một hạt đậu phọng chưa bóc vỏ. Be bé và đen đen. Da mịn màng miệng hơi đỉnh và cặp mắt một mí. Cô có cái vẻ rất ăm ắp lờ lờ như nhiều con gái Hoa kiều khác ở Việt Nam.

Nhưng điều cô ta trải qua thật là một kinh nghiệm kinh hoàng không thua gì những kinh nghiệm sống sót qua những trại tập trung của Phát Xít Đức thời Hitler

Tôi tự hỏi điều gì sẽ dấu ấn trong cuộc đời còn lại của Huệ Lâm.

Nằm ôm phao chờ hoá kiếp trên biển Đông? Ngồi dưới những mái tôn hầm da hầm thịt ở những căn lều ven biển Mã chờ tin trối trăng của chồng và con? Hay thời gian trong trạm cảnh sát Mã bị hiếp đứng? Hoặc nằm ngửa banh càng cho người ta nạo thai?

Tôi đang mong có dịp gặp lại cô nhân vật của tôi. Thì bỗng đùng một cái tôi gặp lại Huệ Lâm trong một văn phòng ghi danh học ESL, nơi tôi đang dạy thực tập sau khi tốt nghiệp đại học

Tôi níu áo Huệ Lâm ngay và không bỏ lỡ cơ hội. Tôi kéo Huệ Lâm vào trong phòng của bà phụ tá nhận đơn xin học. Tôi xoắn xít nói Huệ Lâm phải thi xếp lớp ngày nào và tôi gửi Huệ Lâm cho cô thư ký để cô có thể theo học Anh văn được ngay khóa kế tiếp mà khỏi chờ chực như những người khác.

Cuối cùng Huệ Lâm đồng ý cho tôi chở về nhà khi tôi nghe Huệ Lâm chưa mua xe và đang đi xe nhờ của cô bạn để đến đây kiếm tin tức về cách ghi học lớp Anh Văn

- Cô tốt qúa. Huệ Lâm nói khi leo lên xe ngồi cạnh tôi

Tôi hơi đỏ mặt chút xíu và im im rồi tìm cách nói lảng qua chuyện khác

Suốt buổi gặp gỡ đó tôi vận dụng trí óc tối đa. Tôi rán mở to mắt để quan sát Huệ Lâm có gì đặc biệt hơn ngày tôi gặp ở phòng triển lãm. Tôi nặn óc để nhớ lại mình nên chụp bắt trong những câu trả lời nào của Huệ

Lâm xem đâu là những giáo án căn bản của một con người chứa lò thuốc nổ của những khủng hoảng lớn trong đời. Tôi nhìn cách Huệ Lâm phản ứng để mong hiểu ra những ẩn dụ của một người kinh qua những chuyện không may

Tôi về nhà và viết ra một giàn hai chục câu hỏi trong quyển sổ tay để ghi nhớ những điều mình cần tìm thấy ở Huệ Lâm. Tôi dặn tôi phải soi sáng vào việc biến cố trên biển Đông đã móc ngoéo lại những gì trên cuộc đời người con gái Tàu Việt này. Tôi cần biết ấu thời của Huệ Liên có sơn lâm êm đềm hay lủng củng một nùi gia đình. Sau mỗi lần nói chuyện với Huệ Lâm xong, tôi ghi lại những lời nói và động thái của cô để sau đó suy gẫm và phân tích xem thử chúng có nổi cộm những điều bất thường thế nào

Một lần Huệ Lâm mời tôi lại nhà ăn bún cá Kiên Giang. Huệ Lâm đang chia phòng chung với một cô bạn Tàu Chợ Lớn tên là Thanh. Một mặt tường treo tranh các tài tử Tàu Hồng Kông đẹp trai và đẹp gái. Mặt tường kia có một cái bàn thờ để hình Phật bà. Huệ Lâm mặc một áo sát nách thun vàng và một quần bò bó sít mông. Mấy cái móng tay móng chân vừa mới sơn đỏ ráo xong khoe ra lúc Huệ Lâm múc nước lèo từ nồi vào bát nóng

- Huệ Lâm chịu khó sơn móng tay móng chân ghê nhỉ. Tôi nói. Khi nào gặp Huệ Lâm là cũng thấy móng tay móng chưn vừa mới sơn xong thiệt là láng

Huệ Lâm cười và xoè ngón tay ra

- Ra tiệm cho người ta làm đó chớ.

Trong khi cả ba người phụ nữ trẻ giòn dã khúc khích ăn bún cá trộn rau sống tươi với nhau. Thanh hỏi tôi:

- Cô có tin có cái đảo Câm ở đâu bên Mã Lai hay Thái Lan không?

Tôi vừa nuốt một ngụm bún có tí ớt cay kè vừa nói:

- Chưa nghe nói bao giờ. Tôi cũng không rành địa lý thế giới lắm

Huệ Lâm xì một tiếng:

- Thấy hông. Tao nói là hỏng có mà.

- Cổ nói cổ không rành mà. Thanh nói.

- Mà sao vậy. Tôi hỏi

- Con Huệ nó đòi đưa hình chồng nó với con nó lên bàn thờ. Thanh nói. Mà hôm bữa hai đứa tui đi xem ông thầy Tăm, ổng nói là ở bển có một cái Đảo Câm – đó tàn là mấy người câm ở không hà. Mà mấy người câm này hiền lắm. Không có dữ như mấy người biết tiếng người đâu. Nghe nói mấy người câm này làm nghề đánh cá mà họ vớt được mấy người chìm tàu đưa dzề bển. Mà ai được họ vớt lên về ở đó thấy thương

mấy người câm này rồi hỏng muốn về lại với người biết tiếng nữa. Tui xúi con Huệ mai mốt đi sang bển tìm ra cái Đảo Câm này. Lỡ biết đâu chồng con nó còn sống ở bển sao

Huệ Lâm xịu mặt không nói gì sau khi nghe Thanh kể cho tôi nghe về truyền thuyết Đảo Câm. Xẩm tối tôi thấy Huệ Lâm lại thắp nhang trước bàn thờ Phật rồi bưng đĩa nho xuống mời tôi ăn.

Trong thời gian đó tôi đang viết dở một câu chuyện về chiến tranh và những hậu quả của nó. Tôi đi sưu tầm từng thước tài liệu về sự tàn ác của chiến tranh. Tôi say sưa đọc những tác giả Tây Phương phân tách tâm lý các nhân vật. Tôi ngưỡng mộ Elie Wiesel một tác giả viết về dân tộc Do Thái và những hậu quả của những trại tập trung ở Đức thời Hitler.

Tôi nghĩ biến cố trên biển Đông cũng sẽ để một thứ chấn thương mạnh mẽ trên Huệ Lâm.

Nhưng tôi tịt ngòi giữa một cái chuyện viết dở dang về Huệ Lâm. Mỗi lần nói chuyện với nhân vật của tôi, tôi bị hối lộ bởi những điều mà tôi không mong. Huệ Lâm khoe những của cải tân trang trên cơ thể và không biểu lộ dấu hiệu khủng hoảng tâm hồn nào sau biến cố bị trấn lột trên đường vượt biên ấy. Như Huệ Lâm khoe vừa mới đi sửa ngực, cắt mắt, và sửa mũi. Huệ Lâm rủ tôi vào trong phòng thử áo quần của Macy's. Tụt hết áo quần và ướm thử một cái xú cheng lên người. Tôi nhìn bộ ngực căng đầy như một bộ ngực của người mẫu so với thân hình lùn lùn của cô. Huệ Lâm nói. "Sờ đi. Nè nó tự nhiên. Đâu có sao đâu. Đi sửa đại đi". Như Huệ Lâm dẫn một anh bồ trẻ măng nhỏ thua Huệ Lâm bốn tuổi mới đi Lake Tahoe chơi mút mùa Giáng sinh năm cũ. Qua tết ta, Huệ Lâm dẫn một anh Mỹ đến giới thiệu là Steve bạn trai của em

Huệ Lâm càng ngày càng xinh đẹp và sự thành công với đời sống mới của Huệ Lâm đã đốn ngã những dự trữ của tôi về nhân vật mình

Vứt hết vụt hết cái dáng vẻ im lặng nghiêm nghiêm và mái tóc rẽ lệch một bên ngày nào. Huệ Lâm của tôi bây giờ là một Lisa tóc quăn mốt rối. Làn da không còn nâu nâu mà đã được chà chà đánh đánh cho trắng phau lên. Miệng khi nào cũng nhanh nhẹn lời đi trước người. Càng lúc tôi càng thấy tôi người đạo diễn nhỏ lùi lại trước cái bóng lớn của nhân vật của mình phù phù gió thổi linh hoạt ngoài đời sống kia

Sáng chủ nhật gặp Huệ Lâm mặc một bộ đồ da và đi mua thịt heo quay ngoài một cái chợ Tàu về làm tiệc đãi bạn :

- Em mới ra nghề tóc đó. Huệ Lâm nói

Huệ Lâm ỏn ẻn cười khi tôi khoe tóc nàng cắt ở đâu mà đúng mốt qúa

- Chời. Làm nghề tóc này được lắm cô. Khỏi cần học Anh văn gì. Chớ em dốt Anh văn quá. Học ở cái trung tâm của cô hoài mà không lên

lớp Ba được.

Cô gái trước mặt tôi trông xinh tươi như hoa lan hoa huệ ngoài đồng. Chả có điều gì phiền muộn còn lại trên khuôn mặt và cuộc đời người con gái này chứng tỏ là nàng ta đã trải qua những biến cố kinh hoàng trên biển, trong trại tỵ nạn. Là người đã mất tiêu dấu tích chồng con của mình trong lần chết đi và sống lại ấy.

Mãi mà tôi vẫn không viết nốt được cái chuyện về Huệ Lâm. Tôi học hết những lớp viết chuyện trong các đại học Mỹ. Tôi biết nhân vật Huệ Lâm của tôi đầy đủ tranh chấp tương tàn và đầy đủ màu mè để đưa vào bộ sáng tác tiểu thuyết của tôi. Nhưng mỗi khi gặp Huệ Lâm xong về ngồi mường tượng lại khuôn mặt hí hửng xoá bỏ dấu vết đại sự đớn đau kia, tôi thấy mình không lý giải nổi sự hồn nhiên quên qúa khứ dễ dàng này của Huệ Lâm

Vào một ngày tháng tư tôi đang loay hoay giúp mấy người bạn tổ chức Tưởng Nhớ Đêm Ba Mươi Tháng Tư Đen. Những cái người Việt còn nhớ đến ngày Miền Nam mất nên vẫn còn tưởng nhớ kỷ niệm tang thương của cố quốc mình. Khi cùng mấy người bạn đi bún bò trong quán Số Một ở đường Senter, tôi gặp lại Huệ Lâm đang ngồi trong quán ăn với một cô bạn khác. Cô mặc một chiếc váy đầm trắng, áo vét ngoài màu hồng phấn. Chân mang giày cao gót đen năm phân thời trang nhất nhãn hiệu Nina. Móng tay dài mới làm ở tiệm *nail* ra sáng chói lấp lánh hai ba chiếc nhẫn hột xoàn to hột xoàn nhỏ nằm kẹt cứng giữa ngón trỏ và ngón út.

- Trời ơi sao giờ giống bà chủ quá rồi. Tôi nói. Nghe nói Lisa giờ mở tiệm tóc rồi hả?

Huệ Lâm trao cho tôi tấm danh thiếp cửa hiệu tóc của cô và nói:

- ờ. Mình hùn chung với người ta đó mà. Bữa nào cô lại cắt tóc

Tôi thấy nhân vật của tôi qua mặt tôi vèo vèo. Mới ngày nào còn ấp úng thưa cô và còn xưng em với tôi. Nay hô lại với tôi như giọng một người chủ tiệm nói chuyện chào hàng mời khách đến thăm. Hay có khi cô còn nhìn tôi là cái bà cô dạy ESL phấn son nhàn nhạt gặp đâu là ưa hỏi những câu hỏi vớ vẩn miết thôi.

- Mừng cho Lisa. Tôi nói. Mới ngày nào vậy mà bây giờ làm chủ tiệm tóc ngon lành....

Không biết tôi định nói cái gì nữa mà Huệ Lâm cắt đứt và lôi tôi ra phía trước tiệm chỉ cho tôi chiếc xe Mercedes đen đậu ngay trước tiệm

- Ảnh mua cho em đó. Huệ Lâm cười lỏn lẻn và nói. Xe cũ chớ không phải xe mới. Ảnh làm nghề sửa xe nên biết mua xe đó. Tụi này sắp làm đám cưới. Bữa nào nhớ đi ăn đám cưới nghe.

Cô nói như ra lệnh, vừa rút chìa khóa xe trong ví ra vừa chào giã biệt

tôi

- Thôi mình đi nghen. Có gì gọi lại tiệm của mình.

Tôi trở lại tiệm ăn kể lại sơ sơ cho mấy người bạn ngồi chung. Mấy cái tên bạn toàn là thứ hăng say tranh đấu cho một Việt Nam Dân Chủ Độc Lập Tự Do Thịnh Vượng Phú Cường. Máu đấu tranh sôi sùng sục trong lòng mấy cái tên trời đánh không chịu chấp nhận chế độ Cọng Sản đang thống trị trên quê hương cũ của họ đã gần mười năm nay.

- Người dân thường người ta mau quên đi để mà sống. Một bạn của tôi nói. Dân đấu tranh mà dễ quên vậy là thấy mẹ rồi

- Tàu Lai mà. Một tên khác nói.

Một tên trong bọn trầm ngâm hơn:

- Tàu mà đi tha phương cầu thực thì còn dễ quên bạo. Vì với họ ở đâu có miếng ăn ngon thì ở đó có tương lai. Mà muốn có tương lai hạnh phúc thì nhớ làm gì đến cái quá khứ đau đớn đấy chứ. Mà này cô bạn. Người ta không đau khổ thì đâu phải là một cái lỗi. Tại sao cô lại cứ mong cho người ta đau khổ. Cô chính là kẻ đi rình mò sự đau khổ của người khác rồi đem về vẽ chuyện lên. Cái bọn viết văn nào mà cứ nghĩ là viết tiểu thuyết cần phải éo le gay cấn cuộc đời thì chuyện mới hay, chính ra bọn này cần xét lại họ trước.❐

Sách mới của Thế Uyên:

Không một vòng hoa
cho người chiến bại

truyện dài

"...Độc giả nào chỉ thích đọc loại văn tải đạo, sách tuổi hồng tuổi xanh, đề cao anh hùng liệt nữ, sách chống cái này theo cái kia về chính trị, thì không nên đọc truyện dài này. Bởi vì những gì viết ra sau đây chỉ là "truyện đời thường" của bốn anh em một gia đình ven Hồ Tây, Hà nội, phiêu lưu trong cuộc đời của họ trong nửa thế kỷ vừa qua, từ Miền Bắc xuống Miền Nam Việt Nam, từ Việt Nam đến tận Hoa Kỳ, với tất cả thăng trầm yêu đương tình dục của họ. Người viết muốn tả cái gì cũng tới đáy, tới phần sau thẳm nhất, tới biên cương của mọi sự..." (trích Ghi chú cho lần in thứ 1)

Xuân Thu xuất bản, P.O. Box 97, Los Alamitos, CA

Bìa Nguyên Khai . Giá $14.00

Thơ Đỗ Quang Nghĩa

Một chiều đông Berlin
(trong khu tưởng niệm Hồng quân Treptower Park)

Mùa đông
những bức tượng đồng
rùng mình
trong trắng tuyết.

Lặng vang
lời thơ cũ:
"Vinh quang
vinh quang
đời đời vinh quang." (*)

Nửa thế kỷ lạnh chiến tranh nóng -
Nửa thế kỷ nóng
chiến tranh lạnh.

Trên hai hàng phù điêu,
còn dấy lời Stalin
tụng ca
sự hy sinh của người lính Liên xô...
Những cái chết vinh quang
và cay đắng
những cuồng vọng độc tài.

Ngọn lửa vĩnh cửu
từ lâu không sáng nữa.
Những vòng nguyệt quế bằng đồng
ánh lên màu xanh lạnh.
Nửa thế kỷ đi qua -

những người lính Nga vô danh
lầm lụi về Tổ quốc
những ca sĩ Nga vô danh
hát rong những nẻo đường nước Đức.

Chia tay
năm mươi năm sau chiến tranh
gửi lại chút âm thầm:
"vĩnh biệt!"

(*) Thơ Rôdevenxky

"Như là mây giang hồ"

Ô, có một ngày hồn xốp như đám mây
Khựng lại trên khoảng trời thành phố:
Những đôi tình nhân thả hồn trong nắng. (*)
- Thời thanh xuân hết đã tự bao giờ.

Ô, có một ngày hồn xốp như đám mây
Khựng lại trên khoảng trời thành phố:
Có đám biểu tình trước tòa đại sứ.
- Biết ở đời đâu là đại là khôn.

Gió thổi,
mây tan,
như giọt sương mỉm cười trên lá?
đang ngưng lại khoảng trời thành phố
- Biết ở đời đâu là nhục là vinh.

(*) "Và những đôi nhân tình đang thả hồn dưới mây chiều"...
Phần lời Việt của Lê Hựu Hà, bài hát Cánh đồng xanh.

Thượng du, niềm thương nhớ

Lâm Chương

Ngược dòng Thác Bà, lên tận thượng nguồn dựng trại. Trại nằm trong thung lũng, sát chân núi. Núi không có tên. Núi chập chùng trùng điệp, đếm không hết. Cả một vùng bao la núi non hiểm trở trải dài lên tận biên giới, mang chung một tên: Hoàng Liên Sơn.

Một thời kỳ nô lệ xa xôi, người da đen Phi Châu bị lùa xuống tàu đi biệt xứ. Tôi cũng bị lùa xuống tàu, nhưng chưa ra khỏi lằn ranh xứ sở. Thời gian không lâu mà tưởng chừng qua một kiếp. Bỏ đời cũ. Quên những buộc ràng quá khứ. Trong nghiệt ngã, suy tư nhiều, sẽ không sống nổi. Dằn vặt với thương đau, sẽ không còn mạng trở về. Tinh thần đi xuống, thân xác không thể đi lên. Hãy xem mọi hành xác là sự bình thường. Tôi nghĩ thế, và thản nhiên *"chém tre đẵn gỗ trên ngàn"*, dựng trại.

Lán trại lợp bằng nứa. Chung quanh có rào. Hàng rào cũng làm bằng nứa, bắt chéo vào nhau, đầu chông nhọn hoắt. Trưởng trại nói rào để cản thú dữ, nhưng ai cũng biết rào để ngăn người từ trong thoát ra ngoài. Cổng trại là lối ra vào độc nhất, có chòi canh kiểm soát. Bên hông trại còn một chòi canh nữa, cao bằng ngọn cây, để quan sát toàn trại. Trên đó, đặt một họng súng đại liên. Nơi miền cao thôn bản, súng đạn là thứ duy nhất tượng trưng văn minh của người miền xuôi.

Ở đây, không đo thời gian bằng kim đồng hồ. Trưa nghe chim bắt-cô-trói-cột kêu trên đầu núi, biết đang mùa hạ. Đêm nằm nghe cú rúc ngoài đầu hồi, biết đang mùa đông. Thung lũng ít chịu mặt trời. Âm khí núi rừng pha trong sương đục, nhòa nhòa lán trại. Cái lạnh rờn rợn nhiễm vào người, lâu dần thành quen. Thiên nhiên tập cho con người biết chịu đựng. Về với thiên nhiên, thở cùng cỏ cây. Đi trên đất ẩm, nghe mùi rong rêu lá mục. Làm quen với muỗi đói vắt rừng. Coi thường độc trùng rắn rít. Ngồi lặng hàng giờ, ngắm những bông hoa dại âm thầm ngoi lên từ kẽ đá. Thưởng thức tinh hoa của đất trời, cũng là một cách dưỡng sinh. Dựa lưng

gốc đại thụ, thấu lẽ câm nín ngàn đời. Quên chuyện ngày trước. Bỏ chuyện ngày sau. Sống đời hoang dã. Thú rừng vô tâm, không biết buồn. Ai nặng thất tình lục dục, dễ bỏ mình giữa chốn thâm sơn.

Gió lớn bốn phương về ngang thung lũng, bỗng trở mình cuộn thành cơn lốc. Lá khô bị hốt lên cao, rồi tung ra như bướm tan đàn, bay tứ tán. Cái nóng mùa khô gió Lào, không đủ ấm lòng thung lũng. Gió rừng không sát đất. Gió rì rào trên đọt cây. Dường xa xôi vọng lại. Dường gần gũi bên mình. Đời đang khốn khó, mà nghe như có tiếng thì thầm của một quê nhà cách trở.

Ở đây, thường nghe gió hú. Các cụ già người Dao ngồi hơ tay bên bếp lửa chiều đông, kể bao nhiêu là chuyện âm hồn nương theo gió, về đậu trên ngọn rừng tru thảm khốc. Thầy Mo thương những hồn cô quạnh, không nỡ đuổi đi. Tôi, người mạt khách phương xa. Nghe chuyện thần linh ma quỷ. Nghe truyền thuyết bao đời cha ông của người Tày người Dao. Nghe bài ca gắn bó núi rừng. Thấm thía muốn trở thành người Tày người Dao, để đêm đêm nằm dưới mái nhà sàn, thấy cây cỏ mọc đầy trong giấc chiêm bao. Tôi, kẻ trí cùn, không thuộc hết bài trường ca thôn bản, viết lại bằng mường tượng nhớ nhớ quên quên:

Bản ta có bếp lửa bằng tuổi ngôi nhà
Có người già bằng cây cổ thụ
Sống trăm năm bóng đè ngọn núi
Sinh con để cái
Ở cùng cây rừng
Ở cùng đá núi
Đất cho cái ăn lấy từ nương rẫy
Nước cho cái uống lấy từ khe xanh
Thịt da thấm sương mù
Bàn tay rắn rỏi
Vỡ đất cho hạt lên mầm
Buổi sáng giắt con dao quắm
Vác cái xà gạc trên vai
Đội lá rẻ gai vào rừng
Bắt con mang con mển
Bắt con nhím con trăn
Chặt cây giang cây nứa cây vầu
Đốn cây trắc cây lim cây gụ
Đẽo gỗ làm nhà sàn
Nuôi bếp lửa trừ tà xâm nhập
Bản ta có thầy Mo

Quen với Thần Rừng Thần Núi
Biết vẽ bùa làm phép
Gọi âm binh che chở bản làng
Không sợ con cú mèo trù rủa
Không sợ con beo con báo
Về rình trong đêm tối
Thầy Mo gọi ông Trời
Cho cái mưa cái nắng
Nuôi cây lớn lên nuôi người lớn lên
Giống giòng đời đời nối tiếp ...

Tôi không hiểu ngôn ngữ người sắc tộc. Nhưng khi cụ già người Dao cất giọng, nghe như tiếng kêu trầm thống, và một nỗi gì như nỗi tàn phai đang đổ xuống núi rừng lồng lộng hoàng hôn. Không như ngâm thơ. Không như hát tân cổ nhạc. Không như tụng kinh. Cái âm lên không bổng, xuống không trầm. Ê a lê lết kéo dài áo nảo. Từa tựa như pháp sư đọc thần chú. Một sắc thái hoàn toàn riêng biệt. Lẩn khuất trong lời ca, có niềm bi tráng. Cụ già chuyển ngữ bằng lời Việt. Tôi rắp tâm ghi nhớ trong lòng, mà lòng tôi thì nhòa dần theo ngày tháng nắng mưa.

Những chiều thu yên ả, ngồi trên lưng chừng núi, nhìn xuống rừng. Khói nghi ngút bốc lên từ những mái nhà sàn, núp sau vòm cây. Nhớ cái bếp người thượng du. Đóm lửa đầu tiên thỉnh từ thầy Mo, đem về gầy nên bếp lửa. Và đóm lửa ấy, âm ỉ ngún hoài theo thời gian, tồn tại cùng với ngôi nhà. Người Dao tin rằng lửa xua đi bóng tối ma quỷ. Muốn cho nhà cửa bình yên, phải giữ lửa hoài trong bếp. Tôi cũng muốn tin như thế, tin bất cứ điều gì huyền bí, để trong tuyệt vọng, tinh thần còn có thiêng liêng làm chỗ dựa.

Những người khách bất đắc dĩ, từ phương Nam xa xôi đến đây, đều ghê mùa đông Việt Bắc. Mùa đông. Ngày chưa chiều, trời đã chạng vạng từ lúc mới ra đi.

Mùa đông đến mưa phùn gió bấc
Suốt mùa đông không thấy mặt trời

Ngày xám âm u. Mưa phùn nhẹ như sương muối, thấm ẩm áo quần. Gió bấc hiu hiu, thổi cái buốt luồn vào tận xương. Vác bó nứa dài lê thê xuống núi. Đất nhão. Dốc trơn. Trượt té. Vấp ngã. Tay chân xây xước, chảy máu mà không đau. Da thịt lạnh tê, mất cảm giác.

Đường đi khó
Không khó vì ngăn sông cách núi
Mà khó vì lòng người ngại núi e sông

Có thật vậy không? Câu nói của Nguyễn Bá Học, một thời lấy làm

kim chỉ nam, dù hàm chỉ nghĩa bóng, giờ đây, bỗng thấy sáo rỗng. Những ai đang trên dốc đời khổ sở, mới biết được cây thập tự giá trên vai Chúa Giê-Su nặng dường nào. Có vào địa ngục mới cảm thông kẻ chịu cảnh A Tỳ. Ngồi một chỗ lý thuyết suông, nói những câu triết lý để đời, dễ hơn là đối mặt với thực tại gian truân. Những hình nhân tiều tụy rách rưới, vượt qua được một mùa đông, là đi thêm một chặng đường vô vọng. Sự vô vọng giết người. Càng lấn sâu vào con đường vô vọng, càng gần sự chết. Chết đủ mọi cách. Đói làm suy dinh dưỡng, thân xác không còn sức đề kháng với sốt rừng. Thậm chí, cảm xoàng cũng chết. Chung quy, cũng vì không thấy được ánh sáng phía cuối con đường vô vọng. Tôi có người bạn, cùng cảnh ngộ, khi đi tiêu, thấy phân có lẫn chút đàm, ứa nước mắt. Tao tới số rồi. Nếu mày còn có ngày về, cho vợ con tao biết ngày cúng giỗ. Anh bị kiết lỵ. Bị kiết lỵ, coi như Ngọc Hoàng giũ sổ. Tất cả thuốc men, đã bị tịch thu từ lúc mới đặt chân ra đất Bắc. Ở đây, rau sam đâm dập, vắt lấy nước uống, được coi là thuốc trị bệnh kiết lỵ. Ban đầu, anh còn đi ra nhà cầu. Ngày thứ hai, tôi đào cái hố nhỏ ngoài vách lán, cho anh ngồi đó. Tôi phải đi rừng. Không ai săn sóc, anh bò ra hố, giữa cái lạnh mùa đông dao cắt. Sau, anh nằm luôn trong lán sạp, ỉa ra máu. Không cần mặc quần nữa. Một kẻ có quyền, từ trên khung xuống, đứng nhìn anh. Mặt lạnh. Không biểu hiện căm thù hay thương xót. Không ai có thể đoán được trong cái đầu ấy đang nghĩ gì. Hỏi có cần gì không? Bạn tôi thều thào, xin một cục đường và gói mì ăn liền. Câu trả lời dứt khoát. Đường, có ngay. Mì, xứ này không đào đâu ra được. Yêu cầu đã thỏa mãn một nửa, như ân huệ cuối cùng. Tôi đưa bạn về đất, an nghỉ dưới chân đồi. Nước mắt tôi chảy ngược, không có giọt nào nhỏ xuống cho anh.

Thời mạt vận quỷ thần quay mặt
Nghiến chặt răng kình với tai ương
Người bỏ cuộc đi về với đất
Chiếu bó thây nằm lại rẫy nương

Bốn mùa đều có người đi không trở lại. Nhưng mùa đông khắc nghiệt, là thời điểm dễ nhất để vĩnh biệt thế gian. Tử Thần lãng vãng đâu đây, làm sao lánh mặt? Tôi nhớ loáng thoáng trong Thiền Luận: *"Tất cả đều là phương tiện tu hành."* Trước nghịch cảnh, tôi áp dụng ngay câu này để hóa giải mọi thương đau, biến nhọc nhằn thành phương tiện. Bàng Uẩn xem bửa củi gánh nước là diệu dụng. Sao tôi không xem đốn cây cuốc đất là một cách tập dưỡng sinh? Và, tôi đã đi qua mùa đông, đi qua nhiều mùa đông rét mướt, bằng sự thư thái riêng tôi. Một kẻ có quyền, sau nhiều ngày nhận xét, đã phê bình cách làm việc của tôi: *"Giơ cuốc lên, cổ ỉa. Hạ cuốc xuống, mồi xông."* Câu nói làm tôi sửng sốt. Diễn tả động tác

chậm, không có cái chậm nào bằng. Từ từ giơ cuốc lên, chậm như ngừng lại, thời gian lâu đủ để con cò đậu trên cái cuốc và ỉa. Hạ xuống cũng chậm, đến nỗi trước khi nhấc cuốc lên, thì mối đã xông thành tổ. Một lối diễn tả rất độc đáo. Rất bình dân mà cũng rất tuyệt vời. Tôi mãi lấy làm lý thú vì câu nói ngộ nghĩnh, quên cái hậu quả tai hại sau khi bị phê bình. Cứ thế, thân bị kềm chế, mà ý thì phất phơ như chuyện đùa. Tưởng như hồn và xác chẳng dính dấp gì nhau.

Nhiều đêm, rất nhiều đêm. Tôi nghe tiếng chắc lưỡi của những người chung quanh. Những con Thạch Sùng không ngủ, nằm trằn trọc nuối tiếc hoài một thời quyền uy son vàng đã mất. Cánh cửa quá khứ đã khép lại. Nhưng cái dư âm vi vu còn đủ sức ném bao người qua cửa tử. Nuối tiếc và thống hận là chất cường toan bào mòn tâm phế. Người xưa uất khí mà trào máu họng. Đời nay, không thấy có ai. Lác đác có dăm anh hùng sĩ khí thì đã cầm súng tự bắn vào đầu, chết hết rồi. Kể chi những kẻ bợ đít mà nên danh phận. Ngồi trên đầu thiên hạ mà chăn dân. Nằm trên bụng đàn bà mà xua quân vào trận mạc. Gặp thế biến, phóng nước đại tháo thân, nhanh hơn ngựa trường đua. Bao giờ, thấy những phường cẩu trệ bất nhân, chiếm giữ những ngôi vị trọng yếu quốc gia, là điềm báo trước một chế độ suy tàn. Đó là quy luật của mỗi lần lịch sử sắp sang trang. Và cái hậu quả tất yếu của nó, một số người sẽ bị xô xuống hầm tai họa. Trách ai thì chuyện cũng đã rồi. Chắc lưỡi là buông thêm một dấu chấm than (!), tượng hình cho giọt nước mắt, rớt xuống đời mình. Đời mình vốn đã ướt đẫm từ khi lầm lỡ đem thân giao cho kẻ ác. Thôi thì lo *"bảo tinh, dưỡng khí, tồn thần"*, giữ cái bổn mạng tồn tại được ngày nào hay ngày ấy. Sầu bi là tự nghiến đứt sợi dây đang treo mình trên vực thẳm.

Nếu không mặc cảm lưu đày, thì sống với núi rừng là một kỳ thú. Người Tày người Dao sinh ra, lớn lên ở đây. Một nơi mà ánh sáng văn minh chưa hề chiếu rọi. Trong nhà họ, ngoài những cái cuốc, con dao, cái rìu làm bằng kim khí. Tất cả những vật dụng còn lại, đều bằng gỗ hoặc đất nung: ống bương đựng nước, nồi đất nấu cơm...

Những ngôi nhà sàn, thường được dựng gần nguồn nước. Trên thế núi cao, mây ngấm hơi nước vào đất, chảy ra từ trong khe đá. Người ta dùng cây bương, đục bỏ những cái mắc, làm máng dẫn nước. Nhiều cây bương nối nhau, thành cái máng dài, đưa nước về tận chân nhà sàn. Nguồn nước vô tận ấy, chảy hoài không dứt. Người thượng du lợi dụng nguồn nước thiên nhiên để làm cối nước giã gạo, theo nguyên tắc đánh đu, đòn bẩy. Buổi sáng, trước khi *"giắt con dao quắm, vác cái xà gạc"* lên rừng, họ cho một lượng thóc vừa đủ ăn trong ngày, vào cối. Cứ vài phút, cái chày giã xuống một lần, đều đặn. Chiều về, họ trút thóc ra nia, sàng sẩy

lấy gạo, nấu cơm. Và, trên nóc nhà sàn, khói chiều nghi ngút bốc lên. Đời sống đơn giản, êm đềm biết bao. Tôi mơ ước một đời sống như thế: không xuống tóc đi tu, mà lòng cũng tịnh yên thoát tục.

Những năm tháng làm người khách bất đắc dĩ của miền thượng du, có một dạo tôi được chỉ định chăn bò. Hai người, chăn đàn bò bốn mươi con. Một trong hai người ấy, chết vì bệnh sốt rừng. Tôi là người được điền vào khoảng trống. Không phải ngẫu nhiên. Tôi vốn có bệnh bao tử, lại không được điều trị bằng thuốc men. Ở đây, bất cứ bệnh gì, cũng được điều trị bằng một phương pháp rất ư là quái đản: lao động trị liệu, như chặt cây, đốn củi, vác nứa, cuốc đất, trồng khoai v.và Trong tình huống ấy, tôi luôn luôn tạo cho mình bộ mặt nhăn nhó trường kỳ, để mỗi lần, kẻ có quyền nhìn thấy tôi, như thấy một hiện tượng khó chịu. Họ chỉ muốn đẩy tôi đi cho khuất mắt. Nhưng tôi cứ hiện diện, cứ èo uột sống hoài. Cuối cùng, họ cũng tìm được cách để ít phải nhìn mặt tôi. Đó là lý do tôi được chỉ định chăn bò. Sáng ra trại, mãi đến chiều mới vác mặt trở về. Yên thân.

Buổi sáng, mở cửa chuồng. Con bò bô đầu đàn sẽ ra đầu tiên, tự động đi theo người dẫn đường. Đàn bò còn lại, lần lượt kéo theo sau. Và, một người đi sau cùng, cầm roi đét vào đít những con đi chậm, hoặc đưa mỏ ngấm nghé cỏ lá dọc đường. Đến một khoảng đất trống nào đó, người dẫn đường dừng lại. Đàn bò sẽ phân tán đi ăn chung quanh, trên những núi đồi bát ngát màu xanh. Trưa trời đứng bóng, tôi che tay lên miệng làm loa, gọi: "Bò...ơi Bò...ơi". Âm thanh vang vọng núi rừng. Đàn bò lục tục về điểm tập trung, nằm nhơi cỏ. Lúc trời xế bóng, tôi đá đít con bò đầu đàn đứng dậy, nói lớn: "Bò...đi...ăn..." Đàn bò lại phân tán. Buổi chiều, tôi che tay làm loa lần nữa, gọi: "Bò...về... Bò... về..." Tại điểm tập trung, sau khi đếm đủ số bò, con bò đầu đàn lại theo người dẫn đường, về chuồng trại.

Bò rất hiền và khôn, có thể hiểu được một số tiếng người, thường dùng với nó. Những con bò chửa, nếu sinh con ngoài rừng, bò con đi chưa vững, khi nghe tiếng gọi: "Bò... về...", bò mẹ sẽ giấu con trong lùm bụi, để trở lại điểm tập trung. Nhưng nó sẽ lẩn quẩn không chịu về. Người chăn không biết nó mới sinh, nên đánh đuổi, bắt phải về. Bò con ở lại, im lặng một mình, suốt đêm trong rừng. Sáng ra, mở cửa chuồng, bò mẹ chạy trước, qua mặt người dẫn đường, đến chỗ cũ, đón con. Gần tới nơi, bò mẹ liên tiếp kêu ọ... ọ... ọ... Và, bò con đang trốn trong lùm, lảo đảo đi ra. Nó mừng rỡ, quyến luyến, làm nũng cọ dựa vào mẹ. Bò mẹ âu yếm bằng cách liếm khắp mình bò con. Nghĩ đến sự vô tình làm chia cách mẹ con suốt đêm qua, tôi vỗ nhẹ lên đầu bò mẹ, vuốt ve bò con, như một cách

tỏ lòng cảm thông, ân hận.

Tôi nhớ trước đây, cũng đã có lần chứng kiến một cảnh não lòng. Ngoài bốn mươi con bò, trại có nuôi ba con trâu: hai con trâu già và một con nghé. Một ngày gần Tết, người ta lùa trâu cha và con nghé đi ăn. Riêng trâu mẹ, bị lùa vào trại, giao cho nhà bếp làm thịt. Chiều về, không thấy mẹ, con nghé đứng rống thảm thiết. Sáng hôm sau, vừa được mở cửa chuồng, hai con trâu chạy xăm xăm vào trại, đến trước nhà bếp. Trâu cha đứng hả họng, ngóc mỏ lên trời, như kêu một tiếng vô thanh dài xé ruột. Con nghé cúi gầm xuống, đi chung quanh nhà bếp, kêu é... ọ... é...ọ... gọi mẹ, và ngửi đất. Cái hơi hướm của mẹ nó còn phảng phất đâu đây, sau khi bị phanh thây xẻ thịt. Cuối cùng, một điều hết sức đau lòng, cả hai con trâu còn lại: trâu cha và con nghé, đứng ngơ ngẩn nhìn nhau, chảy nước mắt. Trời ơi, loài vật mà biết chảy nước mắt, thì loài người cầm lòng sao đang! Liên tiếp cả mười ngày sau đó, buổi sáng nào, trước khi đi ăn, trâu cha cũng dẫn con nghé đến trước nhà bếp, đứng khóc. Cảnh tượng ấy, không bao giờ tôi quên. Không bao giờ quên.

Có lẽ, những ngày đi chăn bò là thời gian nhàn du thoải mái nhất của đời tôi. Lang thang giữa núi rừng. Đứng trên cao, ngắm mây đùn lên từ những lũng sâu, lướt thướt kéo qua chân núi. Trong phút chốc, tôi bỗng thấy mình như kẻ tu tiên lánh đời, tìm thuốc trường sinh trong hoa ngàn cỏ nội. Tôi cũng thường ngang qua nương rẫy. Ghé lại ngồi chơi với cụ già người Dao. Cụ dạy tôi hút thuốc lào, mà không cần cái điếu cày. Bằng cách miệng ngậm nước, quấn thuốc trong chiếc lá, châm lửa, rít một hơi dài, ém khói và nhổ nước ra. Tôi tập nhiều lần, nhưng không làm được. Cụ kể tôi nghe về phong tục tập quán người dân thôn bản. Kể tôi nghe về đời cụ. Một điều làm tôi ngạc nhiên: suốt đời, cụ chưa đi đâu xa quá một ngày đường. Tôi ước lượng khoảng cách ấy, không hơn năm mươi cây số. Cụ hỏi tôi từ đâu đến đây, và tại sao tôi nói được tiếng Việt? Qua câu hỏi, tôi biết trong thâm tâm cụ, miền Nam là một nước khác. Cụ có vẻ buồn khi nhắc đến những người con trai của núi rừng, bỏ thôn bản đi làm giải phóng miền Nam. Phần đông đi biệt không về. Một số rất ít trở về, kể chuyện Sài Gòn có cái nhà lầu cao bảy tầng, và thành vua rất tráng lệ. Cụ không tin con người có thể cất được cái nhà bảy tầng. Nhưng tin rằng, nếu vua Sài Gòn không chịu đầu hàng thì quân Cách Mạng sẽ bắn nát thành vua. Nhân chuyện cụ già, tôi nhớ trên chuyến xe lửa chở tù lên Yên Bái. Một người bộ đội hỏi tôi, thằng Pho có đi học tập chuyến này không? Tôi hỏi lại, thằng Pho nào? Thằng Pho (Ford), tổng thống Mỹ đấy. Tôi đáp gọn, nó đang ở bên Mỹ. Anh ta tiếc rẻ, thế à? Nó cũng chạy khỏi? Uổng thật! Dân trí như thế, mà người ta tuyên truyền rằng ánh sáng văn minh

đèn điện đã soi rọi khắp các vùng nông thôn, rừng núi.

Tâm hồn người thượng du, mộc mạc như đời sống của họ. Sáng sớm, rời mái nhà sàn, họ lên rẫy, hoặc đi săn bẫy thú rừng. Bước chân không có tiếng động. Âm thầm hoang dã. Thỉnh thoảng, nghe tiếng đốn cây vọng lại. Cái âm thanh khô khốc lẻ loi, như từ thinh không rớt xuống núi rừng u tịch. Buổi tối, những người trẻ đi ngủ rất sớm. Người già ngồi trầm ngâm trong ánh sáng chập chờn của ngọn đèn dầu chai. Đời họ, không có gì vui, cũng chẳng có gì buồn. Thời gian lặng lẽ trôi qua, họ tưởng như thiên nhiên muôn đời vẫn thế. Làm sao họ nhìn thấy được sự biến đổi chậm chạp của núi rừng, khi cuộc đời quá ngắn.

Mấy mươi năm về trước, có một số người miền xuôi, đi lính Tây, bị đày lên đây. Bây giờ, họ đã già lắm. Và con cháu họ, cũng đã trở thành người của thượng du. Khác nhau, là họ không ở nhà sàn. Cái sân trước nhà không mọc cỏ. Chung quanh có trồng vài loại cây ăn trái. Ở mãi một nơi nào, rồi cũng nhận nơi đó làm quê hương. Nếu đời cha không nhận, thì đời con cũng nhận. *Thiên địa vô nhân.* Núi rừng không vì một ai hết. Trời đất lặng thinh. Bốn mùa vẫn luân chuyển nắng mưa. Hoa lá trên ngàn vẫn xanh thắm. Không vì mặc cảm đọa đày, mà con người ghét cả thiên nhiên.

Một ngày mưa dầm, tôi được lệnh chuyển trại. Thời thế đã đến hồi gay cấn. Quân của hai bên đã dàn ra, đối mặt trên biên giới. Rồi đây, núi rừng lại âm vang tiếng súng. Người dân hiền hoà vô tội của thôn bản, là nạn nhân trực tiếp hứng chịu những sấm sét do chính con người gây ra.

Con đường phía trước tôi, không biết sẽ về đâu. Trí tôi bỗng hiện ra những dốc đèo uốn khúc sơn khê. Những con suối mùa, chảy xiết ngày mưa. Những thôn bản, im vắng trưa hè. Tôi như nghe tiếng chim bắt-cô-trói-cột gọi buồn thê thiết. Nghe con áo-dà, con nai đêm đêm "béc" ngoài đồi tranh cô tịch. Nhìn lại, lán trại đìu hiu. Cái sạp, nơi tôi nằm, trống hoang lạnh lẽo, mới đây mà cơ hồ đóng bụi. Cái ống bương đựng nước rửa mặt mỗi sáng, nghiêng đổ dưới sàn. Cái giỏ phong lan, tôi đem về từ ngoài rừng, treo trên vách nứa, như cũng có hồn biết rầu rĩ chia xa. Hàng rào trại, không còn cần thiết nữa, bị phá một khoảng để lấy lối đi tắt, cũng làm tôi nao lòng. Chẳng phải tôi đã từng khó chịu vì cái hàng rào này, và mong được ở ngoài vòng kiềm toả của nó hay sao? Rời khỏi nơi đây, một chốn đã trở thành thân quen, tất cả những gì bỏ lại, đều làm tôi thương nhớ. Ra đi, tôi ngó lại trong mưa, những dãy núi Hoàng Liên Sơn mù mù, đẹp và hùng vĩ biết bao. Xin chào từ biệt, những người cùng chung cảnh ngộ, đã đến đây và vĩnh viễn nằm lại núi rừng thượng du.❐

Mấy mảnh vụn

Trúc Chi

Mỗi lần sờ đến giấy mực hay là bật máy *computer* lên mà ghi lại một đôi sự việc trong ngày, trong tuần - một câu nói vô ý thức suýt làm phật lòng ông láng giềng tử tế, hai câu lục bát không biết vì nguyên nhân sâu xa nào mà lại được sắp thành bảy hàng trên trang thơ của một tờ nhật báo ở đây, lời cam kết long trọng của một chính trị gia Ấn Độ trước thuộc phe cấp tiến nay lại có khuynh hướng bảo thủ, một vụ biển thủ mà nghi can là nhân vật thứ hai trong một tổ chức từ thiện có chi nhánh trên toàn cầu, một đám mây chiều màu hỏa hoàng có hình chữ S trông giống như bờ biển Việt Nam mà lại không có cái đảo Hải Nam bên cạnh - với ý định giữ làm chất liệu cho chuyện viết lách của mình, thì tôi hăng lắm. Đầy đủ thời điểm, địa điểm của dữ kiện. Chưa chi mà đầu óc mình đã bận rộn với chuyện chọn lọc, thêm bớt, sắp xếp đầu đuôi xuôi ngược cho những bản thảo chưa thành hình. Thích thú lắm. Không có chướng ngại, không có ụ chiến đấu, trên con đường thênh thang của óc tưởng tượng.

Nghiệt một cái là lúc dở ra đọc lại thì phần lớn những điều mình ghi với cả cái hăm hở, cái náo nức của một chuyến lên đường mà mình thấy là nhiều hứa hẹn, lại khô cứng như xác của mấy con gián già sau một cánh cửa nhiều mạng nhện. Mà lòng mình lại cũng không rộn rã chút nào cả. Những buổi tối ngồi một mình, nhấp ly rượu thuốc, có một ít sương mỏng lướt thướt bên thềm như tà áo của một người con gái nào đó đã một lần lọt vào ký ức, một tà áo không tên không tuổi không ngày tháng, có trăng liềm hơi có vẻ ma quái như hôm nay, lẽ ra tôi phải dở quyển *Liêu Trai Chí Dị* mà đọc lại.

Cứ dở ra, chuyện nào cũng hợp cảnh. Ông Bồ Tùng Linh dùng chuyện ân ái giữa người với hồ ly để nói chuyện khác, ai cũng biết rồi. Mấy cái anh chàng *Sinh* này trong bản dịch của ông Đào Trinh Nhất, có kẻ nguội

lạnh với việc đời, có kẻ không còn màng chi đến danh lợi nữa. Thành ra, về cái điểm này, họ không gần tôi lắm, bởi vì hình như tôi vẫn còn vướng víu với nhiều thứ trong cuộc sống, có thứ thì tự mình mua dây mà buộc lấy mình, như chuyện viết lách, có thứ thì là một cái ách mà chuyện mưu sinh nó quàng lên cổ mình.

Nhưng mà nghĩ lại, họ lại *con người* lắm, kể như là chàng *Sinh* nào cũng chưa qua khỏi được cái cầu mỹ nhân. Hay thiệt. Về cái *mỹ nhân kiều* này thì kẻ trượng phu đang tí toáy đánh mấy hàng chữ này không dám có ý kiến, sợ nói trước bước không rời. Ai có khó tính buộc tôi phải "phát biểu", tôi đành phải nấp đằng sau hiến pháp của các nước có dân chủ thực sự, theo đó thì không có ý kiến cũng là một quyền căn bản của người dân. Mà kể cái cầu mỹ nhân này nó chênh vênh thật. Chắc phải chờ cho đến khi đậy nắp ván thiên lại rồi mới ...dám có ý kiến.

Nhớ câu nói của một anh bạn cũ. Ngày ấy, bạn tôi là sinh viên trường thuốc, nay là một ông lang Tây rất mát tay trong ngành sản khoa hiện vẫn hành nghề bên Pháp. Bạn tôi là dân Hà Nội, cái lớp người Hà Nội mà ngày nhỏ vẫn sợ **mẹ mìn**, lúc xa Long Thành thì lại nhớ *cơm tấm giò chả, thêm một đĩa dưa cải muối xổi nữa thì tuyệt ông ạ.* Ai động đến Ba Mươi Sáu Phố Phường của anh thì anh liền giơ tay mà đùa rằng *có nhà cháu là dân Hà Lội đây ạ.* Chúng tôi thuê chung một phòng trọ. Một hôm, sau một bữa cơm tối no nê, tôi vừa dở một quyển sách ra, thì tự nhiên mà ríu mắt ríu mũi.

"Toa đang ở trong cái trạng thái gọi là euphorie post-prandiale, nôm na là đẫy bữa rồi người nó lờ đờ." Bạn hiền của tôi vừa ngáp một cái thật dài, dài cỡ cái ngáp của con thú bên cạnh chuồng cọp trong bài thơ của Thế Lữ, vừa giảng giải cho tôi như vậy.

Mà có lẽ cũng một phần là vì ngày ấy, chúng tôi đang ở trong cái tuổi ăn tuổi ngủ. Chứ như bây giờ, sau bữa cơm chiều, nhấp một ly rượu thuốc được rót ra từ một cái chai không có nhãn mà ông chủ tiệm thuốc Bắc người Việt gốc Hoa (chị bạn người Quảng Trị còn giữ một tập tục cổ truyền, vì kiêng tên cha mới mất mà nói là *người Việt gốc Bông!*) ở dưới Westminster cam đoan với tôi là ông đã gia thêm cái khoản sâm, nhung và hổ cốt ("vì vậy mà nó có mắc hơn một chút, ông thông cảm") nhìn lớp sương mỏng làm nhòe cả ánh điện hắt ra từ nhà hàng xóm, tôi tỉnh táo đến độ khỏe khoắn khi đọc lại mấy trang sổ tay. Cái tỉnh táo của một người ngồi lơ mơ nghĩ lẩn thẩn. Định viết, nhưng hình như chữ nghĩa nó di tản đi đâu hết cả.

Là tại mình chứ không phải tại chữ. Nhìn cái xác khô của một con mọt sách, Nguyễn Du đã hạ một câu tuyệt phẩm, thần sầu quỉ khốc là *tàn*

hồn vô lệ khốc văn chương. Trời đất ơi, cái hồn mòn mỏi của con mọt sách kia không còn một giọt nước mắt mà nhỏ xuống cho văn chương, mà khóc với văn chương. Mà văn chương đây là cả cuộc đời ông ký thác trong hai nghìn mấy trăm câu lục bát nọ. Sao mà nó đau buồn vậy, nghẹn ngào vậy? Tấm lòng người nghệ sĩ ấy đối với văn chương, nơi ông gửi gắm ít nhiều tâm sự mình, quả thiết tha hết chỗ nói. Có những câu nó đi thẳng vào tim mình như vậy. Không trách chi mà ông hỏi đời sau ai là người khóc cho ông. Bởi vì, cứ như câu thần bút trên đây thì ông hết nước mắt rồi, giòng lệ của ông đã cạn rồi.

Tôi vẫn có cái tật tự tách rời ra khỏi thực tại xung quanh mình, không phải để suy gẫm cho sâu, cho *đáo kỳ lý* về một chuyện gì mà chỉ ngồi lơ mơ nhìn khói thuốc, nghĩ vẩn vơ. Một làn khói thuốc tỏa dần trong căn phòng yên tĩnh, nhiều khi cũng đã khiến tôi nghĩ đến cái lẽ biến dịch không ngừng của vạn vật, kể cả những phân tử trong viên sỏi nằm bất động trên bàn, mà tôi vẫn dùng để chặn một trang sách đọc dở. Làn khói thuốc màu xanh khói nhang, bạc dần đi rồi tan loãng ra theo những đường nét kể như là không có một chủ đề nào cả, đối với tôi lắm khi lại là một *bức tranh vân cẩu* thu gọn bên khung cửa nhìn ra một bụi trúc, tính cũng được đến mười mấy mùa măng, mà tôi trồng trong một cái chậu đất.

Cái chậu trúc có thân đen mà lại tím thẫm này,theo lời ông láng giềng người Tàu cũng một cảnh ngộ với mình trong cái tâm trạng lưu vong, bên Trung Quốc người ta gọi là thạch trúc vì thân nó cứng lắm. Ông láng giềng họ Vương - Wong - này, đọc Anh ngữ thì chạy, mà nói thì còn ngắc ngứ. Chữ Hán của tôi vốn đã quá ít, đánh rơi dọc đường cái hồi lang thang từ nước này sang nước nọ để tìm chỗ mà định cư cho cái thân mình được yên (tương đối), lâu nay lại không chịu học ôn, thành thử nó lơ thơ xơ xác lắm. Trong cái tình trạng ngôn ngữ bất đồng ấy, bên một chén trà Bảo Lộc của tôi hay là một tách trà vùng Đôn Hoàng của ông bạn, chân tay nó vẫn đỡ cho mồm miệng. Ngồi nói chuyện với nhau, chúng tôi vẫn chấm trà cặn mà viết lên mặt báo, vẽ trên mặt bàn, múa máy, chỉ trỏ vào khoảng không như người tập Thái Cực Quyền ngoài cái công viên gần nhà.Vậy mà rồi cũng hiểu nhau được.

Báo chí Mỹ thuật lại rằng ông đương kim tổng bí thư đảng Cọng Sản Trung Quốc Chu Dung Cơ, truy ra, cũng có họ với Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, con người được thi vị hóa ít nhiều trong bộ trường thiên nọ của Kim Dung. Đành rằng không nên tin hết cả mọi điều trên mặt báo vì một lý do rất giản dị là báo, ngay cả báo Mỹ, chưa phải là thánh mà không lầm lẫn, chưa nói chi đến những chuyện mà ông chủ bút hay mấy ông ký giả cố ý lầm. Nhưng mà cứ cho là báo nói đúng, thì điều đó khuyến

khích cho tôi nghĩ rằng mình cũng có quyền suy diễn một cách hồ đồ rằng ông bạn họ Vương của tôi cũng có họ với nàng Kiều. Dầu có sai sự thật cũng chưa chết ai. Cuộc đời ông bạn họ Vương này cũng long đong lắm, cũng đứt ruột lắm. Ông cũng đã từng gieo mình xuống sông, mà không phải là sông Tiền Đường. Lẽ tất nhiên là ông không được toại nguyện trong cái hành động quyết liệt này, cho nên mới có chuỗi ngày tàn của ông ở California. Chuỗi ngày tàn này lại không được như cái màn tái hồi Kim Trọng, không có ai phụ trách cái phần sản xuất quế và hòe cả. Thừa gia lại là một người cháu ốm yếu mà tôi vẫn thấy ra ngồi sưởi nắng vào những ngày mà mặt trời cuối đông đổ xuống thềm xi măng một cái bóng dày cộm ba bốn lớp áo ấm.

Chuỗi ngày tàn của ông bạn tôi là cái quạnh hiu của một ông già ngoài 70, bên cạnh một người cháu gọi ông bằng chú, đã 50 tuổi, tuy hiếu thảo, nhưng sức khỏe lại kém vì chứng suyễn kinh niên. Trong cái căn phòng nhỏ luôn thoang thoảng mùi một loại dầu nóng, có lần tôi đã thấy ông Vương cúi xuống đọc những hàng chữ li ti trên một hộp thuốc Trung Quốc, tay lóng cóng đếm từng viên thuốc hình thuẫn,màu vàng sang sáng như đồng được đánh bóng, cầm ly nước trà nóng đưa cho người cháu đang mệt lả sau một cơn suyễn. Cái cảnh trông cũng não lòng.

Nhìn ảnh bà vợ của ông bạn trên một cái án thờ lù mù hai ngọn nến điện và ba cây hương cũng là điện luôn, tôi đã nghĩ rằng có hương khói đấy mà thành ra không có khói hương. Thôi thì tâm hương cũng đã đủ lắm rồi. Một nén tâm hương âm ỉ cháy gần nửa thế kỷ. Bức ảnh thờ ấy được phóng lớn từ một tấm ảnh nhỏ, thành ra đường nét trên mặt người quá cố cũng không được rõ lắm. Chỉ có đôi mắt là nổi bật. Người thiếu phụ có đôi mắt hơi xếch và rất sắc này đã bỏ mình trong một trận pháo kích vào cái hồi mà hai tờ báo Ánh Sáng và Thần Chung ở Sài Gòn ngày nào cũng nói đến cái *làn sóng đỏ* đang cuồn cuộn đổ về Nam, cái hồi quân của Tưởng Giới Thạch rút về Nam Kinh. Cái làn sóng đỏ này cuốn theo nó bao nhiêu sinh mạng tôi không biết vì trong tay không có được một bản thống kê của Đài Bắc hoặc của Bắc Kinh. (Và cái màn củi đậu nấu đậu này còn diễn ra một lần nữa, cũng khốc liệt không kém, ở vùng phía Nam cái chỗ Nguyễn Trãi giã biệt cha già), nhưng mà chắc là con số thương vong dân và quân sự phải cao lắm.

Cái cuồn cuộn của trận phong ba đó đã không chiếu cố đến một ông giáo làng họ Vương lúc bấy giờ đang chạy loạn đến một huyện lỵ gần Hán Khẩu ...*Hán Khẩu tịch dương tà độ điểu/ Động Đình thu thủy* ...Thời bình thì cái cảnh nó nên thơ vậy đó. Còn thời loạn thì vẻ đẹp của cái mênh mông bát ngát trong câu thơ lại bị hỏng đi vì nó vướng chút máu. Mà lại

là máu người. Thành ra bỗng dưng (?) mà người bạch diện thư sinh này lâm vào cái cảnh gà trống nuôi một đứa con chưa đầy năm.

Mà không hiểu tại sao tôi lại thường có duyên với những người bị cái loạn ly, bị chiến tranh nó làm cho thất điên bát đảo. Ngày còn đi học, trong hai năm trời tôi ngồi ngay bên cạnh một thằng bạn người Pháp. Thằng bạn lầm lì của tôi, ban ngày tuy nghịch ngợm trêu thầy chọc bạn cũng tinh ma không kém gì bọn Việt Nam chúng tôi trong kỷ túc xá hồi ấy, về đêm lại có một loại hành động mà bọn chúng tôi cho là lạ: nó nằm cách tôi một giường, nhiều đêm chờ cho giám thị tắt đèn rồi, tôi thấy nó quì xuống bên giường mà cầu nguyện. Cha nó, một người thợ sửa xe hơi bị lính Đức đem ra bắn ngay trước mặt toàn thể gia đình trong một vụ bố ráp hồi nước Pháp còn bị quân đội của Hitler chiếm đóng. Chị nó, sau khi mục kích cái cảnh đó, xin vào nhà tu.

"Suốt ngày, bà chị tao cứ gặm cái thánh giá bằng gỗ. Thấy vậy, bà mẹ Bề Trên trong cái tu viện gần Nancy mới bắt chị tao đeo một cái thánh giá bằng kim khí. Chị tao cắn nát cái thánh giá đó luôn, răng và nướu hỏng hết. Điên nặng rồi chị tao làm vậy đó. Cuối cùng rồi thì chị tao nuốt một cái thánh giá bằng nhựa, cố ý nuốt hay lỡ nuốt tao không biết nhưng mà sau đó chị tao chết vì nghẹt thở. Tao chưa gặm một cái thánh giá nào cả, nhưng có lúc cũng thấy nghẹn khi nghĩ đến cái chết của cha tao, chị tao."

Một hôm, nhân vụ mấy người lính trong đoàn quân viễn chinh của Pháp thuộc đội Lê Dương (Légion Etrangère) bắn chết mấy người thường dân ở Mường Mán gần Phan Thiết, một vụ mà báo tờ Viễn Đông Nhật Báo (Journal d'Extrême-Orient) ở Saigon tường thuật khá đầy đủ (tuy có nói rằng vì lầm mà bắn), tôi hỏi thằng bạn tóc vàng mắt xanh:

"Mày nghĩ sao?"

Nó thản nhiên đáp:

"Mày với tao không có choảng nhau là được rồi. Cha tao không khai chiến với Đức. Mà mấy cái thằng lính Đức đem cha tao ra mà bắn đó cũng không có khai chiến với nước Pháp. Mày hiểu chưa? Mày hỏi tao câu đó là mày ngu lắm. Mày sống ngay giữa thời chiến mà mày không hiểu gì về chiến tranh cả. Rồi mày xem."

Nó vừa nói vừa đưa điếu thuốc Cotab đang cháy dở cho tôi, sau khi đã hít một hơi đầy phổi. Hai thằng vẫn thường trốn xuống phía chân đồi thông sau trường mà chia một điếu thuốc.

Hồi ấy tôi đang ở cái tuổi chép thơ Nguyễn Bính, thơ Tế Hanh vào những trang cuối của mấy quyển vở học. Ở cái tuổi ấy, có lần tôi đã bực mình hết chỗ nói vì hai câu thơ của một người thuộc lớp đàn anh của tôi, về tuổi tác cũng như về học lực: *Giữa đời phong vũ cuồng dâng sóng/Một*

chút yêu thương có nghĩa gì. Yêu thương là cả một trời của người ta ở cái tuổi ấy! Sao lại không *có nghĩa gì*. Bực mình mà không dám nói ra vì tác giả hai câu đó vốn đã đẻ ra nhiều bài khác nữa mà tôi rất thích, chữ nghĩa thật luyện mà nhiều cái tứ cũng lạ. Ngày ấy, tôi vẫn nghĩ rằng cái quyền "sống trên mây vào giai đoạn này", như lời của tác giả hai câu thơ trên đây đã rỉ vào tai tôi, là quyền của tôi, dù không nhìn thẳng vào thực tế cũng là quyền của tôi. Lỡ mà vì một lý do nào đó mà tôi rơi xuống đất rồi có gãy chân gãy tay thì cũng chỉ mới là tứ chi của tôi. Có thiệt thòi đi nữa thì cũng chỉ mới thiệt thòi cho công dưỡng dục của hai đấng sinh thành ra tôi mà thôi. Chưa thiệt thòi chi cho một cuộc đấu tranh hay phong trào nào trên đất nước vào hồi ấy cả. Cái chuyện *người người như một, nhà nhà như một* là chuyện chơi chữ. Chứ còn thả ra thì cứ có ba người cùng ngồi với nhau mà có một người thứ tư ngồi nghe họ thảo luận, bàn cãi, thì chắc chắn là cái người thứ tư đó có đủ tài liệu, dữ kiện mà viết ra một bộ Việt Nam Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa Tân Biên. Loạn lên chứ không phải chơi đâu!

Nói cho ngay, khói lửa bùng lên trên đất nước rồi, nhưng mà cái cảnh giết chóc chưa làm cho tôi lợm giọng, chưa khiến tôi buồn nôn, chưa làm cho tủy não tôi rúng động. Thành ra câu nói của thằng bạn bị chiến tranh làm cho mồ côi cha, tôi nghe rõ lắm và không hiểu tại sao mình lại bị nó cho là ngu. Nhưng cũng không hỏi thêm nữa. Là vì nó đã bảo mình ngu mà mình lại còn hỏi ngược nó là ngu ở chỗ nào, lỡ nó giảng giải mà mình nghe xuôi tai, hóa ra mình ngu thật, ngu đến hai nấc. Tự ái tuổi thanh niên mà!

Tôi cầm lấy điếu thuốc Cotab, được hút nhanh đến độ thuốc chưa ra tro mà còn cháy đỏ như một cục than hồng dài hơn một phân, lim dim kéo một hơi, nhưng mắt vẫn không rời thằng bạn. Nó tủm tỉm :"Rồi mày xem."

Ngót năm mươi năm sau những ngày hút thuốc lá trộm, bây giờ, những khi phì phà cái tẩu thuốc một cách hiên ngang hơn, với tư thế của người không phạm pháp lúc thoả mãn một cái nhu cầu của mình ở nơi công cọng, tuy rằng đôi khi cũng phải chịu nhận một vài cái nhìn có tính cách kỳ thị, dù rằng mình đã biết thân xa lánh *cõi hồng trần* không để cho khói thuốc của mình làm mệt cho buồng phổi của bất cứ một ai, những lúc ấy tôi vẫn nhớ thằng bạn người Pháp và câu nói của nó. Và bây giờ thì tôi đã hiểu được rồi.

Tôi đã hiểu lời thằng bạn, về sau này, những khi đọc trong phần cáo phó trên báo Chính Luận, thấy tên những người bạn quân nhân và dân sự đã bỏ mình trong chiến tranh, những khi nhìn kỹ tử thi của những người

lính Bắc Việt trên mặt trận Lào - có người chết rồi mà môi vẫn còn đỏ (không phải vì vấy máu) trên khuôn mặt quá non nớt - những khi nhìn một cánh tay đã cụt của một người thương phế binh thất thểu trên đường Tự Do, hay đôi mắt mù trên mặt một người con gái mà lửa đạn đã phá nát, ở một góc chợ Bến Thành. Thằng bạn của tôi, đau khổ đến cùng cực mà rồi tự tìm ra phương thuốc chữa cho nó hay là được một người khác khai thị cho, tôi không biết, nhưng hẳn là nó muốn qui trách nhiệm của những hành vi độc hại vào cái phần Ác trong con người, những khi cái Ác nó lấn được cái phần Thiện, những khi nó chiếm được thượng phong.

Mà mình nghĩ được như vậy rồi thì liệu cái tinh anh của những người đã nằm xuống một cách tức tưởi trong chiến tranh ở nước mình cũng như ở nước khác, có được an ủi chút nào không, tôi không thể biết được. Và nghĩ được như vậy thì không cứ là tôi đã biết thương yêu đồng loại của tôi hơn một chút, nhưng ít ra mình cũng đỡ tức vì không hiểu tại sao thiên hạ lại vẫn cứ chém giết nhau, ít ra cái đầu của mình nó cũng nhẹ hơn. Một loại thuốc an thần, một viên aspirin. Đó là nếu trong người mình còn có một cái tiêu chuẩn đạo đức nào đó để nghĩ rằng y sĩ Jekill hay là ông Hyde cũng chỉ là một. Nghĩ được như vậy rồi thì đôi khi, cuộc đời xung quanh tôi cũng được tô một màu hồng dễ chịu, mát mắt, thay vì cái màu xám xịt của những ý nghĩ đen tối.

Ngày trước, những lúc tức tối vì chính sách thực dân của Pháp, tôi đã từng hét vào tai thằng Jean Pierre mà văng tục, mà xúc phạm đến những vĩ nhân của nước Pháp, tôi đã moi hết cả mọi tật xấu - được ghi rõ ràng trong sử liệu Pháp - của Vercingétorix, của hoàng đế Louis thứ XIV, của đại đế Napoléon để mà hạ bệ họ, để mong biến họ thành những người tầm thường cho nó hả giận. Thằng bạn tôi là cái nong tằm trên đó tôi đã trút xuống cả ngàn dâu, không phải xanh ngắt mà đắng nghét. Vậy mà nó nuốt hết, để mà nhả ra một sợi tơ óng ả: một nụ cười hiền lành mà nghịch ngợm, nó chỉ nói:"Rồi mày xem.(Tu verras)" Bây giờ thì tôi thấy rồi. Nó cao thượng hơn tôi nhiều. Ngày trước, tôi thương nó như tôi thương mấy thằng bạn thân khác. Bây giờ, nghĩ lại tôi quí mến nó lắm, tôi phục nó lắm.

Jean Pierre ơi! Bây giờ mày ở đâu? Tao ước chi có dịp cho hai đứa mình gặp lại, bên một chai Pommard lâu năm hoặc một chai Pouilly-Puissé thượng hảo hạng, (rượu vang ngon vốn là niềm tự hào xưa nay của nước mày, cũng như nước mắm ngọt đậm đà vẫn là niềm tự hào của nước tao). Rồi hai cái đầu bạc của chúng mình sẽ kề nhau, khề khà, rồi tao sẽ ngâm lớn hai câu thơ *Bấy giờ hắt toẹt ba chung rượu/Mà kể tâm tình thủa tóc xanh*, hai câu thật hào sảng của một thi nhân nước tao, mà tao không

đủ chữ để chuyển sang ngôn ngữ của Gide, của Valéry, nhưng mà tao sẽ dài dòng giảng giải cho mày, giảng giải với một cái giọng mà tao hứa là sẽ hết sức ôn tồn, mà tao mong là sẽ được vị *mea culpa*, để cho mày lại có dịp tủm tỉm mà nở lại cái nụ cười ngày xưa, dù rằng tao biết rằng ngay tự những ngày mà cái quyền hút thuốc của bọn mình còn bị giới hạn, mày đã không bao giờ bắt lỗi tao cả.

Ấy, cái lối viết lách của tôi nó vậy đó. Định viết về một chuyện mà rồi lại nhảy sang chuyện khác. Nó cứ giống như thói quen của các bà nội trợ *tham con diếc tiếc con rô* mà tôi vẫn thường thấy trong các siêu thị ở đây. Thấy bó rau muống tươi, sắp sửa mua thì lại bị mấy quả xoài đầu mùa nhập cảng từ Mễ Tây Cơ có cám dỗ. Thành ra cái rổ chợ (đúng ra thì phải nói cái xe chợ) nhiều khi có phần...đa mang. Thành ra bài vở của tôi cũng vậy, nhét quá nhiều thứ, mà lại không có đầu đuôi gì cả. Hỏng!

Ngày còn đi học, mọi thứ thường được chia ra làm ba phần rõ rệt. Thân thể thì gồm đầu mình và chân tay. Luận thì có nhập đề, thân bài và kết. Ngay cả cái địa đồ xứ Đông Pháp, tuy chia làm năm xứ, nhưng mà nước mình cũng được chia làm ba phần Bắc, Trung và Nam Kỳ. Lớn lên chút nữa lại gặp tam đoạn luận, ngày Tết gặp Tam Đa, đi chùa gặp Tam Bảo, vào nhà thờ lại gặp Chúa Ba Ngôi. Nén giận không được nữa thì nổi tam bành. Đó là những phân chia, sắp xếp hợp tình hợp cảnh, tò mò mà hỏi thì thấy ngay lý do. Ngay cả cái chuyện ngắn nhất trên thế giới, hình như xuất xứ đâu bên Ả Rập, là chuyện "con người sinh ra, sống rồi chết" cũng được chia làm ba phần.

Tôi học hỏi ở nhà trường có nhiều thật, nhưng mà có một thứ mà tôi học không tới nơi tới chốn là kỷ luật. Chuyện sờ sờ ra đó, cái gì cũng phải có đầu có đuôi có xuôi có ngược, đâu có khó khăn gì, vậy mà mình sắp xếp không nổi. Nói cho ngay, trường dạy một điều mà cái vô kỷ luật của tôi nó lại chỉ một nẻo. Gò chuyện ngoài đời vào cái khuôn khổ ba phần rõ rệt,với tôi, nhiều khi là cả một bài toán nan giải. Thành ra, vừa nhìn ly rượu thuốc, nhìn trăng liềm sáng rờn rợn qua một lớp sương mỏng khi nẩy ra ý định sắp xếp lại những điều vụn vặt ghi trong sổ tay, tự nhiên mà tôi gặp lại thằng bạn người Pháp (trong ký ức), nhớ nó, rồi nghĩ luôn đến một người khác mà tâm hồn cũng đã một lần bị chiến tranh xé rách tan hoang.

Đã lâu lắm rồi, tôi không thấy bút hiệu của chị Angela C. trên mặt các báo Anh Ngữ ở Đông Nam Á. Chắc nay chị đã hưu trí rồi. Người đàn bà Ấn Độ này, có đôi mắt thật sâu, thật đen, to và linh động. Cặp mắt vừa đẹp, vừa phản chiếu một bộ óc thông minh bén nhạy đối với tất cả những gì đang xẩy ra xung quanh, không bỏ sót một chi tiết nhỏ, những khi chị

cầm quyển sổ tay ghi những gì chị thấy cần ghi để dùng vào một bài đặc ký, một bản tin. Vậy mà cặp mắt ấy cũng buồn vô cùng, những lúc chị ngưng nhìn ra cuộc đời bên ngoài mà sống với cuộc sống bên trong.

Chị Angela xông xáo mà dạn dĩ lắm. Hồi năm 74, Angela là ký giả đại diện tại Saigon của một nhật báo bên New Delhi. Tuy không thường trực ở Saigon, nhưng mỗi lần tình hình hơi sôi động, đi lấy tin hằng ngày, tất thế tôi nào cũng gặp chị. Khác hẳn với hầu hết các ký giả và thông tín viên đại diện cho báo chí ngoại quốc, vốn không biết chi mấy về Việt Nam mà lại có nhiệm vụ viết về Việt Nam cho độc giả của họ (không trách chi!), chị Angela nghiên cứu kỹ bối cảnh chiến tranh Quốc Cọng ở Việt Nam trước khi đến Saigon, hiểu rõ phong tục người bản xứ. Lối nói năng với người Việt (khi chị dùng tiếng Anh, khi chị dùng tiếng Pháp) do đó cũng nhã nhặn và lịch sự hơn. Về cái khoản lễ độ này thì chị hơn hẳn đa số đồng nghiệp ngoại quốc, mà tôi vẫn cố tránh hồi ở Saigon. Nói chuyện với họ, nhiều khi có hại cho huyết áp của mình. Họ xấc lắm. Nếu tôi không lầm thì cái môn đức dục, cho đến giờ này, chưa bị loại ra khỏi chương trình giáo dục cấp tiểu học bên Ấn Độ. Âu cũng là một dấu hiệu của văn minh.

Chị là nạn nhân của chiến tranh Ấn-Hồi, cái trận chiến xảy ra ít lâu sau khi nước Anh trả chủ quyền lại cho Ấn Độ, chia cái bán đảo này hai nước. Có vẻ ở những nước thuộc địa cũ, sau khi thu hồi được độc lập, thường vẫn xảy ra cái màn huynh đệ tương tàn, không sớm thì muộn. Tôi chỉ nhận xét vậy thôi, còn tìm cho ra cái nguyên nhân sâu xa của cái tại sao lại là chuyện của các người tự phong cho mình nhiệm vụ làm ra lịch sử, và chuyện của những người viết sử.

Cha mẹ chị Angela bị người Hồi Giáo giết trong một vụ thảm sát ở miền biên giới phía Tây Ấn Độ. Lúc đó, chị mới 11 tuổi. May mà chị được một tổ chức từ thiện của người Anh cứu thoát, rồi đem về nuôi trong một cô nhi viện gần New Delhi. Chị học giỏi nên được cấp học bổng đi học tại Oxford, và sau đó tại đại học Lausanne, bên Thụy Sĩ. Cái hồi tôi tình cờ mà gặp lại chị trên chuyến xe lửa từ Bangkok lên miền Bắc Thái Lan, chị đã là một ký giả mà bài vở được nhiều bạn đồng nghiệp chú ý, nhờ vào cái lối ghi rất tỉ mỉ những chi tiết mà thoạt trông là vặt vãnh, nhưng với cái lối suy diễn đặc biệt của chị, chúng tạo cho những bài viết của chị một cái nét rất con người.

Tô canh chua Thái Lan chòng chành theo nhịp xóc nhẹ của chuyến tàu đêm vắng người. Chén ca-ri nấu kiểu Mã Lai đầy đủ chanh sả và nước dừa khiến tôi nghĩ đến lối ăn uống của một vài tỉnh ở miền Nam Việt Nam, gần biên giới Cam Pu Chia. Đối với tôi một người thường vẫn đòi cho

được một quả ớt tươi trong bữa cơm, tô canh quả có cay thật. Cay quá! Vậy mà chị Angela nói với tôi là ở miền Nam Ấn, có chỗ người ta vốc từng nắm ớt rắc thêm vào ca-ri.

"Những kẻ nghèo khó bên nước tôi, dùng những thứ gia vị thật cay, thật mặn để đưa cơm, những khi có đủ cơm." Chị Angela nói với tôi sau khi cắn mạnh và nhai kỹ một trái ớt hiểm, coi bộ rất đã.

Tôi nghĩ và định nói với chị rằng bên nước tôi cũng vậy, nhưng chưa kịp thì chị kể:

"Ngày tôi còn ở trong cô nhi viện, đành là không thừa thãi chi, nhưng mà bọn trẻ mồ côi chúng tôi thường để dành một phần cơm và đồ ăn để giấu các bà phước mà đem cho kẻ ăn xin vẫn đến chờ bọn tôi ở đàng sau cô nhi viện vào giờ cơm. Có nhiều đứa trẻ ăn mày có được chút cơm rồi, chúng nó ăn với một quả me và chút ớt bột. Tôi may được cứu thoát, nếu không thì cũng như những đứa ăn mày ấy."

Chị bỗng đổi chuyện:

"Tôi hỏi anh cái này, hơi tọc mạch một chút. Chắc anh là Phật Giáo như đa số các đồng bào của anh mà tôi đã có dịp tiếp xúc bên Việt Nam?"

Tôi suy nghĩ hết vài giây trước khi trả lời. Mà lại phải suy nghĩ như vậy tức là tín ngưỡng của mình kể như là lỏng lẻo lắm rồi. Tôi đáp:

"Cái phần thờ cúng tổ tiên trong gia đình tôi vẫn có trộn một chút nghi lễ Phật Giáo. Và nghi thức cúng vái ở một vài Chùa mà tôi biết thì đôi khi cũng có du di cho hợp với đạo thờ cúng ông bà trong gia đình tôi."

Chị cười:

"Tôi mà làm chủ bút phụ trách phần tin tức hàng ngày trên mặt báo thì tôi sổ toẹt câu nói của anh, nếu anh bỏ nó vào một bài tường thuật. Tin tức gì mà mơ hồ vậy."

"Là cũng tại cái đức tin của tôi không được vững lắm. Những lúc chuếnh choáng, tôi vẫn nghĩ đến cái duyên, cái nợ của tôi với chén rượu ngon. Tôi thấy cái thuyết nhân quả giúp tôi đỡ thắc mắc một cách vô bổ trước một đôi bài toán hằng ngày trong cuộc sống. Chị thì chị quá sành về thuật ngữ trong triết học Phật Giáo rồi, tôi khỏi cần giảng giải. Nhưng mà tại sao chị hỏi về tôn giáo của tôi?"

Chị nghiêm nét mặt nhìn thẳng vào mắt tôi:

"Hôm trước, khi đến xem vụ pháo kích trường tiểu học Cai Lậy tôi thấy anh không lăng xăng quan sát, hỏi tin tức như thường lệ mà lại đứng thừ người nhìn tử thi của mấy đứa trẻ tội nghiệp nọ có vẻ như... đang cầu nguyện. Méo mó nghề nghiệp rồi tò mò một chút vậy thôi, anh đừng giận."

À, cái bà báo ngoại quốc này quỉ quái quá đi mất. Không lo ghi chi

tiết để viết tường thuật mà lại quan sát đồng nghiệp làm việc. Chị cúi xuống cầm ly trà Thái Lan hớp một ngụm nhỏ, nhưng đôi mắt vẫn không rời tôi. Hồi lâu tôi nói:

"Tôi có đọc bài tường thuật của chị về vụ Việt Cọng pháo kích trường tiểu học Cai Lậy trên báo Bangkok Post. Phần nóng hổi của cái loại tin tức ấy nay cũng nguội rồi. Nhưng mà sau này, nếu chị có cao hứng mà viết một bài đặc ký hay một quyển sách về chiến tranh Việt Nam, nếu có nhắc đến vụ Cai Lậy, tôi cấm chị không được bỏ tôi vào trong đó đấy nhá. Chị không hứa trước thì tôi không trả lời câu hỏi của chị đâu."

Chị gật đầu, mỉm cười:

"Promise" (Xin hứa)

Tôi nhìn ra làng mạc đang ngủ trong cái yên tĩnh của một đêm trăng nhiều sao. Tôi nghĩ đến cảnh thật đẹp trong hai câu của Vũ Hoàng Chương :*Có cả bầy sao mê ả lúa/Đêm đêm dẫn cưới vạn đôi chằm.* Thỉnh thoảng, sau rặng cây, đồng luá lại có bóng dáng quen thuộc của cái mái cao nhọn của một ngôi chùa xây theo kiến trúc Thái, hiện lên sừng sững như một người lính gác, đứng canh cho giấc ngủ say vùi của một vùng nông thôn còn mộc mạc, chưa bị kỹ nghệ du lịch quấy nhiễu. Con tàu đang yên bình xuyên qua một vùng yên bình trong một nước được may mắn sống trong yên bình. Ngày xưa, ở bên nước tôi cũng có những con tàu may mắn không sợ mìn sợ pháo như chuyến tàu này.Chuyến tàu có chở một thiếu phụ mồ côi cha mẹ, và một người may mắn được quên đi - dù chỉ trong chốc lát - máu và nước mắt của chiến thời. Những chuyến tàu ngày xưa ấy, nếu có khói phì như nghẹn nỗi đau tê, thì đó cũng chưa phải là niềm đau của cả một thế hệ, một dân tộc, nó chỉ mới là đầu đề cho niềm xúc cảm trước cảnh biệt ly của Tế Hanh. Nếu những con tàu ngày xưa ấy có *Rượu ngon chở mấy toa đầy/Bánh xe muôn dặm còn ngây hương rừng* thì chúng cũng mới say theo cái chất thơ chuếnh choáng của tác giả tập *Mây* thôi, chưa say máu. Những con tàu ngày xưa được thi nhân tô cho một nét thật thơ mộng, trên thân chúng nó cũng như trên con đường sắt song song hàng nghìn cây số đó, chưa có dấu vết của bom đạn. Thành ra, riêng đối với tôi, chúng nó đẹp thật.

Tôi không nhớ tôi im lặng nghĩ mông lung, lắng nghe tiếng máy đều đều của chuyến tàu, nhìn cảnh vật bên ngoài trong bao nhiêu lâu. E cũng đủ lâu cho lớp tro xám trong cái tẩu thuốc lá của tôi vừa nguội. Chị Angela, với cái kiên nhẫn sẵn có của một nhà báo chuyên nghiệp khi cần phải chờ mà nghe những điều mình muốn nghe, cũng lặng lẽ châm một điếu "555".

"Thật ra, cái hôm đứng nhìn xác chết của lũ trẻ vô tội trong trường

tiểu học Cai Lậy, không phải tôi cầu nguyện đâu. Tôi không phải là một con người religious... không biết nói sao cho rõ ràng đây...một con người của cái phần siêu hình trong mọi tôn giáo. Tôi không biết nói chi với những xác chết, với cha mẹ của chúng. Tôi chỉ im lặng mà thầm rủa chiến tranh thôi. Tôi thấy cái phi lý của chuyện giết chóc mà không làm gì được. Tôi nghĩ đứng trước những thảm cảnh như vậy nhiều người chắc cũng cảm thấy bất lực như tôi. Chẳng có gì lạ cả. Nhưng mà tại sao chị lại nghĩ rằng tôi đang cầu nguyện?"

Đôi mắt của chị Angela, vốn đã đẹp, giờ này lại đượm chút buồn trong cái nhìn mà chị đang hướng về một nơi thật xa xăm trong một đoạn đời đã cũ, đã xưa, cách con tàu yên bình của chúng tôi cũng đến mấy nghìn cây số. Chị dụi điếu thuốc lá, nói thật nhỏ:

"Là tại vì tôi chủ quan. Tôi tưởng ai cũng có phản ứng giống tôi trước một cảnh hãi hùng như vậy. Cái hôm cha mẹ tôi bị giết, tôi đã ngồi bên cạnh xác của song thân tôi mà cầu xin, không phải là cầu nguyện, cho cha mẹ tôi sống lại. Lời cầu xin của một đứa con gái mới có 11 tuổi là tôi lúc ấy, tóm lại, là mong muốn có được có lại những gì mình đã mất. Dẫu sao thì cũng vị kỷ, nếu không hẳn là ích kỷ. Về sau, hồi ở trong cô nhi viện, tôi mới biết cầu nguyện cho cha mẹ tôi và...nhiều người khác nữa."

Chị mở ví, lấy cái khăn giấy nhỏ, lau một ngấn lệ.

Chị Angela cầu Thượng Đế, cầu Chúa hay cầu một Đấng nào đó, tôi không tò mò mà hỏi làm chi. Con người này, thiệt thòi nhiều, từ tuổi thơ đã biết nghĩ đến những người thiệt thòi hơn chính mình. Hèn chi mà chị dễ thương thiệt. Tôi nhìn tô canh chua đã cạn, có mấy lá chanh màu lục úa, nhìn những lát cà tím đen thẫm trong chén ca-ri mà nghĩ rằng mình quả có ích kỷ thật, kém người bạn Ấn Độ này nhiều: từ những ngày côi cút, chị đã biết san sẻ một chén cơm thừa với những kẻ khốn khổ hơn chị. Tôi thoáng nghĩ câu nói của ngài Duy Ma Cật:"Vì cả chúng sinh bệnh, cho nên tôi bệnh."

Còn mình thì, tuy cũng có buồn vì phải nghe, phải thấy những điều khổ tai, khổ mắt, nhưng mà sau đó rồi thì cứ...đâu vào đó, cứ phây phây. Cái ấy mới tệ.

Thành thử cái hôm ông láng giềng họ Vương thuật lại cho tôi cái chết của đứa con trai chưa đầy năm, tôi có ghi lại hết mọi xúc cảm của tôi khi nghe câu chuyện, nhưng mà rồi khi xem lại những hàng chữ đầy những tính từ tả cảnh khổ đau, thì hình như trong người mình lại cứ như là dửng dưng. Nó cứ như là người ngồi trước một mâm cơm thịnh soạn mà gặp lúc chưa đói. Thành ra cái chuyện ngắn dự thảo trong đầu và trên giấy mực hẳn hoi, về cái chết của đứa bé, cho đến giờ này, cũng chỉ mới là một cái

dàn bài! Ông Vương nói với tôi rằng con ông chết vì thiếu sữa mẹ, nước cháo cũng không đủ. Nhưng mà qua những câu thường có chêm vào một vài tiếng Tàu mà ông vẫn phải viết xuống bàn, tôi hiểu ông muốn nói rằng trong chiến thời, một cái chết nào cũng có hằng trăm nguyên nhân, chứ không hẳn chỉ là một viên đạn, một mảnh bom. Ông đã ôm xác con mà nhảy xuống sông, nhưng mà người ta không để cho ông chết, người ta đã vớt ông lên, còn xác đứa con thì không tìm được.

Ông buồn bã lắc đầu, rót thêm cho tôi một chén trà:

"Vậy mà không hiểu sao tôi còn sống được cho đến ngày nay."

Nghe lời than của ông bạn già, tôi sực nghĩ đến bao chuyện thương tâm khác của bạn bè, của bà con. Và tôi cũng không hiểu sao mà họ còn sống cho đến ngày nay, sau một cú chơi khăm của lịch sử. Nhìn nét mặt rầu rầu của ông Vương, da cằm có nhiều nếp nhăn lún phún một vành râu bạc mà đã hai ba ngày chưa được cạo , tôi muốn an ủi ông. Tôi múa một đường rìu, rút cây bút BIC đã gần khô hết cả mực, viết lên trang giấy báo giữa bàn cái câu: "nhân sinh thất thập cổ lai hy" vốn gồm những chữ ít nét, dễ nhớ. Ông Vương đeo kính vào mà đọc bảy chữ mà tôi đã cố nắn nót nhưng nhìn kỹ thì vẫn là *chữ lối cua bò*, nói như Phạm Thái trong bài Chiến Tụng Tây Hồ Phú. Ông tháo kính ra rồi nói:

"Cái câu này thật ra không có chi là hay, là lạ cả. Nếu nó có một nghĩa nào đó thì tôi đoán là vì đời Đường, tuổi thọ trung bình còn thấp, chứ còn *sống đến tuổi bảy mươi là chuyện hiếm có*, ai nói không được. Nhưng mà cái câu trước đó mới thật là thần tình. Cái câu *tửu trái tầm thường hành xứ hữu* mới thật là hay, là Đỗ Phủ. Nghèo mà vẫn thơ với rượu (điều mà ông Vương cho là cốt cách của thi nhân).Và đẹp nữa là có rất nhiều quán rượu sẵn sàng bán chịu cho Đỗ Phủ, cái bụng lân tài của người thời trước bên nước tôi nó như vậy đó. Cho nên ông Đỗ Phủ đi đến đâu cũng có những món nợ rượu vặt vãnh. Tôi không biết trước khi chết, Đỗ Thiếu Lăng đã thanh toán hết những món nợ rượu của ông ta chưa, nhưng cho đến ngày nay, Trung Quốc còn nợ ông nhiều lắm."

Cao hứng, ông lớn tiếng đọc một bài tứ tuyệt theo lối phát âm tiếng quan thoại, ngày nay được gọi là tiếng phổ thông. Tôi không hiểu nhưng chờ cho ông ngâm xong, tôi trao cây bút bảo ông chép xuống giấy. Gặp cây bút đã hết cả mực, ông trả lại cho tôi, đứng dậy bước lại cái bàn ở góc phòng tìm cây bút khác. Cầm cây bút, tôi thuận tay thảy nó vào cái giỏ rác bằng mây cạnh đấy. Ông ngồi xuống ghế định chép bài thơ cho tôi, nhưng ông chợt ngẩng đầu nhìn tôi mà mỉm cười:

"Thấy anh quăng cây bút, tôi sực nhớ chuyện này. Anh có thạo thư pháp Trung Quốc không?"

Tôi đáp:

"Viết bút lông thì tôi không viết được, nhưng mà nhìn những chữ có thần, những nét có lực, tôi nhận ra được. Nhờ ngày nhỏ được gần gũi với lớp người còn dùng bút lông, dù lúc ấy cũng đã hiếm lắm rồi, so với cái thời mà Hán học còn thịnh bên nước tôi. Còn cái đẹp trong thư pháp tôi nghĩ nó đa diện lắm, tôi chưa đủ sức mà hiểu, mà cảm."

Có vẻ như ông Vương mừng lắm, mặt ông tươi hẳn lên khi nghe tôi nói như vậy. Ông nhấp một hớp trà:

"Hảo, hảo. Anh biết rằng thư pháp có cái đẹp của nó là được rồi. Là đủ để cho tôi kể câu chuyện này cho anh nghe. Lạ lắm. Ngay cả đối với người Trung Hoa cũng lạ chứ không nói chi đến chuyện người nước ngoài."

Ông co tay lẩm bẩm tính nhẩm rồi nói tiếp:

"Hồi thế kỷ thứ Tám, có một nhà sư hiệu là Hoài Tố, được người đương thời tặng cho cái biệt hiệu là Túy Tăng vì ông uống rượu khỏe lắm. Mà chữ thảo của ông thì lừng danh. Mặc bảo của sư Hoài Tố, người Trung Hoa chúng tôi gọi những bản chữ tốt của người xưa là mặc bảo, nay bên Đài Bắc còn giữ được. Sư Hoài Tố nhà nghèo, phải xin vào ở trong chùa từ khi còn nhỏ tuổi. Chùa không có giấy, ông tập thư pháp trên lá chuối. Lớn lên, ông nổi danh khắp nước vì cái tài viết chữ thảo những khi say. Những lúc cái hứng viết nó nổi lên, ông cầm bút mà viết ngay lên tường nhà, lên áo quần. Mà chữ của ông tôi có được xem qua trên phóng bản, linh động thật."

Tôi ngắt lời ông Vương:

"Tôi chưa thấy, mà có thấy chắc cũng không nhận ra được cái đẹp trong chữ thảo của Vương Hi Chi mà tôi đã từng nghe tiếng. Tài của nhà sư Hoài Tố này so với Vương Hi Chi như thế nào?"

Ông Vương gật gù:

"À, cái đẹp của Lan Đình Thiếp thì nói gì nữa. Hôm nào rảnh rỗi, anh lái cho tôi ra tiệm sách trên China Town, tôi kiếm cho anh một bản chữ của Vương Hi Chi. Nhưng mà để tôi kể chuyện sư Hoài Tố cho hết đã. Vừa rồi, thấy anh thảy cây bút vào thùng rác, tôi nhớ đến sư Hoài Tố là vì cái ông Túy Tăng này không bao giờ đem một cây bút cùn mà vứt đi cả. Ông dùng một cây bút, thứ bút viết đại tự, cho đến khi nó mòn hết cả, cứng quá, không viết được nữa, rồi đem bút đi chôn. Mà mỗi lần đem bút đi chôn như vậy, đâu có phải là cứ đào một cái huyệt bỏ nó xuống đó rồi lấp lại. Sư Hoài Tố chôn bút với tất cả nghi thức tang lễ thời đó, ông tự tay viết điếu văn, đọc kinh cầu siêu, báo cho bạn bè biết ngày giờ, quì xuống trước mộ mà đọc điếu văn, xong ông đem đốt luôn cả những bức trướng mà bạn bè ông đã đem đến để phúng điếu cho cây bút. Anh thấy có lạ

không?"

Lạ thiệt. Về cái ông láng giềng khổng lồ này, mình biết ít quá. Mấy câu Đường thi, dăm bài Tống từ âm ư chơi những khi cái niềm sầu xứ nó giàn mãi, nó lan rộng ra trong lòng sau một vài ly rượu độc ẩm. Còn kỳ dư quả là mù tịt. Cứ cái chuyện người Tàu họ nấu một nồi cơm ra sao, luộc một con gà như thế nào (vốn cũng là chuyện văn hóa) mình đã bí, nói chi đến toàn thể nền văn chương của họ. Nói chi đến những con người mê cái đẹp của Hán tự như ông Túy Tăng này, như Tô Thức, như Tống Cao Tôn, những người đã bỏ ra hàng chục năm trời để luyện một nét ngang, nét sổ.

Nghe chuyện chôn bút tôi lấy làm thú lắm. Lấy làm tiếc rằng mình sinh quá muộn màng, những mười hai thế kỷ sau, không được cái may đến dự đám tang bút. Một loại xe tang không buồn lắm mà lại mà lại chở cả tấm lòng của một người nghệ sĩ, thương tiếc những người bạn đồng hành là những cây bút cùn nọ trên con đường đi tìm cái Tuyệt Đối trong nghệ thuật. Đẹp thiệt! Nghe không mà đã sướng rồi. Nhà sư hơi điên này nghệ sĩ lắm. Mà người nghệ sĩ chân chính nào mà lại không bị đời cho là hơi điên. Cái điên nhiều khi nó tạo ra cái choáng ngợp trong một số tác phẩm nghệ thuật. Tôi nghĩ đến một bức họa của Van Gogh, một quyển sách của Dostoievsky, một đôi bài thơ của Hàn Mặc Tử.

Biết rằng ngồi nghĩ vơ vẩn như thế này chắc tối nay cũng không viết được chữ nào cho cái truyện ngắn, tôi vào nhà tìm quyển Liêu Trai Chí Dị để đọc chơi cho đến khi cạn ly rượu thuốc rồi đi ngủ luôn. Nhưng mà tìm mãi không thấy trong mớ sách không được phân loại, không được sắp xếp theo một thứ tự nào cả trên mấy cái kệ có những tấm ván ép đã hơi oằn xuống, tôi phải nghĩ đến chuyện tìm viện binh. Tôi hỏi vợ tôi:

"Cái quyển Liêu Trai anh *mới* để chỗ này bữa lễ Giáng Sinh, không biết đứa nào lấy."

"Đứa nào vô đây nữa. Chỉ có anh mới thích đọc chuyện ma giữa nước Mỹ đèn đuốc sáng trưng này chớ còn đứa nào vô đây nữa. Sách vở của anh cứ vứt lung tung."

Của đáng tội, vợ tôi gắt tôi như vậy nhưng mà rồi cũng phụ lực tìm ra được kiệt tác của Bồ Tùng Linh. Tôi nghĩ đến một câu tục ngữ mà tôi muốn đổi một chữ cho nó hợp tình hợp cảnh. Liệu có thất lễ với người vô danh đã đẻ ra nó hay không:"Ra hỏi già, về nhà hỏi *vợ*!"❐

đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Trên đường dây viễn liên

PHẠM VIỆT CƯỜNG

là thú dấu tay riêng biệt mỗi người
vết chàm trên trán
để cuối đời còn nhận ra nhau ngoài bão tối

là nhịp tim khẽ run đập cách nào
chỉ hai ngực buồn kia cảm nhận
trên quyển sổ bộ đời sống hỗn mang
truy tìm lại
những thề nguyền phiêu tán

là đôi mắt nhìn nhau qua hư không
bằng cung giọng u trầm
của đài phát thanh địa ngục
thông báo nhau những trời xanh hư mất

là vòng tay vươn qua sự chết
vuốt ve nhau cũ mới những vết thương
nối liền bóng đêm còn lại
với tuổi trẻ đã thoáng qua
chứng thực bùi ngùi những nụ hôn xưa

là tai lắng nghe nhau qua mọi biển núi chia lìa
bao nhiêu đêm ngày tịch mịch
dưới trời cao thất lạc
một vạn lý trường thành cách âm của thời gian
cao ngất

hai mươi năm chóp mắt
đã thấm vào
giọng nói người xưa
sự buồn sầu lặng thinh của đá

Chị em

Hồ Như

Gia đình tôi có ba chị em. Tôi là chị cả, vừa phải làm gương vừa không có quyền nộ nạt các em. Tâm đáng lẽ là cô con gái út, nhưng nó lại nhận làm con giữa, đứa con thường ít được chú ý trong nhà, thương không bằng cả mà chiều không bằng út. Lại nữa, Tâm là con gái thứ nhì, thừa thãi mất rồi trong sự chờ đợi cậu trai nối dòng. Tiến thì tỉnh bơ nhận hết các danh hiệu hào nhoáng: con trai cả, con trai út, con trai duy nhất. Mặt nó sáng rỡ từ phút mới sinh, mẹ hớn hở kể lại, không giấu được nỗi vui. Khi lớn lên, tôi hỏi lại: mẹ sợ bố có vợ lẽ chứ gì ? Mẹ lườm tôi, không trả lời. Bố lập tức nhìn quanh, hỏi: thằng Tiến đâu ? Có đứa nào biết nó đi đâu không ?

Cậu "quý tử" của bố mẹ tôi nghịch kinh khủng. Còn bé, không có ngày nào không mang đầu gối sứt hay khuỷu tay trầy về nhà. Chưa xong tiểu học đã lén học lái xe gắn máy vù vù dọc sông Hàn. Lúc nhổng vọt người cao hơn hẳn hai chị, nó mới bắt đầu mê gái. Mê đúng bạn của tôi, có khổ không chứ. Thoạt tiên nào có ai ngờ. Sau cứ thấy anh chàng lấp ló, nấn ná dằng dai mỗi khi Ngọc sang chơi, mặt đỏ lên như mồng gà trống, cả nhà mới ngờ ngợ. Ngọc biết ra, cười khanh khách. Năm sau nó dọn nhà sang tỉnh khác, Tiến cũng có ngơ ngẩn ít lâu. Mối tình đầu, đơn phương, đẹp đẽ, tuyệt thế còn gì.

Câu nói đó của Tâm. Cả nhà phá ra cười, Tiến xấu hổ chực lủi vào bếp để tránh, nhưng Tâm nghiêm trang, nói thật tình. Không ai nhận ra, nhưng tôi thấy vẻ nghiêm trang trong mắt Tâm, và ngơ ngác thôi cười. Không biết phải phản ứng như thế nào. Tuy chỉ cách nhau một tuổi, và là

chị em gái, Tâm đối với tôi như một hành tinh lạ tôi không đoán hiểu được quỹ đạo. Hồi còn nhỏ, mẹ ăn mặc cho chúng tôi y hệt nhau. Vải nhân tiện mua, may nhân tiện một lần, cỡ người chúng tôi ngang nhau nên mẹ lúc nào cũng may một đôi. Đồ chơi cũng giống nhau, nhưng sợ chị em tranh cãi, mẹ mua hai màu khác nhau. Dĩ nhiên chuyện giành giật vẫn xảy ra, xem ai được lựa chọn. Tôi là chị, nhưng không chịu nhường. Mẹ quay đi là hai chị em nhảy xô vào, có khi túm tóc kéo áo nhau ra trò. Sau cùng, chịu hết nổi, mẹ cho Tâm lựa trước, lấy cớ tôi là chị cả. Hai chữ "chị cả" trở thành đáng ghét từ đó. Chúng tôi ganh nhau đến chuyện học hành, bạn bè. Ai học giỏi hơn, ai được phần thưởng nhiều hơn, ai có bạn dễ thương hơn. Tôi nhảy lớp năm, Tâm cũng nhảy lớp năm. Đến lớp nhất tôi không được thi sớm tuổi, phải học lại, thế là Tâm cùng lớp với tôi. Năm sau chính phủ cho thi sớm tuổi, và Tâm nghiễm nhiên vào cùng trường trung học với tôi, mang cùng huy hiệu tôi mang, chỉ khác lớp học. Tôi vẫn học giỏi hơn, nhiều bằng khen hơn, nhưng không có cớ để khoe. Tôi vẫn hơn nó một tuổi cơ mà. Vả lại, khác lớp, khác bạn, so làm sao được. Lớn lên, hai chị em ganh nhau thêm vẻ bề ngoài, những thứ công dung đức hạnh, rồi những tên con trai lượn quanh đời sống. Tôi da trắng, xinh xẻo, nhưng Tâm được khen mặn mòi, duyên dáng. Tôi biết làm bánh giỏi, Tâm thêu khéo tay. Tôi được người ta tặng hoa thì Tâm được gửi thơ nắn nót viết bằng mực tím. Sự tranh đua ngấm ngầm giữa hai chị em không dứt. Tâm nhếch mép cười khi bạn trai tôi theo người khác. Tôi còn ác hơn. Tôi giật đứt tên con trai ra khỏi tay Tâm. Nhưng có lẽ tôi thắng vì Tâm chả buồn giữ. Hai mươi tuổi, Tâm đã u uất một mối tình đầu.

Mối tình của Tâm đơn phương, không đẹp đẽ cho lắm. ít nhất nhìn từ phía bà vợ chằm chằm canh giữ ông chồng. Nhiều cô cậu mới lớn thích chuyện yêu đương trớ trêu, người ta bảo thế. Tâm đáng lẽ phải như những cô cậu mới lớn khác, nồng nàn chút ít và quên đi rất nhanh. Vài năm sau, nhớ lại và cười xoà, ngạc nhiên: hồi đó mình con nít quá nhỉ. Tâm không chịu thế. Bị bố mẹ tôi la mắng, cấm cửa, thêm người ấy hờ hững, tránh né, Tâm khóc hết nước mắt như bất kỳ cô thiếu nữ nào mới biết vị đắng của ái tình. Chỉ khác là Tâm không quên. Hai năm sau trận đòn tình thất điên bát đảo đó, lúc ca ngợi chuyện tình của Tiến, mắt Tâm còn lóng lánh ngọn lửa cũ, âm ỉ trong đống tro tàn tưởng tiếc. Không ai nghe câu nói của Tâm, trừ tôi. Không ai biết, như tôi biết, những lần Tâm đi hơi với anh A, anh B, rồi mất ngủ, trăn trở cả đêm nhìn ra vầng trăng lúc tròn lúc méo ngoài khung cửa sổ.

Cuộc họp kéo dài hơn thường lệ. Tôi bỏ ra ngoài trước khi ông xếp đứng dậy, bồn chồn, cáu kỉnh đến vô lý. Ở bàn, điện thoại có năm cái nhắn tin. Ông xếp đòi bản thống kê chi tiết hơn. Đồng nghiệp đòi báo cáo từ tuần trước. Vài cái hẹn ăn uống xã giao. Giọng của mẹ, luôn nhỏ hơn độ ồn trong văn phòng quá nhiều máy móc, không lúc nào có thông điệp nào rõ ràng. Gọi cho mẹ. Ngắn ngủi chỉ có thế. Không có mào đầu, không có giải thích, không có cả một gợi ý về thời gian hay không gian nào.

Tôi nhấc ống nghe, những ngón tay nhuần nhuyễn bấm những con số quen thuộc. Đến tiếng reo thứ sáu, bảy, mẹ mới nhấc điện thoại. Tôi nói nhát gừng, cố giữ sự khó chịu mơ hồ không lấn vào giọng nói:

- Con đây, mẹ.

Giọng mẹ vỡ ra:

- Thảo ơi...

- Chuyện gì vậy mẹ ? Bố...

Tôi ngưng lại, không dám hỏi tiếp. Sau lần ba tôi vào bệnh viện năm ngoái, nỗi lo sợ đã thành gần như ám ảnh.

- Con Tâm...

Mẹ ngưng lại bất thần. Rồi thì thào:

- Mẹ gọi cho con sau nhé.

Tiếng click nhỏ ở đường dây bên kia. Tôi dằn ống nghe xuống máy, bỏ lơ cái nhìn tò mò của người đồng nghiệp chung phòng.

Bây giờ, khi hai chị em tôi cùng đến sát gần tuổi bốn mươi, phần thắng bại cho những ganh đua tuổi thơ đã rõ ràng. Công việc của tôi lương cao hơn, dù tôi không có nhiều bằng cấp như Tâm. Tôi lập gia đình, mua nhà, có con, trong khi Tâm vẫn độc thân, vẫn ở chung với ba mẹ tôi. Tôi không còn cần so đo với Tâm nữa, nhưng chuyện bực mình cãi vả giữa hai chị em vẫn xảy ra khá đều đặn mỗi lần tôi về thăm nhà, có chồng con tôi bên cạnh hay không. Không về, tôi và Tâm vẫn có thể cãi nhau qua điện thoại. Thường chuyện bắt đầu từ mẹ tôi. Bà thỉnh thoảng giục giã Tâm đi lấy chồng. Tâm không thích, sưng mặt, đập cửa. Cũng có khi Tâm không vui điều gì, về nhà nằm vùi trong phòng không chịu ăn cơm. Mẹ tôi sốt ruột, lần nhần, thế là lắm chuyện. Mẹ tôi bảo Tâm "ổ gàn", "bà cô" mất rồi. Tôi thấy Tâm vẫn như bao giờ, lạ lẫm và khó hiểu. Mỗi lần mẹ than phiền về Tâm tôi lại nghĩ: mẹ xem Tâm như trẻ con, tỉ mỉ lo lắng lẫn khuyên bảo, chẳng trách Tâm nhiều lúc đến phát cáu. Dĩ nhiên tôi không nói ra. Tuy từ lúc lấy chồng, dọn ra riêng, tôi được mẹ xem như đã có phần khôn lớn độc lập hơn, nhưng tôi không dại gì làm mất lòng

mẹ. Hơn nữa, những lời mẹ nói không hẳn không đúng. Tôi cho là Tâm không chịu xông xáo kiếm việc làm khá hơn, không đủ chắt chiu dành dụm. Tâm mua tivi màn ảnh lớn, tôi bảo phí. Tâm mua máy vi tính, tôi bảo phí. Nếu muốn ở vậy, độc thân thì phải lo lấy thân chứ, tôi bảo. Tâm cười, bảo chính vì độc thân, không phải lo cho ai mới được tiêu tiền thoả thích. Giọng cười của Tâm, giòn giã là thế, đối với tôi như có gai góc khó chịu. Có lẽ tôi chạnh nhớ đến thái độ dửng dưng của Tâm đối với những thứ tôi hết sức vun quén trong cuộc đời. Tâm gọi hạnh phúc gia đình của tôi là "kịch cổ điển". Cổ điển vì nó đã xảy ra qua bao nhiêu thế hệ loài người, bất kể văn hoá hay lục địa. Kịch, vì không còn chữ nào thích hợp hơn nữa. Tôi ghét cặp mắt Tâm lúc đó. Chúng không có cái nhìn độc ác của câu nói cay đắng, mà đơn giản, trong suốt như đứa bé thành thật. Đến nỗi tôi phải giật mình tự nhắc nhở. Quả thật tôi không còn yêu chồng nữa, nhưng chúng tôi sống với nhau êm ấm. Quả thật đôi khi bổn phận trách nhiệm đè nặng lên tôi như gông xiềng tử tội, nhưng con cái là ơn phước trời cho, phải không?

Điện thoại reng giữa bữa ăn tối. Trí đứng dậy trả lời, trong khi tôi làm mặt dữ tợn doạ Ti. Con bé đang cơn chướng,áxụ mặt không chịu ăn cơm, nằng nặc đòi bắt chước anh mang thức ăn vào phòng ngủ. Anh Tuấn cần computer để làm bài mai nộp. Ti ngoan mẹ thương. Lát nữa mẹ xem phim hoạt họa với Ti. Ti coi chừng bị đòn. Lúc tôi đã hết hơi sức dỗ ngọt con bé, và cảm thấy cáu kỉnh, điện thoại reng. Tôi trợn mắt nhìn Ti, không nhúc nhích. Trí buông đũa, nuốt vội miếng cơm trong miệng. Anh gọi tôi từ hành lang, nơi máy điện thoại treo đứng trên tường. Ai vậy, tôi hỏi. Mẹ em. Tôi đã quên mất chuyện mẹ có thể gọi điện thoại tối nay. Mẩu đối thoại ngắn ngủi ở sở làm, tôi đã đẩy vào một xó xỉnh của trí óc, hăng hái quên đi như quên một chuyện khó nghĩ. Sự bực bội, bồn chồn mơ hồ lại đến. Tôi cầm ống nghe lên, nói Allô. Giọng mẹ run run:

- Thảo hả con ?

Nước mắt trong giọng nói mẹ làm lòng tôi mềm xuống:

- Có chuyện gì vậy mẹ ? Có phải Tâm nó lại...

Mẹ ngắt ngang, vội vã như sợ không nói hết câu:

- Con Tâm bị bệnh.

Mẹ không nói hết câu thật. Chữ bệnh bị nuốt một nửa vào tiếng nấc. Tai tôi đột nhiên ù đi. Loáng thoáng tiếng mẹ tôi, lúc rõ, lúc mất. Bướu đã to... Có thể ác tính...Phải xem kỹ lại...Tâm sợ...khóc nhiều... Phải mổ...nó không nói câu nào...mẹ lo lắm... Mẹ ngưng lại. Gọi Thảo, con còn đó không ? Tôi nhận ra đến lượt mình nói. Giọng tôi là lạ, hơi lạc đi, nhưng

chậm rãi, bình tĩnh. Mẹ lo giữ sức khoẻ. Ngày mai con về. Đừng ép Tâm nhiều. Chắc nó đang bị shock, cần thời gian. Cần nhất là coi chừng nó, không để nó nghĩ quẩn. Tiến nó biết chưa ? Con sẽ gọi cho nó. Mẹ đừng buồn quá nhé, Tâm nó lại sợ thêm.

Tôi đặt ống nghe vào giá điện thoại trên tường, bước ra phòng ăn. Trí đang tìm cách dỗ bé Ti thay tôi. Anh cầm thìa bón cho con, miệng u ư dỗ dành. Con bé quay mặt, gạt cái thìa đi. Tay Trí quạt ngang chén cơm, đẩy nó xuống đất. Trong tiếng men sứ vỡ, Trí nhìn thấy tôi. Anh bế bé Ti xuống đất, bảo nó vào phòng. Anh đến gần tôi. Hình như cả tháng nay chúng tôi không nói với nhau một câu ngoài chuyện con cái, chợ búa, chi tiêu. Hình như lâu lắm rồi tôi không cảm thấy hơi ấm thân thể anh. Những cử động của Trí nhịp nhàng, chắc chắn, quen thuộc. Anh luồn một tay vào tóc tôi, đặt lên cổ giữa xương vai và vành tai. Tay kia áp vào sau lưng tôi, kéo lại gần. Như thế, đầu tôi ngã vào bả xương vai của anh, vừa lúc tôi oà lên khóc.

Trong những giấc mơ của tôi gần đây, có khi tôi thấy mình bé lại, mặc áo đầm ca rô thắt nơ hồng ngang lưng đến nhà bác cả chúc Tết. Tâm cũng mặc áo màu y như thế, chỉ khác thay vì nơ ngang lưng, mẹ may cho Tâm ba chiếc nơ nhỏ trước ngực. Tóc tôi chấm vai, tóc Tâm ngang cằm. Hai đứa ngồi cạnh nhau, mắt lục lạo hộp kẹo trên bàn salon. Tâm với tay cầm cây kẹo bạc hà duy nhất trong khung nhựa. Tôi thừa lúc người lớn mải nói chuyện, thò tay sau lưng giật cây kẹo trong tay Tâm. Tiến lấm lét nhìn bố mẹ tôi, mắt thầm bảo: Bị mắng cả lũ bây giờ. Bố mẹ ky nhất con nít phá rối trước mặt người khác. Tâm cấu móng tay nhọn vào tay tôi. Tôi đứng dậy, ra ngoài. Tâm định đuổi theo, nhưng mẹ tôi liếc nó một cái sắc như dao, nên nó đành ngồi yên. Tôi đứng trong ánh nắng vàng óng của mùng một, cười khoái trá.

Có khi tôi thức dậy lúc đó, đắm trong mảng ký ức tìm về, lẫn lộn buồn vui. Có khi giấc mơ nối ngang qua đoạn khác, Tâm trở mình trên giường, mặt nhợt đi vì cơn đau. Tôi thấy mình đứng bên cạnh, thừa thãi đến đáng ghét. Thuốc giảm đau Tâm đã uống, dầu nóng khăn đá đã thử qua. Tâm nghiêng đầu nhìn tôi, cần cổ mảnh căng sợi gân nhỏ. Thảo về đi chứ, còn chồng còn con. Tôi biết Tâm muốn nói Thảo hãy đi cho khuất mắt, đừng trơ ra đó nhìn Tâm chịu đau. Cơn đau không chia sẻ được, không đỡ đần được. Tôi không trả lời, nép sâu hơn nữa vào bóng tối cuối căn phòng. Tâm nhắm mắt lại, mặt xanh hơn, xanh hơn. Cánh tay Tâm thõng ngang nệm, trắng xám như cây nến trên bàn thờ. Tôi hét lên một

tiếng. Và thức dậy, má ướt đẫm. Trí quàng tay ôm tôi, vẫn còn ngái ngủ. Tôi thì thầm em biết, mọi chuyện sẽ qua. Bệnh của Tâm, những nút thắt quặn nhói trong bụng Tâm, trong lòng mọi người trong gia đình. Cả giấc mộng ghê sợ này. Không biết Trí có nghe tôi nói gì không ?

Sức mạnh của tai ương biến đổi người ta đến không ngờ. Bỗng dưng tôi cảm thấy tội lỗi vì mình vẫn khoẻ mạnh, chút xíu sổ mũi cảm cúm cũng không. Lúc Tâm đứng ngồi không yên với cơn đau, tôi chợt nhận ra suốt bốn mươi năm hai chị em tôi chưa nói với nhau bao nhiêu lời âu yếm. Tôi sợ không nói sẽ trễ, và biết mình không nói được. Tôi chỉ có thể vụng về lóng ngóng trong góc phòng Tâm, không chịu nghe lời Tâm đuổi khéo, cho đến khi, sau một lúc im lặng, Tâm thở dài than nhỏ: Tâm đau quá Thảo ơi. Tôi đứng yên trong bóng tối của mình, cổ nghẹn lại. Đó là giây phút đằm thắm nhất của chúng tôi, hai chị em xưng tên như đôi bạn thân. Như thể ngầm ý rằng nếu không cùng bố mẹ, chúng tôi vẫn sẽ tìm đến nhau. Như thể làm chị em vẫn chưa đủ gần gũi. Thuở nhỏ tôi và Tâm thường chỉ xưng tên với nhau những khi hai chị em đã cãi nhau, đánh nhau, giận nhau một trận kịch liệt, tưởng như muôn đời không đội trời chung. Trong tuổi thơ tròn đầy lúc đó, có khi nào chúng tôi nghĩ sẽ nhìn thấy những thiếu thốn, méo mó bây giờ.

Dỗ mãi mà Tâm không chịu ăn cháo mới nấu xong, mẹ có vẻ không vui. Tôi kéo tay mẹ, nói nó còn mệt, để cho nó ngủ một giấc, thức dậy chắc sẽ thèm ăn. Thấy mẹ áy náy, tôi rủ mẹ đi thăm vườn; ừ, cả tuần rồi mẹ chưa tưới cây, mẹ sực nhớ ra.

Ngồi bó gối trong chiếc ghế nhỏ trong hàng hiên, tôi nhìn mẹ kéo vòi nước dọc hàng cây, ngừng lại mỗi gốc cây chờ nước tuôn vào lõm đất. Bà cần bận rộn như vậy, như Tâm cần giấc ngủ sau hai giờ mổ sáng nay. Nét mặt ngơ ngác của mẹ bảo tôi có lẽ trông tôi cũng không tỉnh táo cho lắm. Cuộc giải phẫu thành công mỹ mãn, các vị bác sĩ nói thế. Chỉ cần chờ Tâm tịnh dưỡng, phục hồi. Kiểm tra sau này chỉ là thủ tục. Nhưng hình như chúng tôi chưa tin hẳn, chưa dám tin hẳn, rằng Tâm sẽ thức dậy, tươi tỉnh như năm trước, và cơn ác mộng thật đã qua. Phân vân, nửa ngờ, chúng tôi chưa dám mừng vội, như thể sợ rằng nỗi vui sớm sẽ đụng chạm đến vị thần linh nào đó.

Mẹ gọi tôi từ cuối vườn. Lại gần, tôi thấy mẹ cạnh cây mận mới ra hoa. Mẹ níu cành cây điểm những nụ hoa cánh mỏng, bảo năm nay hoa

sớm đấy. Mong là hoa nhiều, quả ngọt. Tâm thích mận nhà lắm. Tôi yên lặng. Người già cần có những lúc kể lể như thế. Những câu chuyện mẹ nhắc đến, suốt từ thuở nhỏ của mẹ đến thuở nhỏ của con cái, chuyện nào tôi cũng nghe đến thuộc lòng, nhưng cứ lẳng lặng nghe. Mắt tôi lướt qua những chồi lá bóng mướt, nghĩ đến nụ cười của Tâm ngày nào khoẻ lại. Nụ cười có chiếc răng khểnh thường làm tôi tái người vì ghen tỵ. Đợi mẹ ngưng câu chuyện, loay hoay đóng vòi nước, tôi hỏi mẹ sao cây mận bên cạnh chậm lớn. Mẹ bảo không biết. Mẹ chăm sóc cho cả hai cây như nhau đấy mà. Nó ra hoa ít, không chịu kết trái, èo uột đến tội. Mẹ nhìn tôi, như dò hỏi, chờ tôi đồng ý. Tôi ôm vai mẹ, lục tìm trong thanh âm của mình giọng nói dịu dàng nhất. Mẹ không lo hết mọi chuyện được, mẹ ạ. Cho dù mẹ hết sức chăm sóc, mẹ không thể bảo vệ cây khỏi thời tiết, mưa nắng, hay những bất trắc nào khác.

Mẹ tiếp tục tưới cây, còn tôi lại bó gối trong hàng hiên. Lúc trở vào, đi ngang tôi, mẹ ngừng lại, bảo: Từ nay con nên nhường, chiều Tâm hơn trước, nhé. Chị em sắp già rồi mà còn thích học hặc. Tôi mỉm cười, không trả lời. Tương lai hạnh phúc tôi nghĩ đến không hẳn giống như thế. Đó là một ngày bình dị như mọi ngày, không có biến cố, tin lớn hoặc nhỏ. Tôi ghé về thăm bố mẹ, gặp Tâm. Hai đứa sẽ tìm cớ gì đấy cãi nhau. Mẹ sẽ than thở chị em như chó với mèo. Và cuộc sống êm ả trôi đi...❐

tên em là hoa kỳ

thi tập thứ nhì của Quỳnh Thi

Đại học South Eastern ở Houston xuất bản

Phụ bản Lê Thánh Thư, Ngọc Dũng, Đinh Cường

"Tên Em Là Hoa Kỳ" ra đời sau bao nhiêu đắn đo, kể cả những băn khoăn, như không tìm được lối thoát trước một bế tắc của thơ hôm nay. Có cả thời gian dài gián đoạn sáng tác, ngưng nghỉ rồi lại tiếp tục hành trình lên đường. Dòng máu phục hồi tuôn chảy, vì nó là hơi thở của người yêu thơ.

Giá mỗi tập 8 Mỹ kim (cước phí 2 MK)

Liên lạc và mua sách: **Mr Phạm Quang Vinh**

10707 Zireon Ct., Houston TX 77099 USA

Phone: **(281) 575-7636**

Không còn trong trí tưởng...

vy

Anh yêu dấu, rốt cuộc rồi em cũng đã đến nơi em hằng muốn đến, nơi mà đêm đêm nằm êm ấm trong vòng tay anh, đôi lúc em vẫn rơi những giọt nước mắt thầm khi tưởng nhớ.

Khi em hôn anh và các con từ giã, bước chân vào phòng đợi, ngoảnh lại thấy anh vòng tay ôm vai Tí Nhè và các con đưa tay hôn gió chào tạm biệt mẹ, chưa chi mà em đã thấy nhớ mấy cha con vô cùng. Em như hình dung thấy trên đường về Chou đang làm hề chọc các con cười, anh dựa đầu ra lưng ghế nhắm mắt mệt mỏi, Ốc Tiêu và Tí Nhè đang cự nự nhau và Tý thì đang ra vẻ nghiêm trang nói chuyện với ba về đoạn đường dài xa lạ hơn mười mấy tiếng đồng hồ mà mẹ của Tý sẽ phải trải qua, một mình. Em cũng nhớ luôn cả bữa cơm tối cả nhà ăn chung với nhau ở một quán cơm Việt Nam quen thuộc trước khi đưa em ra phi trường. Lúc đó, em đã không nuốt trôi được nửa chén cơm, mặc dầu Tý cố ý gọi toàn những món ăn mà con biết là em rất ưa thích. Nhớ không anh, em bao giờ cũng vậy, những bữa cơm chia tay chỉ làm đầy ứ nơi em sự mong nhớ buồn bã mơ hồ nào đó không rõ nét trong hồn mỏng manh và tràn đầy mơ mộng của em. Quán cơm gà Siu Siu ban đêm ở hông chợ An Đông, tiệm ăn Tàu ở đường Hồng Thập Tự gần trường Trường Sơn với món cá mặn hầm dĩ mà em thường ưa thích... và những quán nhỏ đã chứng kiến bao lần em chống đũa mặc anh nài nỉ dỗ dành em ráng ăn cho hết chén cơm vào những đêm cuối cùng trước ngày em một mình lên trở lại trường học. Đã xa rồi thời thơ ấu, nhưng tánh tình em hình như chưa bao giờ thay đổi, phải không anh?!

Máy bay cất cánh đúng giờ. Khi cỗ máy khổng lồ rùng mình, cất bổng lên, tiếng bánh xe xếp vào bụng máy, chiếc máy bay đảo vòng từ

giã, nhìn xuống qua cánh cửa kiếng bầu dục nhỏ xíu thấy phi trường Los Angeles phía dưới với hàng đèn phi đạo phát quang nhấp nháy cùng hàng dài ánh sáng đèn xe nối với nhau, uốn vòng như con rắn lân tinh khổng lồ, em cố đoán thử xem chiếc xe nhỏ bé mang chồng con em trở về nhà đang nằm nơi nào trong đám đông dường như vô tận đó, và trong thâm tâm em nỗi nhớ dâng tràn như là em đã xa anh, xa con hằng trăm nghìn ngày. Bên ngoài là bóng đêm đen nghịt, dầy và nặng như tiếng thở dài cố giấu trong tim em.

Chuyến bay đông người hơn sức tưởng tượng của em. Tiếng ồn ào, khóc lóc của con nít, mùi hơi của người lớn đậm đặc pha lẫn với tiếng nói cười chào hỏi làm em choáng váng. Em tháo vội dây thắt lưng an toàn nơi bụng, hơi ngã ghế nằm dài về phía sau, dựa hẳn người vào nhắm mắt lại cố tìm cho mình sự yên tĩnh nhưng trái lại lòng em xôn xao đầy những ánh mắt cùng hình ảnh của anh và các con. Tiếng động cũng đã giảm bớt, mọi người chung quanh em dường đang mỏi mệt với giấc ngủ chập chờn. Thỉnh thoảng một trong các cô tiếp viên xinh xắn trong bộ đồng phục xường xám mầu tím thẫm, cái mầu mà em yêu nhất, lại ân cần ghé ngang để xem em có cần gì không. Thật tình mà nói, nếu không có sự dặn dò nghiêm khắc của người bác sĩ, em đã không đưa cho các nhân viên hãng hàng không tờ giấy bệnh lý của em để họ biết cách phải lo khi em có đột biến bất ngờ trên cao. Anh biết mà, với sự cao ngạo kỳ chướng của em, thà em cắn răng lại chịu đựng thêm một chút nỗi khó chịu của thân xác còn hơn là nhận sự chăm sóc quá đặc biệt có ẩn chút xót thương trong ánh mắt của người xa lạ. Lần nào em cũng phải mỉm cười, nhẫn nại:

"Cám ơn cô. Tôi không sao hết!"

Thật ra, đôi khi em chỉ muốn yêu cầu họ cứ xem em như những người khách hàng bình thường trên chuyến bay này thôi. Sự chăm sóc có phần thái quá chỉ làm động thêm những sợi tơ nhỏ mong manh mà em cố tình tôi luyện cho nó trở thành khô khan cứng chắc trong em.

Tiếng người trưởng phi hành đoàn báo qua chiếc loa nhỏ trên trần, phi cơ đang bay trong một trận bão, và đang di chuyển với vận tốc 692 dặm một giờ trên độ cao hơn ba chục ngàn bộ so với mặt biển. Phi cơ nhồi xóc, nghiêng qua lại chao đảo không ngừng cho em có cảm giác nó nhẹ tênh như chiếc lá khô trong cơn gió lớn. Trời tối đen, thỉnh thoảng ánh chớp loá lên từ một cú sét cho em thấy những hạt mưa nặng nề đang quật giận dữ xuống cánh máy bay. Em tưởng tượng với tốc độ và chiều cao này, con người nhỏ nhoi và yếu đuối biết chừng nào! Bây giờ, hình như chỉ còn một mình em là còn theo dõi Richard Gere đang chạy trốn trên những nóc nhà rong rêu xưa cũ ở thành phố Bắc Kinh trong Góc Phố Đỏ,

phía dưới là những con đường, vỉa hè che tạm đông đúc người qua lại, có phần nét nào của thành phố em sắp đến hay không? Buồn cười và đau lòng chưa, cái thành phố nơi đã nhìn em thơ dại, đã thấy em lớn lên, đã chứng kiến tình yêu say đắm của hai ta nay lại được em tưởng tới như một nơi phải đến chứ không phải là chốn được trở về. Còn nơi em vừa từ giã lại được em nôn nao nhớ tưởng như một chốn thân yêu vừa xa đã xót dạ nhớ mong.

Chuyến bay trong trận bão kéo dài tưởng chừng như sẽ không bao giờ đến, rồi thì cũng hạ cánh được vào tảng sáng tinh sương ở phi trường Đài Bắc. Trời vẫn còn mờ tối. Mưa vẫn nặng hạt. Phi trường còn im ắng trong vẻ ngái ngủ. Những hành khách chung chuyến bay với em có vẻ phờ phạc, nhưng vẫn không giấu đi được sự nôn nóng trong cách sắp đặt. Em ngồi một góc, chờ đổi chuyến bay, cố lắng nghe những xúc cảm trong lòng mình. Nhưng em không nghe thấy gì hết, ngoài những mệt mỏi và trống trải dửng dưng đến kinh ngạc. Không phải là em đang tìm đến nơi em vẫn hằng mong muốn hay sao? Chung quanh em, mọi người xôn xao đi mua thuốc lá và rượu ở những cửa hàng không đóng thuế. Em không biết mình có còn gặp được những ai thân quen trong thành phố để có thể ân cần tặng cho những gói thuốc lá, những chai rượu đắt tiền hay là chỉ gặp được những khuôn mặt lạ lẫm, những thoáng mắt nhìn lạnh lùng, vô cảm. Kỳ cục chưa, cái con người lạc quan yêu đời lúc nào cũng sẵn sàng toe miệng ra cười biến hẳn đâu mất nơi em rồi. Hay là cái không khí vừa xa lạ vừa xô bồ hỗn tạp này và bầu trời xám màu chì buồn thảm ngoài cửa kiếng kia, cùng với những những hạt mưa nặng đập không ngừng đã làm đổi thay tâm tình em như vậy?

Từ Đài Bắc đến SàiGòn chỉ hơn hai giờ bay mà thời tiết thay đổi đến lạ thường. Qua khỏi làn mây xám ảm đạm là một bầu trời đầy nắng đập vào mắt em. Khi người trưởng phi đoàn báo tin phi cơ sẽ đáp xuống trong vòng mười lăm phút nữa, cả lòng tàu chộn rộn lên. Em nhìn ra ngoài khung cửa. Trời trong xanh, những đám mây trắng dưới cánh máy bay nằm lặng lờ lười biếng, và nắng. Máy bay xuống thấp dần. Em bắt đầu nhìn thấy những khoảng ruộng màu xanh, những con sông ngoằn ngoèo nhỏ xíu như sợi dây. Người đàn ông ngồi kế bên em, hình như là người đi buôn, ra vào thường xuyên nên có vẻ rất rành rẽ:

"Rồi cô sẽ thấy, thay đổi nhiều lắm. Chắc là cô mới về lần đầu phải không?"

Em ậm ừ không muốn bắt chuyện. Em đang cố nghe ngóng coi thử tâm hồn mình ra sao. Nhưng, em chỉ thấy trong mình sự dửng dưng. Ngay

cả một thoáng xao động của người đi du lịch ở nơi mới lạ cũng không cảm được. Không có giọt nước mắt nào dành cho nơi mình trở lại sao? Em tự trách mình.

Cô tiếp viên ưu tiên đưa em ra ngoài trước. Nắng tràn đầy. Cả một trời nắng. Nắng trưa nhiệt đới phủ trùm lấy em. Em ngửi thấy được mùi hơi đất, mùi ngọt của nắng vàng óng mật ong trải chung quanh em. Cái nóng từ sân nhựa bốc thẳng lên mặt làm em choáng váng. Em bị đẩy trôi trong giòng người như cơn mộng du. Không còn bước đi từ máy bay vào phi trường trong con đường mát lạnh mà phải leo lên một chuyến xe buýt bốc người vào trong phi trường. Cho đến bây giờ em không hiểu được bằng cách nào em ra khỏi được khối lượng người, khối lượng hàng hoá khổng lo, rừng người đứng chờ đón người thân và những tiếng động mà người ta phải hét to lên khi nói như thế. Cho đến khi vòng tay Kim Yến thân ái ôm siết lấy em, nụ cười của Kỳ Nam với đôi mắt tinh nghịch lấp lánh sau chiếc kiếng cận và cái siết tay mạnh mẽ của chị Cúc mới làm em choàng tỉnh.

Khi chiếc xe ra khỏi phi trường, em quay đầu nhìn lại, cố tìm xem góc nhỏ nào hơn mười ba năm trước em đã ôm choàng lấy thầy nức nở khóc những giọt nước mắt chia xa cuối cùng của tình cha con. Nơi mà bà ngoại Từ cố gắng chen tay vuốt ve lần chót Chou, Tỵ và Ốc Tiêu và chúng ta siết chặt tay Kim Yến để thay cho lời cám ơn và từ giã. Nhưng em không nhận ra được gì hết chỉ còn là sự trống trải và nỗi chua xót mơ hồ trong em.

Anh yêu dấu,

Mười ngày trong thành phố thân thuộc mà xa lạ này em sống như trong một giấc mơ. Những vốc thuốc đầy trong nắm tay em uống trước giờ ăn, giờ ngủ đã làm bạn bè ngao ngán và lo âu cho em, nhưng nó cũng đã giúp em đủ sức để thở để sống và để chịu đựng được đời sống vội vã như chong chóng ở nơi này. Em đã gặp lại được những bạn bè thân mến cũ, đã quen thêm một vài người bạn mới, đã tìm đến những nơi em muốn đến muốn nhìn. Nhưng em không thấy gì hết. Nói đúng ra là em không thấy được những gì em muốn thấy trong trí tưởng em. Những góc phố yên bình chan hòa nắng sáng, nơi chúng ta ngồi uống chung với nhau ly cà phê. Con đường vắng với hàng me châu đầu nhau làm thành vòm cung che nắng cho những cặp tình nhân, cơn mưa chiều ào qua thành phố mang theo mùi đất ẩm nồng nàn của tháng ngày thơ ấu cũ. Mất hết. Biến hết. Chỉ còn chung quanh em là tiếng động của xe cộ không phút nào ngơi, bụi bậm, lạnh lùng và dửng dưng. Mọi người ra đường với mắt

kiếng đen che mắt, mặt nạ che kín mặt mũi, lạ lẫm. Anh ơi, làm sao em có thể ngó xuyên qua đó được để tìm ra nụ cười thân ái, ánh mắt trẻ trung yêu đời, tin người mà tuổi trẻ ngày xưa chúng em đã từng có, đã từng ban phát cho bạn bè và đời sống chung quanh một cách hào phóng như thuở xa xưa? Em như lạc vào một hành tinh khác một thế giới khác. May mà em còn có Kim Yến, có Minh Ngộ, có Lê Bắc, Phạm Thịnh và Lan Hương có cái tình bạn không bao giờ dời đổi của chúng em.

Anh ơi! Em đã ao ước được về. Đã hồi hộp kiếm tìm. Đã giữ kỹ rất lâu trong tim của mình hình ảnh cái thành phố mà em yêu mến. Và em đã tới. Cái hộp nhạc ký ức của em nay đã mở toang, trống rỗng. Em không có được gì hết, viên ngọc mà em tưởng nằm trong đáy hộp, không có, chỉ là một đầu chú hề phóng vọt ra lắc lư kỳ dị. Em buồn bã, ôm tất cả vào lòng.

Em đã trở về cái ngõ hẽm cũ để thăm bà ngoại Tư. Khi đi ngang căn nhà mình, em tưởng là em sẽ khóc. Cái căn nhà đã từng cất giữ tiếng cười hạnh phúc của chúng ta, từng ấp đầy tiếng khóc chào đời của Chou, Tỵ, Ốc Tiêu, những viên gạch đã hong khô bao nhiêu giọt nước mắt em trong những ngày anh bị tù đầy cũng là nơi đón những té ngã đầu tiên của các con khi chúng chập chững tập chạy, tập đi. Ngõ hẻm, căn nhà của hơn mười năm khóc cười tình nghĩa mặn nồng vậy mà em không thấy gì hết. Tất cả đã thay đổi. Cánh cửa sắt đã được gỡ bỏ đi. Cái sân phía trước anh để một chiếc ghế mây cho em ngồi chơi mỗi chiều, lan can nhà để em đặt lên đó chậu hoa tỉ muội trắng và chậu tử đinh hương tím, cùng chậu ngọc lan nhỏ nơi góc sân tỏa hương mỗi sáng đã bị đập bỏ, dẹp đi để khơi rộng diện tích nhà ở. Em ngẩn ngừ một lúc trước cửa căn nhà cũ, rồi quay ngoắt đi, bước hẳn vào nhà bà ngoại Tư. Mắt khô, lòng nguội. Không có một chút rung động nào hết vì em không còn thấy được một nét nhỏ nào căn nhà thơ mộng của chúng ta ở trong lòng. Mà nào đâu phải riêng gì căn nhà của em đâu. Cả một thành phố thay đổi, em không tìm được, nhận ra một chút gì hết. Em có ghé qua đường Kỳ Đồng. Cây trứng cá đã bị chặt mất. Ngôi nhà đã khơi lên, xây cao. Em có chụp cho anh mấy tấm hình của căn nhà. Em nhớ xót xa biết mấy những trưa hè, đi ngang, cố dõi tìm cho thấy chiếc Lambretta màu xám bạc dựng kế gốc cây trứng cá.

Anh ơi. Cứ thế mà em sống, suốt mười ngày. Đi đứng nói cười cùng chúng bạn. Chỉ có đêm cuối cùng, ngủ chung với Kim Yến, Minh Ngộ và Lan Hương em mới để rơi những giọt nước mắt của mình. Những giọt nước mắt chảy cho cái thành phố em yêu dấu ấp ủ. Những giọt mắt chảy cho thành phố đã chết, đã trở thành nấm mộ buồn hiu ở một góc trong trái tim em. Những giọt nước mắt lo sợ vì em sẽ không còn gì nữa để mong

Bên kia xương cụt

SỬ MẶC

Tặng Quan Dương

Trở mình
đụng lóng xương khô
mới hay thân xác
ốm
o
gầy
mòn
nuôi
từ chút mộng cỏn con
mau khôn chóng mậy
vuông
tròn
lửa hương

trần ai ngoa ngoắc cũng thường
đi ba vạn thiếp về
cương
một tờ
kệ hồn bá tánh vất vơ
nhân quần ấm một chỗ hơ
nõn nường.

nhớ để tưởng về để kể lể cho các con nghe nơi mẹ chúng vẫn hằng nằm thấy trong mấy chục năm dài qua.

May mà em còn có với em tình bạn.

Anh ơi. Có phải người ta sẽ trở nên khô khan lắm và không còn mơ mộng được nữa khi những gì mình cất giấu trong tim đã không còn trong trí tưởng nữa. Phải không?!❐

Ngựa ô

Phạm Hải Anh

Thành hối hận là đã thuê cái phòng này để bầy bán tranh. Hai mét chiều ngang, bốn mét chiều dài, chỉ độc một lối đi gắng gỏi len ra mặt phố – thế giới nghệ thuật của anh đấy! Địa thế khuất nẻo đã đành, nó lại tối om om, sặc mùi ẩm mốc lưu cữu, trông thẳng ra cái cống ngập rác. Bên phải là cửa hàng "Hơn cả thời trang" bán đồ lót phụ nữ. Nịt vú, độn mông, tất dài, áo ngủ... treo rủ tầng tầng lớp lớp, chị em vào ra hớn hở. Bên trái là liên minh gà tần - ngẩu pín tần, bổ cả âm lẫn dương. Khách từ cửa hàng bên trái dắt nhau sang cửa hàng bên phải, hoặc từ cửa hàng bên phải vui vẻ tạt vào bên trái, nhưng không ai dừng lại ở phòng tranh của Thành. Những bức tranh gượng gạo trần mình dưới ánh sáng nhân tạo trông tội nghiệp và xa lạ như không phải do chính tay Thành vẽ. Tự nhiên anh có tâm trạng của một ông bố thất nghiệp mà phải chứa trong nhà cả đàn con gái nhỡ thì...

Nhưng chiều hôm đó thì khác. Trời đang oi chợt òa xuống một cơn mưa. Rồi tạnh. Không khí tươi mát, thoảng mùi lá giập ngai ngái. Cả phòng tranh bỗng chốc ngập trong ráng chiều màu cam lộng lẫy. Ngực Thành thắt lại. Những buổi chiều thế này, người ta thường trông ngóng một điều gì đó màu nhiệm, phi thường.

Đúng lúc đó, một phụ nữ vận đồ đen bước vào phòng tranh. Trông chị ta có vẻ không giống những người khách tạt qua từ cửa hàng bên trái và bên phải. Bộ quần áo màu tối nom hơi khắc khổ, nhưng cổ áo bất ngờ khoét trễ xuống, phô một khuôn ngực đầy đặn với làn da trắng ngần. Gương mặt thanh tú, thoạt trông thì còn trẻ, nhìn kỹ lại có vẻ từng trải, rất khó đoán tuổi. Đôi mắt chị ta nhìn hút vào một bức tranh. Thành nhìn theo, thất vọng. Đó là một bức sơn dầu rất bình thường, vẽ một đám rước

dâu bằng ngựa ô. Anh treo nó lên vì màu sắc khá tươi vui, nhưng chủ yếu là để lấp chỗ trống trong phòng tranh. Thành ướm lời:

– Chị thích bức này?

– Dạ..., người đàn bà như sực tỉnh, quay sang anh nở nụ cười ngượng ngùng: Xin lỗi anh. Tôi không hiểu gì về hội họa. Tôi chỉ để ý đến con ngựa ô... Vâng, tôi định nói là, tôi muốn nhờ anh vẽ hộ một bức tranh ngựa ô, chỉ có ngựa không thôi...

Thành ngán ngẩm như một nghệ sỹ thực thụ trước đám công chúng rỗng tuếch. Anh toan từ chối thẳng nhưng người đàn bà làm một cử chỉ ngăn lại:

– Xin anh hãy nghe tôi. Nó không phải là một bức vẽ thường đâu. Biết nói thế nào nhỉ... Nó ở trong tôi. Anh hãy giúp tôi lấy nó đi, giải thoát cho tôi khỏi sự ám ảnh. Tôi nhìn những bức tranh của anh và linh cảm là anh có thể giúp tôi. Tôi van anh. Tôi sẵn sàng trả giá...

Trông chị ta không có vẻ gì là người mắc bệnh tâm thần. Thành nhếch mép, anh chẳng hơi đâu chạy theo ý tưởng đồng bóng của các bà:

– Tôi làm sao mà vào trong chị để lấy cái gì ra được!

Người đàn bà đỏ bừng mặt, nhìn thẳng vào Thành. Cặp mắt chị ta sáng rực, môi hôi mím lại:

– Nếu anh không muốn thì thôi vậy. Xin lỗi, chào anh.

Thành nhìn chị ta quay đi. Đầu ngẩng cao, sau lưng là phòng tranh im lìm, bộ đồ đen bí ẩn đi giữa ráng chiều đang cháy rực lên kỳ lạ. Một bức họa tuyệt vời. Anh phải giữ chị ta lại thôi, cho dù phải vẽ cả một tá ngựa ô.

Thành tìm đến nhà người đàn bà theo địa chỉ được cho. Cánh cổng sắt hoen rỉ khép im ỉm. Bên trong thấy xanh xanh một mảnh vườn con, lá hồng xiêm lòa xòa. Một ngọn cau còi cọc gắng nhô mấy tàu lá héo trụi lấp ló sau bức tường bao cắm đầy mảnh chai. Thành nhấn chuông. Lâu lắm mới có người ra. Mở khóa, tháo ba vòng xích quấn quanh kêu xoang xoảng, cánh cửa nặng nề hé ra, bản lề nghiến ken két. Người đàn bà đứng trước Thành, bé nhỏ và hơi là lạ trong bộ đồ hoa xanh nhạt. Chị ta đưa Thành vào trong nhà. Ngôi biệt thự cổ, màu vôi đã nhạt phếch vì mưa nắng, có vẻ gì rất Liêu Trai...

Thành đưa bức tranh cho người đàn bà. Tối qua, anh đã vẽ phóng một con ngựa ô thật to, trông y như thật, nét mực tàu đen nhánh nổi bật trên nền giấy trắng, chắc là vừa ý chị ta. Người đàn bà đón lấy bức tranh, xem rất kỹ rồi cuộn lại. Chị ta thở dài:

– Lỗi tại tôi chưa nói rõ với anh. Anh vẽ giống lắm, nhưng anh chưa biết con ngựa mà tôi muốn vẽ. Tôi vẫn mơ thấy nó, đen huyền và có cặp

cương đỏ rực như lửa...

– Nếu chị muốn, tôi sẽ vẽ thêm dây cương màu đỏ vào. Không hề gì.

Người đàn bà lắc đầu:

– Không. Không phải thế. Chuyện dài lắm anh ạ. Tôi chưa bao giờ trông thấy một cái gì tương tự như thế. Vậy mà tôi lại mơ thấy nó. Đẹp lắm, không giống ác mộng chút nào. Tôi nghĩ đó là một điềm báo. Anh có tin không? Tôi đã mơ thấy nó ba lần tất cả. Cách nhau mười mấy năm. Sau mỗi lần nó xuất hiện, một chuyện gì đó ghê gớm lại xảy ra với tôi. Tôi không biết nó là may mắn hay bất hạnh nữa, chỉ biết đời tôi cứ bị bẻ quặt đi. Vậy mà hôm nọ, tôi lại mơ thấy nó. Vẫn y như thế. Đen huyền, lấm liệt, dây cương kéo thẳng băng và rừng rực như lửa...

Thành không tin vào những chuyện mộng mị và điềm báo. Nhưng người đàn bà trông thật cuốn hút và đầy xúc động. Đôi bàn tay trắng xanh, ngón thon dài xoắn chặt vào nhau rồi lại rời ra, bồn chồn không yên. Chị ta hẳn phải rất cô đơn.

– Chị có nói chuyện đó với ai không? Sao chị lại phải vẽ nó? Để làm gì?

Người đàn bà cười gượng gạo:

– Nói anh đừng cười. Tôi đi xem bói. Trước đây tôi chưa bao giờ đi xem bói, tôi không dễ tin... Nhưng lần này, tôi sợ. Vả lại tôi rất muốn biết nó là cái gì. Ông ta khuyên tôi hãy vẽ nó ra. Lẽ ra tôi phải tự tay vẽ, tập trung hết tinh thần vào đó thì mới linh nghiệm. Nhưng tôi không biết vẽ. Tôi muốn nhờ anh. Tôi sẽ kể hết với anh để anh vẽ cho đúng. Tôi biết, toàn bộ chuyện này đối với anh chắc là kỳ quặc lắm. Nhưng tôi còn biết làm gì nữa? Xin anh hãy giúp tôi...

Sao đời Thành cứ phải lụy vì đàn bà thế nhỉ? Đồ lót phụ nữ, gà tần-ngẩu pín kẹp dí hai bên chưa đủ, bây giờ họ còn xông thẳng vào anh với những chuyện mộng mị, bói toán, xổ tung ra một dòng thác tâm sự và rồi yêu cầu anh vẽ tất cả những cái đó nữa chứ!... Ánh mắt người đàn bà nhìn anh cầu khẩn. Chưa có ai từng nhìn anh như thế. Thành thấy mình rơi tõm vào lưới rồi. Vô phương...

– Cha tôi lúc nào cũng tự hào về cái ảnh cụ nội đội mũ cánh chuồn ngự chính giữa ban thờ. Vậy mà ông có được thừa hưởng cái gì từ cụ đâu ngoài cái danh hão. Tôi đến khổ vì nó. Cha tôi dữ đòn lắm. Mẹ thì suốt ngày đe: "Cá không ăn muối cá ươn." Hồi bé, có lần tôi lén bỏ một vốc muối vào chậu cá cảnh. Sáng hôm sau, cá chết nổi bềnh. Con cá vàng ánh, đẹp lắm. Tôi bị đòn quắn mông. Mẹ mắng: "Đồ ngu. Tao nói cá chết ăn muối chứ không phải là cá sống". Tôi khóc mãi, không phải vì đòn đau mà vì thương con cá. Tôi muốn cứu nó mà lại thành giết nó... Tôi nghĩ lẽ

ra tôi phải mơ thấy con cá ấy, chứ con ngựa thì có liên quan gì đến tôi đâu?

Thành sợ tâm sự của các bà các cô như sợ ăn dồi. Một tí phèo phổi, một tí huyết, mỡ lòng băm dối, trộn nháo nhào rồi nhồi vào khúc ruột già chưa tẩy sạch mùi. Ớn lắm! Anh đã cố tránh thật xa chỗ các bà đun nồi tâm sự, cho dù nó có sôi lóc bóc đến trào bật nắp vung cũng mặc. Vậy mà còn không thoát. Bây giờ, chị ta đang mặc sức trói anh bằng những dây hoài niệm nghi ngút khói:

– Hồi bé, anh ấy hay đến đón tôi đi học. Có lần trời mưa, bố mẹ sợ tôi bị cảm lạnh, không cho đi. Anh ấy cứ kiên trì chờ ngoài cổng. Một chàng trai bé con, chân đi đôi ủng đỏ tươi, tôi còn nhớ rất rõ... Sau đó, chúng tôi không gặp lại nhau nữa. Gia đình anh ấy chuyển đi Thái Nguyên. Chẳng còn ai đến rủ tôi đi học... Xin lỗi anh, tôi hơi dài dòng. Nhưng chuyện là như thế. Anh ấy là người bạn thực sự đầu tiên của tôi. Rồi lại là người yêu đầu tiên. Anh ấy đã trở lại tìm tôi. Đêm trước hôm gặp lại anh ấy, lần đầu tiên tôi mơ thấy con ngựa ô. Lúc đó tôi 24 tuổi, chưa hề có bạn trai và tôi khao khát từng ngày. Tôi mơ thấy nó, tất cả tối đen, im lìm như đang ngủ và nó vụt hiện ra, kỳ lạ, dũng mãnh. Tôi choàng tỉnh, bật khóc. Lúc đó, tôi không hề biết cái gì đang chờ đợi mình...

Thành nghĩ có lẽ anh nên về. Chiều đã muộn. Hôm nay thế là đủ. Cá vàng này, ủng đỏ này, cả ngựa ô nữa... Không biết sẽ còn những màu gì nữa đây? Người đàn bà tiễn Thành ra cửa. Xích sắt lại va loảng xoảng, cánh cổng hé ra rồi vội vã khép lại, nuốt gọn cái bóng nhỏ nhắn của chị ta. Thành chợt cảm thấy khó chịu. Anh hình dung ra một cô bé con bị nhốt sau cánh cổng sắt nặng nề, xám xịt, dõi cặp mắt buồn rầu qua làn mưa dày đặc..., ngoài kia có một đôi ủng đỏ tươi nấn ná chờ đợi rồi chầm chậm bỏ đi và khuất hẳn. Anh muốn nhổ cái hình ảnh sực mùi lãng mạn ấy ra khỏi đầu như con chó muốn gặm đứt cái đuôi ghẻ của mình. Chẳng có ủng đỏ nào hết. Người anh yêu đi giày cao gót trèo vào hàm ô tô cá mập của ông giám đốc bụng và ví căng nứt. Mưa thì có xá gì...

Người đàn bà không nhiều lời mời Thành quay lại. Không cần thiết. Con sói cái đã đánh hơi thấy mùi và nắm chắc sơ hở của con mồi. Khát vọng của giống cái bao giờ cũng thế, đầy bản năng, mãnh liệt và nông cạn đến mức nguy hiểm. Thành không đủ sức cưỡng lại. Anh đã ngu ngốc lao vào, bây giờ chỉ còn cách tự trói gô mình lại và để chị ta luộc trong nồi tâm sự "bảy nổi ba chìm".

Thành lắng nghe lơ mơ. Anh ngửi thấy thoang thoảng mùi nước hoa quyến rũ từ cánh tay trần nuột nà của người đàn bà. Rốt cuộc, chị ta có khác gì những cô ả khác? Con ngựa ô hoang dại lồng lên sau cánh cổng

sắt và bức tường cắm đầy mảnh chai.

– ...Tại sao anh ấy lại bỏ tôi đi? Anh ấy đã yêu tôi đến thế. Đối với đàn ông các anh lại có cái còn đáng kể hơn cả tình yêu, hơn cả mạng sống ư? Đêm đó, tôi mơ thấy con ngựa ô. Nó giằng sợi dây cương và hí lên thảm khốc. Tiếng hí làm tôi lạnh toát cả người... Đôi lúc, tôi tự hỏi, hay là linh hồn anh ấy hiển linh thành con ngựa ô để dẫn đường chỉ lối cho tôi?

Thành không thể kể cho chị ta về giấc mơ của mình. Chẳng có ngựa ô. Anh mơ thấy một bữa cơm dọn trên cái mâm nhôm, hàng gia công, loại rẻ tiền, được cái nhẹ và sáng choang. Trên mâm có một đĩa thịt bò xào, một đĩa rau muống luộc, canh cá chua, cà pháo và cả một cút rượu nữa. Thành bê khư khư cái mâm, không biết đặt đâu. Anh đang ở trong căn phòng 8 mét vuông, choán một góc là cái hố xí hai ngăn, bệ rất cao, đen đúa, ngạo nghễ. Cả gia đình đang náo nức xà xuống bên mâm cơm, quây quần, ấm cúng. Không ai để ý đến nó. Người ta cần ăn, cũng cần ỉa, mà căn buồng 8 mét vuông thì chỉ chẳng bõ ngăn. Cái mùi ấy che làm sao được, hít mãi cũng thành quen, cả nhà vui vẻ gọi nó là "nước hoa Mỹ". Thành cẩn thật chọn góc xa nhất, đặt mâm cơm xuống đất. Anh ngồi xổm bên mọi người. Ngay dưới chân anh, những con giòi trắng ngoe nguẩy vãi tung ra như gạo. Đúng lúc đó, Thành cũng lạnh toát người, choàng tỉnh... Con ngựa ô, ngựa ô có cặp cương rừng rực như lửa, mày ở đâu?

– Tôi nghiệm thấy mỗi lần mơ thấy con ngựa đó, nếu có chút hạnh phúc thì liền sau đó, tôi lại khổ sở gấp đôi. Nhưng nếu nó bắt đầu bằng bất hạnh thì rồi tôi lại gặp may. Ngày anh ấy bỏ tôi, tôi đau đớn tưởng chết. Nhưng nếu không thế, chắc gì tôi đã được như bây giờ. Người ta bảo là gì nhỉ? À, "Tái ông thất mã", phải không anh? Bây giờ, tôi chẳng ao ước gì nữa. Tôi có gia đình, nhà cửa, công việc đàng hoàng. Tôi chỉ mong được sống yên ổn. Suốt mấy đêm liền tôi không ngủ được. Tại sao nó cứ đeo đuổi tôi như vậy?

Người đàn bà rướn người về phía Thành. Trông chị ta có cái vẻ của một con báo đang rình mồi. Cái dáng mềm mại và nguy hiểm, căng lên vì chờ đợi. Nhưng Thành biết, ẩn sau đó là một cái tim đàn bà, yếu ớt, dễ thương tổn và tự tin đến ngu ngốc. Anh lặng lẽ ủ đôi bàn tay run rẩy của chị ta trong lòng bàn tay rộng lớn của mình. Con ngựa ô tội nghiệp...

Thành vẽ như người bị nhập đồng. Bức họa anh chưa từng vẽ. Không phải màu nữa mà là những tuyệt vọng u ám, sự căm giận điên cuồng, tình yêu và khát vọng chưa bao giờ chạm tới được... chảy như suối trên mặt giấy, xoắn lại thành một khối hình. Thành quăng bút. Anh kiệt sức ngắm tác phẩm của mình. Con ngựa ô đứng trên mảnh đất xám tẻ nhạt, giữa sỏi, lá im lìm, gà vịt ngủ lăn lóc. Hoang dại, kiêu hãnh, dây cương thắng sẵn

đỏ rực như lửa cháy, ngựa ô, mày chờ đợi gì?

Người đàn bà khóc khi nhìn bức tranh của Thành. Chị ta lấy một tập tiền, trân trọng đưa cho anh với vẻ hàm ơn. Thành toan từ chối nhưng lại nhớ tới món nợ thuê phòng tranh. Có cái gì toàn vẹn đâu. Dù là ngựa ô thì cũng phải sống chứ... Má nóng rát vì hổ thẹn, anh mỉm cười cảm ơn người đàn bà.

Thành thôi không thuê cái phòng tranh 8 mét vuông đó nữa. Thanh toán xong món nợ, anh ra quán, gọi một vại bia, lại vại nữa... Chiều rồng tuếch. Thành chợt thấy nóng ruột như lửa đốt. Anh thèm gặp lại người đàn bà. Thèm được ngắm con ngựa ô. Anh là thằng đàn ông khốn nạn. Nhưng nàng sẽ tha thứ. Nàng là đàn bà. Và con ngựa ô, chính tay anh đã vẽ, nó sẽ hiểu anh... Thành bấm chuông. Cánh cổng sắt nặng nề hé mở. Người đàn bà đang bận. Thành thấy một đám lửa nhỏ ở góc vườn. Con ngựa ô đang bị hỏa thiêu cùng với một đống vàng mã và tiền âm phủ. Dây cương đã cháy trụi, bờm ngựa bắt đầu bén lửa ngùn ngụt. Thành lao tới. Nhưng đã muộn. Anh nhìn đống tàn tro ngổn ngang, vô nghĩa. Nhìn người đàn bà. Gương mặt chị ta đẫm nước mắt:

– Tôi phải đốt nó đi. Để giải thoát. Thầy bói đã bảo, có thế, tôi mới sống yên ổn được. Anh ơi, đó là bức tranh đẹp nhất đời tôi...

Thành bỏ đi. Chiều oi ả khủng khiếp. Không có mưa. Thành cầu mong đêm xuống, anh lại mơ thấy con ngựa ô, hoang dại, kiêu hãnh, lông đen ánh kỳ dị và cổ bờm rực lên ánh lửa... Nhưng nó chẳng bao giờ xuất hiện. Có đôi lần, trong những đêm trở gió, anh mơ hồ nghe tiếng hí của nó vẳng lại, tha thiết, bồn chồn...❐

báo cũ

Văn Học xin trả lời chung cho các bạn đọc muốn mua những số báo cũ để sưu tập cho đủ bộ Văn Học từ 1985-1997 như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140&141, 142, 143, 144, 145

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Đôi ngả

Hoàng Bích Đào

Cho nhau cho cả tự do
Cho nhau đến nắm than tro cuối đời

- Anh e rằng chuyện chúng mình rồi cũng chẳng đến đâu!

- Anh nghi ngờ tình yêu của em?

- Không, từ lúc gặp lại em, anh thấy như mình mới yêu lần đầu. Có em, con người anh như đổi mới, như trẻ lại, đôi lúc anh thấy lạ ở chính mình. Với những rung động mà anh tưởng chừng như không phải là anh. Anh đã tìm thấy những gì anh từng ao ướcởnhững người vợ, mặc dù, có lẽ em sẽ không bao giừo trở thành người vợ yêu quí cua anh.

- Sao anh lại nói thế?

- Bởi vì.... Bởi vì anh hiểu được lòng em. Em không bao giờ vượt qua được chính em.

- Có gì phải vượt qua? Em đã sống một mình từ bao năm qua. Em đã một mình nuôi con. Nay các con khôn lớn, thành danh, đâu có gì ràng buộc nữa?

- Cuộc sống mười lăm năm qua của em đã trở thành thói quen. Thành quả của em được bạn bè khen ngợi. Tất cả điều đó tạo thành một hàng rào chắn mà em không nhận ra. Anh đã thấy ở em những sự e ngại người thân quen biết tình yêu của chúng mình.

- Em .... em....., tại sao phải sợ? Em có quyền yêu có quyền sống cho chính mình chứ? Có gì không chính đáng đâu? Anh cũng độc thân. Em cúng thế. Chúng ta có quyền yêu chứ?

- Dĩ nhiên. Trên mặt pháp lý chẳng có gì phải bàn. Chúng ta đều độc thân, yêu nhau là chuyện thường tình. Nhưng.... em thì không được như vậy!

- Sao lại không được! Em cũng là đàn bà, có những rung động, có những ước mơ. Em mơ có có được người mình yêu, một người bạn, một người chồng, người cha, người anh.... để trong những lúc cô đơn buồn bã, tâm sự những gì mình muốn nói, bằng những lời lẽ chân thực xuất phát từ con tim mà không e dè.

- .....

- Như anh đã biết, em vừa lớn lên cha mẹ đã gả lấy chồng. Rồi bổn phận làm vợ, tiếp tục làm mẹ.

- Anh đã biết, nên rất thương yêu em, và tự hứa sẽ không bao giờ làm em đau khổ thêm lần nữa.

- Em đã phấn đấu với cuộc đời, sống trong miền vui khi thấy các con khôn lớn và hãnh diện với những điều em đã tạo lên có kết quả tốt đẹp. Có lẽ vì thế mà em đã trở thành kiêu hãnh trước những tình cảm của những người đàn ông muốn đến với em. Em tưởng chừng con tim em trở thành chai đá. Không ngờ khi gặp lại anh, những ước mơ đã lắng sâu trong tiềm thức bây giờ lại trỗi dậy, thoát khỏi sự kiềm toả của em. Em thực sự muốn được sống bên anh cho đến giờ phút sau. Vì đời mình cũng chẳng còn bao năm.

Vậy em có muốn anh vuốt tóc em, thì thầm ru em vào giấc ngủ không?

- Sao anh lại hỏi vậy? Đó là một điều mà ...

- Thế thì hôm nay, anh rất sung sướng và vô cùng hạnh phúc, em ở lại đây cho niềm mơ của anh trở thành hiện thực. Sáng mai, khi tiếng chim hót hiên ngoài, em mở mắt ra, và thấy mình gối đầu trên tay anh âu yếm.

- .....

- Đấy! Em thấy chứ! Em đang lo sợ phải không? Có phải em sợ các con và những thân thích, bạn bè?

- Tại sao phải sợ? Nhưng mà ..... nhưng mà em không muốn các con lo lắng vì mẹ nó chưa bao giờ vắng nhà mà không có lý do.

- Thì sẵn điện thoại đây, em hãy gọi báo cho các con em biết hôm nay em không về ....

- .....

- Nói vậy thôi, anh rất yêu thương em. Anh cũng kính trọng tình mẫu tử nơi em. Anh không muốn đưa em vào một tình thế khó xử. Chỉ muốn gợi cho em có một cơ hội để thấy mình mà thôi.

- Thế anh nghĩ rằng em không thương anh hay sao?

- Không, Anh không nghĩ thế, Nhưng tình yêu của em không như tình anh yêu em.

- Thú thật với anh rằng em rất hạnh phúc, nhưng hạnh phúc không

trọn vẹn! Mỗi lần chúng mình gặp nhau, sau đó lương tâm em trở bên bứt rứt! Chính em đã cố cưỡng lại ý muốn gặp anh nhưng không được, để rồi chúng ta lại gặp nhau với nhưng rung động như tình yêu ban đầu. Điều đó, đôi lúc làm em sợ hãi với chính mình!

- Chính vì thế mà anh buồn, vì biết rồi đây chuyện chúng mình cũng chẳng đi đến đâu! Nhưng chính vì thế mà anh yêu em rất nhiều, rất nhiều và cũng vì thếm nên anh muốn em còn được yên vui trong cuộc sống và còn giữ mãi niềm ước mơ. Anh không dám khuấy động mặt hồ xao động để em giữ trong tim một mối tình đằm thắm cho đến giây phút cuối đời.

- Thế anh muốn...

- Anh không lãng mạn như thế, nhưng vì anh hiểu em hơn nữa, nên muốn tránh cho em sự bất an, do chính em tạo dựng, để rồi tình yêu cũng theo đó mà phai tàn.

- Em thật không hiểu anh muốn nói gì?.

- Anh muốn nói rằng em như một loài chim quí, đã sống lâu trong chiếc lồng son, cũng có một khoảng không gian để bay nhảy, cũng có hoa lá trong khu vườn để ngắm nhìn. Đôi lúc chim cũng muốn sổ lồng bay về đỉnh núi cao xa, nhưng ở đó nhiều dông bão, chim chưa quen đời sống mới lúc nhìn về chiếc lồng xưa thì chỉ còn là dư ảnh, chim sẽ rất buồn rầu nuối tiếc những chuỗi ngày qua...

- Tại sao anh ví em như chim trong lồng? Em hoàn toàn tự do mà.

- Đúng. Em hoàn toàn tự do. Nhưng tự do ở trong lồng! Em không thấy sao, mỗi khi gặp nhau, em đều phải dè rặt để che dấu người thân, vì sợ dư luận. Đã gần mười năm rồi còn gì! Mọi người quanh em đều thấy em là thần tượng, là người đàn bà mẫu mực.. Khổ nỗi, họ thích nhìn em nhưng không sống theo em. Rồi lâu dần.. lâu dần trở thành tượng đá biết đi! Để rồi đến ngày chúng ta gặp lại nhau, tượng đá mới hay rằng mình vẫn có một con tim biết rung động! Em đã sống theo khuôn thước đạo đức, đoan trang với bốn chữ "Tiết Hạnh Khả Phong" mà người đời đã tặng cho em. Bây giờ em có dám phá bỏ thần tượng trước mặt mọi người không? Anh hỏi, nhưng anh đã trả lời hộ em rồi đó! Anh thương em vô cùng!.

- Em đã quen nếp sống đó rồi, chắc muốn thay đổi cũng phải có thời gian. Em mong rằng tình mình sống mãi. Nếu bây giờ chưa tiện nói rõ mối tình chúng mình, thì nhất định những giờ phút sau cùng của em, em sẽ báo cho những người thân biết rằng em đã yêu anh và sẽ nói các con báo tin để anh đến thăm em lần cuối cùng.

- Anh biết đó là ý muốn chân thân của em, Nhưng đừng nói chi đến chuyện mai sau.

Mùa thu, mùa khói sương, mùa u ám. Đã gần trưa, lớp sương mai vẫn còn vương vấn trên đỉnh đồi phủ mờ những hàng cây úa vàng, hiu quạnh. ánh sáng vàng vỡ sau đám mây mù không đủ sưởi ấm cỏ hoa. Một màu trắng bạc như phấn rắc trải đầy trên thảm cỏ và những bụi cây hoang dại. Dưới đồi, về hướng đông, là biển cả mênh mông. Ven bờ là một dải nước xanh tiếp tận cận bãi cát vàng. Xa hơnm, chỉ thấy mà sương khói che lấp cả chân trời. Những đàn hải âu bay lượn, thỉnh thoảng cất tiếng kêu điểm khuyết vài nét sống động trên cảnh vật còn đang yên nghỉ. Trong khung cảnh trầm tịnh của một buổi sáng cuối thu nơi ven đồi, biển vắng, một đôi thanh niên nam nữ, đang chậm rãi theo đường mòn tiến lên đỉnh đồi. Cả hai gọn gàng trong trang phục mùa đông xám nhạt. Trên tay mỗi người cầm một bó hoa vàng và trầm hương. Thiếu nữ nói với chàng trai:

- Em biết không, những năm sau này, mẹ có tâm sự buồn mà không muốn cho chị em mình biết.

- Em cũng cảm nhận như vậy, nhưng không dám hỏi mẹ và tánh tình của mẹ hình như có phần thay đổi. Mẹ không còn thích đến những chỗ đông người. náo nhiệt như ngày xưa, nhưng nơi mẹ thường đưa chi em mình đi chơi nữa, mà mẹ thích đến với thiên nhiên. Mẹ muốn dạo vùng núi đồi ưa ngắm nhìn trời cao biển rộng. Em sợ em buồn vì chị em mình đều có gia đình, nên em lại càng săn sóc mẹ chu đáo hơn nữa.

- Chị có nhớ, có lần chúng mình đưa em đi biển chơi, thấy mẹ đứng yên trên cầu tàu, nhìn theo một áng mây trắng, trôi lững lờ trên bầu trời xanh. Lúc đó, chị đến bên mẹ mà không dám gây tiếng động, mãi cho đến khi tảng mây trắng tan vào cõi hư vô, mẹ cúi nhìn làn nước và cất tiếng thở dài. Lúc ấy chị thấy thương mẹ mà đau xót cả lòng.

- Nhưng mẹ vẫn yêu thường vui đùa với chúng mình.

- Ừ! Thì lúc nào mẹ không yêu thương chị em mình. Vì quá thương yêu. lo lắng mà mẹ cứ lo sợ em chết đi không ai chăn sóc chị em mình!.

Hai người, vừa đi vừa nói chuyện. Bỗng nhiên người thanh niên chậm bước, chỉ tay về hướng đỉnh đồi, nói với giọng hơi ngạc nhiên:

- Chị coi kìa, hôm nay cũng có người đi thăm mộ như chị em mình.

Thiếu nữ hờ hững, trả lời:

- Trên đồi có nhiều ngôi mộ, thì người ta thăm mộ thân nhân như mình vậy. Có gì đâu lạ.

- Nhưng mà.. sao người này, hình như đang lom khom cúi nhìn mộ của mẹ?.

Bấy giờ người thiếu nữ mới chú ý. Cả hai bước nhanh lên đồi.

Trước mặt hai chị em là một người đàn ông khá lớn tuổi. Có lẽ đã

ngoài sáu mươi, đang đứng cạnh ngôi mộ của người mẹ. Bước chân hai người đến gần, gây tiếng động, khiến người đàn ông ngẩn mặt lên nhìn với vẻ ngạc nhiên. Hai chị em cũng ngạc nhiên không kém khi bắt gặp người đàn ông vừa rồi đang cúi xuống đọc hàng chữ trên bia mộ mẹ mình. Thanh niên lên tiếng trước:

- Thưa bác, bác tìm mộ ai?

Vừa hỏi hai chị em vừa quan sát người đàn ông xa lạ, gương mặt nhiều nét phong trần, quần áo có vẻ xuề xoà nhưng đứng đắn, vầng trán cao, đôi mắt hiền từ, gây cho người đối diện một sự tin cậy. Nghe hỏi, người đàn ông có vẻ hơi lúng túng :

- Tôi .. tôi tìm mộ của một người... quen với bạn thân tôi...

- Thưa bác, đây là mộ của mẹ cháu.

Câu nói của thiếu nữ, hàm ý xác định rằng ngôi mộ mà người đàn ông đang tìm không phải là ngôi mộ này. Người đàn ông thừa hiểu thanh niên, thiếu nữ này là ai, song vẫn hỏi tiếp :

- Hôm nay có phải là ngày giáp năm của bà ấy?

Hai chị em vô cùng sửng sốt :

- Dạ đúng. Thưa bác, tại sao bác lại biết, bác có quen với mẹ cháu hay sao?

Thanh niên nôn nóng hỏi dồn dập. Còn thiếu nữ có cùng một thắc mắc, nên đứng nhìn chăm chú, chờ câu trả lời. Người đàn ông vẫn chậm rãi, sau tiếng thở dài, nửa như trút bỏ được gánh nặng, vẫn giọng ngập ngừng, nhưng thân mật nói :

- Thật ra, tôi đã bất ngờ gặp hai cháu ở đây. Tôi với người đang yên nghỉ dưới mộ này không hề quen biết.

Một thoáng ngập ngừng, như để tìm lời, người đàn ông nói tiếp :

- Nhưng hôm nay tôi đến đây, vì có sự yêu cầu của người bạn thân của tôi mà thôi.

Tưởng rằng những thắc mắc sẽ được giải toả, nhưng câu trở lời của người đàn ông lại càng gây cho hai chị em thêm sự khó hiểu. Thiếu nữ thay em lên tiếng :

- Thưa bác, người bạn thân của bác sao lại không đến, để bác phải đi thay, và ông ấy có liên hệ gì với mẹ cháu?

Người đàn ông đưa mắt nhìn hai chị em, ra chiều suy nghĩ đắn đo, như không muốn trở lời vội, mà lại đăm chiêu như cố tìm cho ra lời. Trong khi đó hai chị em vẫn giữ thái độ chờ đợi.

Không khí quanh ngôi mộ bao trùm những phút giây im lặng. Trời buổi sáng nhiều mây, càng làm cho cảnh vật quanh đây như ngưng đọng lại. Một làn gió se lạnh, thoáng nhẹ qua, người đàn ông lật cổ áo, kéo thấp

chiếc mũ che lấp cả vầng trán cao, giọng ông vẫn tiếp tục thân mật :

- Hai cháu ngồi xuống để tôi kể cho nghe một câu chuyện

Hai chị em lẳng lặng vâng lời. Người đàn ông lấy trong túi áo ra một gói giấy đỏ, đặt xuống mộ, rồi cùng ngồi và cất lời :

- Ngày ấy, cách đây hai mươi lăm năm. Có đôi bạn, chàng là sinh viên, nàng là nữ sinh trung học. Cả hai đã thầm yêu nhau và với những hứa hẹn trong tương lai.... hai người cũng đã trao nhau nhiều kỷ niệm. Khi đi học ở xa về, chàng thường tặng nàng những quyển sách quý. Và khi tiễn chàng đi nàng cũng trao cho chàng vài cánh hoa khô ép trong tập sách, những chiếc khăn thêu. Được một hai năm, việc học hành của chàng chưa xong, nàng đã bị cha mẹ gả đi lấy chồng. Chồng nàng, một người đàn ông có sự nghiệp. Nếu chỉ có thế thôi, và nếu cuộc đời bằng phẳng như giòng sông trôi êm đềm thì có lẽ cũng không có câu chuyện trái ngang như hôm nay. Nhưng thế sự, vốn thăng trầm, nàng trở thành goá phụ sống với con. Chàng, thì tan vỡ mối tình đầu và sống nổi trôi theo vận nước. Để rồi ... bất ngờ hai người gặp lại nhau trong lúc hai mái tóc đã điểm sương nhưng mối tình đầu ngày xưa bừng dậy như thời son trẻ.

Thế rồi, những buổi hẹn hò, những lần gặp gỡ, hai người lại trao cho nhau những tình cảm thắm thiết nồng nàn. Cả hai tưởng chừng như hạnh phúc đã có trong tầm tay. Nhưng thật sự không phải như thế. Hạnh phúc không thể tự nhiên đến, mà phải trả giá. Phần chàng vẫn sống một mình cô độc. Riêng nàng, trưởng thành trong một gia đình Nho giáo, nên dù các con đã lớn, đã lập gia đình, nhưng nàng vẫn để mắt trông chừng từng bước con đi, vui buồn theo nhịp sống của chúng. Thiên chức làm mẹ trong bao năm đã quá đủ khi một mình đã phấn đấu nuôi dưỡng các con với bao tình yêu thương lo lắng. Bây giờ, các con đều nên danh phận, nhưng nàng vẫn muốn hy sinh tình cảm của người đàn bà, để các con hãnh diện về người mẹ của chúng. Dù vậy, tiếng nói của con tim đôi lúc đã vượt ngoài lý biện. Cuộc tình của hai người trở thành phức tạp, mặc dù rất thương quý mến nhau. Nàng bị dằn vặt giữa tình yêu và khuôn sáo của cuộc đời. Đó là bức hoành phi "tiết hạnh khả phong", là thứ khuôn sáo đã bóp nghẹn những con tim biết rung động. Nhưng đôi lúc, cũng chính vì nhờ những khuôn sáo đã mới có những gia đình, có những đứa con ngoan hiền, hiếu thảo. Tình yêu hai người, từ lâu đã có sự trắc trở ngấm ngầm. Chàng, khi gặp nàng, những tưởng sẽ cùng nhau dựng nên tổ ấm, những qua nhiều lần trò chuyện, chàng đã hiểu! Từ đó, hạnh phúc chỉ là chiếc bóng thoáng qua, để lại đàng sau những nỗi buồn không mãn nguyện! Càng thương yêu, chàng càng tôn trọng những thao thức, dằn vặt của

nàng. Chàng không hề phê bình quan điểm đạo đức của nàng, mặc dù điều đó làm ngăn trở cuộc tình và ngược với quan niệm của chàng.

Cuộc đời cứ thế mà trôi. Hạnh phúc như bong bóng nước, một thoáng long lanh rồi tan vỡ. Có một lần, nàng nói với chàng rằng, nàng "không mong gì hơn, tình yêu nầy sẽ sống mãi với thời gian. Rồi có ngày em sẽ nói cho con em biết, để gọi anh đến với em trong những giờ phút sau cùng".

Rồi ngày ấy đã đến thật, nhưng đến bằng lời cáo phó trên mặt báo đăng tin buồn nàng đã vĩnh viễn ra đi! Chàng sững sờ, đau đớn đến nỗi nước mắt chảy ngược vào tim! Từ đó, đối với chàng, cuộc sống chỉ là những ngày chờ về cõi chết!

Sức khoẻ hao mòn vì quá thương nhớ người yêu, như đã thu ngắn những ngày buồn bã, cô đơn. Trước giờ phút cuối, chàng mới thổ lộ mối tình để nhờ bạn thoả mãn lời trăn trối sau cùng: khi chàng chết, hãy đem thiêu, rồi đem nắm tro tàn rải lên mộ nàng vào ngày nàng đã ra đi cách đây một năm.

Trời cuối thu, vẫn một trời ảm đạm, những làn gió nhẹ mang về màn sương mỏn phủ trùm lên cảnh vật hoang vắng của ngọn đồi, bên mộ chí, với giọng kể trầm trầm, câu chuyện tình buồn, đã làm người nghe bàng hoàng, xúc động, quên đi hiện tại, quên cả màn sương ướt lạnh đang phủ đầy.

Khi người đàn ông ngừng kể câu chuyện, hai chị cất tiếng thở dài, buồn rầu đứng lên. Thiếu nữ lấy khăn lau nước mắt.

Giọng người đàn ông lại cất lên, như kéo hai chị em trở về thực tại :

- Sở dĩ tôi phải kể câu chuyện nầy, là vì tôi đã lỡ gặp hai cháu ở đây, và tôi muốn xin phép hai cháu để thực hiện lời trăn trối sau cùng của người bạn.

Không chờ câu trả lời, ông ta mở gói giấy đỏ đang đặt trên mộ và đó là thân xác của người bạn, đã biến thành tro tàn. Nâng gói giấy trên tay, đưa mắt nhìn như chờ đợi. Hai chị em không nói lời nào mà cùng tiến lại gần nhìn gói tro, rồi người thanh niên từ từ đưa tay bốc một nắm... rải nhẹ lên mộ mẹ. ánh mắt rưng rưng...

Người đàn ông có vẻ hài lòng, đi quanh ngôi mộ rải đều, rải đều... từ đây thân xác chàng sẽ cạnh nàng mãi mãi.

Mặt trời như sáng hơn, xuyên qua lớp mây mù, chiếu những tia nắng nhẹ tươi, lên ngọn đồi, lên ngôi mộ. Hàng cây trơ vơ trên đỉnh đồi cũng được phủ lớp nắng vàng như đang chuyển mình vào sức sống cho mùa sau.

Khi công việc rải tro đã xong, chàng thanh niên bỗng hỏi :

Thơ Khánh Hà

Biệt

Tàn xuân rã cánh hoa đào
Hồ như nắng gió chao chao giữa lòng
Hồ như quấn quanh mùa đông
Về muôn năm cũ tìm không thấy người.

Hồi âm

Sự im lặng của biển
Lời thì thầm trăm năm
Hương mùa xuân bất tận
Về theo đóa trăng rằm

- Thưa bác, có phải đã nhiều lần bác lên thăm mộ mẹ cháu?

- Không phải đâu. Tôi chưa bao giờ lên đây lần nào.

- Vậy thì... ai đã đặt những cành hoa mimosa trong thời gian trước, mà những khi đi thăm mộ cháu đều thấy? Hoa vàng cũng là hoa mẹ cháu rất thích?

Người đàn ông thoáng ngạc nhiên rồi tiếp :

- Cháu nói đến điều này tôi mới hay. Bây giờ có lẽ cháu cũng như tôi, đều đã hiểu, người cắm hoa vàng lên ngôi mộ nầy là ai rồi.

Hai chị em cùng quỳ trước mộ. Thiếu nữ nức nở nói với mẹ :

- Mẹ ơi! Mẹ đã vì chúng con hi sinh, không sống theo sở thích riêng tư. Chúng con, dại khờ nên khong hiểu được tâm sự thầm kín của mẹ.

Như đâu đây có tiếng mẹ :

- Không đâu. Các con là nguồn sống, là hạnh phúc của mẹ. Mẹ không khổ vì các con, nhưng khổ vì gặp một nguồn hạnh phúc khác. Tiếc thay, đó là hai nguồn hạnh phúc riêng rẽ mà mẹ đều cần, nhưng chỉ cho phép mình được chọn một mà thôi. Mẹ đã chọn, và mẹ an vui...

Lời mẹ âm trầm như một thoáng hương xa...❐

Chim trong lồng

Nam Dao

Chiếc sào cắm xuống lòng sông dướn cong lên, đẩy về phía sau những dợn sóng loang loáng dưới ánh trăng lóng lánh. Tiếng mái chèo đều đặn khỏa vào nước, tiếng nước bập bềnh đánh nhịp vào mạn thuyền. Dọc bờ, mái tranh lổn nhổn thấp cao, ẩn hiện trong những vòm cây u uẩn. Thuyền cứ thế, trôi đi. Ngọn đèn chai đầu mũi chao đảo trong gió đêm, lắm lúc tưởng như là sắp tắt. Thỉnh thoảng, những đàn đom đóm không biết từ đâu bay ra, văng tung lên trời những chớp sáng lân tinh nhẩy múa trong bóng đêm. Đâu đây, tiếng vạc vẳng lại, vô hồn, lạc lõng. Thuyền cứ thế, vẫn trôi đi. Trôi đi rong chơi, nhàn nhã.

Sông dần dần hẹp lại. Lái thuyền quen việc, chẳng bảo nhau, phối hợp những động tác đã thành máy móc. Cập vào bờ, người đứng đầu thuyền xếp dọc con sào, nhẩy xuống nước, tay nắm lấy sợi chão to bằng cổ tay kéo vào, miệng hò lên «Đến rồi». Tiếng người léo xéo nổi lên. Tiếng rục rịch khuân vác xuống thuyền. Độ nửa khắc sau, một đoàn khoảng gần hai chục người từ chân đê xoài người đi lên. Họ lặng lẽ theo sau một chiếc võng lắc lư trên đòn khiêng chĩu nặng trên vai hai người phu lực lưỡng. Khi đến cửa ô Quan Chưởng, trống điểm canh ba vừa điểm. Tiếng chó tru lên sủa, rồi tiếng quát hỏi giật giọng của lính tuần canh còn khàn đặc cơn ngái ngủ. Dăm ba ngọn đuốc từ chân thành thắp cháy hắt bóng người lên tường thành cao nghễu nghện, nghiêng đổ, thấp thoáng như ma chơi. Đoàn người dừng lại. Dưới ánh đuốc chập chờn, một người trong bọn râu quai nón, mắt sắc, dáng chắc nịch, bước ra th"thào với đám lính vừa bổ tới vây quanh. Cổng ô mở ra, tiếng bản lề kèn kẹt rít lên.

Mõm lầu bầu chửi tục, một người lính leo lên lưng ngựa, tay vung ra sau quất roi. Phu khênh võng lẳng lặng hạ đòn xuống. Ông cụ nằm võng chống tay từ từ ngồi dậy, búi tóc đã bạc sổ ra lưa thưa. Quơ tay lên búi lại

tóc, ông vặn mình, mắt hé nhìn ra màn đêm dầy đặc. Tiếng điếu cầy rít sòng sọc, rồi tiếng ho khan hục hặc cắt quãng. Mùi thuốc lào hăng hắc hòa vào mùi dầu đốt đuốc khét lèn lẹt xông ùa vào mũi. Nh"n lên, trời cuối tháng ba lì ti những giải sao pha lê lấp lánh. Gió vẫn còn lạnh ngắt, từng cơn bốc hương đất ngai ngái rơm rạ.

Đợi độ một tuần nhang thì tiếng chân ngựa vẳng lại lúc một gần. Ông cụ nằm võng vẫy tay gọi người nhà thì thào. Võ Toàn Nhật, người có râu quai nón, tiến ra đón thanh niên cưỡi con ngựa chiến đang nhanh nhẹn nhẩy xuống yên. Xưng tên là Hoàng Đăng Khoa, con của Huy Quận công Hoàng Tế Lý hiện giữ chức Chánh Đường trong phủ Chúa, người đó khẽ nghiêng mình. Vái chào lại, Nhật nói «Thầy tôi cao tuổi, lại đi suốt mười ngày đường nên quá mệt không còn sức tiếp lễ cho phải phép, xin được thứ lỗi cho đêm nay»

Hai người tách ra đi về phía chiếc võng. Dưới ánh đuốc, một người tầm vóc, lông mày xếch, quai hàm bạnh ra và môi trông như hơi mím lại, bước ra chào. Nhật thì thào giới thiệu Nguyễn trọng Thức, người đồng môn. Nghiêng mình chào lại người đó xong, Đăng Khoa lẳng lặng đến vái trước võng rồi phất tay ra lệnh lên đường.

Đoàn người rời cửa ô, lầm lũi đi theo ánh đuốc chao đảo trong gió đêm. Men qua giẫy nhà hàng phố vẫn còn im phăng phắc được môột đoạn, người nọ nối chân người kia rẽ về phía trái. Đi thêm quãng nửa khắc, cả đoàn ngừng lại. Tiếng gọi cổng vang lên, rồi tiếng rút then, tiếng bản lề kẽo kẹt, tiếng suỵt suỵt đàn chó đang oăng oẳng sủa. Qua một chiếc sân gạch dài, Đăng Khoa tạt về mé phải, tay chỉ dẫy nhà ước chừng đến hơn chục gian, nhìn Thức và Nhật, nói:

- Đêm đã khuya nên xin về tệ xá. Đây là nơi phu tử và các vị tạm trú, mai này cha tôi sẽ cho lệnh xếp đặt lại sau. Đợi qua ngày, tôi sẽ lên chào phu tử.

Sáu năm sau khi nhậm chức Huấn Đạo, Nguyễn Thiếp được thăng lên làm Tri Huyện Thanh Chương. Tiếng thế, nhưng Nguyễn lui về ở trại Bùi Phong, việc quan trao hết cho bọn nha lại. Khi thầy mình là Nghiễm, Tả Thừa Tướng dưới đời chúa Trịnh Doanh, mất vào buổi lập đông năm 1768, Nguyễn từ quan, bỏ hết thời giờ vào chuyện học thuật. Quan Hiệp Trấn xứ Nghệ là Bùi Huy Bích gửi thơ lên thăm, lời lẽ tán tụng: *« Ngẩng trông am núi cách vời. Núi cao rừng thẳm tột trời mây xanh. Muốn lên thăm hỏi sự tình. Lại e một nỗi ông khinh người phàm »*. Trong thơ trả lời, Nguyễn nhân đó xin khoan giản thuế tư điền cho dân Thanh-Nghệ. Từ đó, người đời gọi Nguyễn là phu tử, tiếng đạo hạnh nổi lên khắp nước. Giữa tháng ba năm Cảnh Hưng thứ 41, phu tử nhận được tờ truyền của chúa

Trịnh Sâm mời lên Kinh. Phu tử ngần ngừ, nhưng thế chẳng đặng, phải cùng con trưởng và hai người học trò thân thiết nhất lên đường.

Sắp đặt xong chỗ ăn chỗ nằm cho phu tử, Trọng Thức bước ra sân ngước mắt nhìn trời. Vào cuối tháng ba, đến canh tư mà trời còn đen kịt. Tiếng vạc ăn đêm thỉnh thoảng lại vọng về não nùng, trống vắng. Lững thững bước quanh ven chiếc ao thả sen, Thức lắng tai nghe những âm thanh mơ hồ đến huyền hoặc. Dăm con cá ngóc lên đớp muỗi làm đám bọt nước lúc nổi lúc chìm lục bục vỡ. Những tàn sen se mình níu giữ một chút bình yên qua đêm sót lại. Vài ráng mây rám hồng một lúc sau loáng thoáng hiện dần nơi chân trời, rồi lao xao tiếng gà gáy sáng vẳng lên, bắt đầu còn thưa, sau cứ liên tu như giục giã đuổi bắt lẫn nhau.

Đứng dậy vươn vai hít không khí cho đầy ngực, Thức bước vào nhà. Toàn Nhật đang lúi húi đun nước cho tuần trà buổi sáng. Phu tử lưng dựa vào vách, tay vê điếu thuốc lào, mắt trũng xuống sau nhiều đêm ít ngủ. Ánh nắng sớm ửng vàng trên chòm râu phu tử bạc trắng lung linh qua làn khói thuốc. Phu tử ngả người ra sau, chiêu một ngụm nước, mắt nửa nhắm nửa mở. Một lát sau, nhìn học trò, phu tử chậm rãi nói «Chốn kinh kỳ miệng người như miệng rắn, tai người như tai dơi. Thầy chưa muốn tiếp ai trước khi gặp Hy Doãn Ngô thì Nhậm » rồi sai Thức đi tìm. Khăn áo chỉnh tề xong,Trọng Thức chào thầy rồi đi ra cổng.

Thuở Trọng Thức mới mười ba tuổi thì Nguyễn Danh Dương qua đời khi vừa sấp sỉ bốn mươi. Dương chẳng những là đường đệ mà còn là bạn thân của La Sơn Nguyễn Thiếp, sớm biết mệnh mình nên đã gửi gắm con với phu tử. Thức về ở trại Bùi Phong hai năm trước khi phu tử mang Toàn Nhật về nuôi. Cùng cảnh côi cút nên Thức thương Nhật như em ruột mình. Hai anh em khác hẳn nhau. Nhật dễ xúc động, xốc vác đôi khi đến nông nổi. Ngược lại, Thức lúc nào cũng bình tĩnh, khu xử phần lớn theo lý. Học được với phu tử mười năm, Thức xin phép được xuống Yên Vĩnh cách Bùi Phong hai mươi dặm, về sửa sang lại ngôi nhà của tổ phụ, ngày ngày đi cầy theo gương Hứa Hành đời Chiến Quốc. Dịch sách Tiểu học, rồi Tứ Thư, Ngũ Kinh sang tiếng Nôm, Thức lại dậy học mỗi tối cho đám trẻ, nhất định không nhận quà cáp thù lao, lấy cớ rằng cái học với Thức không dùng để đi thi ra làm quan được. Thức thường bảo học cốt là hiểu lý hiểu nghĩa, viết là để giao dịch, để ghi lại lời hay ý đẹp, nên Nôm hay Hán đều được. Học Nôm, nói và viết hợp nhau, tất dễ hơn nên ai cũng có thể học, rồi càng đông người biết chữ thì càng thêm lời thêm ý, chữ Nôm một ngày kia biết đâu sẽ chẳng thay hẳn chữ Hán. ít lâu sau, rất đông

người đến học với Thức, già có trẻ có, tiếng nổi lên như cồn khiến những ông đồ cả trấn Nghệ xì xào dè bỉu « nôm na là cha mách qué ». Thức lại bảo học trò tập viết bằng cách chép lại những câu ca dao dưới dạng thơ lục bát. Thức lại đưa cho Nguyễn Du xem năm ngoái, dịp Du về Nghệ, lên ở lì trên trại Bùi Phong cả tháng. Vốn là con Nguyễn Nghiễm và hiện đang ở với anh là Nguyễn Khản, Du thuở ấy mới mười bốn mà đã nổi tiếng hay thơ. Du cứ trầm trồ khen thơ lục bát có phần uyển chuyển phóng túng hơn loại Đường luật Cổ thi thường được ngâm vịnh trong giới người có học. Lúc đó, Khản như cánh tay của Chúa Trịnh Sâm, giữ chức Tả thị lang kiêm Bồi tụng. Trước sự ganh ghét của đám nho sĩ xứ Nghệ, Du xui Thức bầy tỏ chí mình. Thức làm ba bài thơ tựa là Tam đoạn tự khải. Tháng sau, có giấy bắt Thức lên hầu quan. Hoàng Tế Lý ẩn mặt, sai Nguyễn Hữu Chỉnh phân xử lời tố cáo Thức có ý định làm loạn. Chỉnh vời Thức vào, cố ý bắt Thức đợi nửa ngày, giọng khinh bạc, thủng thỉnh:

- Việc quan như là trông con mọn, cái nọ xọ cái kia, phiền ông chờ lâu!

Thức trầm tĩnh:

- Quan như phụ mẫu, chúng tôi nào dám kêu ca, miễn cứ công minh mà sử thì dân hèn chúng tôi đội ơn.

Chỉnh vờ nổi nóng, tay vỗ bàn, miệng gằn giọng:

- Mới mở mồm mà đã chê rằng quan trên không công minh à!

-.....

- Bài thứ ba trong Tam đoạn tự khải, anh viết: *«Ngoảnh trông phương Bắc thôi khiếp sợ. Ngước mắt về Nam gió đến tay» là ý gì ?* Phương Bắc có Vua, có Chúa. Phía Nam thì giặc Tây Sơn vừa ngược ngạo tự mình xưng đế xưng vương, thế có phải là...

Thức ngắt lời Chỉnh, chĩnh chạc:

- Trình Quan lớn, ngài tiếng tăm văn võ, thừa hiểu là bình thơ luận nghĩa mà chỉ trích ra hai câu trong một bài thì muốn gán thế nào cũng được, kẻ tiện dân này chỉ mong ngài không nghe tiếng dèm pha. Ba bài tự khải nhằm nói tại sao kẻ hèn này lại thiên về chữ Nôm chứ không lệch sang chữ Hán. Vậy thì Bắc ý chỉ Trung Quốc, còn Nam thì cứ kể là từ mũi Nam Quan trở ra.

- Người quân tử không thiên lệch...

Thức biết mình đã chiếm thượng phong, cố giấu ngạo nghễ, cười rồi nhẹ nhàng:

- Không quân tử, thưa Quan lớn, là phạm tội ư ? Thế còn bài Quách lệnh công phú để ca ngợi Quách tử Nghi đời Đường bên Trung Quốc đã nổi tiếng khắp Bắc hà, rồi đến bài thơ khẩu khí vịnh "Cái Trống" đều do

chính Quan lớn làm cũng là bằng chữ Nôm, liệu có thiên lệch gì không ?

Thức ngưng nói, nhìn Chỉnh rồi nhẩn nha:

- Hơn nữa, chẳng có cái tội trạng nào là cái tội không quân tử. Có tội ấy chắc toàn bàn dân thiên hạ thấp cổ bé miệng không có chỗ mà sống được nữa!

Chỉnh sượng sùng, nhẹ giọng:

- Sao không đi thi rồi làm quan mà giúp đời ?

- Quân tử cốt lập chí, sau mới đến công danh. Thời này nhiễu nhương mà chỉ tính đến công danh tư riêng thì chắc cho chính mình cũng chẳng bền, nói gì đến cứu giúp được ai! Kẻ tiện dân này chỉ mong yên thân đi cày ruộng, rồi bõ bẽ chỉ dẫn cho dăm người cầu học vài chữ thôi.

Chỉnh lạnh lùng cắt ngang, cấm Thức không cho dậy quá mười học trò trong mỗi buổi dậy học, và bắt chỉ được quanh quẩn trong vùng hai huyện Thanh Oai, Thanh Chương. Sau chuyện đối đáp với Chỉnh trong chuyến hầu quan trên trấn, Thức càng được tiếng, bỏ một nửa ngày cầy để dậy thêm hai buổi mỗi bữa, học trò đông đến độ Thức phải từ chối dậy một số người đã lớn tuổi.

Du nói với anh, Khản nhân danh là đồng môn với Nguyễn Thiếp hỏi quan Hiệp Trấn về việc Thức. Lúc ấy Tế Lý nể mặt mới ra lệnh cho cống Chỉnh bãi cái lệnh cấm cản, lại còn sai mang lên tết Thiếp mười quan tiền, sáu đoạn nhiễu, hai cân chè Thái Nguyên và nửa tạ gạo. Nguyễn Thiếp tránh không tiếp, và dặn Đặng thị từ chối không nhận bất cứ một thứ gì.

Suốt một tuần lễ từ ngày đến Thăng Long, phu tử đợi Chúa vời, nhưng không tin tức gì. Mặc dầu Khoa hết sức chu đáo, phu tử và gia nhân vẫn mong sớm được dời tư dinh của Khoa, nơi tạm cư từ ngày lên Kinh. Khoa luôn luôn tỏ ra thân mật để khách thoải mái, song trừ Toàn Nhật ra, ai ai cũng cảm thấy mất tự do chốn cửa quyền, lúc nào vào ra cũng có lính tráng dòm ngó và người ăn kẻ ở thưa gửi. Sốt ruột, phu tử nhờ Khoa chuyển lời mình đến Hoàng Tế Lý là người ra vào Chính-phủ hàng ngày. Buổi tối hôm đó, Khoa vào thăm phu tử nói:

-. .. Cha vãn bối nhắn mời phu tử giờ Mùi sáng ngày kia vào Nội phủ.

Sáng hai ngày sau, một đội sáu người lính thuộc đội Hậu Dũng, quần áo sắc vàng nhạt, cổ nẹp đỏ, đến với hai người phu khiêng kiệu. Khi phu tử vẫy tay gọi Thức và Nhật đi theo, một người xưng là thư lại cúi đầu cung kính nói là có lệnh chỉ đưa một mình phu tử vào Thập Tự cung ở Chính -phủ.

Nhật rủ Thức ra phố sau khi phu tử lên đường. Đến cửa dinh, hai

người nghe tiếng gọi giật:

- Có nhớ tôi không ? Tôi đến chào thầy và các vị đây!

Nhìn lại thì ra Bằng Vũ, một người bé nhỏ, dáng thư sinh, cũng người huyện La Sơn, xưa có học với phu tử ở Anh Đô. Vũ đã đỗ tam trường, nay lo việc từ hàn cho đội Trung Kính, đội lính bảo vệ cho Chính-phủ. Vũ vui vẻ xin làm người đưa đường cho Thức và Nhật.

Từ dinh Đăng Khoa đi xuống phía Tây Nam chừng hai dặm là hồ Thủy Quân, giữa hồ có xây một cái tháp năm tầng, và tiếng truyền rằng mỗi khi có quốc biến thì con rùa đã sống bốn trăm năm trong hồ nghiến răng kèn kẹt báo cho người hàng phố. Lần sau rốt, vào tháng sáu năm Mậu Tuất cách đây hai năm, lúc Đàng ngoài hạn hán, giá gạo cao vụt lên và người chết nằm đầy đường thì tiếng rùa nghiến răng nghe đến tận miệt Ô Trường Bản. Dân quê hai tỉnh Thái Bình, Thanh Hóa trốn đói mò lên Thăng Long có đến hàng vạn. Họ tự tiện cắm dùi trên công thổ phía Đông Nam, suốt từ bờ sông Vị Hoàng cho đến Hà Đông. Triều đình tìm đủ cách đuổi dân lưu cư nhưng cho đến nay vẫn không được.

Ở kinh kỳ, người đi như mắc cửi. Trên dăm trục chính nối những cửa ô, mặt đường rộng đủ cho năm chiếc xe ngựa qua lại. Từ hồ Thủy Quân đi xuống độ trăm thước là nơi người Kẻ Chợ buôn bán. Ba mươi sáu phố ăm ắp người chen vai thích cánh, mỗi phố là một mặt hàng: nào là tơ lụa, đường phèn, gương, lược, trống, kèn, gỗ.. đủ loại. Người ở kinh diêm dúa hơn người thôn quê, đàn ông mặc áo the, chân đi dép, đàn bà thì trên áo tứ thân, dưới là váy lĩnh, có kẻ đầu vấn tóc, có người che khăn mỏ quạ. Các bà ở mặt tiền những cửa hàng rộng không quá năm, sáu thước vuông, miệng ríu rít chào khách qua đường. Tiếng mặc cả, tiếng dè bỉu, và thỉnh thoảng lại có cả tiếng cãi cọ chửi bới oang oác bên tai. Ba người đi hết phố này sang phố khác, hòa mình vào cái dòng sinh lực cuồn cuộn cứ chực như tràn ứ ra trên lề đường. Quá giờ ngọ, họ kéo nhau vào một quán ăn khá rộng rãi sang trọng ở phố hàng Mành. Vũ phất tay gọi rồi bảo:

- Nhất đất này đấy, và phải nói để hai vị biết, bún chả thì tuyệt khéo.

Cuối phòng ăn, một đám đến gần hai mươi người ngồ"choán đến năm bàn, bàn nào cũng đầy những cút rượu. Vũ đứng dậy đến cung kính chào một nam nhân ngót ngét ba mươi tuổi, mày rậm, mũi hếch, mắt như mắt cú đỏ sè, ngồi nghênh ngang giữa đám thủ hạ. Sau đó,Vũ lại rón rén về chỗ, thì thào vào tai Thức: « Ăn nhanh rồi chuồn, bác ạ! ». Trước thái độ của Vũ, Thức và Nhật hơi ngạc nhiên, song chưa tiện hỏi. Cả đám lẳng lặng ăn, nhưng chưa hết bữa thì đám người trong góc ồn ào đứng dậy, gươm đao nghe loảng xoảng. Một người mảnh khảnh, mặt xanh mướt,

nói với chủ quán:

- Ghi sổ lại. Lần sau trả. Bây giờ có việc công phải đi gấp.

Ông chủ quán vâng dạ, mặt méo xệch, đầu cứ gật gù ngửng lên cúi xuống. Nam nhân mắt cú đứng dậy, miệng ngậm cây tăm xỉa răng, tay cầm chiếc roi cá đuối, phất vút một cái vào không khí, rồi ra lệnh:

- Đi thôi!

Qua chiếc bàn có bọn Bằng Vũ, người ấy ngừng lại, hất hàm:

- Những ai đấy ?

Vũ đứng dậy, cười cười, vái rồi giới thiệu. Nam nhân lại hất hàm, nhìn lên, nói trống không:

- À, khách của Huy quận công à.

Tay vút roi vào khoảng không, người ấy chẳng thèm nhìn ai, khinh khỉnh:

- Có muốn xem đuốc người không ?

Nói xong, người ấy bước ra. Thấy lạ, Toàn Nhật tò mò đòi đi xem. Ba người liền ăn vội, trả tiền, rồi ra theo. Bọn người ồn ào bước đến đâu thì đám đông dân chúng dạt ra đến đó. Họ đi vòng về phía Ô Cầu Giấy, đến một khoảng đất trống áp vào rìa sông chung quanh có quây cót. Lính canh chia làm hai lớp vây vòng, ai nấy quấn khăn che mặt lại, gươm giáo sáng lòe. Từ dốc đê, không ai nhìn thấy gì sau cót, nhưng nghe văng vẳng đâu đây có tiếng nỉ non khóc lóc. Nam nhân mắt cú vọ vẫy tay, đám thủ hạ khuân những thùng dầu đã xếp sẵn xung quanh cót đổ tưới lên và ném những cành cây khô vào. Những tiếng thét tuyệt vọng bỗng rít lên, rồi một người đục cót cắm đầu chui ra. Tên lính đứng gần lao một ngọn thương. Người ấy tru lên, tay giơ cao, bàn tay trụi không có ngón nào, với tới tấp như cào vào khoảng không ngột ngạt. Nam nhân mắt cú cười hềnh hệch, châm đuốc rồi thẳng tay ném vào. Lửa bùng lên khắp ngả. Tiếng rú, tiếng kêu, tiếng khóc nhất lượt òa lên inh ỏi nghe đinh tai nhức óc. Toàn Nhật hiểu ra, lồng lên, xô lại gào:

-. .. Không giết họ thế được! Ngừng lại!

Vũ hốt hoảng nắm Toàn Nhật lại nhưng không kịp. Nam nhân mắt cú miệng mím lại, mũi hếch lên, vung roi quất vào đầu Nhật. Chiếc đầu roi chưa kịp giựt về th"Nhật đưa tay bắt lấy thân roi, rồi vòng tay như cuộn lại, lấy tấn bất th"nh l"nh dận xuống. Nam nhân ngã chúi mặt xuống đất, bỏ roi, tay kia rút kiếm, gầm lên:

- A, giỏi thật! . .. bay bắt lấy nó cho ta. ..

Đám thủ hạ tay đao tay kích ùa ra vây Nhật vào giữa, hầm hè như muốn nuốt tươi ăn sống. Đúng lúc đó, tiếng Đăng Khoa cất lên:

- Không ai được chạm vào khách của quan Chánh Dường!

Đám lính áo vàng đội Hậu Dũng lúc ấy gươm đã tuốt trần, xông vào làm một vòng tròn quây quanh Toàn Nhật. Khoa tiếp:

-... Chạm vào khách là chạm vào chủ. Kẻ nào xúc phạm, theo luật, sẽ bị tội lăng trì!

Quay sang nam nhân mắt cú, Khoa vòng tay vái:

- Xin Đặng tướng công thứ cho! Khoa này chịu mọi trách nhiệm.

Mùi thịt người lúc ấy xông vào mũi khét lẹt. Tiếng kêu tiếng khóc vẫn rú lên từng chập nhưng dần dần thưa đi. Khói những cây đuốc người bốc lên đen cả bờ sông Nhị. Nước vẫn cứ xiết trong lòng sông lúc nào cũng quẩn quại những dòng lũ màu đỏ như máu. Nam nhân mắt cú, tên là Đặng Mậu Lân, em ruột của Đặng thị Huệ, hầm hè:

- Rồi sẽ biết tay ta! Để xem, để xem. ..

Hôm sau, dân Thăng Long hớn hở: tiếng đồn là nhờ có Chúa chu cấp tiền, trại hủi ngoài Ô Cầu Giấy đã dọn đi về phía Ninh B"nh. Mùi thịt phảng phất chẳng qua là mùi thịt mấy con lợn nái ngả ra cho bữa bún chả họ ăn mừng với nhau trước khi di cư. Tuy tiếng đồn thế, những người bị bệnh hủi đang luẩn quẩn ăn mày ở kinh kỳ ngày hôm sau vẫn trốn tiệt.

Không biết công việc nhà Chúa thế nào mà sau ngày gặp quan Chánh Dường ở Thập Tự cung, phu tử ngày ngày tư lự ra vào một mình. Ngô thì Nhậm hiện đang trên Sơn Tây, hẹn về gặp phu tử nhưng chưa cho biết ngày tháng. Phu tử vẫn tránh không gặp bất cứ ai, ngay cả khi mọi người đã chuyển ra ở tư dinh Khương Tả Hầu. Phu tử im lặng cả ngày, thường trằn trọc, đêm dậy ngồi hí hoáy viết lách, nhưng chỉ độ mươi hôm sau lại đem ra xé hết. Nét lo âu khiến phu tử già đi, và sự cô đơn trĩu nặng đèo vào tuổi tác khiến lưng phu tử như gù thêm xuống.

Đám lính canh cho phu tử thay đổi luôn luôn, nay thì là đội Hậu Hùng, mai lại Tiền Dũng, rồi lần lượt nào là Trung Kính, Tả thị nội, Tiền Ninh. Trong đám lính canh luôn luôn có một người thư lại nên Bằng Vũ lại có dịp lân la gần phu tử. Một tuần sau hôm dọn đến dinh Khương Tả Hầu, Đặng Thị Mai là cháu vợ phu tử lại đến và xin vào nói chuyện. Tối hôm ấy, phu tử bảo Toàn Nhật gấp rời khỏi kinh kỳ, tạm lên phố Hiến một thời gian. Nhật gặng hỏi, phu tử chỉ bảo chính Mai sợ anh mình là Lân sẽ tìm cách hãm hại Nhật. Đăng Khoa biết chuyện nhưng không nói gì, hẹn sẽ lên thăm Nhật và viết thơ gửi gấm cho một người bạn quen trên phố Hiến, rồi đưa một tờ chỉ cho xuất nhập Thăng Long bất cứ lúc nào.

Đặng Mậu Lân xưa nay hung hãn, cậy vào chị là Đặng thị Huệ hiện đang được Chúa sủng ái, chẳng chịu thua kém một điều gì với ai. Lân hống hách, cách ăn kiểu mặc bắt chiếc như Vua như Chúa, không chỉ bàn

dân mà ngay cả đám quan trong triều hễ gặp là tránh. Thấy đàn bà con gái có nhan sắc là bất kể bố mẹ chồng con, Lân cướp về tư dinh. Thỏa mãn xong tính dục, Lân còn quái ác khi thì rạch mặt, khi thì cắt đầu vú, khi lại tọng cán gươm hay đầu côn làm rách toạc tử cung, hềnh hệch cười: «Cho người đẹp giữ chút dấu vết kỷ niệm để nhớ ta nhé!». Điều tiếng gần xa khắp kinh kỳ, bàn dân gọi Lân là hung thần mất cú, kêu van đủ chốn nhưng chẳng ai làm gì được. Mất mặt với đám lính tráng và thủ hạ về chuyện Toàn Nhật giật roi, Lân căm giận, giữa đường về châm đuốc ném vào nhà bàn dân thiên hạ. Nhà cháy nhưng chẳng một ai dám dập lửa, phải đợi Lân đi khỏi. Lần này chuyện gây ra lại dây vào khách của Hoàng Tế Lý. Khổ một nỗi là Lý và Huệ nay liên kết với nhau, nên Lân không thể qua tay chị để trả thù Toàn Nhật. Nghe Lân kể, Huệ chặn ngay:

- Mày vung tay đánh, người ta chỉ đỡ, thì có gì mà hậm hực! Người ta không kiện cho là may.

Đặng Thị Huệ rất khéo miệng, và nhất là cực kỳ nhậy bén đoán được ý của người đối thoại. Nàng ít khi phải nói không với ai, vì lúc nào không muốn thì nàng đã khôn ngoan chặn miệng trước, cho nên ít ai nói được chuyện gì không hợp ý nàng. Dù ngày đêm ở bên cạnh Trịnh Sâm, nàng rất ít ra mặt với chúa nơi đám đông, luôn luôn tỏ ra mình thờ ơ với quyền bính. Nàng thường nhẹ nhàng trả lời với những kẻ đến mua chuộc rằng: «Những việc quốc sự, xin cứ tâu thẳng với Chúa, hoặc với Quốc cửu là Hoàn quận công. Phận đàn bà, tôi chỉ biết chăm lo công việc Hậu cung cho Chúa mà thôi».Trịnh Sâm nghe thấy vậy nên rất quí mến, có việc gì tế nhị đều tâm sự cho nàng nghe. Cũng chính thế cho nên việc Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khản và Huân quận công Nguyễn Phương Đĩnh cách đây sáu năm tìm cách hãm hại Hoàng Tế Lý đã đến tai nàng. Lúc ấy Lý đã cho vợ mình là công chúa Ngọc Tĩnh cùng hai con về Thăng Long ở làm con tin để tránh sự ngờ vực của Trịnh Sâm về ý định thoán ngôi Chúa người ta vu lên. Biết Huệ được sủng ái, Ngọc Tĩnh kết thân với nàng, hai bên tâm đầu ý hợp, ngay đêm thủ thỉ chuyện ra chuyện vào. Sáu năm ròng, mỗi lần Lý về thăm vợ con đều có mang quà cáp vào phủ Chúa chào Huệ. Khi Huệ sinh thế tử Cán, Lý dâng mừng ba mươi cái ngà voi cùng sáu bộ xương hổ, không kể gấm vóc lụa là xếp từng thếp cao đến đầu người. Chính Huệ đã khuyên công chúa Ngọc Tĩnh bàn với Lý để xin Chúa cho về kinh, rồi cũng chính Huệ thay lời Ngọc Tĩnh kêu với Chúa cho Chúa chấp thuận. Trịnh Sâm đa nghi, nhưng biết Lý về kinh thì thân cô thế cô, không còn việc gì phải sợ, nên đồng ý. Về Thăng Long được hai tháng, Lý xin dâng tư dinh của mình làm nhà riêng cho thế tử Trịnh Cán. Chúa rất ưng lòng, lại có Thị Huệ vun vào, nên ngày càng quí Lý, cho Lý ra vào Nội phủ như

đám hoạn quan, có việc gì cũng hỏi. Đầu năm sau, Lý đẩy được Khản ra làm Hiệp Trấn Sơn Tây, rồi được phong làm Chánh Dường quan, lo lắng chính sự trong phủ Chúa.

Từ ngày phu tử đến kinh, Trịnh Sâm lại mắc chứng cũ khiến mọi sắp đặt triều chính phải hoãn hết. Nhận được chỉ vời, Lý vội vã vào cung Vọng Hà, nơi Chúa ngự. Qua những hành lang lúc nào cũng rủ chướng để tránh gió, Lý theo bước Thản-Trung hầu. Đến Trữ Nguyệt viện, Thản Trung lên tiếng báo. Một lát sau, cánh cửa gỗ lim trạm trổ long ly qui phượng mở ra, và một thị nữ cúi mình chào. Lý hơi ngạc nhiên khi thấy Huệ ngồi trên tràng kỷ, miệng nói, tay chỉ: «Xin miễn lễ. .. Mời quan Chánh Dường ngồi đây».

Đặng thị Huệ trạc trên ba mươi, dáng thanh thanh, da ngăm ngăm sắc hồng quân, mũi dọc dừa, miệng hơi mỏng nhưng đài các, đầu đội ngọc miện. Mặc một bộ xiêm màu xanh biếc, lưng đeo dải vàng có điểm những hạt ngọc hồng to bằng ngón tay cái, nàng ngước cặp mắt đen lay láy hình lá dong nhìn Lý hỏi:

- Bệnh tình của Chúa ra sao ?

- Khải Vương phi, Chúa lại đau bụng từ ba hôm nay, ăn uống không được! Chắc là bệnh cũ nên Sùng công cùng với chư quan thị dược đã đồng ý dùng lại toa thuốc hiệu nghiệm năm trước. Nay bệnh lúc tăng lúc giảm, nhưng mạch Xích đã phục, còn hai mạch Quan, Thốn thì khi yếu khi mạnh, chưa biết thế nào ?

- Công việc với La Sơn phu tử đến đâu ?

- Chúa chưa tiếp phu tử nên công việc còn đó, chưa nhất quyết gì cả?

- Ý phu tử thế nào quan Chánh Dường có rõ không ?

- Phu tử còn xem xét, và sẽ tự mình khải thẳng với Chúa.

Vương phi ban cho quan Chánh Dường một chén nước trà Tĩnh Ngọa. Khi Tế Lý cúi xuống uống thì tai nghe thấy hai lần tiếng chén trà của Vương phi để lên chiếc khay Bạch Ngọc ngân lên nghe như tiếng đánh chuông.

Sau khi Lý và Thản Trung lui ra, Huệ vào phía sau cung Vọng Hà, ngồi lên vương sàng, rồi đuổi thị tỳ ra. Nàng nhìn Trịnh Sâm đang thiêm thiếp ngủ, với tay xem bát thuốc đã uống cạn, rồi lấy khăn giấp nước lau trán chúa đang nhớp nháp mồ hôi. Sâm tỉnh dậy, hé mắt nhìn Huệ, miệng gượng gạo cười:

- Mấy giờ rồi ?

- Xin Vương nằm yên, bây giờ là đầu giờ Tuất, Vương còn đau không?

Sâm chậm rãi:

- Bụng vẫn cứ ngâm ngẩm.

Huệ thò hai ngón tay chậm chạp kéo giải rút, rồi lẳng lặng nằm xuống, bỏ cả bàn tay vào quần chúa, đưa lên bụng xoa bóp nhè nhẹ, miệng suýt soạt:

- Chẳng có sao đâu, cứ ít nhân sâm rồi thêm vào một lạng Bắc nhung Miên Huyết Ngưng Sứ với quế tán là cứng cáp ngay thôi.

Nàng khúc khích cười, tay lần sâu xuống dưới, nói:

- Xem nào! Đã khỏe cho em chưa ?

Vừa cười, nàng vừa hổn hển thở vào tai chúa. Sâm nhắm mắt, mặt nóng bừng, người như lên đồng, đong đưa theo bàn tay Huệ lúc nhanh lúc chậm. Đột nhiên, Huệ rút tay ra, ngồi dậy. Sâm mở mắt nhìn dọ hỏi. Huệ bật khóc rấm rứt:

- Vương mà mệnh hệ nào thì em ra sao? Cứ nghĩ đến thôi là em chẳng còn thiết một thứ gì nữa.

- Ta có bệnh, nhưng đã chữa được một lần thì sẽ chữa được hai lần, chẳng có gì phải lo. ..

- Sao lại không phải lo. Thế tử Cán mới lên năm, Vương mà bỏ mẹ con em thì thân cô thế cô, mẹ con em chỉ có chết mà thôi.

- Đừng nói dại, ta đã nói với nàng là ta đã định ý. Nhưng việc công không thể hấp tấp, làm gì thì thế nào trăm mắt thiên hạ cũng dòm vào!

Huệ tỉ tê:

- En biết dạ Vương, nhưng một tay Vương đã khuấy đất trọc trời, việc phế lập tưởng chỉ là chuyện cỏn con. Vương lắm mưu lắm kế, thiếu gì cách! Với lại, em bảo thật, thế tử Tông cũng đã lập bè lập cánh, biết đâu chẳng đợi thời mà lấn tới. Việc ấy,Vương cứ hỏi Tế Lý khắc rõ. .. Thôi, chuyện nhà chúa, chúa lo - Huệ lại nấc lên - còn thân mẹ con em, em phải lo. ..

Sâm nghe Huệ nói, hơi chột dạ, nhưng lên giọng, cứng cáp:

- Ta nằm đây nhưng mắt ta thấy hết, tai ta nghe hết.

Nói xong, Sâm kéo Thị Huệ nằm xuống rồi xoay mình lại. Huệ ngồi dậy, má đỏ hây hây, lột phăng áo, bật cười khúc khích, lơi lả:

- Em biết Vương khỏe lại ngay mà. Vương thích gì nào? Gấu nhé, hay báo nhé ?

- Không, làm báo rồi. Hôm nay ta làm con trăn rừng!

Áp miệng mơn trớn cắn vào tai Sâm, Huệ thỏ thẻ: «Hôm ấy tối trời, trăng đi đâu mất chỉ còn dăm ông sao mờ, em vào rừng Cúc Phương một mình. Bỗng như có ai bắt lấy bế bổng em lên trạc ba một cái cây. Thì ra là Vương hóa làm ông trăn, mình to bằng củ chuối mắn, cứ trờn lên trờn xuống, dạng hai chân em rồi kéo chổng kên trời. Em đạp chân lật mình lại, miệng kêu: «Thôi, cho em xin» nhưng ông trăn quấn tròn lấy em vật

ngã xuống. Ông ấy thò lưỡi ra, cái lưỡi nóng hổi vừa mềm vừa nhơn nhớt cứ theo những đường cong thân thể em lượn uốn nhấm nháp như người nhấm rượu. Cái lưỡi đong đưa đú đởn khiến em ưỡn người cong lên, tay nắm quàng lấy đuôi ông trăn. Vùng mình xiết lấy em cơ hồ đến nghẹt thở, rồi trời ơi, ông trăn chuyển mình vào ngọ ngoạy. .. Em rướn chân, ghì vào chạc cây, mồm van vỉ, tay cào tay cấu». Quằn quại theo nhịp bàn tay, Huệ hào hển rồi rít lên cho đến lúc Sâm kêu hộc lên một tiếng rồi để cho vài giọt sinh lực ứa ra như dăm hạt nước mưa vừa lọt qua kẽ dột. Lúc ấy, nàng thở hắt ra, rồi lẳng lặng nằm yên nhếch mép cười trong bóng tối.

Sau khi Toàn Nhật lên phố Hiến, Bằng Vũ chỉ đánh bạn được với Trọng Thức. Tuy hơn tuổi, Vũ vẫn gọi Thức bằng anh, kính trọng về học vấn, nhưng thâm tâm coi Thức chưa đủ kinh lịch rút ra từ cuộc sống. Vũ là dòng dõi trung thần từ đời Lê Thái Tổ, nhưng gia thế sau cứ lụn dần đi, và nay thì hầu như bần hàn giống như mọi người sống ở thôn quê, gia đình lấy chuyện cấy cày làm gốc. Vì thế, tiếng Thức noi gương Hứa Hành về làm ruộng, bỏ cả danh vọng, không thi cử hầu mong quan cách khiến Vũ ngấm ngầm tâm phục. Không nói ra miệng, Vũ làm cho Thức hiểu rằng chí mình không phải là đi cầu chút bổng lộc mà còn mang nhiều hoài bão khác hẳn giấc mơ của những tên thư lại trong đám lính tam phủ. Vũ vun vào với Thức, cao giọng bảo cái ăn cái mặc của cả nước là nhờ ở nông dân, những cái nghèo cái đói lại cũng oái oăm đổ vào đầu họ. Chính sự bất công ấy là gốc của những cuộc nổi loạn như loạn Nguyễn Hữu Cầu hay Hoàng công Chất ngày xưa. Gần nhất là năm kia, năm Mậu Tuất, Trần Xuân Trạch cũng dấy quân lên hàng vạn ở khắp trấn Sơn Nam, làm cho máu rơi thịt đổ ròng rã cả năm. Vũ chép miệng: «Rồi cũng lại máu xương của đám đi cầy. Con thầy chùa thì cứ quét lá đa thôi».

Một hôm, Vũ dẫn một người tên Đàm Xuân Thụ đến giới thiệu với Thức như là bạn tri âm của mình. Thụ vốn là người được sự tin cậy của thế tử Trịnh Tông, gốc gác cũng từ Nghệ An. Thụ nhắn lời thế tử mong gặp Thức đãi một bữa ăn tối. Cực chẳng đã, Thức nhận lời. Trong bữa ăn có cả Nguyễn Du, vì Du là em Khản, và Khản lại là thầy dạy học cho Tông. Câu chuyện xoay quanh chính sự. Tông hỏi:

- Theo sấm ký, nhà Chúa chỉ vượng được hai trăm năm mươi năm. Nay đã đến kỳ hạn. Vậy muốn hưng nhà Chúa thì làm sao ?

Thức ngẫm nghĩ, rồi đáp:

- Muốn có Chúa, tất phải có Vua. Nhà Vua nhà Chúa hưng thịnh có nhau. Vua hưng là do quần dân an cư lập nghiệp mà hưng. Gốc thịnh của nhà Chúa cũng từ ở đó mà ra.

Tông lại nói:

- Cha tôi nay ốm mai đau, nhưng chuyện lập Đông Cung vẫn còn bỏ đó. Muốn cáng đáng nghiệp Chúa bây giờ là phải đối đầu với một đám quyền thần đang luồn lách đưa Chúa vào việc phế trưởng lập thứ. Bàn dân thiên hạ sẽ nghĩ thế nào ?

Thứ mà còn thơ ấu thì lập thứ là tạo cơ hội cho đám quyền thần thao túng. Cứ xem gương những việc trước thì đó là mầm dẫn đến tai họa. Trong Kinh, đám thần tử cường ngạnh sẽ đâm chém lẫn nhau, ở ngoài, giặc giã nhân đó lại nổi lên. Theo thiển ý, thế tử cứ yên tâm, ăn ở cho chu toàn chữ hiếu, chữ trung để bàn dân trông cậy vào là sớm muộn gì rồi chẳng bao lâu ngôi chúa lại về trưởng thôi. Đạo trị nước gốc từ chữ Tâm. Tâm thuận thì tắc trị. Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.

Khi tạ từ, Trịnh Tông vẫn cứ băn khoăn, bồn chồn ra mặt. Ra khỏi cổng dinh, Du thoát được những câu chuyện chàng vốn không ưa, vui vẻ vừa đi vừa lẩm bẩm: «Thiện căn ở tại lòng ta; chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài», rồi cứ cười tủm một mình.

Trong thời gian đó, bệnh Trịnh Sâm vẫn không thuyên giảm, mỗi ngày lại có phần thêm nguy kịch. Tông xin vào thăm cha, nhưng không được phép. Ngay chính Thánh Mẫu là mẹ Sâm mà cũng chỉ có thể hỏi thăm bệnh tình qua quan thị, duy chỉ có Huệ và Lý là gần gũi Sâm lúc ốm đau. Vì thế, tiếng đồn là Sâm đã dâng biểu xin vua Lê lập Cán làm Đông cung thế tử xì xào khắp chốn. Tông càng ngày càng bối rối, bực bội đi ra đi vào, không biết phải làm gì. Một hôm, Tông vào Hậu Mã cung hỏi Lý về bệnh tình cha mình. Lý lạnh nhạt, trả lời cho có rồi khinh khỉnh quay đi. Tông vừa tức, vừa sợ. Rồi không hiểu vì lý do gì, Đăng Khoa lại đánh người nhà của Tông giữa chợ, còn rủa chúng là bọn làm mất gia phong. Tông tâu xin trị Khoa tội phạm thượng, triều đình không xét mà cũng chẳng bắt Khoa xin lỗi. Tông càng căm, giận mất khôn, ra miệng chửi thẳng hai cha con Lý. Bọn gia đồng của Tông là Dự Vũ, Sơn Thọ đều lo lắng, bàn là hễ chúa thăng hà thì cứ việc vây bắt ngay Lý và Huệ, rồi gọi quân hai trấn Tây, Bắc về tiếp ứng là đủ diệt cái mầm họa cho Tông ở kinh đô. Nghe xúi giục, Tông nhờ Khuê trung hầu đưa cho Đàm Xuân Thụ một nghìn lạng bạc nhờ sắm sửa khí giới, đồng thời nhắn lên hai trấn Sơn Tây và Kinh Bắc nhờ mua ngựa và chiêu mộ dũng sĩ. Nguyễn Khản, Hiệp trấn Sơn Tây là thầy dậy Tông, còn Nguyễn Khắc Tuân, hiện là Hiệp Trấn Kinh Bắc, vốn giữ chức A Bảo của Tông nên Tông hết lòng tin cậy. Không hiểu có ai tố cáo, chuyện vỡ lở ra. Quan Chánh Đường vào báo với Sâm. Sâm giận đòi trị tội Tông ngay, nhưng Lý can:

- Khải Chúa, thế tử tuổi còn non dại, nếu không có hai quan Hiệp trấn ở Tây, Bắc đằng sau thì chắc chẳng dám chiêu binh mộ sĩ. Xin cứ lẳng lặng điều hai người đó về Kinh trước, rồi sau hãy xử tội, nếu không có thể xảy ra những biến họa khác không chừng.

Sâm nghe lời, gọi Tông vào giả trách mắng về chuyện học hành, đồng thời xuống mật chỉ vời Nguyễn Khắc Tuân và Nguyễn Khản về Kinh. Lúc ấy, Ngô Thì Nhậm, tự Hy Doãn, đương là Đốc đồng Kinh Bắc cũng theo về. Tuân và Khải bị bắt ngay khi vào đến Thăng Long. Nhậm tìm đến dinh Khương Tả Hầu vào chuyện trò với phu tử. Phu tử ghé vào tai Nhậm nói gì không ai biết, nhưng nghe xong, Nhậm tái mặt lại, than: «Không được, không được rồi!» Sau đó, Nhậm vái phu tử rồi về quê ngay, lưu lại một tờ khải Chúa xin vắng mặt để lo việc tang ma cho cha mình là Ngô thì Sĩ. Nhậm vừa ra khỏi, một viên hành tẩu cấp tốc mang lệnh cho đội Hậu Dũng đang đóng ở dinh Khương Tả Hầu. Người thư lại của đội vào thì thào với phu tử, trong khi đó lính đội Hậu Dũng đã trói gô Trọng Thức lại. Một lát sau, sáu người trong Nội Mật viện đến áp tải Trọng Thức về Thị Kỵ cung trong Nội phủ.

Tay bị bẻ quặt ra phía sau, đầu chúi xuống như đeo đá dưới bàn tay hộ pháp của tên cai ngục, Thức gập mình lách qua cánh cửa hẹp vừa đủ một người lọt. Phòng giam lờ mờ một thứ ánh sáng đục sệt, mùi mồ hôi ngai ngái như mỡ chiên cá ngột ngạt bốc lên, vừa tanh vừa lợ. Tên cai ngục tay nắm cổ Thức đẩy về phía trước, cứ bước một bước lại văng tục một câu. Qua hai dãy người ngồi kẻ nằm, chân bị cùm vào những chiếc gông dài khoảng tám thước chạy dọc phòng giam, tên cai ngục ấn Thức xuống, xẵng giọng:

- Duỗi hai chân ra, ngồi co lên.

Tiếng xích kêu loảng xoảng, tiếng gỗ đập chát chúa vào nhau, rồi một giọng khàn khàn ngay bên cạnh quát nhỏ:

- Nhẹ tay chứ, thằng chó... Đau chân ông mày đây...

Tên cai ngục lầm lì không đáp lại, quay đầu đi thẳng.

Thức nhắm mắt định thần một lúc, rồi hé nhìn ra. Phòng giam rộng độ hai mươi thước vuông, nền bằng đất nện, vách bằng gạch cao gấp đôi đầu người, sát nóc là kẽ hở có đóng then gỗ để cho không khí và một chút lợt lạt ánh sáng hắt vào. Trong phòng dễ có ba bốn chục người bị cùm theo hàng dọc, cứ mỗi cái gông là cùm đúng ba người. ở góc phòng giam, một tiếng ồ ồ cất lên:

- Bác gì mới vào đây đấy? Vào cùng hội này cho vui! ở đây đúng ngọ được ra ngoài ăn cơm, đúng ba khắc lại vào. Đến cuối giờ dần là cơm

chiều. Bác phải nhịn tiểu, đến giờ ăn ra sân tha hồ. Nói chuyện được nhưng nhỏ tiếng thôi. Đầu giờ Thìn là cấm nói, cả làng đi ngủ. ..

Tiếng ho húng hắng cắt ngang, rồi tiếng ồ ồ lại tiếp:

- Hàng quán đây cũng có, tiền có trao, cháo mới múc, trừ loại khách quen. Nước chè một chinh, thuốc lào thì sáu, rượu chén hạt mít tính mười... Cứ mỗi sáng, một bọn được thả cùm để lo việc phục dịch, ai đến phiên người ấy làm, tiền nộp lại cho bọn cai ngục. Chớ đại ăn quịt nó đánh cho què tay, què chân... Bác có gì muốn hỏi không ?

Trọng Thức chưa kịp trả lời, người cùm bên cạnh, kẻ vừa chửi tên cai ngục, giật giọng gọi to:

-. .. Cho tớ cút rượu đãi ông bạn hàng xóm mới vào chiếu.

Trọng Thức quay sang cám ơn rồi từ chối. Người đàn ông chắc trên dưới sáu mươi, người xương xẩu, cao lớn quá khổ, râu tóc lởm chởm bạc thếch, ngồi thẳng dậy, mắt chòng chọc nhìn Thức:

-. ..Thế thì bác chẳng ra cái giống nam nhi chúng tôi rồi.

Với tay lấy cút rượu vừa mang lại, ông hả mồm tu ừng ực một hơi, tay kia nắm lấy người xách rượu. Uống xong, ông ta chìa cái cút rượu ra trả, lần túi giả như tìm tiền, há mồm cười hềnh hệch, nói lớn:

- Chú lại ghi cho ta, bổng vua ta chưa kịp lấy, hà hà...

Ngồi dựa người vào vách, ông ta nhịp tay hát toáng lên:

Này con chim cánh đen,
mỏ vàng mày nhọn,
cựa vàng mày sắc.
Cái lồng nhốt mày bằng nan mục nát,
cứ phá cho tan, rồi bay ra, bay xa...

Tiếng hát nhỏ dần, im bặt và tiếng ngáy phì phò nổi lên như người kéo bễ. Người bị cùm phía phải Thức khẽ vỗ vào tay chàng, ra hiệu lặng im, rồi cũng nhắm mắt lại không nói năng gì cả. Thức thiếp dần trong cái oi bức tưởng ngộp thở. Mồ hôi cứ ri rỉ nhớp nháp khiến chập sau Thức tỉnh dậy, lột áo ra gấp làm gối tựa đầu. Người bên phải thì thào:

- Cởi nốt cả quần dài ra, tí còn oi hơn nữa. Bác chuyển từ dưới lên ?

Chưa kịp trả lời thì người đó tiếp:

- Ở dưới thì chưa cùm chân...

Người đàn ông nãy vừa uống cút rượu bị cùm phía trái bỗng lại ồm ồm lên tiếng:

-. ..Còn trên thì cùm cả tay, đến chỗ này chỉ cùm chân là dưới cái ở trên, nhưng trên cái ở dưới, hà hà...!

Thức gật đầu. Người đó lại xoay sang Thức:

- Bác tội gì ?

Thức cười mũi:

- Tôi chưa biết!

- Không biết tội mình là một cái tội. Nhiều khi là tội lớn hơn mọi tội đấy!

- Thế còn cụ ?

Người đàn ông vỗ đùi cười ha hả, rồi trỏ vào người bị cùm phía tay phải:

-. ..Tội hả ? Thì bác cứ hỏi quan đây là Lãnh cơ trấn Sơn Nam ắt biết! Tội của ông ấy là tội của tôi đấy! Còn ông ấy, cũng ngây ngô như bác, giả không biết tội, nên tội lại càng tầy đình.

Lãnh cơ Sơn nam ngắt lời:

- Tôi là Nguyễn Quốc Chấn, vừa theo Tuân sinh hầu về đến cửa Tây thì bị Cấm binh bắt ngay, thật chẳng biết gì, tin tức với bên ngoài không có, lại chưa ai hỏi đến. Ông bên kia là Dương Quang, cùng làng với tôi ở Hải Hậu, nay sinh sống trên Sơn Nam... Còn bác ?

Thức tự giới thiệu, kể chuyện mình theo thầy về kinh được trên ba tháng nay, và đã có gặp Trịnh Tông trong một bữa cơm tối. Dương Quang ngồi im, nghe xong chép miệng:

- Thế ra bác là ông đồ cứng cổ làm ruộng ở La Sơn đấy! Nhưng chắc chẳng phải vì việc ấy mà bị bắt đâu. Lần gặp thế tử Tông, bác bàn chuyện gì ?

- Thật mà thưa, chẳng có chi đáng kể! Thế tử hỏi gì, tôi biết thì cứ thẳng mà nói, thế thôi!

- Nói thế nào ?

Thức thuật hết đầu đuôi, rồi nhắc lại:

- «Vậy Thế tử cứ yên tâm, ăn ở cho chu toàn chữ trung chữ hiếu để bàn dân trông cậy vào...Đạo trị nước gốc từ chữ Tâm. Tâm thuận tắc trị»

Nghe đến đấy, Dương Quang nhanh tay quơ sang chẹn lấy mồm Thức, tru lên:

- Vẫn cái giọng ấy, nghe nói thối như cứt. .. Thôi, cái này nói thì chẳng ai nghe. Bác nói thế, cũng chẳng ai thèm bắt bác, bác thầy đồ dở hơi kia ơi! Đúng, đúng là thối... Còn nói chuyện với nhau, bác đừng giở giọng nhân nghĩa sách vở kiểu đó ra với tôi nữa, tôi nghe tôi nổi cơn lên thì. .. thì tôi bóp cổ cho chết sặc.

Dương Quang năm mười lăm tuổi bỏ nhà đi theo Nguyễn Hữu Cầu, dân miệt biển từ Hải Dương đến Quảng Ninh gọi là quận He. Cầu tự xưng

là Tổng Quốc Bảo Dân Tướng, kéo theo cả vạn người dấy binh chống lại đời Chúa trước là Trịnh Doanh. Ba mươi năm trước, Cầu bị nội phản, chạy về Nghệ An thì bị tướng Trịnh là Phạm Đình Trọng đuổi bắt được. Dương Quang thoát vây, chạy về với Hoàng Công Chất, lúc ấy chỉ huy ngh–a binh vùng Hưng Hóa. Chất cầm cự với quân Trịnh trên dưới gần được ba giáp, chết già, để con là Toản lên thay. Toản tính nhỏ mọn, vừa nắm quyền là tìm cách loại Quang khỏi hàng ngũ. Quang phải chạy sang Quảng Đông, từ đó lưu lạc qua Hương Cảng, Tân gia Ba, Phù Tang, đến Xiêm La, rồi Vạn Tượng. Đến tuổi tri thiên mệnh, Quang mò về làng. Đâu chỉ tháng sau là quan nha đã rình mò, sau đó Nguyễn Quốc Chấn, lúc ấy đã là Lãnh cơ ở Sơn Nam gọi Quang bằng dượng, phải về can thiệp mang Quang lên chỗ mình trấn nhiệm. Mấy năm về đây, Quang suốt ngày đánh bễ, luyện thép làm nòng súng. Người ta lại đồn là khi đi làm loạn, Quang đào dấu được đâu một kho tàng to bằng kho của nhà Chúa. Khi có kẻ tò mò thóc mách, hỏi gần hỏi xa, Quang lại chỉ vào bễ, giọng nửa bí mật, nửa khôi hài: «Thì đấy, nó là vàng là tiền đấy».

Hai hôm sau khi nói chuyện với Trọng Thức, Quang ngày nào cũng ngủ vùi, khi tỉnh thì chỉ ư ử hát, chẳng buồn để ý đến ngoại cảnh. Sáng ngày thứ ba, Quang chợt khều tay Thức hỏi:

- Chú em có giận gì anh không ? Hôm nọ anh nói nặng, chắc chú em không quen nhỉ ?

Thức ngạc nhiên nghe cách xưng hô thay đổi, lẳng lặng lắc đầu. Quang ghé vào tai Thức thì thào:

- Nói rằng «Tâm thuận tắc trị» là rỗng tuếch rỗng toác. Làm chó gì có chuyện ấy. Tâm là tâm ai, tâm bao nhiêu mạng chúng sinh để mà thuận rồi trị. Mà trị là trị thế nào ? Trị dính gì vào tâm con người ? Người bị trị mà không thấy trị, tức là tâm không vì trị mà động. Không động mới thật là thuận. Như thế ắt «tắc trị» à ? Vậy có khác gì «vô vi nhi trị», nhưng muốn nhi trị thì phải trị từ lúc vô thủy vô chung. Bây giờ, đầu chúng sinh chập chùng chồng chất những xấu xa từ bao thế hệ nay. Liệu còn cách gì đưa con người về cái hồn nhiên con trẻ tự gốc nó là thiện nữa? Thôi đi chú em ơi, đó là chuyện tầm phào, tâm thuận vô phương mà có được. Còn tắc trị ư ? Cứ cho roi cho vọt, sui thằng bần đánh thằng hàn một chập, rồi chập sau lại bảy thằng hàn đánh thằng bần, là xong, ha ha ha...

Thức chăm chú nghe Dương Quang, rồi từ tốn:

- Tâm thuận rút lại là người người đều thấy vua ra vua, quan ra quan, cha ra cha, con ra con. Quân, Thần, Phụ, Tử đâu ở đó, cư xử cứ đúng tam cương ngũ thường, lấy đó làm hòn đá tảng đứng lên để xây lại đời Nghiêu, đời Thuấn.

- Được. Cứ cho là vậy. Nếu vua không ra vua, quan không ra quan thì sao ? Ai đặt ra vua ra quan ?

- Vua mang thiên mệnh, đến từ lòng trời. Vua đặt ra quan. Vua không ra vua thì dùng lời ngay mà khuyên, quan không ra quan thì lấy lẽ phải mà thuyết.

- Lòng trời ? A ha! Thế khi thái sư Trần Thủ Độ bẫy xập chết hết ba trăm đứa tôn thất nhà Lý rồi ép Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh là lòng trời ư ? Ai đo được lòng trời ? Chứng cớ gì mà gọi là lòng trời ? Ăn cắp con gà con vịt, bị bắt trói gô lại, đánh năm mươi trượng là trị tội ăn cắp vặt. Ăn cướp con trâu con bò, đánh hai trăm trượng, tịch biên nhà cửa là trị tội cướp cạn. Làm giặc chiếm dinh, chiếm quận, lấy xâu lấy thuế thì xử tử, là trị tội phản tặc. Còn lấy đứt đi cả một triều đình, lại giết cả ba họ nhà vua để tiện miệng xưng vương xưng đế, thì các vị khoa bảng chữ tốt văn hay lại hoa mỹ gọi là thiên mệnh, cứ thuận lòng trời mà làm, ha ha. .. Rồi xua quân đi dùng sức mạnh mà cướp cả nước Chàm, đuổi dân người ta chạy vào rừng xanh núi đỏ, thì mình vỗ tay reo là mở mang bờ cõi, cái thế anh hùng. Chỉ có Vua mới làm được việc ăn cướp như thế, lại thế thiên hành đạo, nên chính cái việc cướp bóc đó cũng là bởi lòng Trời...- Dương Quang nhổ nước bọt, giọng khinh bạc, tiếp - ...Cứ qui tất cả vào thiên mệnh cho gọn, ha ha... mà thiên mệnh thì tránh thế quái nào được, phải không chú em ?

-...

- Còn cái lũ quan quyền. Chúng lập thân từ khoa bảng từ chương, tập tành miệng lưỡi ngay hồi tấm bé, chuyên tán tỉnh, nói theo, nói hớt, chứ ít đứa dám tự mình suy xét, luận ra lẽ trái lẽ phải bằng cái đầu của chính chúng nó. Cứ vứt cái gì ra cho chúng nó ăn, tất chúng nó vỗ tay tán tụng rồi xì xào là ân với đức. Thời loạn lạc, vừa vứt cho ăn vừa hứa hẹn là còn thêm, có đứa cũng liều mạng vào nơi hiểm nguy để ra cái điều công lao hãn mã. Ăn bằng mồm thôi chưa đủ, lắm đứa còn nhấp nhổm lưu danh để tiếng cho đời. A! bọn này tinh tế hơn, không bạ gì nuốt nấy, hậm hực cao rao đạo lý, chơi kiểu mồm miệng đỡ chân tay...Nào là Quân, nào là Sư, nào là Phụ, láo toét cả.

Ghé vào tai Thức, Quang chậm rãi:

- Quân, Sư, Phụ - Quang cao giọng - chẳng qua là một cách áp bức tinh vi đến độ những kẻ bị áp bức sẵn sàng chết để bảo vệ chính sự áp bức đó. Đừng hỏi vua là ai vội. Trước tiên, vua là gì ? Là cái chính chúng ta - lũ bàn dân - đặt lên ngai, trao quyền, tung hô là Vua. Đó chỉ thuần là định danh. Còn thực thế nào ? Định danh vua xong, ta co lại định phận cho mình: ta là phận dân ngu, cúi mặt xuống đất đen, đợi ơn mưa móc từ cái

ta vừa định danh. Rồi ta cong lưng quị gối xin rằng Vua là minh quân! Làm sao có được minh quân ? Bàn dân bấy giờ chắp tay cầu Trời khấn Phật: có ư, có là bởi may, nếu không, ấy lại do thiên mệnh đã định cả. Khổ một nỗi, minh quân đời nào cũng hiếm. Sao vậy? Bởi ta chưa biết cách, bàn dân chưa biết cách tạo ra minh quân! Này chú em, chú phải tìm ra cái cách gì mà khi bàn dân đã nhận là Quân thì Quân ắt phải Minh...Phải chăng quân thần chẳng qua là một định ước của toàn bàn dân thiên hạ về quyền hành giới hạn cho một người, hay thậm chí một số người, để làm cái công việc mà mỗi cá nhân người dân không thể, hay không muốn, trực tiếp làm. Tóm lại, đó chỉ là một công ước về sự ủy nhiệm. Tối thiểu, cái công ước đó phải đảm bảo người được ủy quyền không biến dạng ra kẻ thống trị, và người trao quyền - là bàn dân - không phân hóa thành kẻ bị trị. Cứ thế, quân ắt phải minh chính là do qui chế của cái công ước bàn dân cùng định. Không đủ minh thì chính cái qui chế vừa nói sẽ định cách thế quân». Ngưng nói, Quang trầm ngâm một lát, rồi tiếp tục thì thào như tâm sự:

- Chú em ạ! Quân mà muốn cho Minh thì phải tuyệt đối tránh tập trung quyền sinh quyền sát vào tay một số người, nhất là khi họ có khả năng bấm giữ quyền lực một cách vô hạn định. Thời gian và quyền lực trộn lại là độc tố tiêu mòn mọi đạo đức. Thậm chí, nó có thể giết sạch tính người, và từ đó xóa sổ luôn cả xã hội: những con người bị áp bức cứ dần dần đánh rơi mất nhân tính hòng tồn tại, một thứ tồn tại thuần theo bản năng của mọi loài động vật...

Dương Quang ngưng nói, tay vân vê vài sợi râu bạc thếch, thở dài:

-. .. Còn đám dân đen thấp cổ bé miệng ư ? Nào là sưu là thuế, nào là sai là dịch, bắt đinh bắt lính. Với dân, đám có quyền có bính cứ mềm nắn rắn buông, bởi lẽ không buông thì cùng quá hóa giặc. Lúc ấy được làm vua. Còn thua ư ? Là mãi mãi giặc. Từ năm mươi năm nay, lúc nào cũng giặc, giặc lớn có, giặc nhỏ đầy rẫy kể không xuể. Năm Mậu Thân, ta mang tiền quân cụ Quận He đổ vào bến Bồ Đề ven Thăng Long. Thủ lĩnh Lân cầm chân được binh nhà Trịnh trên Sơn Tây và Kinh Bắc, chặn đường cứu viện của bọn Phạm Đình Trọng và Hoàng Phùng Cơ. Quân ta vây chặt phủ Chúa, đợi quân bộ cụ Quận từ miệt Sơn Nam kéo vào là đánh. Cụ Quận hai ngày sau mới tới được, mặt mũi rám thuốc đạn, mừng mừng tủi tủi hỏi ta về binh tình. Ta ước chỉ một ngày là dẹp xong đám quân phủ Vua phủ Chúa mà thôi. Ta hỏi lại: «Đánh xong, chủ tướng làm gì?». Cụ Quận ngẩn người ra ngẫm nghĩ rồi nói: «Ta không định làm Vua... Ta không biết làm vua bây giờ để làm gì.» Ta nói với cụ: «Chiếm được nhưng giữ thì

không xong, mà giữ lại không làm vua thì vô lý lắm». Cụ Quận suy đi tính lại rồi bảo: «Ta cũng không định làm chúa, làm chúa người ta chửi cho» rồi cụ quyết định rút quân. Về đến căn cứ, ta hỏi: «Chẳng lẽ cứ làm giặc mãi à ?» thì cụ gắt nhặng lên: «Thời này mày không làm giặc thì làm gì ?. Ta bạo miệng nói: «Chủ tướng làm vua thì Dương Quang này chỉ xin đi điều người đắp đê sông Hồng cứu lụt. Mỗi năm mỗi lụt dân đói dân khổ lắm.» Mắt cụ Quận sáng lên, rồi bỗng tối xầm lại: «Tiên sư nhà mày, sao không nói lúc ở Thăng Long ? Giờ muộn mất rồi còn gì!».

Dương Quang lại im tiếng, tay đánh nhịp vào vòng xiềng buộc đầu gông, nhắm mắt đắm người vào cái quá khứ vừa được đánh thức dậy. Chập sau, ông lại se sẽ hát, rồi thiếp ngủ đi lúc nào chẳng ai biết.

Một buổi sáng, cai ngục vào gọi Thức ra cho gặp người nhà vào thăm. Thức đoán là phu tử, hỏi nhưng tên cai ngục chỉ giục:

- Nhanh lên, ra ắt gặp...

Đưa Thức đến một gian ở trái sau trong ngục, hai tên đầu trâu mặt ngựa lực lưỡng đã đợi sẵn hất hàm ra lệnh bắt Thức cởi hết quần áo. Trần truồng như nhộng, Thức bất ngờ bị một cú đấm vào giữa mặt. Thức cắn răng, nỗi nhục nhã đau không kém gì nhưng cái đá, cái đạp, cùng những tiếng chửi tục. Gần trưa, chúng nó dìu Thức ra phía sân trước. Phu tử nhờ cô cháu họ xa là Đặng thị Mai đến thăm. Thấy mặt mũi Thức thâm tím, sưng vù lên như người bị phù ủng, Mai ứa nước mắt. Mai gửi lời phu tử nhắn Thức rằng không phạm tội thì tuyệt đối không bao giờ nhận tội gì cả, sống chết có số, chẳng có chi mà sợ. Lần này, nghe đến hai chữ số mệnh, Thức miệng rách toạc mà vẫn ngoác ra không nhịn được cười, mồm cười như mếu, khiến Mai không hiểu gì, đã sợ lại càng sợ. Chia tay, Mai nắm lấy tay Thức dúi vào một bọc vải, mắt nhìn như thể gửi gắm một điều gì không thể nói ra miệng.

Thức bị lôi về phòng giam, lại ngồi cùm, gượng cười với Quốc Chấn và Dương Quang. Hỏi đầu đuôi, Quang trầm ngâm một lúc rồi bảo:

- Chúng nó đánh chú em là để làm áp lực trên Nguyễn Thiếp! Áp lực gì chú em có đoán ra không ?

Thức trả lời:

- Chắc việc phế Tông lập Cán!

Dương Quang lắc đầu.

- Không cần thế! Bắt Tông rồi, lại bắt luôn cả Nguyễn Khắc Tuân và Nguyễn Khản, thì việc phế Tông coi như đã xong.

Thức xòe tay mở bọc vải Mai đưa. Trong bọc vải là một chục quan tiền, và một tờ giấy, soi ra sáng có ghi hai chữ Trung Nhu. Thức hỉ hả vỗ

vai Quang:

- Em có tiền cho hai bác uống rượu đây!

Dương Quang vẫn lầm lì bất động. Một lát sau, Quang bỗng phá lên cười sằng sặc:

- Ta hiểu rồi! Quang hạ giọng - không sao đâu, chú em ạ! Nguyễn Thiếp thừa sức suy ra được. Chúng nó mang chú em ra xử là thế dương đông kích tây, nhắm vào Nguyễn Thiếp buộc làm một điều gì đó. Chú nhớ cứ một mực cứ kêu mình vô tội nhé, hà hà...

Ôm lấy vai Thức rồi chồm người về phía Quốc Chấn, Quang nói to:

- Có tiền chỉ để có rượu, có thuốc. Chú uống với anh chai này đánh đố với ông xanh xem sao nhé. Bớ rượu đâu, mang cả chai đến đây... Nợ ta trả hết một thể... Chú em cũng làm một chén với anh. Ha ha, nợ nào ta cũng sẽ trả... ha ha ha...

Một chập sau, những người tù bị giam chung lại nghe tiếng Dương Quang ồm ồm hát:

Này con chim cánh đen
mỏ vàng mày nhọn
cái lồng nhốt mày bằng nan mục nát
cứ phá cho tan rồi bay ra, bay xa...

Khoảng một tháng sau ngày tống giam, chúa giao cho Nghĩa phái hầu Lê Quí Đôn hiện là Đồng tham tụng tra xét Tông, Khải, Khắc Tuân và bè đảng của Tông, trong đó có một số thư lại thuộc lính tam phủ như bọn Trần Nguyên Nhưng, Mai Doãn Khê, Nhưng Thọ. .. Đến lượt luận tội Thức, quan Đồng tham tụng nghe tiếng nên tiếc tài, giả vờ quở:

- Ngươi mới đặt chân tới Kinh Kỳ, ở chốn thôn dã nên dễ bị người lung lạc, cứ biết sao nói vậy, thật thà kể ra hết thì giảm tội.

Thức thuật lại mọi chi tiết trong bữa tiệc Tông mời buổi tối cách đây hai tháng. Quan định tâm tha nhưng viện Nội Mật đòi Thức đối chất với Đàm Xuân Thụ. Thụ kể:

-. .. Trọng Thức còn xướng lên: «Chữ Binh kia mới bằng ba chữ Quyền» và bảo riêng với tôi rằng cái xương sống của quyền lực nằm dọc theo lưng lưỡi kiếm.

Thức lắc đầu cười nhạt không nhận. Người của Nội Mật lại khai rằng năm xưa đã có tin Thức định làm loạn. Chính Nguyễn Khản đã can thiệp với Hiệp Trấn Nghệ An là Hoàng Tế Lý để bỏ cái lệnh cấm Thức không được ra khỏi hai huyện Thanh Chương và Thanh Oai. Ngày nay, bám được vào Tông với Khản, Thúc chẳng qua lại ngựa quen đương cũ nên nài

quan Đồng tham tụng định tội mưu phản. Thức nhìn thẳng vào mặt Đàm Xuân Thụ hỏi:

- Ông xưng là gia nhân thế tử Tông đến mời tôi, lúc ấy ông đã làm trong Nội Mật viện chưa ?

Không đợi Thụ trả lời, quay sang Lê Quí Đôn, Thức tiếp:

- Trình quan, viện Nội Mật buộc ai thì người đó không cũng thành có tội, tha thì có tội lại thành không. Kẻ tiện dân là cá nằm trên thớt, quan xử thế nào cũng chỉ là chuyện phiếm mà thôi.

Quan Đồng tham tụng ngại ngùng rồi tạm hoãn việc định tội lại.

Ngay buổi chiều sau ngày luận tội Trọng Thức, phu tử đòi gặp quan Chánh Dường Hoàng Tế Lý. Khác mọi lần trước, Lý bắt phu tử đợi đến lúc mặt trời xế bóng mới mời vào điện Hậu Mã, nơi Lý đến nghỉ ngơi sau khi chầu Chúa. Lạnh lùng, Lý đưa tay mời ngồi, không nói năng gì. Phu tử nhìn vào mắt Lý một chặp, rồi chậm rãi đi thẳng vào câu chuyện giằng co với công việc nhà chúa từ ngày đến đất Thăng Long:

- Trăm họ, kể cả họ Nguyễn ở La Sơn đã hơn hai trăm năm nay ăn lộc củavua của chúa. Xưa, như đức Trạng Trình đã dặn «Muốn ăn oản thì phải thờ Phật». Cách đây hai năm, Chúa đã sai Vũ Trần Thiệu sang cống hiến nhà Thanh, mật biểu rằng con cháu nhà Lê không còn có ai xứng đáng để nối dõi nghiệp Đế. Quan Chánh Đường thừa biết là Thiệu đến Động Đình hồ thì nuốt biểu vào bụng rồi uống thuốc độc mà chết, tránh cho nhà chúa cái chuyện đại nghịch. Thiếp tôi dẫu ngu muội cũng không thể nào không lấy đó làm tấm gương cho mình, nên dù cả họ phải chết để giữ toàn tiếng cho chúa cũng đành chịu chứ có xá chi một mạng Trọng Thức! Như vậy, bắt tôi đồng lòng soán ngôi nhà Lê thì nhất quyết là tôi không...

Phu tử ngừng nói, nâng tách trà uống từ tốn, rồi tiếp:

-. ..Phần Trọng Thức, tôi vừa là thầy, lại vừa là bác nên nó bị Nội Mật viện khải tội thì tôi chỉ còn biết dậm chân kêu trời, xấu hổ không dám nhìn chúa, xin ông tâu chúa cho Thiếp này về lại nơi thôn dã.

Phu tử đứng dậy, vòng tay chào, cười nhạt:

- Nếu chính là ngài bắt tội họ Nguyễn ở La Sơn thì chừa ra Toàn Nhật. Không biết đích thực bố nó có phải họ Hoàng không, nhưng mẹ nó là người họ Võ. Võ thị đã trầm mình trong dòng Lam giang khi thằng bé mới đẻ, tôi đem nó về nuôi khi lên mười là nuôi hộ cho bố nó đấy!

Lý mặt sầm lại, gượng gạo mời phu tử ngồi xuống, song gằn giọng:

- Việc soán thì thôi. Còn việc phế Tông lập Cán ?

Phu tử ngẫm nghĩ, rồi lắc đầu chán nản thở dài:

- Việc đó cứ coi là việc riêng nhà chúa,Thiếp này là kẻ tiện dân nên muốn hay không cũng chỉ cắn răng cúi đầu ngậm miệng.

Mươi ngày sau, Trịnh Sâm vời đủ mặt đông đảo quan thị trong triều, khóc như thói quen của những người có cái quyền định đoạt sinh mạng kẻ khác lúc sắp sửa giết ai. Lấy khăn chấm nước mắt, Sâm phán: «Tông và bè đảng đều phạm tội đại nghịch, theo sách Xuân Thu thì lẽ ra là phải xử chém. Song nghĩ tình máu mủ, nay không bắt chết nhưng đánh xuống làm con út và giam vào Nội phủ. Hồng-lĩnh hầu, Tuân-sinh hầu và Khê-trung hầu đều là công thần đã theo ta từ thuở mới chấp chính nên cho phép được tự xử chứ không mang chém. Kỳ dư, bè đảng của Tông cứ theo định tội mà làm, không được giảm xá». Lê Chính giữ một chức quan nhỏ trong Lượng phủ ra quì tâu:«Có những kẻ đã dồn Thế Tử vào đường cùng cho mới nên nông nỗi». Trịnh Sâm gạt tay không cho Chính nói tiếp. Khi tan chầu, Lý đợi Chính ở cửa phủ, nhìn vào mắt, khen «Cậu rõ là người khôn ngoan». Ngay hôm sau, Chính mang cả gia đình trốn nhưng bị người trong Nội Mật viện bắt lại. Lê Chính tự tử nhưng được cứu không chết, năm sau mới ra khỏi ngục trong buổi loạn Kiêu binh.

Khản làm một bài văn Nôm lén chuyển được vào cho Chúa, kể lể tình xưa nghĩa cũ với Chúa. Trịnh Sâm đọc xong, nhớ lại cái thuở Khản hết lòng phò mình, ngần ngừ rồi cuối cùng giảm án cho Khản, không bắt chết mà chỉ giam vào dinh Quận Châu. Hoàng Tế Lý rất bực bội, nhớ lại chuyện Khản và Đĩnh định hại mình cách đây dăm năm. Lý biết lỡ dịp này thì khó diệt được Khản nên vào nói nhỏ Thị Huệ can thiệp. Sâm khăng khăng ý mình. Thị Huệ giựt viên ngọc quí Sâm lấy được khi vào chinh chiến Đàng Trong vẫn đính trên áo ngự quăng xuống đất, miệng gào khóc kể lể. Sâm cuống quít, làm hề chọc cười Huệ, nhưng Huệ lại càng khóc to hơn nữa. Cuối buổi tối hôm đó, để cho Huệ vui lên, Sâm đành bằng lòng gả con gái là công chúa Ngọc Lan cho Đặng Mậu Lân, tên hung thần mất cú.

It lâu sau, Tuân sinh hầu và Khê trung hầu đều uống thuốc độc tự tử. Về phần Trọng Thức, có một người lạ mặt nhận là kẻ phục dịch cho Tông ra phản cung Đàm Xuân Thụ. Viện Nội Mật cũng thôi không o ép nên Thức xem như trắng tội.

Ngày Thức được thả ra là ngày mười sáu tháng chín. Hôm ấy cũng là ngày đao phủ đem chém dư đảng của Tông, đếm ra đúng chín mươi bảy nhân mạng. Pháp trường được đặt trên mặt đê Yên Phụ, cách chùa Trấn Quốc chừng non một dặm. Buổi sáng, quạ không biết từ đâu về đậu đen đặc bờ tả ngạn sông Nhị, quang quác lên đến rách toang màng nhĩ. Trời xuống gần đất và mây xám xà vào đậu trên những vòm cây rũ rượi dưới

trận mưa phùn đã kéo lê ròng rã ba ngày. Chính Ngọ, bàn dân ai nấy giật mình nghe thấy một tiếng nổ như sấm động, sau người hàng phố thì thào với nhau rằng núi Hùng tự nhiên xụp xuống gần hai mươi thước.

Thức lẩn vào đám đông, mắt ngóng lên đài chém, lòng chàòp chờ hy vọng không có bóng dáng Dương Quang trong đám tử tù. Hai ngày sau trận đòn hôm Mai vào thăm, Thức bị chuyển phòng. Khi chia tay, Dương Quang chỉ kịp nhìn Thức bùi ngùi: «Chú em thoát được thì vào Đàng Trong, rồi đi xa để học cái tốt người ta mang về mà giúp đời. Nhớ nhé, một là tránh cho bằng được cái học rỗng tuếch, thứ là chớ có sa vào bất cứ khuôn mẫu ép buộc nào, kể cả Quân-Thần, Sư-Môn, Phụ-Tử, Phu-Thê, nếu nó là ép buộc. Đời ta, ta chỉ trọng độc có một cái là tình bạn mà thôi!». Từ đó, Thức bặt tin Dương Quang, nhưng mỗi khi nhớ đến, Thức lại bồn chồn lẫn đau xót.

Đám tội phạm bị trói giật cánh khuỷu, xếp hàng bước theo chân nhau, lặng lẽ đi như đám ma trơi sau khi ăn cháo thí lễ cúng cô hồn. Trong đám đông đã có dăm ba tiếng chửi tục và tiếng nức nở kêu oan. Chợt tiếng hát ở đâu đây oang oang lên như lệnh vỡ:

Này con chim cánh đen,
mỏ vàng mày nhọn,
cựa vàng mày sắc.
Cái lồng nhốt mày bằng nan mục nát,
cứ phá cho tan,
rồi bay ra, bay xa..

Nhạc bát âm từ đâu chợt vẳng lên, gần lại, và chỉ trong giây lát ai cũng nghe rõ tiếng sênh tiền. Bụi cát bay mù mù, rồi cờ quạt phần phật rợp kín cả trời, lính tráng rầm rập nện chân trên đê như đi dận đất chống lụt. Một người đàn bà cùng ba đứa con còn nhỏ chạy ào vào ôm lấy chồng lấy cha. Tiếng quát tháo, tiếng đấm đá thình thịch, tiếng chửi, tiếng khóc. Đàn quạ bay lên lượn qua lượn lại kêu phụ họa với hồi trống cái đã thì thùng dọa nạt. Chập sau, tiếng những người đao phủ rống lên với nhau như hát đúm:

Tiếng loa vừa dậy.
Hồi chiêng đã mau.
Sống chẳng thù nhau.
Chết không oán nhau

được nhịp theo bằng tiếng rơi bình bịch như tiếng những quả mít cuối mùa lìa cành rụng xuống trong cơn gió dữ.

Khi điệu Nguyễn Quốc Chấn, thủ hạ của Tuân sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân, ra chém thì trời tối sầm xuống. Chấn gào lên «Trời không có mắt, triều không có quan, để ta chết oan. Hãy để bút giấy vào tay áo ta cho ta xuống kiện với Diêm Vương» rồi nhất định không chịu quì. Đao phủ hươi đao, đầu Chấn rơi xuống đất nhưng người vẫn trơ trơ không ngã, phải khiêng ra như người ta khiêng một thân cây cứng nhắc.

Đó là vụ án Canh Tý được ghi lại trong Biên Niên Lịch Sử Cổ Trung Đại như sau:

1780-(Canh Tý)

Tháng 9 âm lịch. Cung phi Đặng Thị Huệ được Trịnh Sâm sủng ái muốn giữ ngôi Chúa cho con là Trịnh Cán. Con trưởng của Sâm là Trịnh Khải mưu cùng Đàm Xuân Thụ, Nguyễn Lệ trấn thủ Sơn Tây, Nguyễn Khắc Tuân trấn thủ Kinh Bắc, khởi binh giành ngôi Chúa. Việc vỡ lở, Sâm bắt giam Khải và một số người đồng mưu.

Dĩ nhiên ai cũng hiểu Khải còn có tên là Tông, và Lệ là Khản. Không ai nhắc đến vai trò của Huy quận công Hoàng Tế Lý. Không ai lưu ý rằng Thụ được phong Hầu sau vụ án. Và nhất là chẳng có một người nào, cả thời xưa lẫn thời nay, quan tâm đến đám chín mươi bảy người tội phạm.

Ngày hành hình trong vụ án năm Canh Tý, nước sông Nhị lại thêm một dịp đỏ hơn trước và đàn quạ hôm sau không biết bay về đâu. Cho đến hết đời Tây Sơn, cư dân sống ven sông Nhị thỉnh thoảng lại nghe văng vẳng tiếng hát về những cánh chim. Không biết Dương Quang, họ đồn rằng đó là oan hồn Nguyễn Hữu Cầu hiện về hát khúc «Chim trong lồng» do chính ông trứ tác khi đợi ra pháp trường hơn hai mươi năm về trước.

Tối hôm chém đầu chín mươi bảy người tội phạm, mặt trăng sợ không dám ló hết ra. Trăng mười sáu mang hình lưỡi liềm cứ lơ lửng giữa trời đe dọa.

Hơn hai trăm năm sau, mặt trăng ấy vẫn chưa tròn.❐

Nam Dao (31-7-97, 5-12-97)

MỖI THÁNG TÌM MUA VÀ ĐỌC **VĂN HỌC** ĐỂ:
* THEO DÕI SINH HOẠT VĂN CHƯƠNG Ở HẢI NGOẠI
* THƯỞNG THỨC NHỮNG SÁNG TÁC MỚI NHẤT CỦA VĂN GIỚI

Về Quê Hương

TRẦN THÁI VÂN

Giữa anh và em có một nhánh sông
con nước mở lòng nhận dòng sữa mẹ
chim bay ra biển hoá cá lạc hồng

Giữa anh và em có tiếng gió nhẹ
ngàn khơi thổi về nước bốc thành mây
tháng năm đi qua tháng mười trở lụt

Giữa anh và em nắng về bất chợt
hoa nở đỏ rừng gùng nở trắng hiên
trời xanh như mắt bụt hiền

Giữa anh và em là cảnh vật
có thể núi đồi, có thể gió mưa
vui như tháng giêng nhẹ nhàng như tháng chạp
tiếng hát khoan hò tiếng đò khoan mái
à ơi, anh mơ ngày được sống lại
tuổi thơ trong huyền thoại thần kỳ

Giữa anh và em tình bất phân ly
cảm xúc nhẹ nhàng mùa hoa cổ tích
nụ cười tươi hương đêm trù tịch
vấn vương về cùng chút nhớ chút thương

Giữa anh và em là cánh cửa thiên đường
nơi em mở một lần rồi vội khép
nơi em sống trên những con đường chật hẹp
bụi đỏ mù trời cá lặn xa khơi

Giữa anh và em là dòng kỷ niệm bồi hồi
như mây như nước
gió về năm này thương mùa năm trước
ấn tượng mơ hồ một giấc chiêm bao
vì khi xa anh là đứa bé thuở nào
nên em, Quê Hương, trong lòng anh sống mãi...

Điều bị loại khỏi chương trình thời sự

Grendel Lajos (Hungary) - Nguyễn Hoàng Linh dịch

Vào hồi sáu giờ tối, bà vợ người quét sân (1) báo cho ông chủ tịch ủy ban dân phố biết chuyện những kẻ có vũ trang đã chiếm tầng hầm (2). Trước đó một giờ rưỡi, người quét sân đã đàm phán với tên chỉ huy quân vũ trang. Hắn những kẻ lạ mặt đã tràn vào khu nhà từ buổi sáng, lúc ấy chỉ có những người hưu trí và những kẻ thất nghiệp ở nhà.

- Được, bà cứ bình tâm, rồi chúng tôi sẽ tìm cách - ông chủ tịch ủy ban dân phố nói, ông vốn là phó giáo sư đại học.

Mẩu tin ấy lan nhanh như lửa, nhưng người ta tránh được sự khiếp đảm. Không ai biết bọn vũ trang từ đâu đến và chúng muốn gì. Có người nghi đây là một vụ đảo chính quân sự, người khác lại cho rằng nội chiến bùng nổ. Nhưng có lẽ khả năng lớn nhất chỉ là hai băng đảng tội phạm đang chuẩn bị thanh toán lẫn nhau.

- Thế thì đã khá - một anh chàng độc thân sống ở tầng một nhận định, anh này là công an mật trong thể chế cộng sản ngày xưa, đến giờ một số dân cư vẫn ngại anh. - Cuộc chiến giữa các băng cướp vẫn còn khá hơn nội chiến.

Dĩ nhiên có thể đồng tình với kết luận của anh ta. Dầu sao, ông chủ tịch ủy ban dân phố cũng biết rõ phận sự của ông. Ý thức trách nhiệm khiến ông trở nên rất có dũng khí. Ông lập tức gọi điện thoại cho cảnh sát.

- Chúng tôi biết cả rồi - người ta trả lời. - Chúng tôi đã làm mọi biện pháp cần thiết.

Sau đó, ông chủ tịch triệu tập cuộc họp dân phố bất thường vào hồi chín giờ tối. Người quét sân cũng tham gia cuộc họp, dù ông ta làm ra vẻ say xỉn. Có điều, những khi khác ông ta cũng như vậy. Đó là người duy nhất thú nhận việc đánh đập con mình.

- Chúng đông, đông lắm - ông ta nói và đôi môi giật giật ngay cả khi ông ngừng lời.

- Họ muốn gì? - ai đó hỏi.

- Chúng muốn ta rời khỏi tòa nhà này - người quét sân đáp.

Nhiều người kêu lên:

- Nhưng tại sao cơ chứ?

- Có giời biết được - người quét sân nói, mặt mày tái nhợt và run rẩy, toàn bộ nỗi khổ sở nghề nghiệp phản chiếu trên gương mặt ông. - Nhưng chúng đông lắm - ông ta lặp lại một cách cuồng dại.

Nhưng ông chủ tịch ủy ban dân phố không mất bình tĩnh. Ông đấu dịu những người đến họp rằng cảnh sát đã sẵn sàng tống cổ bọn vũ trang không mời mà đến, và họ sẽ can thiệp vào giờ phút thích hợp. Không khí buổi họp thay đổi. Những cư dân vừa mới hoảng hốt liền tĩnh tâm lại đôi chút và vài người còn thử đoán già đoán non.

- Hẳn dân Hung cả đấy mà - một người nhận định.

- Không, không! Chắc chắn là bọn Do Thái - người khác nói.

- Chúng ta đã thủ tiêu lũ Do Thái trong chiến tranh rồi còn gì?

- Thế thì vẫn là dân Hung mất!

- Thôi, thôi, xin các vị! - bà quả phụ trên tầng tư dỗ dành, bà ta vốn là mẹ vợ một tay tài tử điện ảnh nào đó và bà rất tự mãn về điều đó. - Đừng gây ra vấn đề chính trị từ lũ cướp ấy.

- Hãy tin tưởng vào lực lượng an ninh của chúng ta - ông chủ tịch ủy ban dân phố đề đạt và ông giải tán cuộc họp.

Những giờ còn lại của buổi tối trôi qua yên lành. Các chương trình thời sự trên đài và vô tuyến không đề cập đến những tin tức bất an trong nước. Chính phủ ở vị trí của mình. Những tên vũ trang không ra khỏi tầng hầm, còn ông chủ tịch ủy ban dân phố bấm chuông gõ cửa mọi căn hộ, động viên mọi người bền bỉ ý chí và chúc họ ngủ ngon. Theo đề nghị của một vài dân cư, ông gọi điện cho cảnh sát một lần nữa.

- Chúng tôi không muốn đổ máu vô ích - câu trả lời vang lên ở đầu máy bên kia.

Đêm đến, vùng lân cận im ắng, các cư dân thần kinh vững lăn ra ngủ, nhưng những người vẫn lo ngại còn thức một lúc. Chắc chắn cảnh sát sẽ bao vây khu nhà trong màn đêm và lừa lũ "xâm lược" bất hợp pháp vào bẫy. Không phải lo một cuộc đụng độ vũ trang, vì cư dân không có vũ khí. Vả lại, sắp đến lễ Giáng sinh, ngày hội của tình thương. Những kẻ vũ trang, dù là cướp hay không, cũng chưa cư xử thù địch. Tất nhiên, chúng định chiếm khu nhà, nhưng trước mắt chúng hài lòng với việc đóng quân ở tầng hầm. Thành thử sẽ vô nghĩa nếu khiêu khích chúng. Càng ngày

càng có vẻ đây chỉ là cuộc chiến giữa hai băng đảng tội phạm, nghĩa là tình hình không trầm trọng. Trong những trận thư hùng địa phương như thế, cứ trung lập là hợp lý hơn cả, đằng nào cuộc đời cũng vẫn tiếp diễn!

Buổi sáng, đa số cư dân ở nhà chứ không đi làm. Vẫn chưa thấy cảnh sát đến trợ giúp. Ông chủ tịch ủy ban dân phố bắt đầu mất bình tĩnh. Trước hết, ông cử người quét sân xuống tầng hầm đàm phán, rồi ông lại quay số điện thoại cảnh sát. Nhưng cảnh sát cũng đã hết kiên nhẫn. "Đừng sách nhiễu chúng tôi liên tục như thế!" - họ bảo ông chủ tịch ủy ban dân phố.

- Vậy thì tôi phải làm gì? - ông chủ tịch hỏi, vẻ thất vọng.

- Cứ chờ xem kết cục ra sao đã.

Giữa chừng, người quét sân cũng xuất hiện với điệu bộ như một chú chuột đồng hốt hoảng.

- Chúng đòi ta rời khỏi khu nhà - với vẻ bề ngoài thảm hại, ông ta báo cáo kết quả cuộc thương thuyết bất thành. - Nếu không, chúng sẽ tắt sưởi.

- Thế, chúng bắt ta ra khỏi nhà trong mấy giờ? - ai đó hỏi.

- Tôi lại không hỏi điều đó - người quét sân đáp và quay lại tầng hầm. Được chốc lát, ông ta đã trở lại. - Chúng bảo: vô thời hạn.

Một cơn phẫn nộ cuồng phong quét qua hành lang trước cửa xuống tầng hầm, tại đây có chừng mười lăm, hai mươi người tụ họp, trong đó có cả ông chủ tịch ủy ban dân phố.

- Chúng ta thử phong tỏa tầng hầm xem sao! - một thanh niên nóng đầu đề nghị, anh vốn là nhà thể thao.

- Vô trách nhiệm thế! - anh cựu công an mật nói.

- Chúng có bao nhiêu người? - ai đó đặt câu hỏi.

- Đông lắm. Còn đông hơn cả hôm qua - người quét sân nói, giọng ngạt thở.

May mà ông chủ tịch ủy ban dân phố không bị lôi cuốn bởi làn sóng phẫn nộ.

- Ai nấy hãy yên nào - ông nói. - Cơ quan an ninh có thể đến bất kỳ lúc nào.

Những giờ còn lại của ngày trôi đi cùng nỗi chờ đợi căng thẳng. Ủy ban dân phố họp hành không ngừng ở nhà ông chủ tịch; người quét sân cũng được bổ nhiệm vào ủy ban này. Như một bí mật lớn, người quét sân thì thầm: dưới tầng hầm, bọn vũ trang nấu xúp thịt bò khô trong chảo lớn và thỉnh thoảng, chúng còn hát vang những bài ca binh lính. Không có phụ nữ trong số chúng. Tình thế trầm trọng, nhưng không nguy kịch. Những kẻ có vũ trang không có ý hành hạ cư dân và điều này cho thấy có

lẽ chúng không phải là bọn cướp. Một thành viên ủy ban dân phố làm phiên họp ngạc nhiên với ý kiến có lẽ bọn vũ trang sẵn sàng chiếm một khu nhà khác, nếu ông chủ tịch ủy ban dân phố đề nghị chúng thật khéo léo. Thay ông chủ tịch, người quét sân chạy xuống tầng hầm đàm phán, nhưng chẳng bao lâu ông ta quay về với chiếc mũi sưng vù. Bọn vũ trang cần khu nhà này. Ông chủ tịch lại liên hệ với cảnh sát.

- Chúng tôi đang chuẩn bị một cuộc tập kích - cảnh sát trả lời ông.

Giữa chừng, bọn vũ trang thực hiện lời đe dọa của chúng: hệ thống sưởi bị tắt. Theo đề nghị của ủy ban dân phố, khoảng một nửa dân cư sống ở đây - gồm đàn bà và trẻ em - tạm thời rời khu nhà, ở nhờ họ hàng hoặc người quen biết. Rồi người quét sân lại được cử xuống tầng hầm để đề nghị thỏa hiệp - đàn bà và trẻ rời tòa nhà - với tên chỉ huy bọn vũ trang. Ông ta chỉ ở dưới tầng hầm chưa đầy năm phút.

- Chúng không đồng ý - ông ta nói. - Tất cả mọi người đều phải đi khỏi đây. Bằng không, ngày mai chúng sẽ cắt cả điện nữa.

Trước hành động vô liêm sỉ của bọn vũ trang, sự thất vọng và nỗi tức giận của cư dân lên đến tột đỉnh. Nhưng ông chủ tịch ủy ban dân phố vẫn cố ngăn họ khỏi tình trạng vô tổ chức. Những kẻ khác cũng cho rằng giận dữ chỉ làm mọi việc tệ thêm. Hẳn bọn vũ trang có nguyên cớ xác đáng để chiếm giữ khu nhà. Cũng không chắc là chúng đến để cướp bóc hay phá phách. Vả lại, chúng đã hứa với người quét sân là chúng sẽ không đụng đến đồ đạc, của cải trong nhà.

Theo người quét sân, chỉ huy bọn vũ trang là một người đàn ông vô cùng thông minh và từng trải, nói được rất nhiều thứ tiếng và còn có bằng thạc sĩ. Những kẻ có vũ trang ăn vận thường phục, áo quần chỉnh tề và béo tốt, mập mạp, về căn bản, chúng khá niềm nở và vui vẻ. Không có một người gốc ngoại quốc, hay Di-gan nào trong bọn họ. ở tầng hầm, bầu không khí rất tốt, thậm chí có thể nói là tuyệt, tràn đầy tình đồng chí. Bọn chúng kiên nhẫn, nhưng cương quyết.

Báo cáo của người quét sân tiếp tục làm dịu đi tâm trạng bất ổn của mọi người. Bảy rưỡi tối, ai nấy trở về căn phòng không sưởi để xem chương trình thời sự. Cũng không có sự kiện bất thường nào diễn ra trong ngày hôm ấy. Hỏa hoạn thiêu đốt ở một điểm xa xôi nào đó trên thế giới. Nơi khác lụt lội. Đây đó nội chiến nổ ra. Nhưng ở trong nước, mọi thứ đều yên ả. Quốc hội họp. Ngài tổng thống tiếp đón một tổng thống ngoại quốc, ông ngoại trưởng tiếp một đại sứ. Trọng tài bị hành hung trong một trận đấu bóng rổ. Lồng sư tử được sưởi ấm trong vườn bách thú. Ngành đường sắt thi tuyển hoa hậu.

Sau chương trình thời sự, ủy ban dân phố lại tụ họp để bàn bạc những việc khẩn thiết nhất. Một lần nữa, ông chủ tịch gọi điện cho cảnh sát nhưng ông chỉ nói được vào cuộn băng nhắn tin. Cuộn băng đoan chắc rằng cảnh sát đứng vững ở vị trí của họ và hiện đang tìm cách ngăn chặn tội phạm.

- Thế chứ, cuối cùng cũng phải có một cái gì đó! - một thành viên ủy ban dân phố phấn chấn.

Ủy ban đang thỏa thuận về việc họ sẽ không để cho bọn vũ trang bắt bí thì cả khu nhà bỗng tối om. Sự thất tín của những kẻ vũ trang khiến ai nấy sửng sốt. Thêm vào đó, chúng còn khóa cả vòi nước.

- Chắc hẳn có gì xảy ra dưới đó - người quét sân nói trong bóng tối khi ông chủ tịch vào nhà bếp để tìm nến. Rồi ông ta lại dò dẫm xuống tầng hầm. Không có gì vui vẻ cho lắm trong lời thông báo của tên chỉ huy bọn vũ trang, mặc dầu y khá lịch thiệp và niềm nở.

- Chúng nhắn rằng không thể tiếp tục chờ đợi được nữa.

Nhà thể thao lại sôi máu.

- Cái trò ba que này có nghĩa gì?

- Nghĩa là chúng sẽ cho nổ tung khu nhà nếu trong vòng một giờ, chúng ta không biến khỏi đây.

Tối hậu thư của bọn vũ trang như lửa đổ vào đầu và đặt ông chủ tịch ủy ban dân phố trước ngưỡng cửa lựa chọn. Uy tín ông cũng đã bị tổn hại bởi khí lạnh, bởi bóng tối, bởi sự thúc thủ của cảnh sát và bởi những cuộc mặc cả kéo dài. Mọi người kêu gọi ông hãy giải quyết những vụ việc này, bằng không, hãy từ chức. Sau chút chần chừ, ông chủ tịch chọn khả năng thứ nhất.

Trong hành lang tầng hầm, những ngọn nến và đèn đầu lung linh mọi ngả như trong ngày tảo mộ. ở bậc thang cuối cùng, một cựu chiến binh lăm lăm khẩu súng chặn đường ông chủ tịch. Song ông không sợ hãi.

- Tôi là chủ tịch ủy ban dân phố. Tôi muốn nói chuyện với chỉ huy các anh - ông nói.

Tên chỉ huy ngồi trên một chiếc thùng trước cửa vào phòng hơi (3), y khoác áo bành-tô không cài cúc và hút xì-gà. Y có vẻ mệt mỏi, nhưng quyết tâm. Y không có chỗ để mời ông chủ tịch ủy ban dân phố ngồi, nhưng hình như y cũng không muốn. Khi hai người nói chuyện, y vẫn ngồi yên và ba thanh niên được vũ trang bảo vệ y. Luồng gió thổi bay tuyết vào tầng hầm qua cánh cửa nửa đóng nửa mở.

- Tại sao các anh chiếm khu nhà? - ông chủ tịch hỏi.

- Để nó khỏi bị kẻ thù xâm chiếm - tên chỉ huy đáp.

- Thế các anh định ra sao?

- Chúng tôi muốn giao chiến với kẻ thù.

Lịch sự và kiên nhẫn, ông chủ tịch ủy ban dân phố tỏ vẻ không hiểu.

- Tôi chẳng thấy kẻ thù nào ở đây cả. Trong khu nhà chúng tôi, chỉ có những công dân hòa bình và thiện ý.

- Tôi biết - tên chỉ huy đáp. - Kẻ thù ở kia kìa - y chỉ về hướng khu nhà bên cạnh.

- Vậy điều gì sẽ xảy ra?

- Chúng tôi sẽ tiêu diệt quân thù.

- Nhưng tại sao cơ chứ? - ông chủ tịch vẫn tiếp tục không hiểu.

- Vì nếu không, chúng sẽ tiêu diệt chúng tôi.

- Giữa các anh, có một bất đồng tư tưởng nào đó?

- Làm gì có chuyện ấy - tên chỉ huy mỉm cười.

- Hay chuyện làm ăn...?

- Đâu có - tên chỉ huy đáp.

- Hẳn phải có một nguyên cớ gì khiến các anh đụng độ nhau?

- Cố nhiên rồi. Chúng là kẻ thù của bọn tôi mà.

- Đấy không phải là lý do - ông chủ tịch nói.

- Thế mà là lý do đấy! Ông chẳng tìm được nguyên cớ nào xác đáng hơn đâu!

Ông chủ tịch ủy ban dân phố nhận thấy mọi cố gắng của ông đều vô hiệu, không sao cậy được từ miệng tên chỉ huy một câu trả lời có ý nghĩa. Thành thử, rồi ông can đảm đập vào mặt y:

- Chúng tôi không đi đâu cả! Đây là nhà chúng tôi!

- Tùy ông thôi - tên chỉ huy đáp và quay đầu đi. Bảo vệ của y dẫn ông chủ tịch ủy ban dân phố ra ngoài. Ông chủ tịch bước đi, ưu phiền và mắt đẫm lệ vì giận dữ.

Nhưng không ai có thể đòi ông chủ tịch phải có một hành vi anh dũng. Ông đã làm điều có thể và cầm cự đến hơi thở cuối cùng, hơn mọi kẻ khác. Trong khi ông đang thương thuyết với tên chỉ huy dưới tầng hầm, cư dân đã gói ghém tiền của và rút ra trước khu nhà. Chỉ có bà mẹ vợ tay tài tử điện ảnh là còn chờ ông.

- Mọi người ủy nhiệm tôi để đạt ý muốn của tất cả chúng tôi. Chỉ còn ông già Vojtek ở lại trong khu nhà.

- Một người quả cảm - ông chủ tịch ủy ban dân phố gật đầu.

- Đối với ông ấy thì thật dễ. Ông ta cũng chẳng còn sống được bao đâu.

Bóng tối cũng bao phủ lên những khu nhà lân cận. Có thể tìm ra không mấy khó khăn: những kẻ vũ trang cũng đã chiếm đóng những tòa

nhà ấy. Trong cái công viên nằm giữa các khu nhà - tuyết và sương muối đã phủ lấp cây cỏ ở đây -, rất nhiều người tụ tập thành một đám đông, như thể chuẩn bị một cuộc họp dân phố gì đó. Đa phần là đàn ông, nhưng ông chủ tịch thấy cả những phụ nữ đứng tuổi, thậm chí cả những đứa trẻ hiếu kỳ. Trời khá lạnh. Tin cảnh sát đã bao vây khu vực được lan truyền, nhưng sau đó bị bác bỏ nhanh chóng. Mọi người ít nói chuyện và tách thành từng nhóm theo khu nhà của họ, dường như điều này có một ý nghĩa nào đó.

- Các đại biểu quốc hội được cử đến chỗ những người của chúng ta đấy - anh cựu công an mật thông báo cho ông chủ tịch ủy ban dân phố.

- "Những người của chúng ta" nghĩa là thế nào? - ông chủ tịch bất mãn.

Một phụ nữ trả lời ông.

- Là những kẻ đã chiếm khu nhà chúng ta... Bây giờ, họ đã là của chúng ta. Họ giúp chúng ta chống kẻ thù. Cả khu nhà đều nghĩ như thế. Ông thì sao?

Ông chủ tịch ngẫm nghĩ hồi lâu.

- Có lý đấy - ông đáp.

- Nếu cuộc chiến nổ ra giữa bọn họ, chúng ta có bổn phận đứng về phía những người của chúng ta. Đơn giản, đó là đạo đức - anh cựu công an mật tiếp lời. - Cố nhiên, cũng có thể họ hòa hoãn với nhau và rút lui. Vì thế họ đang tổ chức thương lượng. Chúng ta phải tính đến mọi khả năng.

- Đàm phán có thể kéo dài nhiều ngày - ông chủ tịch ủy ban dân phố nói và đi tiếp.

Hầu như không ai nhận ra, ông lén lút rời khỏi khu vực nguy hiểm. Ông chợt nhớ có lẽ trước đó ông phải từ chức, nhưng ông không còn hứng quay lại. Các cư dân đã chứng thực sự kiên nhẫn, tính kỷ luật công dân và sự sáng suốt cao độ, chắc hẳn bây giờ họ cũng có thể hạnh phúc dù không có ông. Có lẽ mọi người sẽ mang thực phẩm cho những người chiến đấu, còn vài kẻ bốc đồng sẽ tham gia cuộc chiến. Như chuyện thường xảy ra.❐

(1) ở Hung ngày xưa, hazmester là một người tự nguyện nhận trách nhiệm quét sân, điều chỉnh hệ thống sưởi và làm một số việc lặt vặt khác trong một khu nhà; vì thế, thường thường anh ta không phải trả tiền thuê nhà. Tạm dịch là "người quét sân".

(2) Tầng hầm của một tòa nhà (pince) ở Hung thường là nơi chứa đồ đạc và hệ thống sưởi, điện, nước v.v...

(3) Phòng chứa hệ thống đun nước nóng để dùng hoặc sưởi cho các căn hộ.

(Theo nguyên bản tiếng Hung "Ami a híradókból kimaradt")

[Tạp chí "Năm hai nghìn" - "Kétezredik" số tháng 2-1994]

hầu chuyện cùng ngũ tử tư

PHAN XUÂN SINH

ta cũng bạc đầu sao chẳng ra chi
ngài bạc đầu làm nên việc lớn
thay dạng đổi hình như là chuyện giỡn
mà danh ngài lưu mãi ngàn năm

ngài vượt qua cửa ải thoát thân
ta cũng trốn chạy năm lần bảy lượt
cái nguy của ta ngài dâu sánh được
rừng thẳm bể sâu tan xác như chơi

ta mạt kiếp - kẻ bất phùng thời
sống chết chỉ dường tơ kẻ tóc
thân rời rã hồn xiêu phách lạc
mê man mù tịt cõi đi về

chí lớn của ngài thiên cổ chi mê
làm rạng danh một thời hoạn lộ
đầu bạc đã trả xong món nợ
còn ta thẹn mặt với cố hương

ngẫm lại mình là dứa cùng đường
làm sao dây với trí cùn lực mỏi
tìm dâu, tìm dâu ra minh chúa
giữa bến mê xã tắc loạn cuồng

thời nhiễu nhương, chim lạc, chim hồng
cũng dành phải bỏ trời xếp cánh
ngài với ta cùng quê người đất lạ
ta hư cả đời, ngài đã thành danh.

Tạp Ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Trở về Pattivattna...

Trong bài viết trên *Văn Học* (tháng Ba/1998), Ngô Thế Vinh nhắc tới André Malraux, sự quan tâm tới Đông Dương, và tác phẩm *Con Đường Vương Giả* của nhà văn người Pháp này. *Cũng trên con đường vương giả đó, khi còn là phóng viên chiến tranh theo chân những đơn vị miền Nam, ông Khắc* (nhân vật chính trong bài viết mang nhiều tính phóng sự, nhưng với sự thận trọng cố hữu, tác giả nhấn mạnh, *khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu*), *đã từng làm quen khắp vùng cao nguyên, và đồng bằng Cửu Long. Lần trở về Pattivattna, đi giữa mênh mông* Những Cánh Đồng Chết, *ông Khắc vẫn không sao hiểu được mối tương quan giữa nền văn minh Angkor rực rỡ, nền giáo dục Pháp... đầy tính khai phóng mà sản phẩm của nó lại là những trái đắng dẫn tới một chính sách tự diệt chủng...* Theo ông Khắc, Pol Pot tuy được coi là biểu tượng của tội ác, nhưng tư tưởng chỉ đạo là từ Khieu Samphan, cùng du học Paris, xuất thân đại học Sorbonne. Trong luận án tiến sĩ 1959, ông ta đã đề ra "cương lĩnh" của Khờ Me Đỏ: *để bảo vệ độc lập thực sự về chính trị và kinh tế cho Cambốt thì cần phải cô lập quốc gia này và trở về một nền kinh tế nông nghiệp tự túc*. Để thực hiện cương lĩnh, chế độ Pol Pot đã trở thành lá cờ đầu, và là tiền thân, precursor, từ hai mươi năm trước, của những cơn khủng hoảng ở cuối thế kỷ, thí dụ như ở Rwanda, theo như nhận xét của Ben Kiernan. Trong cuốn *Chế độ Pol Pot: Sắc tộc, Quyền lực, và Diệt chủng tại Căm-bốt dưới thời Khờ Me Đỏ, 1975-79* (nhà xb Yale, tháng Tư/ 96), ông đã làm một nghiên cứu về nguồn gốc Pol Pot, liên hệ *Những Cánh Đồng Chết* với những cuộc chiến diệt chủng ở khắp nơi trên thế giới.

Theo tác giả, những điểm nóng, trouble-spots, đặc biệt từ năm 1989 trở đi, ngày một gia tăng và trở nên một hiện tượng toàn cầu, biến trái đất thành một *biển trầm*, ocean of troubles. Hầu hết những xung đột quốc gia chủng tộc này mang tính nhà quê (rural), không hẳn theo nghĩa nông nghiệp, hay không-phải thành thị; nhưng đây là những khu vực nhà quê (rural) chuyển thành dân quê (peasant). Những khu vực đời này tiếp đời khác, con người sở hữu miếng ruộng, mảnh vườn, quần tụ lại thành những làng mạc, tỉnh lỵ, và cùng với nó, là những di sản, vừa tinh thần (đạo đức, niềm tin, phong tục, tập quán...), vừa vật chất (ruộng đất, của cải tiếp nối cho đời con cháu...). Xung đột Sarajevo cũng ở trong trường hợp này, đây là một kiểu chiến tranh làng (village war), tuy không ở vùng quê. Và ngay cả những cuộc xung đột hiện nay tại một số đô thị, vẫn có gốc rễ miệt vườn mà con người đã bỏ lại ở phía sau. Cùng với nó, là nỗi ám ảnh, về một thế giới đã mất, ở những đứa con của đô thị. Còn một từ khác, cho nỗi ám ảnh này: chủ nghĩa quốc gia chủng tộc, tiến trình từ nông dân (peasantry) quần tụ thành quốc gia. Tại Căm-bốt, rõ rệt nhất là thời điểm giữa 1975 và 1979, đã có một toan tính nhằm đảo ngược tiến trình trên, tái lập xã hội nhà quê thành một thể loại quốc gia khác biệt, một quốc gia hợp đồng nông nghiệp mà Ben Kierna gọi là *the indentured agrarian state*. Mọi người đều biết những điều rùng rợn đi cùng toan tính đó, tuy nhiên chính thời kỳ này, cho tới nay vẫn chưa được đánh giá đúng mức, nếu không nói là sai lạc. Cuộc cách mạng Cam-bốt, vào những ngày tháng ghê rợn của nó, vẫn được giải thích bằng những chủ nghĩa độc đoán thời Chiến Tranh Lạnh, ý thức hệ CS hay Mác-xít. *Địa ngục Căm-bốt là một biến dạng do sự phát triển quốc gia hơn là chủ nghĩa xã hội*. Những quan niệm sắc tộc bao trùm lên trên những quan niệm giai cấp, lịch sử đã được làm lại, về dân số, cũng như là về lãnh thổ. Mục tiêu mà Pol Pot mong đạt được là một thuần-chủng, hoàn toàn miệt vườn, tự túc tự cường; đó là quốc gia Khờ Me của ông ta.

Tên thực, Saloth Sar. Thế giới chỉ biết đến tên Pol Pot, vào ngày 14 tháng Tư 1975, khi ông trở thành thủ tướng tân chính quyền cách mạng ở Phnom Penh. Gia đình nông dân (12 mẫu ruộng, sáu con trâu), nhưng dây dưa hoàng tộc; ông có bà con là vũ công, *vợ cưng* của vua, có người anh làm người hầu trong cung, ông theo anh vào cung khi mới sáu tuổi. Như Kiernan cho thấy, ông ta chưa hề biết làm ruộng, và gần như chẳng biết gì về cuộc sống nhà quê. Pol Pot vào chùa hoàng tộc, học trường Thiên chúa giáo dành riêng cho con ông cháu cha. Toàn thứ dữ: với dân số 7 triệu, và sau gần thế kỷ Pháp thuộc, con số trường trung học ở Căm-bốt thật hiếm hoi, và cao học hoàn toàn không có. Độc lập vào năm 1953,

Căm-bốt chỉ có 144 người đậu tú tài. Năm 1948, tới Sài-gòn cùng với một người bạn 20 tuổi, trên đường đi Paris du học, họ cảm thấy như *hai con khỉ đen ở trên rừng lạc về thành phố*. Gặp Khieu Ponnary tại Paris, vào năm 1956, hai người thành vợ chồng, bà là người đàn bà Căm-bốt đầu tiên có bằng trung học. Học bổng của ông, là để làm nghề vô tuyến điện, nhưng ông thi rớt. Gia nhập Đảng CS Pháp (khu vực Căm-bốt), ở trong lực lượng lưu vong đòi hỏi độc lập. Để tránh bị tầm nã, đám chóp bu thường dùng bút hiệu như là Công nhân Căm-bốt (Cambodian Worker), nhưng của Saloth Sar thật khác thường: *khmaer da'em*, hay là *gốc Căm-bốt*. Hai chục năm sau, biểu tượng của lòng trung thành với đất mẹ của ông là những núi sọ người ở Tuol Sleng, trung tâm hủy người.

Tất cả những *mặt mạnh* này đều được giấu kín, thời kỳ ở Paris cũng như sau này. Bề ngoài, người ta chỉ thấy đây là một con người dễ thương, nhún nhường, có học, và còn biết khôi hài, rất ít khi tỏ ra giận dữ trước công chúng. Nhưng tác giả cuốn sách cho biết, ông đã từng bẻ giò chính vị Phó Thủ Tướng của ông, Vorn Vet. Nói chung, chẳng ai có thể nhận ra một chút điềm triệu cho biết sự ghê tởm tha nhân của ông ta. Rồi xảy ra vụ Malcolm Calwell bị giết.

Vào tháng Chạp 1978 một nhóm quan sát viên độc lập Tây phương được phép viếng Căm-bốt Dân chủ, trong có hai ký giả Mỹ và Calwell, giáo sư đại học London. Đây là những người được nhà nước coi như những cảm tình viên của cách mạng. Quan trọng nhất trong số họ là Calwell. Tương phản với chủ nghĩa Mác-xít qui ước, những nghiên cứu của ông như là *Sự Thịnh Vượng của Một số Quốc gia* cổ võ sự phát triển tập trung vào nông nghiệp và tự túc tự cường, như con đường cách mạng thích hợp nhất cho những điều kiện của Thế Giới Thứ Ba. Lúc đó, ông đang viết về đề tài, *Kampuchia: Biện minh cho một Chính sách Đồng quê*. Tuy bề ngoài làm ra vẻ du lịch, phái đoàn tỏ ra thật bướng bỉnh. Họ tỏ ra không thông, về chính sách nhân quyền của nhà nước... "Bất cứ điều gì chúng tôi cố gắng giải thích, họ đều từ chối không chịu hiểu", viên hướng dẫn du lịch nói. "Họ đòi được gặp những người đã bị giết rồi, và chúng tôi lại cứ phải bịa ra những cớ này cớ nọ." Rồi bóng dáng những đám người vũ trang, và đám trẻ rách rưới bầy ngay ra trước mắt làm cho họ như tìm ra câu trả lời, và nhật ký của Calwell đã có những câu chết người. Như rất nhiều trí thức cùng thời đã từng bất bình với phương pháp phát triển kiểu Liên Bang Xô-viết, Calwell mong tìm một công thức mới cho vấn đề. Nhưng ông là một con người thành thật. Và những gì chứng kiến tận mắt lại càng khó thuyết phục ông, về một viễn ảnh hồng của chế độ. Nói ngắn gọn, hơn bất cứ một ai, Calwell *hiểu* phương án của Pol Pot. Vào cuối

chuyến viếng thăm, phái đoàn được phép gặp Nhà Lãnh Đạo, để thực hiện một cuộc phỏng vấn hữu nghị, và chủ yếu là về vấn đề nông nghiệp. Một giờ sáng hôm sau, một kẻ lạ đột nhập căn nhà khách của nhà nước, và bắn chết Calwell. Kẻ sát nhân sau đó bị xử tử ngay lập tức, sau khi đã thú nhận là người của Việt Nam. Chỉ vài ngày sau đó, Hà-nội mở cuộc tấn công chấm dứt chế độ Khờ Me Đỏ. Kiernan, tác giả cuốn sách chúng ta đang bàn tới, hoàn toàn tỏ ra không tin có bàn tay của Việt Nam trong vụ sát nhân. Sự kiện Calwell *hiểu* Pol Pot làm cho ông trở thành nguy hiểm, vậy thôi.

Trong bài diễn văn ba tiếng đồng hồ, vào ngày 27 tháng Chín, 1977, Pol Pot vinh danh quốc ca Campuchea Dân chủ: Quốc ca hiển nhiên cho thấy yếu tính cuộc chiến đấu của dân tộc. Như chúng ta đều biết, quốc ca của chúng ta không phải do một thi sĩ làm ra. Yếu tính của nó là máu của toàn thể dân tộc... Tiếng gọi của máu đã được lồng vào trong bài quốc ca. Một khối lượng khổng lồ máu đã được Khờ Me Đỏ *vung vãi* . Kiernan ước tính, chừng 20% dân số trước đó, khoảng 1,5 triệu. Hai mươi năm trước Rwanda, con đường diệt chủng đã được Pol Pot hoạch định. Chẳng có lý do gì để chứng tỏ tiến trình diệt chủng sẽ chậm lại, nếu không có vụ Việt Nam xâm lược và chấm dứt nó. Quốc ca, gần như dòng nào cũng nói đến máu, không chỉ giản dị có nghĩa cụ thể; *máu* ở đây, trong ý nghĩa sâu thẳm, cơ bản nhất, là tư tưởng, gia tài của mẹ, bí mật liên can đến số phận của cả dân tộc, được trao từ đời này qua đời kế tiếp. Nhưng đâu phải *"cả dân tộc"* hiểu được bí mật này: Phnom Penh và chính quyền cũ đầy rẫy những tên phản bội, Khờ Me gian, những kẻ bán nước, cũng như những người ngoại quốc. Chúng phải bị huỷ diệt, và điều này chỉ có thể thực hiện, với sự tiếp tay của nguyên mẫu Khờ Me đích thực. Mặc dù khẩu hiệu bao gồm nông dân và thợ thuyền, sự thực Cambodia chỉ có nông dân, nhưng nông dân chưa chắc đã thuần chủng Khờ Me: nông dân khá giả, *no good*, bởi vì của cải, vật chất làm họ đi theo kẻ thù. Phải là nông dân khố rách áo ôm, những người nông dân giản dị mang trong họ gánh nặng-máu của linh hồn dân tộc. Nhà ý thức hệ, tư tưởng gia Khờ Me Đỏ, Khieu Samphan đã nói rõ: *Đám sinh viên bằng cấp biết gì về những môn khoa học thiên nhiên thực sự? Không... tất cả là theo những sách vở, chuẩn mức ngoại quốc. Do đó vô dụng. Ngược lại, ngay trẻ con nhà quê của chúng ta luôn luôn có một tri thức rất hữu ích. Chúng có thể chỉ cho thấy con bò nào hiền, con nào dữ; chúng có thể trèo lên mình trâu bằng cả hai phía... Chúng là những người chủ thiên nhiên, do thực tế, do thực hành, và đây mới là khoa học thiên nhiên, bởi vì nó gắn liền với thực tại quốc gia, với những tư tưởng về một chủ nghĩa quốc gia, sản xuất, xây*

dựng, và quốc phòng. Phải bám vào đất, thay vì tiến về thành thị, hãy làm trống mọi thành phố. Hoang tưởng ngoại lai, ám ảnh hướng ngoại, chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, tất cả đều phải khu trục, tẩy rửa cho sạch. Với sức người sỏi đá cũng thành cơm, lao động cật lực làm tăng thêm thực phẩm, làm dân tộc trở thành tự túc tự cường, thực sự độc lập. Phải làm sao tiến tới một hệ thống xã hội sạch, một xã hội mới, không còn đĩ điếm, côn đồ, cờ bạc, say sưa... Những phần tử không thể, hoặc không muốn đi theo đường lối dân tộc, là phải quét sạch. Hiển nhiên, Pol Pot và Khieu Samphan đã bị ảnh hưởng bởi cuộc Cách Mạng Văn Hóa của Trung Hoa: Đám vệ Binh Đỏ chỉ là đồ gà chết. Sau khi kết liễu tụi đầu tròn như quả trứng của *chế độ cũ*, đúng ra vệ binh đỏ phải dọn sạch cỏ và người thành phố. Bây giờ hãy coi, đến lượt Cambodia. Những ngọn lửa sáng rực của chủ nghĩa ái quốc nông dân, đã được Mao thổi bùng lên, cùng với Bước Nhẩy Vọt, lần này lại càng rực rỡ, nóng bỏng hơn, ở những người Khờ Me, một dân tộc nhỏ bé, sức chống trả yếu ớt theo như lịch sử cho thấy, chỉ võ trang bằng lòng thù hận những láng giềng của họ. Vậy mà Cambodia Party tin rằng họ có thể xây dựng nên, một quốc gia xã hội chủ nghĩa-dân giả gương mẫu (rural-socialist state). Lần thứ nhất trong lịch sử hiện đại, một *autarchy*, một quốc gia hoàn toàn tự túc tự cường, là chuyện có thể thực hiện được. Caldwell đã nghiên cứu, trên lý thuyết, một kiểu mẫu như vậy, nhưng không tưởng tượng ra được, tiềm năng khát máu của nó.

● Những chuyện tình của thế kỷ...

Cuối thế kỷ, tờ *Time* ra số đặc biệt về những nhà lãnh đạo, cách mạng. Chọn người viết về những nhân vật như vậy, chắc cũng nhức đầu. Lênin "về tay" David Remnick, ký giả Mỹ, tác giả *Ngôi Mộ Lênin*, (Pulitzer 1994). Remnick cho thấy, quan niệm về một Lênin-ông thiện, và Stalin-ông ác đã trở thành chuyện tiếu lâm: Gần như mọi chính sách của Stalin đều bắt rễ từ chủ nghĩa Lênin. Những trại tù đầu tiên, nguỵ tạo nạn đói, và dùng nó như là một vũ khí chính trị; phát động cuộc chiến chống lại tầng lớp trí thức, những tín đồ tôn giáo... là của ông. Trên tất cả, là sự độc ác, như trong một lá thư gửi cho lãnh đạo địa phương: Các đồng chí! Phải treo cổ (không được để hụt một thằng nào, để cho tất cả mọi người thấy, run sợ), ít nhất là vài trăm mạng... Bertrand Russell, trong lần đầu gặp gỡ Lênin, May 19, 1920, đã ghi lại cảm tưởng: "ông ta hay cười... nụ cười có vẻ thân thiện & vui nhộn, nhưng dần dần người ta nhận ra nét nghiêm khắc, vẻ tàn nhẫn."

Ông Hồ "thuộc về" Stanley Karnow, Pulitzer 1990 tác giả *Hình ảnh*

của chúng ta: Đế quốc Mỹ ở Phi Luật Tân. Còn là tác giả *Việt Nam: Một Lịch sử.* Tác giả nhận định, ông Hồ, kẻ mơ mộng mắt sáng, (a cleared-eye dreamer), đã gả "cô dâu-chủ nghĩa quốc gia cho chú rể-chủ nghĩa CS"; và hoàn thiện tới mức tuyệt hảo nghệ thuật giết người: chiến tranh du kích. Cả người Pháp, rồi sau đó, người Mỹ, đã coi thường lời cảnh cáo của ông, về những sinh mạng mà ông ta cần, để thực hiện giấc mộng thống nhất đất nước. Ngay năm 1946, ông "hăm" người Pháp: "Các ông có thể giết mười người của tôi, đổi lấy một người của ông. Cho dù chênh lệch như vậy, các ông sẽ thua, tôi sẽ thắng". Với người Mỹ, là qua lời Võ Nguyên Giáp, vào năm 1990. Khi được hỏi, bao lâu, ông Giáp trả lời: "Hai chục năm, có thể một trăm năm, khi nào thắng thì thôi, bất kể tổn thất." Con số tổn thất, như người ta được biết, là 3 triệu người Nam và Bắc, binh sĩ và thường dân.

Make love, not war, tạp chí *The New Yorker*, ngoài số đặc biệt về tương lai, là những bài học tình ái, với những lá thư chưa hề được xuất bản, của những thi sĩ văn gia, như Dylan Thomas, Simone de Beauvoir... Chắc thấy thiếu, số mới đây (May 4, 1998), thêm bài về người tình muôn đời: nữ văn sĩ Pháp, Francois Sagan. *Con quỉ nho nhỏ đáng yêu* một thời của nước Pháp, bây giờ ở vào tuổi sáu mươi hai, vẫn còn yêu một chuyện động trời.

Mỗi một nền văn hóa có những tật xấu riêng của nó, và trong nhiều năm, độc giả Pháp giữ riêng cho họ một người tình bí mật, Sagan, tác giả chừng 40 cuốn tiểu thuyết, hồi ký, kịch, nổi bật nhất, là con chim hiếm, *Chào Buồn*, Bonjour Tristesse, viết khi "lạc đệ" tú tài, vào lúc 18 tuổi, giải thưởng Prix des Critiques. *Con quỉ nho nhỏ đáng yêu*, là lời chào mừng của nhà văn lão thành Francois Mauriac.

Một câu chuyện vô đạo đức, về một ông bố chịu chơi, hai người tình của ông, và *con quỉ nhỏ* với một lý lịch khá bề bộn, những bậc cha chú: Laclos, tác giả *Những Liên hệ Nguy hiểm*, Benjamin Constant (*Adolphe*), Jean Cocteau (*Những Đứa trẻ Khủng khiếp*). Chỉ đôi ba tháng sau khi cuốn truyện xuất bản, Sagan gia nhập hàng ngũ những tinh hoa của nước Pháp: Brigitte Bardot, Maurice Chevalier, Đại tướng De Gaulle... Dần dà, Sagan trở thành nhân vật hàng đầu, không phải của giới phê bình, mà là ký giả, với liên tiếp những vụ *scandal*, những thói chơi ngông: lái xe bạt mạng, luôn đậu xe trước nhà, những giấy phạt dán chiếc Aston Martin đã trở thành một trong những điểm hẹn của khách du lịch Tả Ngạn sông Seine. Năm 1957, thoát chết sau ba ngày hôn mê, hậu quả của một vụ

phóng xe. Hai hôn nhân, hai lần li dị, trong vòng 6 năm. Sau đó là say sưa, rượu và ma tuý. Bà đã từng năn nỉ Bộ trưởng Nội vụ ra lệnh cấm (bà) bén mảng sòng bạc, để "thói hư" được *under control*!

Trong nhiều năm, tác phẩm của Sagan đưa ra một cái nhìn, về một nước Pháp đã được lý tưởng hóa, và cùng với nó, là một viễn ảnh, về một cõi người "phơi phới, ngọt dịu", *La Dolce Vita*, nơi mọi nỗi đau cứ thế dịu dần đi, bằng thi vị của những mối tình lắt léo, bằng thói dửng dưng, vô trách nhiệm. Khi được hỏi, cuộc sống như vậy đã thực sự nở rộ vào thời điểm nào; Sagan cho rằng đó là giữa thập niên 50 tới cuối thập niên 60. Tốt hơn so với bây giờ? Trả lời: Đời sống dễ dàng hơn. Con người (khi đó) có những bận tâm khác. Paris (khi đó) là một thành phố "gay". Còn những cuốn sách của bà? *Cô đơn, và những cố gắng của con người để làm chủ nó... Chúng ta sinh ra cô đơn, chúng ta sống cô đơn, và chúng ta chết cô đơn*. Bà có còn đánh bạc không? người nữ ký giả của The New Yorker hỏi tiếp. *Chút chút, nhưng lén lút*. Ma tuý thì sao? *Lâu lâu, vậy vậy. (Par hasard, oui)*.

Ảnh hưởng của Sagan, một cách nào đó, còn hơn Malraux, trên một số cây viết miền Nam trước 1975. Trước Thần Chết chầu chực ngay cửa, các nhà văn nữ của chúng ta *lao vào lửa*, vào những cuộc tình nóng hổi, *thời gian để yêu, trước khi người tình phải chết*. Không khí hối hả trong truyện của họ đều có vẻ nghẹn ngào, cay đắng, chua xót, không liên quan nhiều tới chất miền Nam như một vài người hiểu. Nguyễn thị Hoàng chắc chắn phải đọc *Buồn ơi chào mi*, khi viết *Vòng Tay Học Trò*. Mai Thảo cũng đã từng dịch Sagan: *Cô có thích nhạc Brahms?* (Johannes Brahms - 1833-1897 - nhà soạn nhạc người Đức). Ở miền Bắc, phải đợi cuộc chiến qua đi, chúng ta mới được làm quen với một cô Phương, trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, thề huỷ hoại đời mình, "phỉ thuí" anh muốn hy sinh vì mục đích, lý tưởng này nọ. Hoặc những người con trai hăm hở vào trận, bởi vì trước khi chết, được "thăm viếng" đường vào tình yêu (trong một câu chuyện ngụ ngôn của Phạm Thị Hoài).

Nhờ "Người đẹp thành Prague", nhân loại có được *Thư gửi Milena*. Kafka, người gửi, coi việc viết thư, là giao tiếp với quỉ thần, với những hồn ma: *Khả năng dễ dãi - viết thư - đã đem huỷ diệt, điêu tàn cho những linh hồn thế gian. Viết thư thực sự là giao tiếp (intercourse) với những hồn ma, không chỉ những hồn ma của người nhận, mà luôn cả của chính mình...* Bóng ma của riêng Kafka vẫn ám ảnh những lá thư gửi Milena. Trong đó, ông tự bộc lộ, lột trần, *"Không ai khác, ngoài tôi ra, có thể nói cho em*

biết sự thực... sự thực của cả hai, của riêng tôi, và của em; tôi khám phá sự thực của riêng tôi, qua em."

Cô gái trưởng giả nổi tiếng ngay từ khi còn trẻ thơ, do phá phách, nổi loạn. Để chống lại ông bố quyền uy, cô sống một cuộc đời buông thả, làm bạn với những tư tưởng xã hội. Lấy chồng vào năm 1918, hai vợ chồng định cư tại Vienne, tới 1924. Ở đó, vẫn tiếp tục cuộc sống phóng túng. Trong số những tình nhân, có tiểu thuyết gia Hermann Broch. Đầu năm 1920, bị cú sốc sau khi đọc những câu chuyện kể (récits) của Kafka, bà dịch chúng, và viết thư cho tác giả. Rồi những lần hẹn hò ở Prague, trong một tiệm cà phê, chắc là tiệm Arco. Hai người thư từ cho nhau từ đó. Từ văn chương, qua chuyện tình cảm. Nàng 23, chàng 37. Nàng ở Vienne, chàng ở Prague. Tưởng tượng, rồi lại tưởng tượng, cả hai bên. Nhất là Kafka. *Người nữ Tiệp phiêu lưu với cặp má hồng, đầy nhựa sống, và niềm vui, và chàng Do-thái xanh tái, khổ hạnh; đôi tình nhân kỳ lạ,* Mary Hockaday, nữ ký giả người Anh, tác giả cuốn *Milena de Prague* (bản tiếng Pháp, nhà xb Calmann-Lévy, 1997) viết. Họ chỉ thực sự là của nhau, trong bốn ngày, tại thủ đô nước Áo, vào tháng Bảy 1920. Nàng khuyên chàng tới sống gần nàng. Chàng nghe theo, nhưng liên hệ giữa hai người chỉ qua thư từ. Bất hạnh thay, những lá thư của Milena không còn. Trong căn phòng tại khách sạn Vienne, họ nằm chung giường, nhưng không làm tình. Nói một cách khác: Chàng đã không thể chiếm đoạt thân thể nàng, một cách trọn vẹn. Ai mơ mộng nhiều, thì lỏng tay ôm! Tới tháng Chín, 1920, dứt liên lạc. *Ngọn lửa sống động* của đời tôi, Kafka viết cho Max Brod, về Milena.

Sau khi Kafka mất ít lâu, Milena cùng với chồng rời Vienne. Họ trở lại Prague sau những chuyến đi thăm bạn bè. Tới tháng Năm, 1925, li dị. Lấy chồng lần thứ nhì vào giữa năm 1926, và có được một bé gái (1928). Lại li dị. Ma tuý, bệnh, chiến hữu của đảng CS. Đặc biệt lo tiếp đón những di dân Đức chạy trốn Đệ Tam Reich. Cho rằng Liên Bang Xô-viết không đủ đáp ứng những đòi hỏi chống phát-xít, bà phản bội đảng CS, cho chủ nghĩa quốc tế. Gia nhập du kích, khi Đức Quốc Xã xâm lăng Tiệp. Năm 1939, bị Gestapo bắt, do một bài viết trên báo chui. Sau đó bị đẩy đi trại tập trung Ravensbruck. Milena mất tại đây, vào ngày 17 tháng Năm, 1944, khi bà 48 tuổi, do bệnh tật, tuy được sự giúp đỡ của những người CS Tiệp cùng bị giam giữ.

Thư cho Milena được xuất bản lần đầu, vào năm 1952, bởi Willy Haas, một người bạn của cả hai, người gửi và người nhận. Milena đã giao cho ông, khi người Đức chiếm đóng Prague. Ông bảo "Tôi có nhiều lý do để thực hiện việc làm này, và tin rằng Milena không phản đối". Nhiều

năm sau, con gái của Milena đã không đồng ý với nhận định của Haas, và cho rằng, cả Kafka, lẫn mẹ bà, sẽ không cho phép xuất bản những bức thư. Nhưng nhân loại, may mắn thay, đã được đọc chúng. Hơn nữa, ngay trong bài essay, *Letters of Notable People*, chính Milena đã đưa ra ý tưởng, một khi mà sự hiểu biết về nghệ thuật của chúng ta chưa hoàn hảo, chúng ta cần nhiều hơn là sự khẳng định của nghệ sĩ; một khi chúng ta còn phải đặt ngón tay vào vết thương, như Thomas, chúng ta có quyền thuyết phục chính chúng ta, rằng vết thương vẫn còn đó, rằng nó thì sâu hoắm.

Em nghĩ sao? Liệu tôi vẫn có thư, bữa Chủ nhật? Có thể, phải không? Nhưng đam mê thư tín thật vô nghĩa. Liệu một cái thư là đủ, liệu một cái thư, là hiểu đủ? Lẽ dĩ nhiên là vậy, tuy nhiên, tôi đang ngả đầu ra phía sau, uống từng lá thư, từng con chữ, chỉ quan tâm một điều, rằng tôi không muốn ngừng uống. Hãy giải thích điều đó đi, cô giáo Milena!

Mong ước độc nhất của tôi, là đặt đầu mình trên lòng em, cảm thấy tay em trên đầu mình, và cứ ở như vậy, cho trọn thiên thu.

● Maxim Gorky: Nhân danh tất cả mọi người

Nhà văn một thời lẫy lừng, vì sự phổ cập, vì tính bình dân; một khuôn mặt không dễ dàng có được, nhưng cũng thật quá thân quen; được ngợi ca thái quá, bởi những người "không chuyên". Và cũng được khoan nhượng thái quá.

Tính đặc thù, ở Gorky, là tuyệt đối. Nó đem đến cho ông, tiếng tăm, trước hết ở Nga, rồi ở cả thế giới; ông gìn giữ được nó, xuyên suốt thời gian đọa đầy kéo dài qua bốn thập kỷ hung bạo, tới cái chết của ông, vào năm 1936. Bốn thập kỷ, cùng với nó, là mớ gia sản thật đồ sộ, chính trị, văn hoá, văn học. Cho đến nay, chúng ta chẳng có gì, nếu nói về một nghiên cứu đầy đủ, nghiêm túc, bằng tiếng Anh hay tiếng Nga, tác phẩm nghệ thuật của ông. Có những bài phê bình, những nghiên cứu tuyệt hảo, nhưng manh mún, ngắn gọn. Chân dung con sư tử của văn chương hiện thực vẫn chưa hiện ra với tất cả những nét hào hùng, bi đát của nó: ngay cả cái chết của ông, như người ta được biết, là do lệnh của Staline.

Lý do một phần nằm ngay trong từ *Gorky*, có nghĩa là chua chát (bitter). Nó chỉ ra một Gorky của đời thường, kẻ đã chọn cho mình một bút hiệu như thế; và một tác giả, kẻ chỉ được tìm biết trong những gì được ông viết ra, và một truyền thuyết nối kết cả hai.

Tên khai sinh của ông là Aleksei Maksimovich Peshkov, sinh năm

1868. Tác phẩm của ông xuất hiện vào những năm giữa thập kỷ 1890, tượng trưng cho một tầng lớp xã hội mới, cùng với nó là những thái độ, cách nhìn mới, về văn học. Đây là một con người thực sự vươn lên từ đám đông, viết về họ, cho họ; khác hẳn những người khác đã từng viết: không có sự đứng trên nhìn xuống cảnh bùn lầy nước đọng, không có nỗi đau thương giùm, vốn là nỗi đau truyền thống của đám trí thức, khi viết về dân quê; kẻ thù ghét người dân quê, được miêu tả và thần thánh hóa bởi những tác giả, từ Turgenev, Tolstoy, tới Dostoevsky; một người tự học mang chất Nietzsche, đầy nghị lực, luôn nổi loạn, thật khó mà xếp loại.

Như trên đã viết, truyền thuyết về ông, là nơi gặp gỡ, giữa con người - một cá nhân riêng tư - và một tác giả. Cả hai bổ sung, làm mạnh cho nhau. Điều quan trọng, theo Boris Eikhenbaum, một nhà nghiên cứu về ông: Gorky đã nhìn, hiểu, và làm được cái điều trước đó không một nhà văn Nga nào, đã nhìn thấy, đã hiểu, và có thể làm được. "Đằng sau những câu chuyện, ngay từ khởi thuỷ, đã có sẵn một truyền thuyết về đời ông."

Để trở thành một nhà văn, ông "chính uỷ từ đám đông vô danh" còn làm được một điều gì, hơn cả một nhà văn - không phải nhà hiền giả, hay một nhà tiên tri, theo cách hiểu của những đàn anh nổi tiếng của ông, nhưng mà là một hiện tượng chưa từng thấy tại Nga, trước đó: một tiếng tăm, theo đúng nghĩa hiện đại của chúng ta. Đằng sau nó, là cả một đoàn phóng viên, ký giả. Đầu đường, góc phố, đâu đâu cũng thấy Gorky, ông còn có trên những chiếc hộp quẹt, những bao thuốc lá... Một Peshkov khiêm tốn đến trở thành nhút nhát, ngay cả điều này cũng nhập vào huyền thoại. Cộng thêm vào đó, một con người lao động cật lực, đọc cật lực, đọc đủ thứ, quan tâm đến tất cả mọi người. Một giai thoại: ông có thể viết 10,000 bức chân dung, của những con người khác nhau mà số phận run rủi cho ông được gặp.

Đấy là con người đời thường Peshkov; ngoài ra còn Gorky, người công nhân thất nghiệp lang thang suốt nước Nga, ký sự viên của đám đông nửa-thành-thị; Gorky, bạn của Lênin; người quyên tiền cho Bolsheviks; Gorky đối thủ của chế độ Lênin non trẻ, thời kỳ 1917-18; Gorky, cứu tinh của những nhà văn, học giả Nga trong nội chiến; Gorky, kẻ bị khu trục, tống xuất, nhà văn với những câu chuyện xám xịt của những năm 1920; Gorky, người cha sáng lập văn chương Xô-viết, người phát minh dòng văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa. Gorky, người thống hối, kẻ nói lời cầu xin tha thứ, cho Gulag, cho thù hận giai cấp. Và sau cùng Gorky, tù nhân của Stalin, người có thể đã ra lệnh giết ông.

Điều chúng ta còn thiếu ở đây, để vượt lên tất cả những mâu thuẫn, là một Gorky thực, *the real Gorky*. Có thể chúng ta sẽ thiếu mãi, điều đó.

Một tiểu sử nghiêm túc, cũng như một cuốn tiểu thuyết nghiêm túc, phải là một câu chuyện đẩy tới hoài vọng, ước ao. Nó đòi hỏi, ở nơi nhân vật, sức căng thẳng, sự xung đột, bật ra từ hiện thực đời thường, song song với con người xã hội. Ở Gorky, chúng ta thiếu phần trên: Ông tìm đủ mọi cách để hạn chế những người viết về ông: họ chỉ có thể biết tính tình, cách cư xử của ông, nhưng không chứng tỏ được, do đâu mà có, và hậu quả của nó. Có thể mượn lời của Mandelstam, để giải thích: thời kỳ sau chiến tranh và cách mạng, những người Âu châu nói chung, và người Nga nói riêng, tiểu sử của họ bị khu trục, tống xuất, giống như những hòn bi lấy từ trong túi ra. Thay vì tiểu sử, chỉ có thể còn ký sự, hay truyền thuyết - những chuyện kể về một số phận - đây là cách thức độc nhất để hiểu cuộc đời khác thường, và nghiệp văn của Gorky.

Tuyển tập những bức thư chọn lọc của Gorky, do Andrew Barratt và Barry P. Scherr dịch từ tiếng Nga (391 trang, nhà xb Oxford: Clarendon Press), trong có một lá thư gửi cho Tolstoy, tháng Tư 1889:

"Lev Nikolaevich! Tôi có gọi tới nhà ông, ở Iasnaia Poliana, và ở Moscow, nhưng được trả lời là ông bịnh và không tiếp khách. Tôi quyết định viết thư cho ông. Vấn đề là một số công nhân hỏa xa, trong có người viết thư này, muốn chọn nông nghiệp, và sống ở đồng quê. Nhưng lương chỉ chừng 30 roubles một tháng, cho nên số tiền dành dụm thật là nhỏ nhoi, không biết đến chừng nào mới có đủ số tiền cần thiết cho một căn nhà nhỏ. Do đó, chúng tôi trông mong ở sự giúp đỡ của ông. Chúng tôi nghe nói ông có đất chưa được canh tác. Chúng tôi yêu cầu ông cho chúng tôi mẩu đất đó. Ngoài giúp đỡ về vật chất, còn về tinh thần, chỉ dẫn, để cho chúng tôi đạt được nguyện vọng. Chúng tôi cũng tin tưởng, ông sẽ không từ chối cho chúng tôi những ấn bản của Confessions, My Faith... những cuốn sách bị cấm bầy bán."

Bức thư đầu tiên này, viết khi 21 tuổi, công nhân hỏa xa, ký tên Aleksei Peshkov, tận cùng bằng những từ: "nhân danh tất cả mọi người".

● Chân Dung Một Người Nga: Daniil Kharms

Trong số hàng triệu con người bị Stalin sát hại, có một nhà văn tức cười nhất, uyên nguyên nhất, của thế kỷ: Daniil Kharms. Sau khi ông chết trong tù, vào năm 1942, khi 37 tuổi, tên và tác phẩm của ông hầu như biến mất; và chỉ sống dưới dạng chép tay, lưu truyền giữa những nhóm nhỏ, ở một nơi hồi đó có tên là Liên Bang Xô-viết. Thực tình là, không một độc giả nói tiếng Anh nào biết về ông. Tôi (Ian Frazier) cũng vậy, cho tới khi đi Nga, trở về, và đọc những cuốn sách về nó, và cố gắng học tiếng Nga.

Người dậy tôi, một người đàn bà trẻ chỉ mới ở Mỹ vài tháng, đã ra bài tập làm ở nhà cho tôi: dịch một đoản văn của Daniil Kharms. Đoản văn, *Những mẩu chuyện về Cuộc Đời của Puskhin,* vốn có trong CTAPYXA (Bà Già), một tuyển tập nhỏ tác phẩm của Kharms, được xuất bản tại Moscow vào năm 1991. Tiếng Nga, hai cuốn tự điển, và cuốn sách văn phạm đều quá mới đối với tôi, lần đọc Kharms đầu tiên thật chậm như sên. Cùng với sự mầy mò từng từ, từng câu, niềm hân hoan của tôi cứ thế gia tăng, khi ý nghĩa của chúng lộ dần. Mỗi một câu một tức cười, hơn cả điều tôi có thể dự đoán, về nó. Một đoạn văn bắt đầu, như thế này: "Puskhin mê ném đá." Những mở đầu như vậy làm cho tôi nghẹt thở: làm sao đoán ra nổi, cái gì sẽ tới sau liền đó.

Giữ được chất tiếu lâm, khi chuyển dịch ngôn ngữ, là một điều khó khăn vô cùng, ai nấy đều biết; nhưng có một hệ luận, ít được biết đến: đôi khi, trong tiến trình dịch thuật, câu chuyện có vẻ tếu hơn là lúc bắt đầu, nó vốn là. Trong khi dịch, tôi nghĩ Kharms là một nhà văn tức cười nhất mà tôi đã từng đọc.

Nói tóm lại, ông một gã vui nhộn, quá vui nhộn đối với chủ nghĩa CS; đối với bất cứ một ấn bản nào, của Stalin, về chủ nghĩa CS. Sau sự thành công của vở kịch: Elizabeth Bam, một hài kịch, về một người đàn bà chờ đợi bị bắt và bị giết; báo chí kết án nhóm kịch của ông là ...trò múa may phản động, thi ca vô nghĩa... chống lại nền chuyên chính vô sản. Ông bị bắt ở trên đường phố vào năm 1941; khi vợ ông đi thăm nuôi, tại một nhà thương tù, vào năm 1942; bà được thông báo, ông mất trước đó hai ngày. Mười bốn năm sau khi chết, ông được phục hồi. Những nhà viết tiểu sử liệt ông vào danh sách: những nhà văn viết chuyện cho nhi đồng.❐

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau mã số độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **7/1/98** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 7 năm 1998**.

Ý kiến văn hữu và bạn đọc

● Góp ý của nhà văn Thế Uyên

Khi còn trẻ tôi có dịp tham dự một buổi trà đạotổ chức tại Osaka, Nhật bản, và thấy tâm hồn dịu xuống, thanh thản và cảm thấy hòa hợp với những người chung quanh hơn. Cô gái Nhật xinh đẹp giữ vai trà nữ đã du học hai năm ở Tây phương, sau buổi lễ đã hướng dẫn cho tôi thêm: Trong thời trung cổ nội chiến triền miên vơới các samourai tuốt kiếm giết người ào ào đã có lệ là một khi tham dự trà đạo, tất cả cung kiếm phải để bên ngoài, và cửa vào trà thất làm thấp nên ai bước vào cũng phải cúi thấp đầu, như một cái chào khiêm cung với tất cả bất kỳ ai đang hiện diện bên trong. Và dĩ nhiên tất cả những ai có mặt trong buổi trà đạo, dù bên ngoài đời có giữ chức vị gì chăng nữa, cũng đều được vị chủ trà và trà nữ đối xử y hệt nhau.

Khi viết bài "Bàn thêm về Lục Vân Tiên và Nguyễn Đình Chiểu" (Văn Học, Cali, số 143 tháng 3, 1998), tôi đã đề nghị: "...ngó lại đánh giá lại một số nhà văn thơ trước đây. Với một thái độ không gay gắt cực đoan, mà còn kèm thêm một nụ cười nhẹ nhàng và thông cảm nào đó." Phần riêng, mỗi khi đưa ra những tư duy của mình về mọi vấn đề lớn nhỏ của cộng đồng nhỏ Việt Nam hải ngoại hay cộng đồng lớn Việt Nam nội địa, xưa cũng như nay, tôi không nghĩ tôi giữ trong tay một chân lý nào cả. Bất quá chỉ là những góp ý gợi ý nhận định và thị kiến "mở rộng ra những đồng ý, bác khước cũng như tranh luận thêm...".

Trong những số Văn Học vừa qua (kể cả số này), tôi đã được đọc nhiều góp ý, tham luận xuất phát từ nhiều vùng địa lý khác nhau trên hành tinh trái đất này, khi thì viết ngắn khi thì những bài tiểu luận viết với nhiều công phu. Tôi đã đọc cẩn trọng tất cả những bài đó và thấy vui, dù nhiều người nhiều ý, nhưng tất cả đều được viết ra trong hòa nhã, nhiều khi kèm tiếng cười sảng khoái - tất cả đao kiếm hận thù cũ mới đều đã

được gác ở bên ngoài cổng của diễn đàn văn học mở rộng này. Do đó tôi vui vẻ cảm ơn tất cả những bạn đã bỏ thì giờ bàn luận, góp ý với tôi, cũng như cảm ơn nhà văn Nguyễn Mộng Giác và ban biên tập Văn Học đã tốn nhiều công sức (cũng như chịu đựng) để tạo ra một, nếu dùng chữ trịnh trọng thì gọi là diễn đàn, là seminar, còn dùng từ của "cõi đời thường" , một góc nhỏ yên tĩnh, nơi đó mọi người ăn nói tử tế với nhau, thảo luận như thân hữu về tất cả mọi sự ở đời. Không có đề tài nào được coi là kỵ húy, là phạm thánh, là taboo, ở trong góc nhỏ thân hữu này cả; bởi thế mong từ nơi này tiếp tục thỉnh thoảng lại vang lên những tiếng cười trộn lẫn khói thuốc lá, xì gà và cả thuốc lào nữa.

Hẹn gặp lại tất cả trong một đề tài văn học khác, một khi đã cạn ý hay chán đề tài đã và đang bàn luận.

Thế Uyên, Seattle WA.

● Ý kiến của Ông Bửu Sao về Ngôn từ và Văn hóa qua một phong cách viết báo (trích đoạn)

Nhằm tiến hành công việc biên khảo, qua nhiều năm, tôi đã phải tốn khá nhiều tiền gửi mua tài liệu báo chí và văn học trong nước; nhưng ngược lại, về tài liệu báo chí và văn học hải ngoại, tôi nhận được khá nhiều sách báo do các bạn trong văn giới gửi đến cho, chỉ cần phải xuất tiền túi để mua một số rất ít. Ngoài ra, để có thêm nhiều dữ kiện truy cứu thì, cũng như mọi người, tôi thường ra phố nhặt "báo chợ, báo chùa, báo biếu" về đọc nữa.

...Tôi có dịp đọc một bài phiếm luận đăng trong một tập san địa phương rất quen thuộc. Dưới nhan đề "Ngôn ngữ của loài sâu bọ", tác giả bàn về ngôn ngữ của người cộng sản VN. Tôi không mấy đồng ý về cụm từ "loài sâu bọ" được mang ra dùng ở đây. Lý do là vì người CSVN chẳng những đã quen dùng danh xưng "loài sâu bọ" để nói về kẻ thù không đội trời chung của họ, mà trong lối hành xử, khi họ đã nắm được quyền sinh sát trên kẻ thù thì người thù đương nhiên bị đối xử cũng không khác gì đối với loài sâu bọ cả...Ngoài mấy chữ "loài sâu bọ", tôi hoàn toàn đồng ý về lối phân tách và đánh giá các từ ngữ mà tác giả đã nêu ra làm bằng chứng về lối suy diễn của người cộng sản Việt Nam....

Trong tuần qua, tôi nhận được một bì thư cỡ lớn, bên trong là một tập báo...Đi vào nội dung tôi nhận ngay rằng tập báo này được viết ra không phải để gây tranh luận như chuyện thường tình giữa các tờ báo Việt tại hải ngoại. Trái lại, nó được viết ra nhằm khẳng định một số vấn đề. Tôi nói khẳng định, vì tờ báo này không chấp nhận dị kiến. Thí dụ như khi tờ báo

hô hào đồng bào gửi tiền về cứu trợ nạn đói tại VN, thì lặp đi lặp lại nhiều lần rằng "chỉ có súc vật mới đánh phá cứu trợ". (Hoặc một vài khẳng định khác — câu ghi thêm của Văn Học): "chỉ có súc vật mới vu khống chụp mũ cộng sản", "đả đảo bọn chống gậy nấp bóng chống cộng"...

Trong khái niệm cơ bản về ngôn từ và văn hóa, ai cũng nhận thấy rằng ngôn từ, suy tư và hành động thường biểu tượng một mối liên hệ chặt chẽ trong phong cách hành sử của con người. Khi mối liên hệ giữa người với người được đặt trên một phong cách hành sử tương xứng thì đấy là sự biểu hiện của một nền văn hóa nhân bản, đúng phong cách hành động của con người văn minh...

Vào những năm 1958-1959, tại Đại học Văn khoa Sài Gòn, Giáo sư L.M. Claude Larre và Giáo sư Marie Dufeil có tổ chức cho chúng tôi một lớp địa lý nhân văn trên một chiếc máy bay Dakota quân sự dưới sự bảo trợ của Tổng thống phủ. Từ độ cao 500 thước trên khu vực hai hệ thống Đồng Nai-Cửu Long, Giáo sư Marie Dufeil giải thích cho chúng tôi định luật giao lưu giữa các giòng sông thuộc hai hệ thống này mà nguyên tắc căn bản là tôn trọng địa hình địa vật và mọi luồng giao hưởng hài hòa trong trời đất theo một "ký hiệu địa lý" (code géophysique) cố định. Trên những đám ruộng đất phì nhiêu thuộc khu vực các sông ngòi miền Nam, chúng tôi phát hiện nhiều vòng cung mờ mờ ảo ảo do đất phì nhiêu bồi lắp các lòng sông từ bao thế kỷ trước để lại. Định luật giao lưu giữa các giòng nước trong hệ thống giao lưu thủy lợi có thể dùng để minh họa công sức của vô số học giả ba miền Bắc-Trung-Nam qua bao thế hệ suốt chiều dài của lịch sử văn hóa VN đã dày công un đúc và bảo vệ một nền văn hóa hài hòa đượm bản sắc nhân bản và dân tộc. Song từ 1975, một giòng nước đục ngầu phi văn hóa đã hợp lưu theo một con kênh được đào thẳng tắp vào sinh hoạt hài hòa của dân Việt. Và vì thế, nguồn nước đục ngầu này cũng sẽ theo đường thẳng tắp thoát ngay ra biển. Đấy chỉ là một hiện tượng nhất thời không gây được một ảnh hưởng trường cửu nào đến nền văn hóa của dân tộc VN. Đấy là một bài học về nhân văn được minh họa trong những ý hiệu địa lý về sự hợp lưu hài hòa trong trời đất, tác tạo nên những trào lưu văn hóa qua các thế hệ, ngoài mọi biến động do những cuộc "cách mạng văn hóa" giả tạo và phi nhân thường theo đường thẳng đắm chìm vào biển cả.

Bửu Sao, Orlando, FL

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Quỳnh Thi, ***Tên em là Hoa Kỳ***, Ban Việt ngữ Đại học South Eastern tại Houston TX xuất bản, Phụ bản Lê Thánh Thư, Ngọc Dũng, Đinh Cường; trình bày Kim Quy. Như tên của tập thơ, tác giả lấy hứng từ cuộc sống ngay tại Hoa Kỳ, với những ý tưởng và bút pháp mới.

Liên lạc và mua sách theo địa chỉ: Mr Phạm Quang Vinh, 10707 Zire on Ct., Houston TX, 77099 USA. Phone: (281) 575-7636. Giá 8 KM + cước phí 2 MK

📖 Thơ tuyển Internet 1996-1997, ***Ngàn Phương***, Thi tập những bài thơ đã phổ biến trên website Poetry Digest trong hai năm 1996, 1997, chủ biên Trần Thái Vân, biên tập: Đoàn Hồng Diệp, Hàn Trân, Lê Việt Điểu, Ngô Minh Hằng, Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Tấn Hưng, Thúy Sang, Trần Minh Hiền, Tường Vi; trình bày: từ Hoài Nhân. Giá mỗi tập 10 MK

Liên lạc: URL: http://www.saigonline.com/tho/

E-Mail: PoetryDigest@tntt.org

PO Box 17173 Raleigh, NC 27619 USA

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 Tiêu Dao Bảo Cự, ***Hành trình cuối đông***, bút ký chính trị, kể lại cuộc vận động đòi tự do xuất bản và sáng tác ở Việt Nam năm 1988, xuất phát từ Hội Văn nghệ Lâm Đồng, với những văn nghệ sĩ chủ chốt đã nhiều người biết như Bùi Minh Quốc, Hữu Loan, Tiêu Dao Bảo Cự, Hà Sĩ

Phu. Sách dày 350 trang, giá 16 MK, do Văn Nghệ xuất bản

🕮 Đào Tăng Dực, ***Việt Nam Dân Chủ Tranh Đấu Luận***, Việt Luận xuất bản, dày 270 tr., sách bình luận chính trị của một nhà nghiên cứu chính trị học tại Úc, phân tích lịch sử chính trị hiện đại của VN.

Mọi liên lạc và ý kiến đóng góp xin gửi về: Văn phòng luật sư D.T. Dao & Co. Solicitors, PO Box 757 Cabramatta N.S.W. 2166 Australia.

🕮 Kim Y Phạm Lệ Oanh dịch, ***Kinh Thi Quốc Phong***, 600tr., US$25.00, Tủ sách Cành Nam xuất bản. Liên lạc: Cành Nam Publishers, 2607 Military Road, Arlington, VA 22207, USA. Phone & Fax: (703) 525-4538. E-mail: canhnam@dc.net

🕮 Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, ***Ma chướng trên đường tu***, quyển 1, 242 tr., Xuân Thu xuất bản; giá $12.00 Liên lạc: Nhà xuất bản Xuân Thu, PO Box 97 Los Alamitos CA, 90720 USA. Phone: (714) 828-9222

🕮 Thế Uyên, ***Không một vòng hoa cho người chiến bại***, truyện dài, 350 tr., US$15.00, Xuân Thu xuất bản. Tác phẩm mới của nhà văn Thế Uyên, mà theo lời tác giả, là "chuyện đời thường" của bốn anh em một gia đình ở ven Hồ Tây Hà Nội, phiêu lưu trong cuộc đời của họ trong nửa thế kỷ qua. Tác phẩm có vẻ tự truyện nhưng Thế Uyên bảo không phải là tự truyện. Đúng hay sai, xin tìm đọc.

🕮 Hồ Minh Dũng, ***Một mình em đến giữa đời***, tập truyện, bìa Đinh Cường, 190 tr., Giá US$10.00, Văn Mới xuất bản. Văn Nghệ tổng phát hành.

Tập truyện ngắn thứ ba của Hồ Minh Dũng được xuất bản ở hải ngoại, sau "Hoa vạn hạt, Cuối mùa" (1996) và "Câu Nam ai, Thất lạc" (1997)

Địa chỉ nhà phát hành Văn Nghệ: PO Box 2301 Westminster CA 92683. Phone: (714) 527-5761

🕮 Trương Anh Thụy, ***Ánh mắt***, 230 tr., US$12.00, Cành Nam xuất bản, Nguyễn Ngọc Bích giới thiệu, bạt của Nguyễn Mộng Giác, bìa Khánh Trường, phụ bản của Võ Đình. Tác phẩm là một tập truyện ngắn mới nhất của Trương Anh Thụy. Muốn có sách xin liên lạc nhà xuất bản Cành Nam hoặc nhà xuất bản Văn Nghệ.

🕮 Tôn Thất An Cựu, ***Những kỷ niệm rời***, truyện ký, 190 tr., giá

US$10.00, bìa của Hồ Thành Đức, phụ bản của Bé Ký. Tác giả tự xuất bản. Tác phẩm tập hợp những bài ký và tạp bút đã từng đăng trên báo, đề tài đa dạng, liên quan nhiều tới thời sự và đời sống người Việt hải ngoại.

🕮 Nguyên Thi dịch, ***Màu Tím***, nguyên bản là The Color Purple của Alice Walker, 320 tr., US$15.00, Văn Nghệ xuất bản. Tác phẩm nổi tiếng từng đoạt nhiều giải thưởng của văn chương hiện đại Hoa Kỳ được dịch sang Việt ngữ lần đầu.

🕮 Mặc Đỗ dịch, ***Ông già và Biển cả***, (nguyên tác The Old Man anh The Sea của Ernest Hemingway), truyện dịch, 100 tr., giá US$7.00, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản.

Thế nào là Hạnh phúc?

- Hạnh phúc không phải là điều mình muốn, mà là muốn điều mình có.
- Bận bịu quá đến nỗi không biết mình khổ. Đó cũng là hạnh phúc.
- Hạnh phúc là tâm trạng lúc đi, không phải khi tới.
- Bí quyết hạnh phúc là biết mãn nguyện với những gì mình có, và không ao ước những gì ngoài tầm tay mình.
- Không biết quí những gì mình có, thì làm sao hạnh phúc
- Hạnh phúc đâu có ở ngoài để chạy theo, hạnh phúc phải được tạo thành.

Trích trong cuốn

định nghĩa cuộc đời

của Trần Văn Điền

đã có bán tại các tiệm sách Việt Nam, hoặc liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ

Hộp Thư

● Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Lan H. Nguyễn (Seattle WA), Nguyễn thị Sương (Houston TX), Trần văn Nhật (New Orleans LA), Võ Lưu Ngọc (Ferndale MI), Nguyễn Tường Phong (Harvey LA), Khổng Tước M. Trần (Chula Vista, CA, đổi địa chỉ), Lai & Lieu Tran (Cocoa FL), Chapman Library (Garden Grove CA), Westminster Library (Westminster, CA), Vũ Thế Phiệt (Irvine CA), Tracy Le (West Covina Ca), Trương văn Dân (Milano, Italia, đã nhận được báo bị thất lạc), Library of Congress (Washington D.C.), Thu Lam Bookstore (San Jose CA), Trần văn Điền (Westminster CA), Nguyễn Xuân Sinh (Annadale VA), Dr. Tuyet B. Vo (Downsview, Ontario Canada), Võ Đình Xa (Norway), Dr. Bùi Ngọc Tô (San Jose CA), Anh Ha Doan (Stanton CA), Hoài Việt (Paris France), Lê Tấn Phước (Kaneohe, Hawaii), Nguyễn H. Phùng (San Jose), Thanh Nguyễn (Houston, TX), Đặng thị Loan Trang (Ventura CA), Dr. Bùi Xuân Nhiếp (Toronto Canada), C.T.T.N. Bảo Khanh (Amarillo TX), C.T.T.N.Bích Ngọc (New Orleans LA), Nguyễn Tiến Dũng (Coconut Creek FL, gia hạn và đổi địa chỉ), Hoàng Xuân Thanh (San Francisco CA), Bảo Nguyễn (Cherry Hill, NJ)

● Bài nhận được trong tháng:

"Tâm dung" gửi từ Chester Hill, Australia; "Sáu tám Sử Mặc" gửi từ Roxboro Canada; "ẩn số trong một bài ca dao" gửi từ Memphis TN, "Biệt", "Hồi âm" gửi từ Norway, "T.A.T. đã lên đường..." gửi từ San Antonio TX, "Về Sài Gòn , Tháng Tư", "Trăng 16" gửi từ Atlanta GA, "Những ngày đáng mất" gửi từ Milano, Italia, "Bốn mươi trở về sau" gửi từ Fremont CA, "Bên kia là núi" gửi từ San Jose CA, "Nhân vật tiểu thuyết" gửi từ Worchester MA, "Tự Do và Sáng Tạo" gửi từ Germany, "Vài đoản khúc về New Orleans" "Kể chuyện má tôi" gửi từ New Orleans LA, "Cảnh giới mông mênh" gửi từ Rosemead CA.

● Đính chính:

Trên Văn Học số 145, có một chỗ sai xin bạn đọc chữa lại giùm: trang 54, dòng 5, trong bài "Đoạn cuối" của Trúc Chi, xin sửa "Queen Elizabeth" thành "Queen Mary".

● Nhắn tin:

Ông Hoài Hương, Canada: Xin cảm ơn lá thư khích lệ viết ngày 12.4.98 của ông. Ngay sau đó, chúng tôi đã gửi báo đến người bạn ông. Số tiền 40 dollars Canada ấy tương đương

với 8 tháng báo. Như vậy hạn báo sẽ hết vào cuối năm nay. Kính tin Ông rõ.

Ông Trương văn Dân, Italia:
Rất cảm động khi nhận được thư ông, cho biết đã nhận đủ cả ba số báo gửi thường và ba số gửi bù. Ông khỏi quan tâm chuyện trừ bớt ba tháng báo trong hạn mua một năm. Mỗi lần bạn đọc thông báo cho biết không nhận được báo, tòa soạn vội gửi bù ngay theo phương tiện nhanh nhất, nếu sau đó báo có đến chậm hơn thường lệ như trường hợp ông cũng không sao. Ông biết không, ông là độc giả dài hạn đầu tiên của Văn Học tại Ý. Văn Học cũng đã nhận được bản dịch truyện Buzatti của ông, và sẽ đăng.

Bạn Phương Thi, Paris France
Trong Văn Học số 143 tháng 3.1998 có dành một số trang để vĩnh biệt Mai Thảo do một số nhà văn nhà thơ viết. Tôi có một câu hỏi: Nhà thơ Khánh Hà trong bài "Thế Giới Người" đã ghi lại một số lớn công trình sáng tạo của Mai Thảo lúc sinh thời. Tôi thắc mắc là Mai Thảo có viết "Bảy Đêm Ngà Ngọc" chứ đâu phải "Mười Đêm Ngà Ngọc" như Khánh Hà nêu ra trong bài thơ. Xin Văn Học trả lời cho biết Mai Thảo có viết "Mười Đêm Ngà Ngọc" không?

Trả lời thay nhà thơ Khánh Hà: Nhà thơ Khánh Hà đã nhớ đúng. Truyện của Mai Thảo có nhan đề "Mười Đêm Ngà Ngọc". *Văn Học*

Loan báo về dự định thực hiện một số đặc biệt về Văn nghiệp Võ Phiến

Ban Chủ biên Văn Học dự định ra một số đặc biệt về

Văn Nghiệp Võ Phiến

phát hành vào đầu tháng Mười năm 1998.

Để cho số báo được phong phú, tương xứng với vai trò của nhà văn Võ Phiến trong sinh hoạt hai mươi năm văn học Miền Nam (1955-1975) và hơn hai mươi năm văn học hải ngoại, Văn Học trân trọng mời quí văn hữu và bạn đọc đóng góp bài vở trong mọi thể loại. Hạn cuối cùng nhận bài là ngày **15 tháng 9** năm 1998. Gửi bản thảo viết tay, gửi bài ghi trong diskette hoặc gửi qua e-mail theo địa chỉ:
Văn Học, PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E-mail: vanhoc@saigonline.com

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối (Hết)
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $6.00
Về
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Lời Của Quá Khứ (Hết)
Tập truyện Khế Iêm, giá $7.00
Sống Và Viết (Hết)
Tùy bút Võ Phiến, giá $10.00
Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo
Tập truyện Hoàng Thị Bích Ti, giá $8.00
Dấu Quê
Thơ Khế Iêm, giá $7.00
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00
Vầng Trăng Nội Thành
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm, giá $10.00
Những Người Thích Dấu Huyền
Tạp bút Dặng Trần Huân, giá $10.00
Một Mình Em, Đến Giữa Đời
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Lần cuối, Sài Gòn
Thơ, truyện, tạp luận Nguyễn Quốc Trụ, giá $10.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683 *Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn _____năm,

từ số _____tháng _____,gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

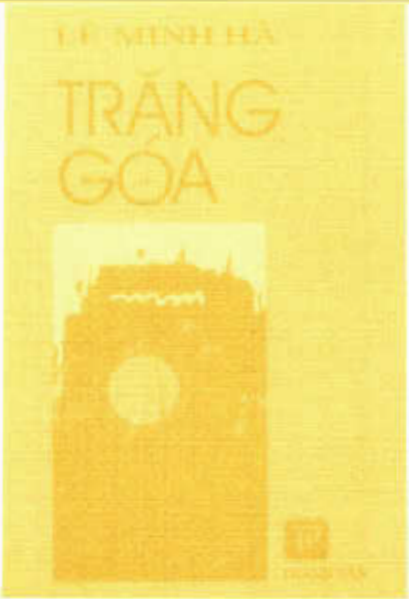

Truyện ngắn nào của Lê Minh Hà cũng như vậy: những chuyện nhỏ của đời thường, nhưng trong cái nhỏ cái thường hàm-chứa toàn-cảnh lớn lao của thời đại, của cuộc nhân sinh.. Lối cảm nhận đời sống, lối viết của Lê Minh Hà rất gần với Thạch Lam. Tuy nhiên, vì sống trong một thời đại khắc nghiệt, Lê Minh Hà không thể giữ được nét hồn nhiên lãng mạn của Thạch Lam. Văn của chị có cái ưu uất dồn nén của Nam Cao, một văn tài mà tôi tin là Lê Minh Hà chịu nhiều ảnh hưởng..

Ở vào thời đại mọi người sống hối hả vồ vập như ngày nay, những nỗi đau thầm thường bị những tiếng la hét lấn lướt, nhà văn thường yếu thế trước các chiến sĩ. Nhưng tôi tin rằng cái còn lại dài lâu trong lòng người là những "tiếng đoản trường", những lời tâm sự chân thành, những vết rạn mong manh xảy ra trong đời thường của những người sống đời sống rất bình thường trong xã hội.

"Trăng Góa" của Lê Minh Hà có đầy đủ những yếu tố tạo dư âm dài lâu nêu trên.

Nguyễn Mộng Giác

trăng góa

tập truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Hà

Bìa Khánh Trường. Tựa của Nguyễn Mộng Giác

Giá 10 Mỹ kim. Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành

Liên lạc Văn Nghệ: PO Box 2301 Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

NXB VĂN NGHỆ
P.O BOX 2301,
WESTMINSTER, CA 92683. USA
TEL: (714)527-5761

SÁCH MỚI

SÀIGÒN TRONG MẮT TÔI, *Biên Khảo* Phụng Nghi 12MK
DÒNG THAMES THÌ THẦM, *Phiếm Luận* Vĩnh Phúc 12MK
THỰC PHẨM RAU ĐẬU
QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *Biên Khảo* Tầm Diệu 12MK
LẦU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện* Võ Đình 11MK
CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, *Tiểu Luận Chính Trị* Nguyễn Minh Cần 18MK
THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL., *Truyện* Lê Tất Điều 11MK
ĐẠO ĐỨC KINH LÃO TỬ, Cựu Luật sư Đinh Sĩ Trang
dịch chú thích dễ hiểu, gồm Anh Việt Hán 20MK
NHÌN CÂY THẤY RỪNG, 16 cuộc phỏng vấn liên quan Việt Nam
nhiều khám phá lý thú, Đỗ Quyên 18MK

SÁCH PHÁT HÀNH

TRẮNG GÓA, *Tập Truyện* Lê Minh Hà
nhà văn nữ trẻ tị nạn ở Đức 10MK
ĐỊNH NGHĨA CUỘC ĐỜI, Trần Văn Điền 12MK
KHÍ CÔNG PHƯƠNG PHÁP BS Trần Huỳnh Huệ
DƯỠNG SINH & TRƯỜNG THỌ BS Nguyễn Xuân Hùng 13MK
NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỀN Đặng Trần Huân 10MK

** Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK, thêm 3MK cho sách 19MK đến 28MK. Riêng Đêm Giữa Ban Ngày thêm 5MK.*
** Liên lạc Văn Nghệ để nhận thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.*

Giá:$4.00